

Nghiêm Đa Văn

SÙNG RƯỢU THỀ



Sừng Rượu Thề

Tác giả: Nghiêm Đa Văn

Nhà xuất bản: NXB Kim Đồng

Typed by: wind4, longhp, mgvn, tducchau
(rất vui được cùng làm với mọi người [IMG])

Nguồn: TVE

Hoàn thành: tháng 5.2009

Epub (02/2019): @lamtam, tve-4u.org

Truyện về người anh hùng dân tộc Lý Thường Kiệt.

Sách kỷ niệm 55 năm ngày thành lập NXB Kim Đồng.

Tên lính thám mã rạp người trên bờm ngựa phi như bay. Móng ngựa đóng gót sắt, bổ vào đá cuội rải đường thượng đạo tóe lửa. Tiếng nhạc ngựa réo gắt, không còn giữ nhịp gì nữa. Ngựa lao như gió lốc. Vó sắt vang đến đâu, người ngựa ở đó đều tránh giạt sang vệ đường. Không tránh sao được. Vì từ xa, người ta đã nhìn thấy lá cờ đuôi nheo bằng vóc đỏ bay bập bùng như một ngọn đuốc. Không nhận rõ chữ thêu trên cờ, nhưng ở đây không ai không biết rõ rằng lá cờ trên đầu ngựa thêu hai chữ hỏa tốc... Từ mấy năm nay, dân chúng ở đông Cổ Vạn này đã hiểu cái lệ của triều đình nhà Tống do tể tướng Vương An Thạch định ra cho toàn cõi Trung Nguyên: Hễ có lính thám mã tốc đạt việc quan quân thì gặp người, người tránh, gặp xe, xe dẹp, gặp thuyền, thuyền gác mái, gặp chợ, chợ phải tan... ngựa thám mã đạp chết người, không những người kỵ sĩ không bị tội, mà thân nhân của kẻ xấu số còn có thể bị rầy rà vì tội cản việc triều đình. Thám mã cầm cờ hỏa tốc gặp sông gọi đò, đò chỉ cần trùng trình không chờ, lính thám mã có quyền vỗ bao kiếm đe dọa. Nếu kẻ chở đò có ý chống lại, thì lính thám mã có quyền tuốt gươm “tiền trăm hậu tấu”.

Vì thế con ngựa của tên lính thám mã đồ như cơn bão trên đèo Cổ Vạn xuống đã làm náo động cả một khúc đường đông đúc trước lối vào chợ phiên. Người ta xô đẩy nhau để chạy giạt ra bên đường tránh cơn gió chết chóc này.

Kỵ sĩ phóng thẳng đến trước ngôi quán xá trước cửa có treo lá cờ đô giáp Cổ Vạn thì gò cương. Con ngựa đang đà phi, bị ghìm bất ngờ, chồm hai vó trước lên trời. Vó ngựa đạp cả đám tua ngũ sắc của lá cờ treo lơ lửng trên cành cây ngô đồng.

Vó ngựa chưa kịp chạm đất thì kỵ sĩ đã tung mình nhảy phắt xuống, và cầm đầu chạy ngay vào trong quán xá. Hắn phủ phục trước một án thư sơn son thiếp vàng, thờ hồn hển:

– Cấp báo... cấp báo... có một đoàn người ngựa đang đổ đèo Cổ Vạn, theo đường quan lộ Hàng Châu tiến về phía chúng ta.

Chiếc án thư rung lên dưới sức nặng của một bàn tay võ tướng và tiếng gầm vang lên:

– Vọng gác đỉnh đèo đâu? Sao không giữ chúng lại?

– Dạ, quan giáp trưởng giữ đèo đã chặn chúng lại để xét tín bài.

– Tín bài do ai cấp?

– Bẩm, tín bài do quan châu mục Vĩnh Bình cấp và có đóng dấu của quan tham tri biên ải cửa Tư Minh phê chuẩn.

– Trong tín bài ghi những gì?

– Cứ theo như tín bài thì đây là một đoàn ngựa thồ của lái buôn người Man Giao xin sang ta buôn bán.

Người ngồi sau án thư im lặng trong giây lát, rồi cất tiếng nói như không để ra lệnh và quát nạt mà tự hỏi mình:

– Quái lạ... lái buôn Man Giao sao lại đi đường bộ đến tận vùng này... Thế nhà người có thấy bọn người mà chúng thuê áp tải hàng mang sắc cờ gì không?

– Bẩm, chúng không thuê bảo tiêu người Tống mà thuê bảo tiêu đám võ sĩ thuộc động Giáp bên vùng đất của Man Giao ạ...

– Thế càng phiền... càng phiền... quan đề đốc Quảng Tây kinh lược sứ vừa xuống lệnh, hạn chế việc đám dân Man Giao vùng ngoại biên phương nam này vào buôn nội địa. Chỉ cho phép ta mở tiếp tục hai cửa giao thương lại bạc dịch trường ở Vĩnh Bình và bạc dịch trường ở Khâm Châu. Ngoài ra không cho

một kẻ nào từ ngoài biên vào sâu trong nội địa của ta.

Tên lính thám mã vội nói ngay:

– Dạ, con có nghe rõ đọc tín bài xin vào buôn bán ở bạc dịch trường Giang Đông ngoại vi thành Khâm a.

– Đi Khâm Châu sao lại đi lối này... Lệnh ở trên mở hai bạc dịch trường buôn bán giữa hai biên thù để tiện việc đi lại. Dân các man động đến bạc dịch trường Vĩnh Bình thì đi đường bộ. Còn các lái đi lại buôn bán đến bạc dịch trường châu Khâm thì đi đường thủy, vì bạc dịch trường châu Khâm của ta đây, bên cửa sông Tây Giang...Xưa nay ta chưa thấy những kẻ đi mua đường thế này bao giờ...Lạ thật...

Tên thám mã vẫn phủ phục và thưa rằng:

– Điều này thì quan quân coi vọng gác không thể nào luận rõ được, nên sai con phóng ngựa về đây phi báo trước. Xin tướng quân định đoạt...

Trên đài phong hỏa đặt trước quán đại bảo cạnh đường quan bốt cao ngọn lửa. Lập tức những ngọn lửa từ các động núi xa xôi cũng bốc cao. Cả một vùng núi quanh thung lũng Cổ Vạn như rung động. Tiếng vó ngựa khua vang trên các lối mòn. Đó là những con ngựa được nuôi theo phép bảo mã của tể tướng Vương An Thạch. Viên phòng bên tuần sứ Khâm Châu chia cho các thổ đình, động đình ở vùng Cổ Vạn vừa đi cày vừa làm lính chăm sóc ngựa gọi là bảo mã. Ngựa chiến được chia về nuôi tại nhà với đầy đủ yên cương do triều đình cấp. Nếu triều đình không cấp ngựa được đầy đủ thì cấp tiền cho các nhà tự mua sắm lấy yên cương vũ khí. Ngựa được nuôi trong tàu tại nhà các thổ đình và động đình, do các giáp trưởng trông coi. Hàng tháng cứ vào tuần trăng giữa tháng, các giáp trưởng cắt ngày tập binh mã và khám nghiệm ngựa chiến. Sau mùa cày cày gặt hái các đô giáp trưởng phải tập trung thổ đình và động đình có tên ở sổ cùng ngựa lại rèn tập võ nghệ chinh chiến liên trong một hai tuần trăng cho thành thực. Và khi có động thì viên tướng trông coi chỉ cần phóng lửa lên đài phong hỏa như thế này, là các thổ đình, động đình dù đang cày ruộng, đang gặt lúa, đang đi săn, đang hái củi cũng phải bỏ việc dở dang đấy để nhảy lên yên ngựa phóng như bay về hội quân...

Quân của đô giáp Cổ Vạn ủa ra hai bên đường cái quan đứng vào lúc đoàn ngựa thồ chở hàng của khách thương Giao Chỉ đang đổ dốc thung thỉnh đi về phía quán đường của viên quan đô bảo.

Thời bấy giờ việc thông thương buôn bán đã rộng khắp các vùng thuộc đất Trung Nguyên và các nước lân bang. Buôn bán gần có các chợ họp thường phiên tại các động, các châu, các huyện. Buôn bán xa có các lái buôn cất hàng đi suốt từ tỉnh này sang tỉnh khác, từ nước này sang nước khác. Những khách thương cất hàng đi buôn bán xa ngoài vạn dặm đường đó là những lái buôn lớn. Hàng của các lái buôn này thường được chở trên các thuyền đình nếu đi buôn đường sông đường biển. Còn nếu đi đường thượng đạo thì hàng được thồ trên lưng ngựa. Thời bấy giờ dân các khê động cát cứ từng khúc đường mòn, quân ăn cướp lâu la thường lẫn khuất khắp các nơi rừng núi hiểm yếu, vì thế mà các khách thương muốn chuyển hàng đi xa thường phải nhờ các tiêu cục lo việc bảo vệ hàng hóa gọi là bảo tiêu. Công việc của các tiêu cục này là đứng ra nhận của các lái buôn một món tiền lớn, rồi cử những gia nhân giỏi võ được trang bị những thứ vũ khí mà triều đình cho phép để đi cùng khách thương và hàng hóa từ nơi này qua nơi khác. Vì dọc đường thiên lý giặc cướp như rươi, nên bảo tiêu đã thành một thứ nghề kiếm ăn đặc biệt của giới thượng võ khắp vùng lãnh thổ này, và lá cờ phấp phới mang tên những tiêu cục nổi tiếng đã quá quen thuộc đối với quan quân nhà Tống. Không những thế, ngay cả hàng của nhà vua, đôi khi không đủ quân lính áp tải cũng phải nhờ cậy đến các tiêu cục.

Vì thế việc một đoàn khách thương có đến gần một trăm con ngựa vừa chở hàng, vừa yên cương mang theo những kỵ sĩ mà lại không có lá cờ phấp phới của một tiêu cục quen thuộc làm cho viên đô giáp Cổ Vạn cảm thấy lạ lùng. Và lạ lùng nhất là người lái buôn đi đầu cả đoàn người ngựa. Người đó ngồi trên lưng một con ngựa Chàm rất lớn. Thứ ngựa Chàm mua tận đồng cỏ mênh mông vùng thượng lưu của vương quốc Chăm-pa. Loại ngựa này bốn vó cao lênh khênh chẳng khác gì vó ngựa xích thố trong các đền thờ đức

thánh quan. Mông của ngựa Chàm nở. Ưc của ngựa Chàm rộng. Lưng của ngựa Chàm phẳng. Con ngựa đầu đàn của người lái buôn Giao Chỉ này có đủ tất cả các thứ tướng tốt của loại ngựa Chàm nòi. Đã từ lâu người ta đồn đại về cách cưỡi ngựa lạ lùng của dân Chàm thượng đạo. Cưỡi ngựa không cần yên cương. Không quặp hai chân chặt vào mình con ngựa, mà cứ ngồi vắt chân một bên như ngồi trên tràng kỷ, với cây lao bất hủ đặt ngang trong lòng.

Người lái buôn này, tuy cưỡi ngựa Chàm, và cũng cưỡi không có yên như kiểu dân Chàm thượng đạo, nhưng điều lạ hơn là anh ta không cưỡi ngựa mà ngồi xếp bằng tròn trên lưng ngựa. Ngất nga ngất ngưỡng như ngồi uống rượu bên sập gỗ vàng tâm ở nhà. Mà anh ta vừa ngồi xếp bằng tròn trên lưng ngựa vừa uống rượu thật. Chỉ có điều anh ta không uống rượu bằng nậm, bằng vò như dân ở đây vẫn thường thấy. Cũng không uống rượu bằng ly như quan triều đình, uống rượu bằng bát như động đình thổ đình. Mà uống rượu bằng vòi. Cái vòi tre dài ngất ngheo cắm vào cái bong bóng trâu óc a óc ách toàn rượu. Sóng sánh theo bước đi nước kiệu của con ngựa Chàm nòi.

Sau chàng lái buôn là hơn hai mươi con ngựa thờ hàng. Hàng chất lên những kiện hàng bó trong những lớp lá gồi ken xòe như mái nhà. Ngựa thờ hàng đi giữa. Con nọ ngửi đuôi con kia mà bước đi với bước nước kiệu gần. Cả một đoàn ngựa thờ hàng có ken mái lá gồi trên lưng làm thành một dãy nhà lá ám đỏ bụi đường di chuyển. Áp hai bên đoàn ngựa thờ hàng ấy là độ mười mã phu cưỡi ngựa đeo đoản kiếm và mười võ sĩ đầu ngựa đeo túi cung ứng, ống tên dài, tay cầm khiên mây, tay cầm trường thương. Chỉ nhìn thoáng, dân đình động Cổ Vạn cũng đoán ngay qua võ phục, và xì xào với nhau bằng một giọng kính nể:

– Đúng là những tráng sĩ động Giáp.

Những động đình, thổ đình trong đô bảo đồ ra đường thiên lý vô cùng ngạc nhiên khi thấy đoàn ngựa thờ của lái buôn cứ thông dong đi nước kiệu giữa hai hàng gươm giáo sáng lóa và tiếng phèng la báo động. Đi thông dong dưới bầu trời đã mịt mù ngọn khói phong tỏa. Họ càng ngạc nhiên hơn, khi nhận ra trong đoàn ngựa thờ còn có cả những người mặc một thức phẩm phục hết sức lạ lùng. Thứ phẩm phục của quan lại một nước phương nam xa xôi.

Đoàn ngựa thờ có lẽ cứ thế thông dong mà buông nước kiệu qua cửa quán xá đô bảo bên đường thiên lý, nếu viên quan võ tướng đô bảo trường không thét động đình hạ mũi giáo cản đường.

Mãi cho đến lúc nhìn thấy những mũi giáo sáng lóa ghìem ngay trước ực ngựa của mình, người lái buôn mới ung dung vồ vào bờm tía của con ngựa. Con ngựa lập tức dừng vó, không thả nước kiệu nữa, những vằn gỗ móng sắt trên đá của đường cái quan ra chiều bực bội lắm. Người lái buôn vẫn ngồi yên trên lưng ngựa, ung dung tự tại rút giấy tín bài trong ống tay áo, xòe ra phía trước, ý như muốn bảo: nào ai muốn xét tín bài thì xét đi...Làm gì mà xét lắm thế...Cứ vài dặm đường lại xét một lần thế này thì bao giờ ta mới tới được bạc dịch trường ngoại vi thành Khâm Châu...

Nhưng không ai đón lấy tín bào của người khách thương cả. Một tên vệ sĩ của viên tướng Tổng giữ chức bảo giáp động Cổ Vạn quát lên bằng cái giọng vừa hống hách vừa đe dọa:

– Bớ khách thương, chủ tướng của ta đòi khách thương vào bản doanh hầu chủ tướng. Tất cả người ngựa phải đóng trại tại chỗ, không được nhúc nhích...Tất cả chờ lệnh của chủ tướng.

Khách thương chưa hết cơn say, vẫn ngất ngưỡng trên lưng ngựa. Anh ta quay lại đám thuộc hạ của mình và xòe bàn tay giơ lên. Đó là lệnh cho phép nghỉ chân. Cái lệnh cam này, tất cả thuộc hạ trong đoàn ngựa thờ hàng đều hiểu. Nên khách thương chỉ cần giơ tay lên ngang đầu là lập tức có tiếng dạ vang. Và tiếng chân người nhảy từ trên mình ngựa xuống đất. Những mã phu đã nhanh nhẹn tháo bao thóc cho ngựa ăn. Những dũng sĩ người động Giáp đã dàn ngựa hoành nganh ngọn trường thương bày thế trận sừng trâu bảo vệ cho cả đoàn ngựa thờ nghỉ ngơi.

Khách thương lại vẫy tay một cái. Khi vẫy tay, anh ta vẫn không đổi cách ngồi xếp bằng tròn trên lưng ngựa. Thế mà khi bàn tay anh ta vừa vẫy thoáng một cái như chớp mắt, anh ta đã ung dung dưới đất. Theo

hiệu tay vẫy của anh ta những người mặc phẩm phục triều đình đã tiến đến bên cạnh anh. Anh ta không nói một lời, cử thể thùng thẳng cắp cái bong bong trâu óc ách rượu đi thẳng vào quán xá. Anh cũng chẳng buồn ngoái cổ lại xem những người mặc phẩm phục có đi theo anh không. Và cũng không buồn để ý xem hai hàng võ sĩ gồm những động đình bảo giáp lực lưỡng đang cặp gươm dàn thành hai hàng uy hiếp mỗi bước chân đi của anh.

Anh lừng lững tiến đến phía án thư, nơi viên đô giáp tướng quân đang bức bối đợi anh. Biết thế, nhưng anh cứ tảng lờ như chưa hay biết chuyện gì. Từ trên án thư tiếng bàn tay vỗ án vang dội cả bảy gian quán xá. Từ xưa đến nay chỉ có quan văn là ngồi sau án thư. Tiếng vỗ án thư của các vị quan văn, xuất thân từ loại thư sinh trói gà không chặt, chỉ vang lên để lấy oai thôi. Còn võ quan, võ xưa nay chỗ ngồi là trên yên ngựa. Có ra oai thì vỗ bao gươm mà hét. Từ ngày tể tướng Vương An Thạch trẻ tuổi chấp chính quyền bính Trung Nguyên, các chức quan coi ngoại biên đều lột từ tay văn thần sang tay võ tướng. Vì thế mà tiếng vỗ án thư hôm nay chuyển răng rắc dưới sức nặng võ biên của bàn tay vỗ án thư, anh chàng lái buôn Giao Chỉ khẽ nhếch mép cười ruồi...

Tiếng quát trên án thư chói chói:

– Tín bài đâu?

Chàng khách thương vẫn thùng thẳng:

– Bẩm quan trấn thủ, chúng tôi là khách thương nên bao giờ cũng có đủ tín bài. Qua mỗi quan ải một lần trình, qua các trấn sở lại một lần báo... Xin quan trấn thủ cứ xét ạ.'

Chàng lái buôn đệ tấm thẻ tín bài lên án thư. Viên quan trấn thủ với tay nhắc tấm thẻ tín bài một cách lơ đãng. Bỗng một ánh chớp vàng như đốm lửa cháy lên. Một tiếng keng khô gọn và ngân nga. Một đỉnh vàng tuột khò từ tín bài rơi xuống án thư. Mắt viên tướng trấn thủ cũng ánh lên một ánh lửa sáng như ánh vàng. Và tay của hắn mất hẳn cái oai dững lúc trước, mất cả cái lơ đãng quan cách vừa rồi. Bàn tay nhanh như đang thi triển một thế võ lén lút, chộp lấy đỉnh vàng. Nếu là quan văn, mọi chuyện sẽ dễ dàng hơn. Vì quan văn có cái ống thụng của tay áo. Chỉ cần đẩy các đỉnh vàng nén lên và hất ngược ống tay thụng, là nén vàng đã mất tằm rồi. Nhưng tay áo của tướng võ không những hẹp, lại thít trong vòng ộp tay bằng đồng thau. Không dễ gì giấu ngay được đỉnh vàng trước mặt đám thuộc hạ của mình đang có mặt trong quán. Nhưng quan võ lại có cách riêng của quan võ. Tay vừa chộp được đỉnh vàng, viên đô bảo ngang nhiên đỉnh đặc vừa giắt đỉnh vàng vào tấm bối tử có thêu đầu cạp vừa sang sảng quát:

– Tên tuổi! Khách thương phải khai tên tuổi cho bản chức biết.

Lái buôn đã nghe thấy giọng đối khác của viên đô bảo, nên mỉm cười thùng thẳng trả lời:

– Bẩm quan trấn thủ, tên tuổi của kẻ hèn này đã ghi rõ ràng trong tín bài... Xin quan trấn thủ cứ đọc.

Viên quan trấn thủ đúng là một kẻ vũ dũng vô học nên khó khăn lắm mới nhận nổi mặt chữ. Cứ như lúc khác, viên võ tướng chắc chắn lại hét vang lên. Nhưng bây giờ khác rồi. Đã có nén vàng nằm trong tấm hồ phục, nên viên võ tướng cứ phải toát mồ hôi mà cố nhận mặt chữ; người lái buôn Giao Chỉ không cần giấu giếm nụ cười. Một lát sau, viên đô bảo mới ngẩng lên hỏi với vẻ không tin lắm vào cách nhận mặt chữ của mình:

– Có phải nhà người họ Lý tên Chằm không?

Chàng khách thương mỉm cười:

– Họ Lý thì đúng. Nhưng tên tôi phải đọc là Chằm mới đúng. Vì ở xứ tôi, chữ Chằm chỉ tên, tức là khi đẻ tôi ra bố mẹ tôi đã muốn tôi khi lớn lên phải thành người chăm chỉ, tin ở sức lực của mình. Ấy thế mà khi trưởng thành, tôi lại là một kẻ lười biếng, không chuyên việc tầm tang, không mê việc thổ mộc, không lo việc trồng cấy... Tôi chỉ thích giang hồ làm khách thương mà thôi...

Viên đô bảo cắt ngang câu chuyện của chàng khách thương:

– Ủ thì tên người là Lý Chăm...ta biết rồi, Vậy quê quán người ở đâu?

– Tôi là dân gốc của đất kẻ Cờ, xứ Đông Ngàn, đất Bắc lộ thuộc...

– Thuộc Giao Chỉ chứ gì?

Lý Chăm lắc đầu:

– Cái thời nội thuộc gọi là quận Giao Chỉ cũng được. Nhưng cái thời quận huyện ấy đã qua lâu rồi...

Chính Tống triều đã phải nhận phong Vương cho vua của nước tôi...

– Ủ thì người là dân thương của nước Giao Chỉ...

Khách thương họ Lý vẫn lắc đầu:

– Nước Giao Chỉ là tên cũ rồi. Mới đây đời tiền đế của chúng tôi, nhà vua đã chính thức cáo cùng các nước lân bang để đặt quốc hiệu cho nước mình Đại Việt.

Hình như với viên võ tướng nhà Tống này thì hai chữ Đại Việt khó mà nghe lọt tai lắm. Cứ như bình thường hẳn sẽ chẳng để ai yên, khi dám cả gan cao giọng nhắc đến hai tiếng ấy. Nhưng bây giờ thì hai đỉnh vàng có sức mạnh kìm giữ của nó. Tuy thế viên đô bảo châu Cổ Vạn vẫn bức bối gặt đi:

– Biết rồi...biết rồi... thế tại sao nhà ngươi không đi chợ ở ngay bạc dịch trường nơi cửa khẩu châu Vĩnh Bình. Mà lại đi suốt cả mấy trăm dặm đường đến mãi bạc dịch trường châu Khâm?

Khách thương Lý Chăm vẫn điềm tĩnh mỉm cười:

– Thừa tướng quân, điều đó cũng đã ghi rõ trong tín bài của chúng tôi và đã được phép kiểm chứng của quan trấn thủ Vĩnh Bình rồi đấy ạ. Lời phê có áp trấn son của quan trấn thủ Vĩnh Bình và lời chiếu của quan khâm sai tuần ty bạc dịch trường cửa khẩu cũng có đóng đồng triện đầy đủ.

Viên võ tướng bức bối:

– Ta không thèm xem... Nhà ngươi không trình bày rõ ta sẽ khép nhà ngươi tội mượn cớ đi buôn để vào sâu đất Tống do thám... Lệnh của tể tướng Vương An Thạch cấm tất cả các dân Man giao vào sâu trong đất đai của thiên triều.

– Nhưng triều đình quý quốc vẫn cho mở các bạc dịch trường ở châu Vĩnh Bình và châu Khâm cơ mà...mở chợ buôn bán giao thương giữa hai nước thì phải cho khách thương đi lại chứ? Tôi...tôi...

– Bất tất phải nhiều lời...bạc dịch trường vẫn mở... Nhưng mở đường đến bạc dịch trường chỉ có một lối gần nhất so với ải quan cửa khẩu. Vào bạc dịch trường Vĩnh Bình chỉ có lối qua đò sông Kỳ vượt đèo Quyết Lý. Còn bạc dịch trường Giang Đông ở châu Khâm chỉ mở một khẩu trên sông Tây Giang đi bằng đường biển. Đường này không ghi trong quân lệnh là đường mở cho khách thương phương nam đi nghe không!...

– Vâng, điều đó tôi cũng biết.

– Biết sao còn đi?

– Điều này đã được quan tuần ti bạc dịch trường Vĩnh Bình ghi và áp triện thị thực trong tín bài rồi ạ. Xin tướng quân cứ đọc.

Viên võ tướng lúng túng, và lại cảm thấy toát mồ hôi vì có nguy cơ lại phải nhận mặt chữ khó khăn nên lúng túng một lát rồi dăm dẩn nói:

– Ta không tin lời thị thực...nhà ngươi phải trình ta nghe...

Anh chàng khách thương Lý Chăm lại đặt thêm một đĩnh vàng nữa lên án thư và thủng thỉnh trình rằng:

– Nguyên là chúng tôi lần này cất một chuyến hàng lớn, gồm các loại trầm hương, xạ hương, quế chi, loại quế vùng Hoan Diễn, hồ tiêu, thứ Hồ Tiêu Ô lý. Ngà voi, loại ngà lấy từ thứ voi lớn của nước Lão Qua. Và rất nhiều các thứ sản vật phương Nam quý giá khác. Số hàng rất lớn này không phải là vốn riêng của chúng tôi mà một phần lớn vốn xuất ra từ quốc khố của triều đình Thăng Long chúng tôi. Nguyên do là

năm nay triều đình chúng tôi sẽ làm lễ hạ giá cho công chúa Thiên Thành kết duyên cùng tù trưởng động Giáp tên là Thân Cảnh Phúc. Việc kén phò mã đã định vào năm Bính Ngọ. Năm nay sẽ làm lễ vu quy. Để lễ thêm phần trang trọng danh giá, triều đình cậy kẻ hèn này khó nhọc viễn thương mang hàng quý phương nam để đổi lấy những sản vật của phương bắc, làm sao cho đám cưới công chúa Thiên Thành huy hoàng không kém gì đám cưới của các công chúa của triều đình nhà Tống... Chúng tôi cũng chỉ định đến bạc dịch trường Vĩnh Bình mở quán đường trao đổi hàng hóa. Nhưng ở đó chỉ kén được loại trù Tây Tạng và dạ Mông Tự mà thôi. Còn các thứ đồ sứ bịt vàng, đồ gốm bịt bạc của đất Giang Tây, loại lụa quý của đất Cô Tô, loại sa mỏng của đất Ba Thục, Tứ Xuyên nghe nói phải đến tận bạc dịch trường Giang Đông mãi Châu Khâm mới có. Vì thế ấy chúng tôi đã xin phép quan trấn thủ Vĩnh Bình thị thực vào tín bài để được dùng đường thượng đạo nhằm hướng Châu Khâm mà đi. Vì nếu phải lộn lại đi ngược đường về Thăng Long, rồi từ Thăng Long bốc hàng xuống thuyền đi đường thủy đến Châu Khâm thì là nhờ việc của triều đình giao cho. Các quan trấn thủ và trấn ải cũng đã xét thương tình mà cho đi... ải này là ải cuối cùng trước khi đến bạc dịch trường đây ạ.

Viên tướng trấn thủ đô bảo động Cổ Vạn thở dài:

– À ra thế... nghe cũng được... Nhưng sao các người không thuê các bảo tiêu người Tống dẫn đường áp tải hàng hóa mà lại đưa võ sĩ động Giáp tự tiện theo ngựa thồ vào sâu trong đất của thiên triều?

– Dạ điều này cũng ghi trong tín bài rồi ạ... Xin chủ tướng cứ đọc sẽ rõ...

Viên đô bảo Cổ Vạn nổi nóng:

– Ta hỏi thì nhà ngươi phải trả lời... Sao nhà ngươi dám bắt ta đọc...

– Dạ kẻ hèn này đâu dám bắt chủ tướng... chỉ xin chủ tướng xét cho vì những điều ghi trong tín bài đều có thị thực kiểm chứng đầy đủ ạ.

– Ta không cần biết... Ta hỏi ngươi phải trình cho rõ.

– Dạ nguyên do chuyến hàng này kẻ hèn đi lo cho đám rước vu quy của công chúa thiên thành, nhưng cũng lo cho phò mã tù trưởng động Giáp sắm đồ sính lễ. Tù trưởng Thân Cảnh Phúc cũng gửi theo nhiều sản vật quý, cậy kẻ hèn này mang đến bạc dịch trường để đổi lấy những vật phẩm vô giá của thượng quốc. Bởi thế ấy, tù trưởng động Giáp đã cắt cử những võ sĩ thân tín nhất để áp tải hàng thay vì lo việc thuê tiêu cục như thường lệ. Việc này đã được các quan giữ ải tra xét và chuẩn y...

Viên đô bảo giáp gật gù:

– Ta cũng cho là đúng... Nhưng còn mấy viên kia sao lại có mặt trong đoàn khách thương?

– Dạ việc này cũng ghi trong tín bài ạ... Nguyên là chuyến hàng này rất lớn, mà là hàng của triều đình, nên việc cân đo lường phải làm nghiêm ngặt. Vì gần đây khách thương bên các bạc dịch trường thường đo sai cân thiếu... Tuy thước đo chung đều lấy mẫu từ nhà Chu, quả cân chung đều lấy khuôn của nhà Hạ, nhưng việc buôn bán biến hóa khôn lường... Triều đình bên nước tôi xin được cử quan lại coi việc chuẩn định đo lường đến tận nơi để sao lại thước, định lại quả cân để việc buôn bán giao thương từ chuyến hàng này không bị sai lệch...

Viên đô bảo giáp gù:

– Nhà ngươi trình việc xem ra cũng có lý...

– Bẩm chúng tôi là những khách thương quen thuộc, làm việc gì cũng rõ ràng... nếu chủ tướng thấy mọi việc rõ ràng, xin chủ tướng áp ấn trấn thủ cho phép chúng tôi được khởi hành sớm ngay bây giờ, kéo lỗ díp đón các thương gia lớn từ Cô Tô, Tứ Xuyên, Ba Thục, Giang Tây, Hồ Nam đang có mặt ở bạc dịch trường...

Và khi cái ấn trấn thủ Cổ Vạn có chữ thị thực của viên thư lại giúp việc đô bảo giáp vừa hiện tiếp trên tín bài, khách thương Lý Chăm vẩy tay ra lệnh khởi hành. Và cũng với cái vẩy tay, không biết bằng cách

nào, anh ta đã từ dưới đất nhảy lên phắt lên lưng ngựa ngồi xếp bằng tròn chêm chệ và lại tiếp tục vút cần rượu cầm trong cái bong bóng trâu óc ách ngất nga ngất ngưỡng ung dung tự tại lên đường. Cưỡi bằng vào phong thái ung dung của anh chàng lái buôn Lý Chằm người gốc kẻ Cờ xứ Đông Ngàn thì tưởng như cái đoàn ngựa thồ này nhẵn nhụa thông dong lắm...

Xong việc quân, viên đô bảo Cổ Vạn xuống lệnh bãi binh. Các thổ đình, động đình thuộc các giáp, các đại giáp ghìm cương ngựa trở về với công việc còn dang dở của mình. Kẻ về cày nốt sạ cày ngoài ruộng, người vội vã ngược lên ngàn bó lại gánh củi cành để gánh về ngày mai đón phiên chợ sớm... Họ ai oán nguyện rửa ngọn khói phong hỏa bốc lên vì cái việc không đâu làm mất ngày mất buổi của họ...

Nhìn đám bụi hồng của đoàn ngựa thồ khuất mãi nẻo xa trên con đường thiên lý viên đô bảo giáp Cổ Vạn hả hê cười. Hẳn móc từ trong tấm bối tử của bộ võ phục ra những đỉnh vàng vừa được đút lót, neoh mắt ngắm nghía. Vàng nặng trên tay và ánh lên trong mắt. Những thứ để hưởng hết niềm vui, và để tin chắc rằng vàng trên tay mình là có thật chứ không phải trong mơ, viên võ tướng đưa đỉnh vàng lên miệng ghé răng cắn thử.

Răng nhọn của viên võ tướng vừa nghiêng trên đỉnh vàng thì tiếng vó ngựa của quan thám mã lại vang lên ở trước cửa quán xá. Tên lính thám mã lao vào quán đường như một cơn gió lốc.

Mắt viên võ tướng lại sáng lóe lên; tiếng hỏi của hăng dồn dập:

– Lại có khách thương hả... khách thương Giao Chỉ hả?...

Tên lính thám mã thở hổn hển như sắp đứt hơi, lắc đầu:

– Bẩm... không... lệnh truyền của quan khâm sai tuần sứ.. là phải đốt lửa đài phong hỏa... huy động dân đinh bắt giữ ngay tên lái buôn Giao Chỉ họ Lý tên Chằm...

Viên đô bảo Cổ Vạn rùng rờ:

– Sao... sao... sao... lại có lệnh ấy?...

– Bẩm, có người báo cho thượng quan biết là tên khách thương họ Lý tên Chằm là một tên thám tử vào sâu trong lòng đất Tống để do thám... Phải bắt giữ ngay chúng lại giải về dinh quan khâm sai sứ ở thành Ung châu...

Vậy Lý Chằm là ai?

Hình tích con người này như thế nào? Có đúng như lời khai ghi trong tín bài hay đó chỉ là lời khai man trá. Tại sao với cái tín bài ấy, người họ Lý tên Chằm kia có thể vượt qua những mắt lưới thám tử Tống triều dày đặc đi suốt chiều ngang vùng Hoa Hạ. Mãi cho đến quan ải cuối cùng này thám tử nhà Tống mới mò ra hình tích và phát lệnh truy nã.

Lý Chằm đúng là tên thật của một khách thương kẻ Cờ. Tên đó có ghi trong sổ đình, sổ hộ, sổ đại hoàng nam lưu ở lộ Đông Ngàn. Đất Giao Châu xưa, thì hạt Đông Ngàn vẫn nổi tiếng là phong lưu, bạt thiệp. Bởi chừng đất này là đất cửa ngõ của chốn Kẻ Chợ đô hội nổi với cả vùng núi rừng khê động mênh mông giàu có. Cũng là cái cửa ngõ của dân các động về chốn kinh kỳ. Hơn nữa đường này lại là đường giao thương chủ mạch từ đất Giao Chỉ sang đất Trung Nguyên. Đường này là con đường muối từ biển Đông ngược lên các khe động sang tận đất Hoa Hạ. Con đường này cũng là con đường buôn trâu từ các đồng cỏ cao nguyên về cấp cho dân đồng bằng cày cấy. Kẻ Cờ từ lâu nằm trên đường giao lưu huyết mạch ấy. Nó không những là trạm nghỉ của những đàn trâu rời rừng về xuôi, mà cũng là những trạm đổi vai của những thuyền buôn muốn ngược ngàn của lái buôn. Bởi lẽ đó dân Kẻ Cờ nổi tiếng là dân buôn sành sỏi. Rời cái cày cái cuốc trên mảnh ruộng hẹp hương hỏa ven sông, là cái làng Cờ kéo kệt mua chợ gần bán chợ xa, còn trai làng Cờ kẻ giong buồm vào Hoan Diễn, kẻ xuôi mái chèo ra Vân Đồn, lại có kẻ gài gươm ngang hông võ đàn ngựa thồ vượt đèo lội suối ngược lên buôn bán tận các khê động với các tù trưởng, hay sang đất Hoa Hạ cất hàng...

Kể từ ngày nhà Lý kên ngôi, nhất thống cả nước, lập đô tại đất Thăng Long, biển đất này thành đất phát tích căn bản, thành thang mộc ấp của triều đình, nên dân ở đây nhất là lái buôn thuộc đất kẻ Cờ, kẻ Thổ, kẻ Lim, kẻ Từ... lại càng được ưu đãi. Mà ưu đãi cũng phải, vì chính họ biết lấy muối cất từ phía Đông, phía Nam mang đi đổi sắt để triều đình có vật liệu đúc binh khí, ngược lên mỏ đồng Tụ Long đổi đồng để quan ngân khố mở trường đúc đồng, đầu tiên đúc đồng tiền Thuận Thiên đại bảo, đồng tiền đầu tiên của nhà Lý. Cũng chính những lái buôn này đã mua các thứ đồ quốc dụng ở bạc dịch trường vùng biên thùy nước Tống bằng cách đổi chác buôn bán để cho triều nhà Lý cũng huy hoàng tráng lệ chẳng kém gì triều đình nhà Tống đóng đô mãi tận Biện Kinh. Từ thừa bé, mới nứt mắt làm người cậu bé Lý Chằm đã được cha dẫn theo phường buôn kẻ Cờ xuôi phía Nam lấy muối, đóng thành sọt đan bằng tre lót lá gồi, bọc lá nón. Cứ mỗi sọt hai mươi lăm cân tạ. Các sọt muối đóng lên thuyền chống, ngược lên thượng nguồn. Tại đây các sọt muối được cất lên lưng ngựa thồ. Mỗi con ngựa thồ, chất được bốn sọt muối, vị chở được một tạ muối; muối ở vùng khê động quý hơn cả máu người. Muối đổi lấy trầm hương, xương hổ, ngà voi, sa nhân, cùng các thứ sản vật quý khác. Nếu tiện đường thì lại chở sản vật về kinh kỳ Thăng Long bán lấy lời. Còn nếu thuận đường thì lại đóng lên ngựa thồ vượt cửa ải quan vào đất Hoa Hạ, tìm đến các bạc dịch trường để đổi lấy những sản vật hiếm của đất Trung Nguyên mang về Thăng Long bán. Một quan tiền vốn bỏ ra mua một sọt muối ở phía nam, qua một năm lưu lạc gian truân, vào sông ra chết, đã có thể biến thành những lạng nhân sâm quý hơn những nén vàng, những tấm lụa Tô Châu, vóc Ba Thục, mỗi tấm đáng trăm quan tiền. Cái câu: “Một vốn bốn lời, nhất bản vạn lợi” có lẽ vì thế mà sinh ra.

Ngay từ bé, Lý Chằm đã được cha dìu dắt nhận biết được điều đó. Cũng vì được theo cha xông pha giang hồ khắp núi rừng khê động, nên cậu bé Lý Chằm cũng hiểu những phút nguy gặp cơn bão rừng, gặp đàn thú dữ, và nhất là gặp những toán lục lâm, dữ như cọp beo, hùm sói. Cái chế luôn luôn như thanh gươm kề cổ những người lái buôn liều mạng. Nhưng hiểm nguy không làm chùn bước cậu bé ngỗ ngược thông minh. Lớn lên cậu theo đòi nghề của làng, nghề của cha, quanh năm giang hồ tứ xứ, nay kinh kỳ, mai biên ải

với cái nghề bắp bênh mạo hiểm, lúc gặp thời trong tay có đến ngàn lạng vàng, nhưng thua lỗ hoặc bị cướp bóc, hoặc bị đắm thuyền, giữ được tính mạng thì hai bàn tay trắng... Rồi lại thu góp vay lãi làm lại từ đầu... Gian truân không kỳ quản... Nhưng đúng vào lúc gieo neo nhất, khi lái buôn Lý Chằm rơi vào cảnh trắng tay một lần nữa, mà không cào cấu đâu ra chút vốn liếng nhỏ nhoi về mạn chợ Cồn cất muối, ngược lên động Giáp, động Đặc Ma đổi trâu; Lý Chằm lang thang hết phường Hà Khẩu đến phường Bạch Mã để chạy vạy giật gấu vá vai... Không ngờ có một người từ nội cung ra tìm. Cái cảnh lái buôn không một xu ở hầu bao, dưới tay không có một chút hàng gì mà được khách vời, hơn nữa lại là loại khách quyền úy, hào phóng thì có còn thắm nào thắm hơn nữa. Lý Chằm vượt bụng thở dài. Nhớ lại những lần cất được mẻ hàng lớn từ bạc dịch trường Đặc Ma, Vĩnh Bình về, lại được nơi cung cấm vời vào, thì đúng y như trời cho của.

Các cung nữ, các bà phi, đua nhau ném tiền ra mua hàng như mưa rào mùa hạ. Hàng càng quý, càng đắt tiền, họ càng tranh nhau mua. Giá đặt cao bao nhiêu cũng không ai kỳ kèo thêm bớt... Nếu lần này lại có hàng, thuyền từ bạc dịch trường Châu Khâm về không bị cơn sóng thần đột ngột nổi lên cuốn sạch, có phải bây giờ bốc ngàn vàng làm giàu trong giây lát không? Nghĩ cảm cảnh cái thân lái buôn cạn vốn cùng đường, Lý Chằm đã toan vượt bụng thở dài từ chối không vào hầu trong nội cung. Nhưng từ thời các vua Lý đầu tiên lập nghiệp, thể chế triều đình mới định, các phép luật không còn xuề xòa như thời các sứ quân, thời vua Ngô, vua Đinh... Vì thế các khách thương có ý biết sợ, không còn dám nhu nhơ như trước, như cái hồi triều đình mới bắt đầu kén cung tần mỹ nữ lập nội cung. Rập theo thể chế nhà Tần, nhà Đường... Đời các vua trước, các triều trước tuy có khi xưng đế lúc xưng vương, nhưng còn mãi lo chinh chiến chống thù trong giặc ngoài, nên thể chế cung đình chưa định liệu chu đáo. Vua Lê Đại Hành còn đi guốc tiếp sứ, nơi hậu cung vài ba bà hoàng hậu đối đãi như hai ba bà vợ của các tù trưởng lớn, chưa có sự cách bức với dân chúng nhất là với khách thương. Quanh các bà cũng mới chỉ có vài mươi tỳ thiếp, dăm bảy nữ tù nhân bắt được sau những cuộc chinh chiến... Đến nhà Lý, việc xưng đế đã thành, nhà Tống bận việc động binh thôn tính các chư hầu và chống nhau với các bộ tộc Liêu Hạ, lại vì nhụt chí sau chiến bại trước vua Lê Đại Hành, nên vùng đất Đại Việt thoát cảnh binh đao. Các vua Lý có thời gian để định lại triều cương dựng nền đế chế. Trong các việc tạo dựng kinh đô, các vua bắt đầu dựng nên khu nội cung, tuyển cung tần mỹ nữ, kén quan thị. Việc nội cung và triều đình bắt đầu phân cách từ đó. Nội cung thường có quyền thế đôi khi lấn lướt cả các quan đại thần. Lệnh của nội cung đòi không thể nào lãn chần được. Vì thế lái buôn Lý Chằm phải tất tả theo viên thị vệ vào chầu.

Lý Chằm ngạc nhiên vì không thấy có một bà phi nào hỏi mua hàng mình cả, mà người tiếp mình lại là một viên tướng trong nội cung. Viên tướng này, tạng người tuấn tú quắc thước, da trắng như mặt thư sinh, mắt đen sâu tròn như mắt cọp, môi đỏ nhưng môi mỹ nữ. Dáng điệu khoan thai trầm tĩnh. Lý Chằm giật mình. Như thế là thế nào nhỉ? Rõ ràng đây là hậu cung. Nơi hậu cung cấm kỵ tất cả đàn ông lai vãng tới. Vì đây là nơi ở cấm cung của các cung tần mỹ nữ, các bà tiệp dư, các bà nguyên phi, các bà hoàng hậu, hoàng thái hậu... Sao lại có người đàn ông tuấn tú như thế này lẩn quất trong hậu cung. Hơn nữa lại là một võ tướng dũng mãnh.

Việc này có uẩn khúc chi đây. Thôi khôn hồn thì mình nên áp dụng thượng sách nhất trong ba mươi sáu kế sách của binh thư. Chứ biết đâu viên tướng này lọt vào hậu cung làm chuyện kinh thiên động địa, đây vào chỉ có chết oan ba họ chứ chẳng chơi đâu. Thôi chi bằng tìm cơ thoái thác cho nhanh. Nghĩ thế Lý Chằm vừa sụp lạy vừa định kể nguồn cơn bất lực của một lái buôn trắng tay. Nhưng chưa kịp tâu bày, vị võ tướng oai phong kia đã mỉm cười truyền rằng:

– Ta đã biết cả rồi...bất tất ngươi phải giải bày dây cà dây muống nữa... Có đúng nhà ngươi đang trắng tay, lưng vốn không còn một đồng chữ hay không?...

Khi nghe tiếng cất lên, Lý Chằm dần cảm thấy yên trong dạ. Đúng là tiếng nói của viên võ tướng này có điều khác lạ. Người có vóc dáng kỳ vĩ, oai phong nhưng tiếng nói lại trong như tiếng chuông ngân nga. Trong giọng nói như lạnh lạnh tiếng bạc tiếng vàng. Đúng là không phải tiếng nói của một vị dũng tướng. Bằng sự thông minh, lịch lãm, Lý Chằm cố nhìn tận mặt vị tướng này, và anh ta vỡ lẽ ra ngay: trên mặt vị

tướng không thoáng một sợi râu nào. Lý Châm đã hiểu ra sự tình... Và yên tâm ngay. Không cần để mắt vị tướng cũng nhận ra cái nhìn khác lạ của người nói chuyện với mình. Mặt vị tướng chợt biến sắc một chút. Nhưng giọng nói của ông vẫn nhẹ nhàng thông thả:

– Chắc hẳn nhà người đang chạy vay để vay vốn buôn... nhà người cần bao nhiêu thì đủ?

À ra thế... Lý Châm bụng bảo dạ, thì ra viên tướng trong ngạch hoạn quan này muốn cho vay nặng lãi hoặc hùn vốn buôn bán đây. Mình bây giờ là con bạc khát nước, vừa thua một canh cháy túi, trắng tay. Mình cần tiền. Cần có vốn âm lưng để gỡ lại. Nếu bây giờ đến quỹ sứ hiện về hứa cho vay tiền mình cũng nhắm mắt vay liều chứ nói gì đến cái ông quan thị này. Nhưng Lý Châm bần khoản tự hỏi không biết cái ông quan thị này có thể cho mình vay được bao nhiêu, để liệu bề mà nói cho khỏi hớ... Phân vân giây lát, Lý Châm chọn nước đôi để nói:

– Dạ đi buôn là cái nghề cần vốn, nhưng hỏi cần bao nhiêu vốn là đủ thì thật là khó trả lời...

– Nhưng nhà người đang trù tính buôn gì?

– Bẩm quan lớn, nếu chạy được ít vốn tôi tính buôn muối ở Sơn Nam, ngược khe động đổi muối lấy trâu mang về bán ở vùng đồng ruộng lúa ạ...

– Buôn muối đổi trâu thì nhà người cần lưng vốn là bao nhiêu?

– Dạ có một trăm quan thì buôn nhỏ, có một ngàn quan thì buôn lớn. Mèo nhỏ thì chỉ bắt được chuột nhắt thôi ạ...

Vị võ tướng mỉm cười:

– Hóa ra cái chí của nhà người chỉ muốn làm đến con mèo to thôi ư...

Lý Châm nổi máu hào hùng lắc đầu:

– Bẩm đại quan, cái chí của khách thương cũng chẳng khác gì cái chí của kẻ anh hùng, lúc cùng cũng phải biết thu mình giữ thế, lúc gặp thời cũng có thể nuốt nổi sao Đẩu sao Ngưu, khuynh đảo thiên hạ... Tôi gặp cơn khốn quẫn đành làm con mèo, nhưng mọc đủ vuốt nanh tôi sẽ làm con hổ con báo trên đại ngàn...

Vị tướng cười hiền hậu:

– Ta chỉ thử cái chí của nhà người xem nhà người có đúng là con hùm còn thiếu vuốt hay là con chồn con cáo quanh quẩn trong hang tối. Nếu là con hùm thiếu nanh vuốt thì ta chấp cho để làm hùm. Còn là con cầy, con cáo thì ta khuyên nhà người lại lùi vào hang tối. Ta biết, ngay người đi buôn làm nghề khách thương cũng có kẻ có hùm tâm tráng chí... Ta đang cần tìm kẻ đó...

Lý Châm không thể ngờ được là lần gặp gỡ bất ngờ đó thay đổi cả cuộc đời giang hồ của người khách thương chỉ biết làm giàu. Và đến lúc đó Lý Châm mới biết đến một võ quan cao cấp trong đội quân thị vệ của triều đình mang họ Lý tên là Thường Kiệt. Lúc bấy giờ sự nghiệp của Thường Kiệt còn khép kín trong cung cấm, chưa có công trạng gì vang dội ngoài triều, nên chưa ai biết mấy. Lúc này Thường Kiệt đang giữ chức đô tri quân thị vệ trong cung thất. Thời đó là thời vua Lý Thánh Tông. Chức đô tri là chức đứng đầu các võ quan trong cung thất, trong coi tất cả mọi việc trong nội cung của nhà vua. Vua Lý Thánh Tông là một nhà vua có chí tự cường. Ngay từ khi lên ngôi đã lập tức xưng đế. Đặt lại quốc hiệu là Đại Việt. Tôn các vị vua sáng lập ra triều Lý là Thái Tổ, Thái Tông. Mở rộng bờ cõi, thu nhập các man động ngoại biên làm chư hầu, kiềm chế sự bành trướng về phương nam của nhà Tống. Ngăn Chiêm Thành không cho theo nhà Tống để ép vào biên thùy phía nam của nước mình. Bắt Chiêm Thành phải theo mình. Với mưu đồ lớn lao ấy, Lý Thánh Tông cần người thân tín. Nhà vua đã chọn tể tướng là Lý Đạo Thành. Cất nhắc viên võ tướng hiện giữ chức đô tri trong cung cấm là người tài đức được tin cần lên làm tướng kiêm giữ cả việc nội cung lẫn việc triều chính, với chức Tổng hành quân hiệu úy. Ngày đêm lưu lại trong cung bàn việc quốc sự. Lý Thường Kiệt dâng nhiều mưu kế tự cường hợp ý Lý Thánh Tông, và tỏ ra người có nhiều mưu lược tài trí, Lý Thánh Tông cất lên chức kiêm hiệu thái bảo, là một trọng chức trong triều nhưng vẫn giữ trong nội cung. Tuy vậy Lý Thường Kiệt vẫn chưa nổi tiếng trong dân gian, vì thế mà đến ngay một người

giang hồ tứ xứ, ăn mòn bát mồn đũa tại kẻ Chợ vẫn chưa biết rõ.

Nhưng Lý Thường Kiệt là người có chí lớn, làm việc không cần cầu tiếng tăm danh vọng. Trong bóng tối âm thầm của nội cung ông ta âm thầm cắt cử mọi việc chuẩn bị. Lý Châm là người được ông sai tay chân thân tín theo dõi, xem xét qua nhiều lần vào cung cấm buôn bán các thứ vật phẩm quý giá sau những chuyến viễn thương gian lao hào hùng. Con người này ông cần. Và ông cho gọi đến... Sau cuộc gặp gỡ đó ông cấp cho Lý Châm một số vốn rất lớn, mở quốc khố của triều đình xuất ra những báu vật quý giá; lại sai đô thủy quân và các thợ giỏi của xưởng đóng thuyền, đóng cho Lý Châm những thuyền mạnh rất lớn có sức bền chịu được sóng gió bể cả, sức buồm có thể thu gió lớn vượt đại dương, cắt những thủy binh vũ dũng sung vào hàng thủ hạ lo việc chèo lái. Trong khi thuyền đang nằm trên đà ở công xưởng, thì Lý Châm bị giữ lại trong một cái am thờ Phật bà Quan Âm ở ngay giữa vòng cấm thành. Tại đó, ngày ngày Lý Châm phải đọc các sách binh thư, xem các họa đồ các kiểu thành, các kiểu thuyền chiến, các loại vũ khí nhất là các loại máy bắn đá... Kiểm hiệu thái bảo Lý Thường Kiệt để mắt tới việc học của Lý Châm hàng ngày. Sau đó, ông lại sai một cung nữ người Chăm đến dạy Lý Châm học tiếng Chăm.

Và khi ngọn gió bắc đầu tiên thổi lạnh con đường hòe dẫn ra bến Chương Dương, thì lái buôn Lý Châm âm thầm bước lên thuyền, ra lệnh cho các thủy thủ kéo buồm ra khơi.

Lần đầu tiên lái buôn Lý Châm vượt hàng ngàn dặm biển vào tận kinh thành Phật Thệ, kinh đô Đồ Bàn, vào tận xứ Thủy Chân Lạp đây cá sấu và trâu nước... Hết mùa gió bắc đến mùa gió nồm Lý Châm mới trở về Thăng Long. Thuyền của Lý Châm chở nặng nào ngà voi, tổ yến, quế cay, hồ tiêu, đồi mồi, da cá sấu, sừng tê giác, trầm hương, ngọc trân châu, kim cương xứ chùa Tháp... Trong đời giang hồ buôn bán chưa bao giờ lái buôn Lý Châm lại thu được một chuyến hàng viễn thương lãi đến thế... Nhưng có một khoản lãi mà không ai ngoài quan kiểm hiệu thái bảo Lý Thường Kiệt biết lại lớn hơn nhiều. Khoản lãi đó là những tin tức sát thực về việc sứ thần của triều Tống đã đến Chiêm Thành, theo lệnh của Tống Thần Tông, và mưu của tể tướng Vương An Thạch, xui vua Chiêm cất quân đánh vào Thăng Long. Vua Tống phong vương cho vua Chiêm về việc ấy, không những thế còn hứa hẹn sẽ cho quân đánh từ biên thùy phía bắc xuống để trợ giúp. Mặt khác sứ giả của Tống Thần Tông lại vào tận vương triều Chân Lạp, xui Thủy Chân Lạp đánh vào phía nam vương quốc Chiêm, Lục Chân Lạp đánh vào phía Tây vương quốc Chiêm... Tất cả các vương triều kia đều có chí bành trướng nên nghe theo lời xui giục, đang ráo riết chuẩn bị động binh. Bình lửa sẽ tràn ngập khắp nơi. Đại Việt sẽ lâm vào thế bị ép trên đe dưới búa. Mà vương triều Chiêm Thành cũng sẽ kiệt quệ sau cuộc chiến với ba phía o ép... Lúc bấy giờ, đại quân Tống chỉ còn mở cuộc nam chinh thôn tính tất cả...

Biết được tin ấy cùng với những họa đồ cơ mật về sự phòng bị của Chiêm Thành, Lý Thường Kiệt xin vua Lý Thánh Tông ra tay trước để trừ mầm hậu họa. Nhà vua ưng thuận và sau chuẩn bị thuyền chiến. Lý Thường Kiệt sai các động trên thượng du hạ cây gỗ lớn đóng bè thả xuôi theo các dòng sông. Lập các xưởng lớn để đóng thuyền chiến. Lý Châm được lệnh chở hàng vạn thạch muối lên các vùng mạn động để đổi lấy nhựa sắn thuyền và nhựa sơn để xảm thuyền và sơn các thứ chiến thuyền. Về binh lính, Lý Thường Kiệt kiểm lại các vệ thân quân. Đó là quân tinh nhuệ của nhà vua, có thịch chữ thiên tử quân trên trán theo kiểu thịch chữ chăm. Cứ hai trăm lính kiêu dũng vào loại thiên tử quân đó hợp lại thành một quân. Cứ mười quân hợp lại thành một vệ. Đóng giữ hoàng thành khi bình thời, gặp giặc ngoại xâm thì giữ kinh thành, khi vua đi chinh phạt thì theo xa giá. Đời Lý Thái Tông, thân quân cấm vệ chỉ có mười quân, cả thảy chỉ có hai ngàn người là lính chiến thường trực. Thấy cấm quân như thế là quá ít, Lý Thường Kiệt xin kén thêm sáu quân cấm vệ nữa lập thành tả hữu mười sáu quân. Số quân cấm vệ tinh nhuệ có tổng cộng ba ngàn hai trăm người.

Đối với loại sương binh, Lý Thường Kiệt cũng định lệ rõ ràng kiểm quân nghiêm ngặt. Trai tráng cứ đến mười tám tuổi là được sắm vũ khí đi phen rèn luyện tập võ nghệ, và phải ghi tên vào sổ quân. Để quân thêm tinh nhuệ, Lý Thường Kiệt định lệ mới là hàng tháng tất cả các binh lính thuộc sương quân phải hội lại đi phen một kỳ ngắn. Kỳ phen tùy theo việc rèn luyện thao lược có thể vài ba ngày, cũng có thể kéo đến

năm sáu ngày. Khi bình thời các kỳ phen không ảnh hưởng gì đến việc cày cấy của người lính gửi trong nghề làm ruộng, làm thợ. Khi động sự thì cất quân của từng hạt từng lộ, từng chiếng chia cho các tướng. Việc đi phen của lính không làm ồ ạt mà gọi luân phiên, hết đợt này đến đợt khác. Đến nay, các kỳ phen của quân tứ chiến đều có buộc quân tứ chiếng đều có buộc lính phải tập bơi lội, rèn cách đánh trên sạp thuyền, đánh đổ lên bộ từ thuyền cập bến... Việc đưa quân vượt biển đã rõ ràng.

Việc chuẩn bị đồn dập kéo dài suốt năm Mậu Thìn, tính theo dương lịch là năm 1068. Đến cuối năm, Lý Thường Kiệt đã xin vua Lý Thánh Tông cho duyệt thủy đội, kiểm thực các chiến thuyền lớn mới đóng và truyền chỉ sung công những thuyền của dân đánh cá và lái buôn. Tháng giêng năm sau, nhà vua truyền gọi nhập quân từ khắp nơi lấy năm vạn lính chiến kiểm điểm đội ngũ, đóng trên bốn trăm chiếc thuyền chiến và thuyền đình được đặt thêm các phiến gỗ chắn tên. Số chiến thuyền mới đóng suốt một năm tuy đã có tới hai trăm chiếc nhưng vẫn chưa đủ dùng, vì thế nhà vua sung cả thuyền lẫn chủ thuyền và lái buôn vào trong quân để lo việc chở lính và vận chuyển lương thảo.

Lúc bấy giờ là thời mà nguyên phi Ý Lan được sủng ái. Nguyên là do Hoàng hậu Thượng Dương không sinh được con trai. Vua Lý Thánh Tông lo lắng mong mỏi có hoàng tử nối ngôi sau này, vì thế nhà vua lập đàn cầu tự ở các chùa chiền linh thiêng trong nước. Một lần lên Kinh Bắc lễ Phật, xa giá nhà vua dừng lại bên một đồi dâu. Nhà vua nghe thấy tiếng hát trong trẻo thanh tao của một cô gái đang hái dâu trên đồi. Tiếng hát như xui khiến nhà vua phải dừng chân, xuống kiệu, tìm đường đuổi theo cái âm thanh trầm bổng ngân nga một bài ca dân dã mộc mạc. Lần theo tiếng hát nhà vua thấy có một cô thôn nữ đang dựa vào gốc dâu mà hát. Cô thôn nữ lập tức được triệu về kinh, nhập vào hàng ngũ cung phi. Không phải chỉ có tiếng hát mà sắc đẹp mà, tài trí thông minh của cô gái đã làm say đắm một nhà vua có chí tự cường. Nhớ lại kỷ niệm cô gái dựa cành dâu mà hát, nhà vua truyền đặt tên bà nguyên phi mới là Ý Lan. Ý Lan nguyên phi được nhà vua vô cùng yêu dấu. Và tình yêu càng nồng thắm hơn khi Ý Lan nguyên phi sinh hoàng tử Càn Đức. Cũng vì lòng yêu dấu ấy mà Lý Thánh Tông trao quyền bính trong triều cho Ý Lan nguyên phi cùng thái sư Lý Đạo Thành, còn mình thì thân cầm quân đánh giặc. Trước ngày phát binh, Lý Thánh Tông mở hội Long Trì và gọi quần thần đến trước đền Đồng Cổ phát nguyện lời thề thiêng liêng: Làm con bất hiếu làm tôi bất trung thần linh giết chết. Lần đầu tiên có một lái buôn được dự buổi hội thề linh thiêng trang trọng đó, trong công việc của triều đình. Lý Chăm hiểu và biết ơn cái ơn tri kỷ của viên tướng kiểm hiệu thái bảo Lý Thường Kiệt. Khi phát binh, Lý Thường Kiệt được phong làm tướng tiên phong.

Vào tháng hai năm Tý, vua Lý Thánh Tông hạ chiếu chinh phạt Chiêm Thành. Nhà vua bước lên thuyền chiến long chu trong tiếng trống đồng dậy đất và cờ bay rợp cả dòng sông đỏ ngầu như máu. Đoàn chiến thuyền trải dài trên dòng sông đi qua hành cung Lý Nhân nhằm cửa Đại An mà tiến ra biển. Bảy ngày sau, đoàn chiến thuyền hùng vĩ đổ lại Cửa Hội của miền Hoan Diễn. Ba ngày sau thuyền giông buồm tiến thẳng đến cửa Nara Giới. Cửa biển cuối cùng của nước Đại Việt vào thời đó. Từ trên thuyền ngự chiến, vua Thánh Tông còn nhìn thấy những đám cháy do thủy quân Chiêm Thành gây nên. Bởi cửa biển này gần biên giới, nên quân Chiêm thường kéo ra đánh phá.

Các tướng muốn dừng chân lại nơi tận cùng của đất nước, nên đã chèo thuyền nhẹ đến châu vua tại thuyền Kim Phượng. Nhà vua còn phân vân chưa quyết thì Lý Thường Kiệt đã tâu rằng:

– Tàu bè hạ, theo lời tấu trình cận kề của người lái buôn họ Lý tên Chăm, thì tư đây vào sâu trong vùng biển Chiêm Thành có liên tiếp ba cửa bể. Cửa thứ nhất tên là Di Luân, tuy sâu nhưng hẹp, cửa thứ hai là cửa Bồ Chánh tuy rộng nhưng nước nông. Quân Chiêm có đóng quân ở đấy nhưng không đáng kể, chỉ vừa đủ kéo nhau ra quấy nhiễu bờ cõi nước ta tại đây mà thôi. Ta nên kéo thuyền qua, làm cho chúng thấy đại đạo chiến thuyền của ta mà tự vỡ mặt vì sợ chứ không cần đánh. Cửa thứ ba là Cửa Lệ, là nơi tập trung toàn bộ thủy quân của quân Chiêm. Ta phải kéo quân vào đánh tan ngay tất cả chiến thuyền của vua Chiêm đóng tại cửa bể này, làm chúng không kịp trở tay. Đổ thuyền tạo đây hay tấn công vào cửa Di Luân, Bồ Chánh đều là đánh động cho quân của giặc phòng bị... Ta khó mà ra quân một trận đánh tan thủy hạm của cái vương quốc sống bên bờ biển cả này.

Nhà vua khen phải, và sai giương buồm trực chỉ Cửa Lệ tiến đánh. Chỉ năm ngày sai thuận theo gió mùa, rừng cột buồm như rừng chông của quân cảng quân Chiêm đã hiện ra trước mặt. Vua Thánh Tông sai viên tướng Liêu Ban dẫn đoàn thuyền nhẹ gồm những dũng sĩ vùng biển Hải Đông thiện chiến nhằm thẳng vào quân cảng tiến đánh. Quân thủy của Chiêm Thành vốn là đạo quân thủy thiện chiến nhất vùng biển phía nam, nên rất khinh thường khi thấy một đoàn thuyền nhẹ lao như tên bắn tấn công mình. Chúng kiêu căng giương buồm nhổ theo sai quân chèo thuyền ra chặn đánh. Nhưng chúng không ngờ, thuyền nhẹ lại được đà gió thuận cứ âm âm lao vào giữa thủy đội làm cho chúng chống đỡ khá vất vả. Ngay trong lúc lúng túng trước sức tấn công như vũ bão của hàng trăm thuyền đỉnh nhẹ như mũi tên thì bên sườn tả hữu tiếng trống đồng đã gầm vang động mặt bể. Bên tả là thuyền chiến nặng của nguyên súy tiên phong Lý Thường Kiệt giương hết mọi lá buồm âm âm rẽ sóng tiến đánh. Bên hữu thì những lá thuyền mảnh đã vòng ngoài khơi tiến tới từ lúc nào, buông lèo dàn thế trận quyết không để cho một tên thủy binh Chiêm nào chạy thoát về tới kinh đô Đồ Bàn. Trên các thuyền của quân Đại Việt, những mũi tên lớn như những mũi lao lấp trên những cánh cung cứng mạnh đã bắt đầu châm lửa. Đó là loại hỏa tiễn. Trên đầu các mũi tên ngay ở phần sau mũi nhọn có cạnh sắc, có tẩm dầu và đắp sơn ta. Khi cung đã được ba người lính khỏe mạnh giương cánh, đặt mũi tên đặc biệt lên giá, thì một thủy thủ cầm sẵn bó thuốc châm lửa. Cánh cung được đặt trên giá bắn di động trên giá bắn di động trên đầu mũi thuyền. Các xạ thủ ngắm đích rồi giật lẫy nỏ, mũi tên lập tức bay đi như một ngôi sao chói, cắm phập vào thuyền giặc và thuyền giặc sẽ bắt lửa cháy bùng... Cả một trận mưa lửa như sao sa dội suốt một ngày dài trên quân cảng của hải quân Chiêm. Mặt bể mỗi lúc một bốc lửa ngùn ngụt. Cho đến đêm thì suốt mấy chục dặm biển bùng bùng những chiến thuyền bị thiêu đốt nổi bùng bồng trên sóng nước. Những chiếc thuyền chiến cố gắng vượt vòng vây lửa chạy ra ngoài đều bị những trạo nhi dùng câu liêm ghìm lại đánh khốc liệt. Câu liêm là thứ vũ khí độc đáo của thủy quân Việt. Các trạo nhi Đại Việt có thói quen dùng những câu liêm của có mũi nhọn như mũi thương, vừa có ngành sắc như mũi giáo và có móc cứng như neo thuyền. Tất cả những công dụng vô cùng lợi hại ấy lại được cột chặt trên một thân tre vôi mềm dẻo nhẹ nhàng, có độ dài chừng mười sải tay, tức là gần ba mươi thước ta. Khi thuyền chiến sắp trận gặp thuyền giặc, các trạo nhi Đại Việt có thể dùng câu liêm đâm thủy thủ giặc ở trên thuyền khi còn xa, kéo ngã thủy thủ giặc khi xuống nước, ghìm đứt dây lèo, trói buộc thuyền giặc. Món võ câu liêm Đại Việt là món võ bí truyền, vừa nhu vừa cương, vừa táo bạo, vừa thần tốc. Biết bao thuyền chiến Chàm tìm đường thoát thân bị thứ vũ khí câu liêm ghìm lại tiêu diệt... Cả thủy trại và quân cảng Chàm bùng bùng cháy suốt một đêm dài... Khi mặt trời đội sóng nhô lên khỏi mặt biển thì quân cảng Cửa Lệ chỉ còn lại những mảnh thuyền cháy đen và những vết máu loang trên mặt biển...

Tiếng trống đồng thúc trận suốt đêm vẫn vang rền trên sóng nước... các đồn trại trên cạn của bộ lính Chàm với hàng chục thớt voi chiến hoảng loạn. Lý Thánh Tông chỉ mũi gươm báu về phía các đồn trại trên bờ cát trắng mênh mông ra lệnh cho quân ta đổ bộ lên chiếm đất, phá thành trì của giặc. Nhưng tướng Lý Thường Kiệt vội can rằng:

– Muôn tâu bệ hạ, ta cất quân chinh phạt lần này đâu phải vì lẽ cần chiếm đất người, mà tiến phạt vì giữ đất ta, trừng trị những kẻ đánh phá ta... Vì thế kẻ hạ thần thấy rằng, ta đã đánh ta đạo thủy binh mạnh nhất của giặc chuyên quấy phá biên thủy ta, kiềm chế ta, như thế là việc đây đã thành rồi. Việc gì ta phải bận tâm chiếm lấy cái thành ghép thân dựa trên cát trắng khô cằn kia để mất thời giờ vàng ngọc quý báu... tạo thêm cơ hội cho chúa giặc có thể chạy trốn hoặc phòng bị... chi bằng phá xong đạo thủy binh cản đường này, ta thừa thắng tiến thẳng đến thành Đồ Bàn, gọi chúa giặc ra hỏi tội, nhanh chóng tỏ rõ uy đức của bệ hạ ở phương nam.

Lý Thánh Tông khen phải và truyền cho toàn đạo thủy sư giương buồm dề sóng vượt qua những đám thuyền giặc còn ngùn ngụt cháy, khói và tro than bốc bên mù trời để tiến thẳng về phía cửa biển Thi Nại...

Đoàn thủy quân hùng hậu của Đại Việt cứ men theo bể tiến về phía nam, dọc theo những bờ cát trắng mênh mông. Thuyền đi ròng rã bốn ngày đêm mới hết dải cát Đại Tràng Sa Đến ngày thứ năm thì đợt gió mùa ngớt lặng. Cửa biển Tư Dung đã hiện ra trước mặt. Nhà vua thấy quân đội đã mỏi mệt, nếu cứ cố đi

phải chèo lái vất vả bèn xuống lệnh cuốn buồm vào nghỉ tạm trong phá để chỉnh đốn quân cụ vũ khí và xuất khi khao quân sĩ. Hải quân Chiêm đã bị đánh tơi bời nên không còn một trở ngại gì đáng kể nữa. Thấy bóng chiến thuyền hàng trăm chiếc giăng đầy mặt phá mệnh mông là quân Chiêm và thuyền chiến Chiêm đã bỏ chạy cả.

Vốn là kẻ đã vào tận cửa bể Thi Lị Bị Nại và dân lái buôn quen gọi rút ngắn là Thi Nại để lên thành Phật Thệ buôn bán nên Lý Chăm hiểu đường đất vùng này, vì thế Lý Chăm xin gặp vị nguyên soái Lý Thường Kiệt mà can rằng:

– Từ cửa Tư Dung này đến cửa Thi Lị Bị Nại còn sáu ngày đường biển nữa, vùng này ngoài ngọn gió bắc thổi ngược còn có gió đông thổi từ biển thổi vào và gió tây thổi từ núi thổi ra. Khí ở đây nóng, nên ban ngày gió thổi từ đất liền ra Biển Đông, ban đêm gió từ Biển Đông thổi vào đất liền. Lái buôn vùng này, khi tắt gió bắc gió nồm thì thường nương theo gió biển, gió đất mà giương buồm đi theo lối con thoi đan sợi trên biển... Tôi thấy quân ta không nên bỏ lỡ ngọn gió gần mà đợi ngọn gió xa... Xin tướng quân suy xét.

Lý Thường Kiệt nghe ra lẽ nên xin với nhà vua ra lệnh cho quân nhỏ neo giương buồm nương gió biển gió đất đan trên mặt sóng để vào cửa Thi Lị Bị Nại... Quả là không cần chờ con gió bắc mới, mà sáu ngày sau, đại quân đã kéo qua cửa Thi Lị Bị Nại tràn vào sông Tu Mao. Đại tướng trấn thủ của Thi Lị Bị Nại của Chiêm Thành là Bồ Bì Đà La đã nghe uy danh từ trận thủy chiến Cửa Lệ truyền về đã hoảng hốt dàn ba vạn quân trên đồng cát trắng bày trận, lập lũy bằng những thân cây dừa nối với nhau cao mấy trượng.

Vua Lý Thánh Tông sai đóng hạm đội từ biển suốt dọc lòng sông nhưng chưa biết nên động tĩnh thế nào, vì trước mặt quân mình là một bức thành cao bày thế trận trên bờ cát trắng. Đánh loại lũy thành trên cát như thế này đúng là quân tướng ta chưa quen. Nhất là quân giữ thành của tướng giặc Bồ Bì Đà La lại đông đến ba vạn tên. Riêng Lý Thường Kiệt thì không có gì do dự cả, bởi vì trong lần đi buôn xứ Chiêm vừa rồi, theo lệnh của ông, lái buôn Lý Chăm đã xem xét kỹ càng từ thành trì đến binh khí giặc, nên ngay từ khi chưa xuất binh khỏi Thăng Long Lý Thường Kiệt đã biết chắc tăng giặc sẽ dựng thành như thế nào mà trù tính trước cách công phá. Trù liệu cả các vật dụng khí cụ đánh loại thành dừa lạ lùng này. Vì thế mà dù nhà vua có do dự, thì Lý Thường Kiệt vẫn xin vua cho mình và em trai mình là Thường Hiến kéo quân đổ bộ lên đánh thành.

Được vua bằng lòng, Thường Kiệt sai quân mang khí cụ đã dự phòng sẵn là những mũi tên tẩm dầu sơn nhiều có đến mấy vạn mũi. Lại sai quân khiêng những cây nỏ Liên Châu có cánh cung cực lớn vốn đặt trên thuyền lên trước mặt thành. Tên của nỏ Liên Châu cũng kén lại tên có bộ phận tẩm thuốc và dầu cháy. Nhà vua thấy Thường Kiệt không chờ máy bắn đá lên đánh thành thì nhắc. Nhưng Thường Kiệt tâu rằng:

– Thành dừa là một loại thành vô cùng lợi hại. Máy bắn đá dự phòng trước để đánh thành Đồ Bàn Phật Thệ thôi, vì đó là thành đá ong. Chứ đối với thành dừa, máy bắn đá không làm gì nổi. Vì dừa là loại cây thân không cứng nhưng dai, dao búa chặt khó đứt, đá bắn vào không vỡ... Chỉ có một cách bắn tên lửa vào để đốt dần...

Theo lệnh của an hem Thường Kiệt năm vạn quân ta dàn quanh bức thành dừa dài hai dặm, nhưng không công phá ngay mà chỉ đứng ngoài tẩm tên đạn giặc bắn tên lửa vào chân thành để đốt. Hàng vạn hàng vạn mũi tên lửa được bắn tới tấp vào những cây dừa khô chôn trong cát bóng... Quân ta lại được lệnh liều chết đẩy những xe chất phóng hỏa áp sát vào bức thành dừa và đốt cháy mù mịt... Giặc giữ thành không thể có cách nào cứu chữa. Những kẻ liều mình lao lên mặt thành dội nước hoặc phủ cát dập lửa thì bị các dũng sĩ ta dùng câu liềm dài vít cổ ngã xuống chân thành, hoặc bị những tay thần tiễn bắn chết tươi... Lửa ngút trời, thành dừa bị cháy. Dừa là thứ cây có dầu, nên khi đã bắt lửa thì sức cháy thật là khủng khiếp không có cách gì cứu nổi... Thành cháy làm ba vạn quân giặc dẫm đạp lên nhau để tháo thân ra hai lối tả hữu. Không ngờ quân ta đã đoán trước điều đó, trong khói lửa mịt mù, Thường Kiệt đã sai em dẫn một cánh quân, tự mình dẫn một cánh quân, đi luồn trong khói lửa vòng ra phía tả hữu thành dừa chờ sẵn. Quân địch vừa đạp lên mình nhau chạy ra đã bị quân ta đón đánh chém giết dữ dội...

Ngày ngày hôm ấy ba vạn quân của tướng Bồ Đà La tan vỡ.

Thừa thắng Lý Thánh Tông kéo đại quân tiến đánh thành Đồ Bàn là nơi đóng đô của vua Ru-dra-var-man mà các lái buôn ta ngay từ hồi ấy quen gọi là vua Chế Củ. Nhưng khi đại quân đến nơi thì thành Đồ Bàn đã bỏ trống. Vua Ru-dra-var-man đệ tam đã chạy về phía nam trốn ở đô thị sầm uất giàu có của Pandu-ran-go. Lý Thánh Tông đóng đại binh tại kinh đô Đồ Bàn Phật Thệ, sai Lý Thường Kiệt làm tướng tiên phong đi bắt Ru-dra-var-man đệ tam. Hơn một tháng trời ròng rã, Lý Thường Kiệt dẫn quân đánh bắt, nhưng vùng nam nước Chiêm Thành là một vùng đồng đất phì nhiêu, dân cư cứng mạnh đông đúc, giao thương buôn bán phồn thịnh, nên vua Chiêm chạy về đây như cọp chạy về rừng, nhanh chóng thu được một lực lượng rất lớn cự nhau với Lý Thường Kiệt.

Những ngày tháng đóng quân lại trong thành đô hoang vắng của nước Chiêm Thành làm cho chính nhà vua Lý Thánh Tông cảm thấy bồn chồn lo lắng. Khi ra đi, vì một lòng yêu si mê mà nhà vua đã trót trao quyền binh cho một bà nguyên phi sinh được thái tử nối ngôi. Bà nguyên phi vốn là người dân dã, mới vào tiến triều chưa được mấy năm, vậy cánh thế lực chưa có. Việc giao quyền cho nguyên phi Ý Lan làm cho thái hậu Thượng Dương hết sức buồn rầu phẫn khích. Điều đó ngay từ lúc quyết định giao quyền trị nước, vua Thánh Tông cũng đã nhận thấy. Phần vì muốn làm giảm đi sự phẫn khích đó, phần vì sợ nguyên phi Ý Lan bỡ ngỡ với việc ở trong cung ngoài triều không đảm đương nổi trọng trách, gây ra tai vạ, nên nhà vua đã giao thêm cho tể tướng trung thành Lý Đạo Thành cùng giúp nguyên phi Ý Lan chấp chính...

Lý Thánh Tông đã tưởng khu xử thu xếp như thế là chắc chắn lắm rồi. Nay ngồi giữa kinh thành vương quốc Chăm bị bỏ trống nhà vua mới cảm thấy lo sợ. Lo sợ vì hoàng hậu Thượng Dương. Dương hoàng hậu được tấn phong hoàng hậu đã lâu, lại vốn là con gái của một vị quan khâm sứ đã được phong tước hầu. Vậy cánh ắt hẳn không thể không có trong quan triều ngoài các phủ đệ, có khi còn lan ra cả tứ chiếng. Tể tướng Lý Đạo Thành khi biết vua định giao việc chấp chính cho Ý Lan đã hé ra một lời can gián, và bóng gió nhắc đến tên hoàng hậu Thượng Dương. Nhưng lúc đó nhà vua không để tâm nhiều. Bây giờ ngồi trong khu hoàng thành bỏ trống này Thánh Tông mới giật mình hoảng sợ. Một ý nghĩ sắc như dao xuyên vào tâm trí nhà vua. Ngộ nhờ hoàng hậu Thượng Dương lôi kéo được Lý Đạo Thành về phe mình thì số phận của Ý Lan và hoàng tử Càn Đức rồi sẽ ra sao? Thánh Tông biết tâm tính vị trung thần Lý Đạo Thành lắm. Đây là một vị quốc công trung thực, luôn trọng lễ nghĩa. Nên vì trọng lễ nghĩa, ông ta đã dám can vua khi vua định giao quyền nhiếp chính cho Ý Lan nguyên phi, không sợ nhà vua quở phạt trách cứ, không sợ nguyên phi Ý Lan thù oán có thể hại đến tính mạng. Cũng vì trọng rường mối cương thường, nên ông sẽ dễ dàng ngã về phe Thượng Dương hoàng hậu...

Nghĩ đến tình thế này, vua Lý Thánh Tông bồn chồn thấy là không thể nào cứ ngồi chết gí trong cái kinh thành bỏ trống này mãi được nữa. Việc bắt chúa Chiêm Thành giờ cũng chưa xong, bây giờ cả hoàng tộc Chiêm đã chạy xuống phía nam, nếu đánh rát quá nó chạy sang Chân Lạp chả lẽ lại tiến quân sang đánh nước Chân Lạp để bắt ư? Chi bằng coi như đánh vào kinh đô là đã đại thắng rồi, thu quân trở về Thăng Long gấp để phòng mọi hậu họa. Nghĩ vậy nhà vua thu quân đòi nguyên súy Lý Thường Kiệt về thương nghị.

Nghe chỉ của nhà vua, Lý Thường Kiệt cúi đầu tâu rằng:

– Xin bệ hạ cho thần thêm mấy ngày nữa. Hạ thần nhất định sẽ dẫn Chế Củ đệ tam về đây, lúc đó ta báo thắng cũng chưa muộn gì.

– Chờ mấy ngày thì ta chờ được, nhưng ngộ nhờ Chiêm Thành kết hiếu với Thủy Chân Lạp thì đại quân ta sẽ sa lầy trong vùng sông ngòi đầy cá sấu này mất.

– Muôn tâu bệ hạ, điều đó không phải lo. Theo người lái buôn Lý Châm thì các sứ thần của nhà Tống và các thương nhân người nước Tống đã làm một việc thành công ghê gớm. Thành công đó lại rất có lợi cho ta.

– Người hãy tâu trình cho ta rõ.

– Bẩm muôn tâu hoàng thượng, thành công của các lái buôn và các sứ thần nước Tống ở hai nước Chiêm Thành, Chân Lạp là làm cho hai vương quốc thù oán nhau không đội trời chung, luôn mang đao binh ra để rửa thù. Vì thế vào nước cùng đường thì vua Chiêm chẳng những không dám cầu viện vua Chân Lạp, chỉ sợ vua Chân Lạp bắt giết mà thôi. Vì thế vào bước tuyệt đường sống thì vua Chiêm chỉ có một cách duy nhất là ra hàng ta.

– Thế cái tên lái buôn Lý Chăm đâu, gọi nó ra đây cho ta hỏi.

– Muôn tâu hoàng thượng. Lý Chăm đã dân kế lập một đoàn sứ giả và khách thương, kéo vào Chân Lạp, làm thế hư binh, ép vua Chiêm phải ra hàng. Nay đoàn thương thuyền và đoàn thuyền sứ do Lý Chăm dẫn đã lên đường... Lên đường đi qua khúc sông trước cửa thành Pan-đu-ran-gô nơi vua Chiêm đang cố thủ với năm vạn quân mới tuyển mộ. Chỉ dùng vũ lực muốn hạ thành này ta cũng phải bỏ mạng hàng vạn sĩ tốt... Nhưng chỉ cần một đoàn sứ thần giao hiếu là Chế Củ sẽ tự trói mình để ra hàng, vì Chế Củ tưởng sẽ có quân Chân Lạp tiến đánh đằng sau lưng...

Lý Thánh Tông khen phải và đóng quân lại chờ thêm một tuần trăng nữa tại kinh đô Đồ Bàn... Nhưng nhà vua không phải chờ quá lâu, chỉ ba ngày sau cuộc hội kiến ấy, Lý Thường Kiệt đã dẫn chúa Chiêm Thành là Chế Củ đệ tam với vòng dây thừng buông thong nút trên cổ. Vua Chiêm đã tự xin hàng. Lý Thánh Tông mở tiệc khao quân ngay trong cung điện của vua Chiêm Thành. Trong bữa tiệc, vui chén rượu vua đã tự thân cầm khiên rút gươm múa trước văn võ bá quan trong tiếng trống đồng hùng tráng. Sau đó nhà vua sai phá thành trì của kinh đô Đồ Bàn nương theo ngọn gió nồm tháng năm đầu tiên kéo đại quân về Thăng Long, dẫn theo Chế Củ đệ tam, Chế Củ đệ tam xin dâng đất ba châu Bố Chính, Đại Lý, Ma Linh. Lý Thánh Tông chấp thuận tha cho về nước và hộ tống về kinh đô Đồ Bàn, lại phong làm quốc vương của Chiêm.

Trong trận bình Chiêm này, Lý Thường Kiệt từ một chức quan võ trong nội cung đã nổi lên như một công thần bậc nhất của triều Lý. Nhà vua đã nhận làm Thiên tử nghĩ nam, ban tước Thượng trụ quốc, Khai quốc công, giao chức thứ ba triều đình trong hàng tể chấp là Thái phó, giao quyền bính vào hàng thứ hai trong quân đội là tiết độ sứ. Chỉ sau tể tướng Lý Đạo Thành có một bậc. Lập công lớn, Lý Thường Kiệt được giao quyền bính trong triều, nhưng ông không quyền các sĩ tốt đã vì ông gian lao đánh dẹp, người ông nhớ đầu tiên là khách thương kẻ Cờ tên Chăm họ Lý. Ông định giữ lại ban cho tước lộc, cắt cử làm quan. Nhưng Lý Chăm chấp tay mà thưa rằng:

– Bẩm tướng công, cái máu giang hồ của khách thương đã chẳng bao giờ đổi được, nên tướng công tha cho việc phải nhận phẩm hàm quan tước... Tôi biết rằng tướng công ban quan chức là để khen thưởng công lao khó nhọc của tôi... Tôi cảm cái ơn tri ngộ ấy... Nhưng thưởng cho tôi tốt nhất là thưởng hàng hóa để tôi lại được trôi nổi giang hồ...

Chiều lòng lái buôn Lý Chăm, quan Thái Úy đã xin mở kho quốc dụng kén cho những chiến phẩm quý của vương quốc Chiêm Thành, lại cấp thêm thuyền cho Lý Chăm đi buôn mạn bắc, cảm cái lòng tri kỷ của vị trọng tướng trong triều, gã lái buôn bán trời không văn tự bạt mạng giang hồ chấp tay mà thưa rằng:

– Tôi là kẻ giang hồ tứ chiếng bạt mạng nhưng không lúc nào không nhớ như tạc trong lòng rằng mình là con dân Đại Việt... Vậy khi quốc gia hữu sự, xin thái úy cứ cho người đến tìm tôi, tôi thề sẽ xả thân vì việc nước...

Tuy thời ấy khách thương không được các nho thần xếp vào hạng người quân tử, nhưng Lý Chăm vẫn giữ được chữ tín của kẻ trước sau chỉ nói một lời chắc hơn đinh đóng cột, hơn dao chém đá. Trở về với cái trí buôn bán giang hồ của mình, Lý Chăm sau lần cất hàng đi Vân Đồn, đi Khâm Châu gặp được thêm các lái buôn người Quả Oa, người Lỗ Lạc, người Tiêm La vượt biển sang buôn bán. Quen thói buôn tặn gốc bán tặn ngọn, Lý Chăm hùn vốn thu được, đóng thuyền lớn, kén trạo nhi toàn những kẻ vong mạng để quyết làm một chuyến viễn dương sang tận nước Quả Oa buôn bán kiếm lời. Thuyền bè đã chuẩn bị xong, hàng hóa đã chất đầy thuyền chỉ còn chờ cơn gió bắc về là nhổ neo thì có người trong phủ tiết chế mang tin bài đòi Lý Chăm vào hầu quan.

Cuộc hội kiến kéo dài suốt một đêm ròng. Sáng hôm sau Lý Chằm về thuyền sai dỡ hàng rao bán, cho trạo nhi về nhà và bán tất cả những thứ hàng phương bắc. Ai cũng bảo khách thương này điên đến nơi rồi. Nhưng Lý Chằm chỉ lắc đầu phân bua:

– Tôi nghe nói kỳ này vùng mạn động đang đói muối... Buôn muối lên vùng đó kiếm lời nhiều hơn...

Thế là Lý Chằm gióng thuyền xuống nam cất muối ngược sông lên tận miền động Giáp... Nhìn bề ngoài chỉ là một chuyến cất hàng buôn bán bình thường, nhưng bên trong có nhiều điều mờ ám bí mật không ai đoán biết nổi...

Hình tích của lái buôn Lý Chằm đã được giữ kín trong mấy tháng qua, kể từ khi buôn muối lên động Giáp, rồi cất hàng từ động Giáp vượt cửa khẩu ở châu Đặc Ma lọt vào Trung Nguyên, và đi suốt một chiều ngang miền Hoa Hạ cho đến cửa ải cuối cùng trước khi vào bạc dịch trường Giang Đông thành Khâm Châu.

Bây giờ lệnh truy nã đã bám sát ngay gót đoàn ngựa thồ nặng nề trên những dặm đường cuối cùng của chuyến viễn dương... Số phận của người lái buôn tài hoa can đảm đang treo trên đầu sợi tóc... Trong khi đó anh không hay biết gì, cứ khật khưỡng ngồi xếp bằng tròn trên lưng con ngựa Chàm, tay ôm khư khư một cái bong bóng trâu đầy óc ách những rượu, cầm cần vừa đi vừa uống, bất cần sự đời...

Trong thời gian đoàn ngựa thồ hàng của khách thương Lý Chằm lang thang dọc theo những cửa ải, những man động miền Hoa Nam, chàng lái buôn không hay biết đang có chính biến lớn lao trong cung đình nhà Lý tại Thăng Long. Nguyên là vào tháng giêng năm Nhâm Tý, nghĩa là chỉ bốn năm sau đại thắng Chiêm Thành, vua Lý Thánh Tông đột ngột băng hà, hưởng thọ năm mươi tuổi. Vì băng hà đột ngột nên nhà vua không kịp để lại di chiếu. Nhà vua chỉ có một hoàng tử duy nhất lúc bấy giờ mới lên bảy tuổi. Tất nhiên hoàng tử được các đại thần tôn lên làm vua.

Việc thái tử Càn Đức lên ngôi là việc hợp lẽ trời. Nhưng vì nhà vua lên khi còn quá nhỏ tuổi cần phải có người đứng ra giúp việc triều chính, giữ ngôi nhiếp chính, nắm mọi quyền bính trong tay. Vua chết bất ngờ nên quyền ấy mặc nhiên rơi vào tay viên quan đầu triều là tể tướng Lý Đạo Thành. Và điều lo ngại của vua Lý Thánh Tông những ngày hoang mang ở giữa kinh đô Phật Thệ hoang tàn đã trở thành sự thật. Lý Đạo Thành đã truất quyền phụ chính của mẹ đẻ ra Càn Đức, tức nguyên phi Ý Lan. Chỉ theo lệ thường phong cho Ý Lan là hoàng thái phi. Còn quyền bính trong triều giao vào tay nguyên hoàng hậu họ Dương, lúc này đã là Thượng Dương hoàng thái hậu. Mặc dù trước đây khi thay vua chấp chính việc nước để vua thấy quân nam phạt Chiêm Thành, Ý Lan hoàng thái phi đã nổi tiếng là người đàn bà có tài trị nước. Trong triều ngoài dân đã ai ai cũng rằng nếu nhà vua có mệnh hệ nào thì người đứng ra trị nước phải là bà phi sắc sảo này. Ý Lan cũng tự tin như vậy. Hơn nữa Ý Lan lại được một viên quan tiết độ sứ kiêu dũng vốn là người thân quen từ trong nội cung là Lý Thường Kiệt trợ giúp.

Nhưng cái chết của vua Thánh Tông quá đột ngột, mà vị lão thần Lý Đạo Thành lại là người cầm quyền nước rất thận trọng, nên mọi không diễn ra theo ý nghĩ của dân gian cũng như của bà phi sinh ra đứa thái tử nối ngôi. Ngay từ khi vua chớm mất, Lý Đạo Thành đã thác mệnh vua hạ chiếu ra lệnh cho các quan hữu ty rằng, hễ có ai vào làm nhà dành riêng cho các quan ở chức đô tả hữu, không kể kẻ sang người hèn đều phải phạt tám mươi trượng. Lệnh này tưởng chừng bình thường nhưng thực ra là một thứ thiết quân luật vô cùng nghiêm ngặt, ngăn không cho các tướng sĩ quan triều gặp nhau tạo nhà riêng hay phủ đệ để bàn việc tranh cướp quyền bính, đảo chính trong cung đình.

Lúc này uy đức của tể tướng Lý Đạo Thành trong triều rất lớn. Ông là một bậc lão thành đã có công phò tá mấy triều vua nhà Lý. Khi vua Thái Tông mới lên ngôi đã chọn ông làm thái sư. Ở ngôi tể tướng hai mươi năm, thanh thế trong triều của ông không ai bì kịp, quan lại các ty, quan đầu các phủ đệ đều do một tay ông cắt đặt. Là một bậc đại túc nho lại có lòng ưu ái đạo Phật, ông chủ trương chính trị khoan hòa trái với cách cương cường của võ tướng Lý Thường Kiệt. Từ những năm bình Chiêm, ông đã không ưa việc gạt bỏ hoàng hậu Thượng Dương mà giao quyền bính cho bà nguyên phi của Lý Thánh Tông. Vì thế quyền bính đến tay ông là ông tôn bà hoàng thái hậu Thượng Dương lên trị nước, gạt viên võ tướng Lý Thường Kiệt sang một bên.

Hai phe trong triều nhà Lý đã phân ra chiến tuyến. Một bên là tể tướng Lý Đạo Thành và nhiếp chính Thái hậu Thượng Dương. Một bên là bà nguyên phi Ý Lan và quan thái úy Lý Thường Kiệt. Phe tể tướng và hoàng hậu đang vận động giành lấy toàn bộ binh quyền, đẩy Lý Thường Kiệt ra ngoài biên ải, ép Thái phi Ý Lan về lại Siêu Loại quê cũ và phải cắt tóc đi tu.

Tin tức về việc tranh quyền giữa các phe trong triều Lý đã bị bọn thám tử là lái buôn người Hán lúc nhúc ra vào kinh thành Thăng Long biết được và mật tâu về kinh đô nhà Tống xin Vương An Thạch phát quân nam chinh, giành cái thế đục nước béo cò.

Là một vị dũng tướng mưu lược có thừa, Lý Thường Kiệt thừa trí lực để đoán biết mối nguy cơ đang từng giờ từng phút đe dọa triều đình nhà Lý, ảnh hưởng đến sự an nguy mất còn của con dân nước Đại Việt.

Bây giờ mà quân nhà Tống phát binh thì mỗi nguy hiểm như vực thẳm mở ra trước mặt. Trong triều quan chia làm hai phe, đang rình để tranh cướp quyền bính của nhau, quân mười sáu đạo cấm binh bị xé lẻ vì tể tướng Lý Đạo Thành sợ quân cấm vệ tập trung là mầm gây loạn. Khắp nơi các võ quan và quan trấn thủ ngơ ngác chưa biết theo ai. Giặc sang trong tình thế ấy thì làm sao có cách gì để huy động một đạo quân lớn cự địch. Nguy cơ mất nước đã hiện ra ngay sau một cuộc đại thắng rung động cả vòm trời nam này

Trước mỗi nguy cơ to lớn ấy, Lý Thường Kiệt đã nghĩ đến chuyện dẹp bỏ mối thù trong để lo giặc nước. Ông hạ mình xin yết kiến tể tướng Lý Đạo Thành và xin vào hầu Thái hậu Thượng Dương. Nhưng cả hai cửa phủ đều đóng im ỉm trước mặt vị tướng đầy lòng yêu nước này. Phe của Thái hậu không chấp nhận một cuộc thương nghị nào vì sợ uy thế đang lên của vị thái úy vừa mang chiến thắng oanh liệt về cho đất nước, sợ lợi thế mẹ đẻ vua của Ý Lan nguyên phi. Phe của Thái hậu tiếp tục vận động những đạo cấm quân thuộc quyền mình nhằm ép Lý Thường Kiệt về hai châu Bố Chánh, Ma Linh xa xôi mới nhập vào bản đồ nước Việt xa cách hẳn việc triều chính, và đã đày nguyên phi Ý Lan về Siêu Loại, chờ ngày xuống lệnh bắt cắt tóc giam vào một ngôi chùa nào đó quanh vùng, một thứ ngục thất trá hình.

Biết thương lượng không cứu vãn được nguy cơ, Tiết chế Lý Thường Kiệt hành động quyết đoán bằng một cuộc chính biến vũ lực. Ông thu thập các vệ cấm quân trung thành với mình từ ngày mình còn là võ quan trong nội cung, kéo ngược lên bắc, đến Siêu Loại giải vây cho nguyên phi Ý Lan, rồi rước nguyên phi Thăng Long tiến thẳng đến kinh đô Thăng Long bằng một cuộc hành quân bất ngờ thần tốc. Tại đất Kinh Bắc, nguyên phi Ý Lan hạ chiếu chiêu tập các vệ sương quân. Chỉ trong một đêm cả kinh thành Thăng Long tràn ngập hai vạn quân từ miệt Kinh Bắc kéo về. Quân rải kín dòng sông, tràn vào tận thành nội. Đạo thủy binh từ miệt Hải Đông cũng âm âm gióng buồn kéo lên.

Là một văn chức đại nho, Tể tướng Lý Đạo Thành chỉ giỏi mưu mô trong màn trướng, trước bề rồng chứ không lường trước cái thế thần tốc của kẻ từng nắm trọng binh lực toàn quốc trong tay như Tiết chế Lý Thường Kiệt. Vì lẽ ấy mà Thái sư đã bị vây hãm ngay trong phủ đệ của mình. Theo lệnh của Lý Thường Kiệt tất cả phủ đệ của các quan đều bị canh giữ nghiêm ngặt, nội bất xuất ngoại bất nhập. Lý Thường Kiệt lại dùng thân quân và quân thị vệ thân tín của mình tiến thẳng vào nội cung vây bắt thái hậu Thượng Dương.

Xong đâu đấy, Lý Thường Kiệt mới đưa kiệu Thái phi Ý Lan vào trước sân rồng. Trông thấy vua Nhân Tông, Thái phi Ý Lan ôm mặt khóc thảm thiết:

– Mẹ già đã mang nặng đẻ đau, rút ruột rút gan sinh ra con, lại khó nhọc nuôi con, bú mớm cho con nên người, mới có ngày nay. Bây giờ con lên ngôi cao, được hưởng phúc của tiên hoàng thì người khác giành mất chỗ của mẹ, con có biết mẹ bị người ta đẩy ải thế nào không con?

Nhân Tông lúc đó mới lên tám tuổi, vốn rất thương mẹ, nghe mẹ khóc lóc thảm thiết thì bất giác cũng khóc theo. Nhà vua bây giờ trở lại nguyên vẹn là cậu bé Càn Đức hiếu thảo. Cậu bối rối không biết làm cách nào để mẹ mình khỏi khóc thảm thiết. Biết vậy Thái úy Lý Thường Kiệt tâu rằng:

– Bệ hạ cứ trao ấn cho mẹ đẻ là mẹ đẻ sẽ không còn phải khóc nữa...

Nghe lời khuyên, hoàng tử Càn Đức vội lấy quả ấn vàng nặng năm cân mà cậu cứ phải vất vả đeo bên mình giao vào tay mẹ. Cầm quả ấn trong tay, lập tức như lời quan Thái úy, quả thật nguyên phi Ý Lan không khóc nữa. Bà bèn gạt nước mắt mà lấy giấy long âm trải ngay trên sân rồng, viết ngay chiếu chỉ của vua phong chức Tể chấp cho Lý Thường Kiệt. Viết chiếu phong chức Nhiếp chính Thái phi cho mình, rồi áp ấn trước và bảo con cầm bút ký vào. Muốn làm vui lòng mẹ, Nhân Tông ký ngay.

Nhận chiếu chỉ sắc phong xong, Lý Thường Kiệt xin vua Nhân Tông hạ chiếu chỉ giáng chức nguyên tể tướng phụ chính Lý Đạo Thành xuống chức thị lang. Chiếu chỉ thảo chưa ráo mực đã có một đạo quan túc vệ trực sẵn để thi hành. Nhưng lúc đó, chính tể tướng Lý Thường Kiệt cũng không biết định địa phận lưu đày ở châu nào? Thấy Lý Thường Kiệt bối, Ý Lan nhắc một cách nghiêm khắc:

– Oai thế của Đạo Thành ở đây lớn lắm, không thể để ông ta ở gần được...

Lý Thường Kiệt do dự:

– Nhưng không thể đẩy ông ta lên vùng khô động, vùng đó lúc này đang có biến. Bất cứ lúc nào người Tống cũng có thể động mã binh lấy cố giúp vị lão thần mà tấn công ta.

– Sao không đưa ông ta vào đúng cái chỗ mà ông ta đang có ý đẩy người tới

– Đưa ông ta đến vùng đất mới từ Bồ Chánh, Ma Linh đến châu Địa Lý ư... Như thế không được...

Chúa Chiêm Thành biết ta có biến tất kéo quân ra cầu kết với Lý Đạo Thành... Thôi chỉ còn đất Hoan Diễn mệnh mông là nơi giữ chân vị thị lang này, vừa là nơi Đạo Thành chưa tỏa được uy lực đến, vừa nằm sâu trong nội địa, kẻ ngoài biên không dễ dàng vào can thiệp được

Và lời bàn đó thành chính lệnh. Một giờ sau đạo quân túc vệ đã đưa Lý Đạo Thành xuống thuyền giương buồm nhằm thẳng ra cửa bể rồi từ cửa bể lại đổ vào cửa Lạch. Cũng ngay lúc đó, cung Thượng Dương vốn là cung riêng của Thái hậu biến thành một thức ngục thất vàng son. Trong nhà ngục này giam thái hậu cùng bảy mươi hai người gồm các bà phi cùng cung tần thị nữ.

Cuộc chính biến được khép lại chỉ trong vòng một ngày một đêm, nội trong vòng thành kín đáo của cung đình. Lý Thường Kiệt bằng lòng vì mọi việc xảy ra êm ả. Không một làn phải để tay rút gươm ra khỏi bao. Không có cảnh đầu rơi máu chảy. Ý Lan nhiếp chính hoàn thái phi cũng trút một hơi thở dài mãn nguyện, nằm trọn quyền bính nội cung trong tay.

Nhưng mọi chuyện đã không êm ả thuận chiều như mong muốn của nguyên phi nhiếp chính mới. Tuy tế tướng bị đi đày, Thái hậu Thượng Dương bị giam trong điện Thượng Dương, nhưng các quan chức vào tướng tá thuộc phe của hai người còn ở trong ngoài đo, trong thành ngoài các trấn. Khắp nơi nghe tiếng gươm khua giáo động. Hàng ngày thám báo của phủ Tiết chế đưa về những tin tức chẳng lành. Chỗ này anh em Thái hậu họ Dương đang lo chiêu tập binh mã dựng cờ dấy loạn, nơi kia những thuộc cấp cũ của tế tướng, những học trò cũ của vị đại nhô một lần đã làm tế tướng tại triều suốt mười tám năm, đang gấp rút liên lạc với nhai hợp quân kéo vào Hoan Diễn để cứu Lý Đạo Thành đưa về Thăng Long giành lại quyền nhiếp chính.

Cả một vùng châu thổ sông Nhị Hà rung động như sắp nổi cơn động đất.

Mây đen kéo kín kinh thành Thăng Long.

Nguy cơ của một cuộc tranh chấp nội chiến nội da nấu thịt tàn khốc tưởng chừng không thể nào tránh khỏi. Ngoài biên thùy phía bắc, các tù trưởng khô động liên tiếp bị các sứ giả của triều Tống đến thăm hỏi vừa đe dọa, vừa mua chuộc, vừa kiềm chế. Đã có một tù trưởng châu Đặc Ma trở giáo xin thuận phục nhà Tống. Nếu ở trong triều và vùng bản địa nung động thì các phen giậu biên thùy sẽ lung lay tan rã. Tấm áo phòng thủ sẽ rách nát. Là một võ tướng cầm quân, Lý Thường Kiệt biết rằng trong cái mớ bòng bong của chính sự này thì lòng người sẽ ly tán và các đạo quân vì thế tan rã, nếu tướng khâm sai kiểm hiệu của vùng Diên Quế chỉ cần nhanh trí mà liều mạng cất vài mươi ngàn quân điều động ngay trong hạt mình thôi thì cũng có thể dễ dàng tiến đến Thăng Long không gặp quá nhiều trở ngại. Và triều đình nhà Lý có nguy cơ bị tiêu diệt. Đất nước lại chìm vào bóng đêm của ngàn năm Bắc thuộc vừa mới qua khỏi. Nước ta lại biến thành quận huyện như người Tống mong muốn.

Nguy cơ khủng khiếp đè nặng lên lòng người mẹ. Nguyên phi Ý Lan không còn nhớ mình là Thái hậu nhiếp chính nữa, chỉ còn nhớ mình là người mẹ như muôn vàn người mẹ khác. Và trước mặt bà, Càn Đức đâu phải là vua Nhân Tông, vị vua của triều Lý đương vị mà chỉ còn là một đứa con trai bé bỏng yếu đuối. Vì thế Ý Lan, con người vốn sắc nước quyền biến như thế mà lúc này cũng chỉ còn biết ôm con mà than khóc. Cậu bé Càn Đức không còn nhớ mình đã lên ngôi vua, nằm khoanh trong lòng mẹ sợ sệt cũng khóc theo.

Lý Thường Kiệt từ dinh tiết chế chạy vào mang tin dữ khủng khiếp: Lý Đạo Thành trong châu Hoan đã

lập đàn tế dựng bài vị của vua tiên đế Lý Thánh Tông. Đàn tràng sẽ kéo dài đủ bốn mươi chín ngày. Nghe tin này, một truyền mười, mười truyền trăm, nhân dân và hào kiệt khắp nơi lũ lượt rủ nhau vào Hoan Diễn để tế vị vua cũ. Ngay tại Thăng Long cũng đã có người rủ nhau mua thuyền để đến với đàn tế của Lý Đạo Thành. Và cũng ở Thăng Long đang truyền đi một bài hịch nghe đâu của chính Thượng Dương thái hậu. Bài hịch kể tội nguyên phi Ý Lan lung lạc ấu chúa, hạch tội hoạn quan Lý Thường Kiệt từ nội cung lo việc hầu hạ các bà phi tiến ra giữa triều đình khuynh đoạt xã tắc. Bài hịch kêu gọi thần dân sĩ phu tráng đinh hưởng về điện thờ vua Thánh Tông tiên đế do quan phụ chính Lý Đạo Thành lập nên...

Nghe tin ấy, Ý Lan phu nhân càng rụng rời chân tay. Bà ôm chặt đứa con mới tám tuổi của mình mà khóc:

– Trời ơi, tại sao bố con lại là một bậc vương quân... sao bố con không là một người nông phu nghèo hàn nơi quê mùa không ai biết đến... để mẹ con mình đỡ phải khổ như thế này... Sao mà tôi không cứ yên phận ở quê nhà, ngày ngày hái dâu nuôi tằm, đêm đêm kéo tơ dệt lụa, có phải con tôi chỉ cần lo bữa no bữa đói chứ đâu phải tranh chấp quyền bính sợ người ta chém giết mình như thế này?

Lý Thường Kiệt nhắc Thái phi nhiếp chính:

– Xin Thái phi đừng than tiếc cho những gì chính Thái phi đã từ bỏ để bước vào cung điện này... Bây giờ đã quá muộn, có than tiếc cũng vô ích... Đã cười lên lưng cộp dữ không thể nào xuống được nữa. Hối hận do dự chỉ chuốc lấy cái chết thảm khốc mà thôi.

– Tình thế đến nỗi này thì làm sao tránh khỏi cái chết

– Đúng là tình thế khốn cùng bi thảm nhất đã đến. Nhưng bây giờ khóc có ích gì... Nước mắt chỉ làm mờ đi, dập tắt đi những đốm lửa hi vọng cuối cùng mà ta có thể nhìn thấy được. Xin Thái phi đừng có khóc than cho thân phận mình...

– Ta chờ người ta đến giết cả hai mẹ con ta, làm sao ta không rơi lệ được... Con ơi, mẹ làm khổ con... Quan Tể chấp ơi liệu ta chịu chết thì họ có giết con trai ta không? Họ có tha chết cho con trai ta không?

– Khi họ giam lệnh bà tại chùa Siêu Loại thì Thái hậu và Lý Đạo Thành quyết giữ nhà vua ở ngai đế, vì thế mà tôn ngài lên ngôi. Nhưng bây giờ khác rồi... Trong hoàng tộc còn có các hoàng thân con ngành thứ. Họ sẽ chọn một người khác lập ngôi vua và quyết tiêu diệt ta... Không để một ai sống sót, nếu như họ nắm lại được quyền bính... Chắc hẳn bây giờ kẻ ngồi trong nhà ngục vàng song, và kẻ đang ở Hoan Diễn lập đàn tế lễ đều hối hận rằng khi nắm thanh gươm báu trong tay không hạ xuống lấy ngay đầu kẻ kình địch với mình, gây hậu họa là cuộc chính biến từ Siêu Loại lan đến cung đình.

– Như thế ta đành ngồi mà đợi chết hay sao?

– Nếu lệnh bà cứ ngồi ôm hoàng đế mà khóc như thế nào thì đúng là lệnh bà đang đợi chết... Và lệnh bà không những muốn chết mà còn muốn giết cả hoàng đế nữa... muốn giết cả nhà Lý nữa... giết cả nước Đại Việt nữa...

– Sao lại thế... ngôi báu không nằm trong tay con ta thì rơi vào tay một hoàng thân nhà Lý nào khác, sao lại mất được?

Lý Thường Kiệt cười cay đắng:

– Nói như lệnh bà mới nghĩ đến sự an nguy của mẹ con lệnh bà chứ chưa nghĩ đến xã tắc... Bởi vì sự an nguy của lệnh bà lúc này gắn liền với sự mất còn của triều đình, của non sông nên tôi buộc phải đưa vai gánh vác... Đời tôi chẳng còn gì nữa... Theo đạo thánh hiền những kẻ như tôi đã phạm vào tội đại bất hiếu, không thể có con nối dõi tông đường, nối dài mạch hương lửa thờ phụng tổ tiên thì có sống cũng bằng thừa... Sống tôi cũng chẳng còn cái vui thú của con người là hưởng hạnh phúc lứa đôi, vui với gia đình có con đàn cháu đống... Tôi là kẻ bây giờ thân phận chẳng còn gì, tước lộc vinh hoa cũng chẳng làm gì, một bước lên đoạn đầu đài hay một bước lui chân qui ẩn trong bóng tử bi cũng chẳng lấy gì làm trọng... Vì thế điều tôi lo chẳng phải là lo cho tôi, cho mạng sống của tôi mà là lo chung cho xã tắc... Nếu để phe Thái

hậu Thượng Dương dấy binh thì nội chiến không thể tránh khỏi... mà trên biên thù phía bắc Tể tướng Tổng triều Vương An Thạch đã sẵn sàng giáp binh, mưu đồ bành trướng phương nam đã nung nấu từ biết bao năm nay, đây là một dịp tốt xua quân tràn xuống. Ta còn mãi đánh nhau tranh giành ngôi vị thì một sớm một chiều quân nhà Tống sẽ làm cỏ lảng miếu nơi Kinh Bắc rồi biến cả nước ta thành quận huyện như thời nhà Đường, nhà Nam Hán. Lúc ấy hỏi rằng triều Lý có còn không, hỏi rằng nước Đại Việt có còn không?...

Nghe đến đây Thái phi Ý Lan rùng mình hốt hoảng:

– Vậy theo ý người bây giờ phải làm gì?

Lý Thường Kiệt im lặng không giám nói thành lời, nhưng ngoảnh mặt về cung Thượng Dương, xòe bàn tay làm như một thanh bảo kiếm và chém mạnh trong không khí.

Thái phi Ý Lan òa lên khóc:

– Phải làm như thế ư... Ta sợ lắm... Ta sợ quỷ thần trừng phạt...

Lý Thường Kiệt thở dài:

– Tôi cũng sợ quỷ thần... Nhưng không phải vì kinh sợ quỷ thần mà quỷ thần cứu được ta khỏi chết, cứu được triều đình nhà Lý khỏi mất, cứu được nước Đại Việt khỏi tan...

Ý Lan nguyên phi im lặng hồi lâu rồi vừa ôm chặt vua Càn Đức vào lòng như ôm một đứa trẻ nhỏ, khác nào một người mẹ bình thường ôm chặt lấy con, bảo vệ còn chống lại mọi kẻ thù có thể ám hại con mình, vừa rụt rè hỏi:

– Phải chém tất cả ư...

Lý Thường Kiệt lắc đầu:

– Không thể chém... Chém tất sinh biến...

– Phải thiêu cháy ư.

– Không thể thiêu cháy... Thiêu cháy vẫn rõ bàn tay ta, tất sinh loạn nước...

– Phải đầu độc cho chết tất cả ư...

Lý Thường Kiệt quắc mắt hỏi:

– Ai sẽ là chủ mưu đầu độc...Lệnh bà ư?

Ý Lan phu nhân giật thót mình lắc đầu hoảng hốt...

Lúc bấy giờ Lý Thường Kiệt mới chậm rãi nói:

– Cả thiên hạ bây giờ đều nhìn về phía hai người là Thái hậu Thượng Dương và Tể tướng Cự tể tướng thì ở xa, vị tất đã gây nổi họa cho ta. Mà bản chất của vị đại nho này vốn ưa nhu ghét cương, sẽ khó tự mình gây biến. Chỉ có thái hậu Thượng Dương là người quyền biến mà ở ngay kinh thành, trong vòng vây hãm của ta, hiện là đầu mối quy tụ của phe chống lại ta, mưu tính cướp lại quyền bính... Ta phải làm mất cái đầu mối ấy càng sớm giờ khắc nào càng bớt họa giờ khắc ấy... Nhưng không được để lộ ra cho mọi người biết rằng ta ra tay hành động. Chém đầu, thiêu cháy, hay đầu độc đều lộ cả... phải tìm một cách khác...

– Người đã tìm ra cách nào thần diệu rồi chăng?

Lý Thường Kiệt thở dài lắc đầu;

– Thế thì làm thế nào bây giờ...

– Làm thế nào ư... việc đến lúc phải làm không thể không xắn tay áo lên... không tìm ra muôn ngàn kế... Chỉ cần Lệnh bà gạt cho khô nước mắt nhi nữ thường tình và lo tính ngay bây giờ... Tôi tin là Lệnh bà vốn sắc sảo quyền biến, nhất định Lệnh bà sẽ tìm ra mưu chước lạ...

Nghe lời khuyên của Lý Thường Kiệt, Thái hậu nhiếp chính Ý Lan đặt ông vua tí hon lên ngai vàng rồi

lau khô nước mắt.

Thế là ngay ngày hôm sau, có chiếu của vua Nhân Tông sức cho tất cả chùa chiền trong nước mở lễ cầu siêu thịnh độ cho bậc tiên đế vừa băng hà. Mười sáu đội quân cấm vệ phải mặc áo đại tang dàn khắp mọi phố phường quan ải cửa thành để đón rước dân khắp nơi về các chùa thỉnh kinh niệm Phật... Một đàn chay lớn được thiết lập tại chùa Diên Hựu. Tin về việc này vua đứng ra lập đàn chay cầu siêu cho tiên đế làm nức lòng dân trong nước. Lập tức người ta quên đi cái đàn chay và bài vị trái lễ thường của một vị quan đặt ở mãi châu Hoan Diễn xa xôi. Hàng ngàn sư sãi khắp mọi nơi rũ lượt áo cà sa vàng trắng kinh dự lễ. Các sư sãi lúc bấy giờ có uy tín tuyệt đối với thần dân một nước mới khai quốc và coi đạo Phật là quốc giáo. Đạo nho đã vào nước ta nhưng mới ảnh hưởng đến một lớp nho sĩ nhỏ bé. Vì thế mà bài vị tế thờ theo cách của đạo nho của vị đại nho cự Tể tướng Lý Đạo Thành không có sức thu hút đối với thần dân nữa.

Tiếng chuông ngân nga từ tháp chuông chùa trong kinh thành Thăng Long lan xa tận các miền trong nước. Đám lễ cầu siêu kết thúc bằng một đám rước huyền bí... Hàng trăm tấm lụa bạch rộng khổ được nối với nhau tạo thành một cái cầu dài vô tận căng trên đầu những người dự lễ. Đi trước đám rước là hàng trăm hòa thượng tay lần tràng hạt đọc kinh siêu độ. Hàng trăm hòa thượng nối theo sau tay chày tay mõ niệm nam mô Phật như giữ nhịp trầm bổng huyền hoặc của lời kinh siêu độ ngân nga. Và theo sau đám rước của nhà sư là bài vị của của vị tiên đế đặt trên kiệu cửu long rực rỡ. Nối liền với kiệu là chiếc cầu tượng trưng bằng lụa bạch kéo dài vô tận... Có hàng ngàn thần dân tình nguyện đội cầu đưa hồn tiên đế về nơi cực lạc...

Đám rước tôn giáo uy nghiêm và linh thiêng chưa từng có này bắt đầu từ chùa Diên Hựu. Ngôi chùa mà vua Lý Thánh Tông cho xây dựng theo hình tượng một tòa sen vươn lên trên mặt nước để ghi lại điềm sinh thái tử trong giấc mộng cầu tự trên đất Siêu Loại. Ngôi chùa này vừa là hình tượng của vua mới, vừa gắn liền với sự tôn nghiêm của nguyên phi Ý Lan. Từ đây đám rước đi vòng thành Thăng Long ra bến Đông Bộ Đầu, rồi vòng lại đền Bạch Mã, vươn qua miếu Đồng Cổ rồi đi vòng đến tận cung Thượng Dương thái hậu. Đến trước cung Thượng Dương, Ý Lan nguyên phi ra lệnh lấy gỗ trầm hương dựn một dàn hỏa thiêu rất lớn. Những vòng cầu lụa bạch lập tức vòng quanh mấy lần cả chu vi cung Thượng Dương lẫn dàn hỏa thiêu kỳ lạ kia. Hàng trăm vị hòa thượng lập tức quỳ trước dàn hỏa thiêu cầu nguyện tụng kinh siêu độ. Nhà vua cũng được người ta dẫn đến đây và bảo phải quỳ xuống trước dàn lửa. Lúc ấy Thái phi Ý Lan mặc đồ tang chế uy nghiêm bước trên dàn hỏa và quay về phía thần dân mà nói rằng:

– Ta đã ăn chay năm mộng tại chùa Diên Hựu mấy bữa nay. Đêm qua, đức tiên hàng hiện về báo mộng. Nét mặt ngài buồn rầu, ủ dột. Ta khóc lóc van nài người nhưng người chỉ lắc đầu không nói. Ta gạn hỏi mãi, người mới chỉ vào Càn Đức con trai của ta mà rằng: “Hoàng đế mới lên ngôi còn nhỏ dại, mà thù trong thì đầy, giặc ngoài lại lắm, trẫm lo lắng vô cùng... Nay trẫm đã lên cõi tiên, an phận an bề trẫm, chuyện trần gian giữ nghiệp để cho dòng họ Lý, giữ gìn quốc thống cho nước Đại Việt ái phi phải thay trẫm cùng quan tể chấp găng lo chu toàn. Đừng để cho kẻ thù ngoại bang lấn lướt, đừng để mất từng ngọn cỏ, từng thước đất của non sông gấm vóc mà tổ tiên để lại... Có như thế trẫm mới được mỉm cười nơi chín suối...” Ta đã rập đầu hứa với đức tiên hoàng là thịt nát xương ta cũng không dám sai lời cổ mệnh. Ta lại hỏi ở nơi chốn non bôn nước nhợt người thiếu thốn gì khồn... Người thở dài mà rằng: “Khi ta còn làm vua hạ giới, trong triều ngoài nội kiêu túa võng vàng, ngựa xe diu dặt... Nay ta về đường mây khuất nẻo cõi tịch diệt vắng không... Nhìn bên hữu không thấy bóng Thái hậu của ta đâu, nhìn bên tả không thấy bóng thái phi của ta đâu. Các tiếp dư các cung tần mỹ nữ ta yêu dấu đều vắng bóng... làm ta thương nhớ không thể nào nguôi được... Nay thái phi bận lo cho Càn Đức con ta ngồi vững trên ngai vàng trị nước, ta đành hẹn đến một ngày nào hội ngộ, chứ còn Hoàng hậu và các cung tần mỹ nữ của ta đi đâu hết cả”... Nghĩ mà thương nỗi cô quạnh của tiên đế, ta không thể cầm được nước mắt... Ta xin được theo hầu ngài... Bởi chường lòng dạ người ta như đáy bể sâu không ai dò nổi nên ta không thể thay cho người khác mà trả lời thay bề hạ được... Ta chỉ trả lời cho ta thôi... Ta xin được quyên sinh theo hầu bề hạ dưới suối vàng...

Nhưng tiền đế nhìn ta lưu luyến mà tay chỉ vào Càn Đức có ý gửi gắm rồi tự nhiên nước mắt trào ra. Không nói nên lời... Rồi tiếng chuông chùa đánh hồi siêu độ đổ dồn làm tan giấc mộng... Ta bành hoàng trước một nỗi phân vân một đảng thì con thơ nhỏ dại phải gánh vác xã tắc non sông, một đảng thì tiên quân cô quả bơ vơ dưới tuổi vàng không người hầu hạ vui vầy... Việc hạ giới ta nghĩ là thiếu bàn tay ta thì đã có các quan đại thần, có thần dân tằm họ ra tay giúp giập con ta đứng vững ở ngôi cao giữ lời cổ mệnh của tiền đế... Còn ở dưới tuổi vàng hồn mang co quạnh, đức tiền đế ta thiếu ta thì trước sau còn có ai nữa. Vì thế chí ta đã quyết... Ta lập đàn hỏa này để xin được đi theo theo tiên đế... Con ơi, con hãy cầm ngọn đuốc kia châm vào những cây trầm hương khô nỏ của đàn hỏa này, để mẹ không phụ lời của cha con... Vì cha con bảo mẹ phải sống để lo cho con. Nhưng con đã đủ trí tự cường làm một bậc quan văn võ, thần dân tằm họ giúp giập... Con hãy để mẹ già đi theo tiên đế hầu hạ tiền đế để người khỏi cô quạnh nơi tuổi vàng... Chao ơi làm đấng quân vương, khi sống thì cung này lầu nọ, điện thấp tòa cao, ai cũng muốn làm hoàng hậu, ai cũng tranh được gần kề bên gối... Giờ chết đi những kẻ tranh giành kia đâu cả. Để người bơ vơ cô quả thương tâm vô cùng trong thế giới u minh... Càn Đức con ơi, con phải tự tay châm đàn hỏa thiêu này, để mẹ được về hầu hạ tiên đế cha con mà không bị cha con quở trách vì dám không nghe lời cổ mệnh cổ sống mà nâng đỡ con... Con ơi, con hãy châm ngọn đuốc kia vào đàn hỏa thiêu này.. Bớ văn võ bá quan, bớ thần dân thiên hạ, ta đã gửi xã tắc của tiên đế vào tay con ta, ta gửi con ta vào tay các người... Ta tin ở lòng trung của các người... Các người đừng phụ lòng ta để ta được sánh bên đức tiền đế mỉm cười nơi chín suối... Kia Càn Đức con ơi, hãy đốt đàn hỏa thiêu thiêu thân xác vô hồn của mẹ để mẹ sớm được hầu đức đế quân...

Càng về cuối giọng của Thái phi Ý Lan càng run lên... Tẩm áo đại tang càng bay trong hương khói mờ mịt... Tiếng khóc huyền bí trước bóng tối âm thầm của cung Thượng Dương... Đến lúc ấy trong bộ võ phục tang chế đặc biệt quan Tể chấp Lý Thường Kiệt, oai nghiêm nâng cao ngọn đuốc bùng bùng lửa cháy tiến lại gần cho Càn Đức và kêu rằng:

– Theo ý nguyện của Thái phi, bệ hạ hãy cầm ngọn đuốc này khai hỏa cho đàn hỏa thiêu... Để người được về hầu đức tiên đế...

Tay cậu bé run run đỡ lấy ngọn đuốc... Từ trên đàn hỏa cao Ý Lan Nguyên phi nhiếp chính mắt nhắm nhắm nhìn ngọn đuốc trong tay đứa con mình. Nếu ai tinh mắt sẽ thấy bà run rẩy trong tẩm áo đại tang bay lồng lộng trong gió. Lúc này vị hoàng đế mới tám tuổi run rẩy với bó đuốc trong tay... Thấy cậu bé bị kích động đến tận cùng thì Lý Thường Kiệt ghé tai nhà vua nhỏ tuổi và giục rằng:

– Bệ hạ châm lửa đốt chết mẹ bệ hạ đi...kia...

Câu nhắc nhở có vẻ lạnh lùng bề ngoài ấy có tác dụng biến vị vua thành một đứa trẻ nhỏ thương yêu mẹ hơn tất cả mọi thứ trên đời, hơn cả ngai vàng, hơn cả những truyện thần tiên ma quái về cõi u minh, hơn cả người cha đã khuất... Cậu bé bỗng khóc thét lên một tiếng, vụt ngọn đuốc xuống dưới chân và cầm đầu lao về phía đàn hỏa, cứ thế leo lên các bậc thang của đàn hỏa. Các bậc lên đàn hỏa hình như làm sẵn để cho lúc này nên từng bậc một đều rất ngắn rất thấp, hết sức vừa tầm chân của vị vua mới lên tám tuổi. Nên chỉ trong thoáng chốc là nhà vua nhỏ tuổi đã chạy lên tới đỉnh cao nhất của đàn hỏa thiêu và ôm chầm lấy Ý Lan Thái phi và thét lên một tiếng mà tất cả các đứa trẻ con biết yêu thương mẹ vào tuổi đó đều thét lên khi người mẹ kính yêu nhất đời của mình gặp nạn. Tiếng thét: “Mẹ ơi, mẹ ở lại với con...” vang lên tha thiết trong không khí trang nghiêm huyền bí... Đó là tiếng nói của một vị vua nên tiếng nói đó là chính lệnh...

Đến lúc ấy vị Tể chấp dũng tướng Lý Thường Kiệt mới toát mồ hôi suốt dọc xương sống trong lớp áo chiến bào tang chế. Như một kẻ phải leo ngược một ngọn dốc cao khắc nghiệt, khi leo đến tận đỉnh cao, tự nhiên thấy chân tay bủn rủn rời rã... Lý Thường Kiệt ngã khụy xuống, và trút một hơi thở thật dài như trút được một gánh nặng khủng khiếp... Nhưng hàng ngàn hàng vạn người có mặt trước đàn hỏa thiêu này đều bận ngẩng đầu nhìn hình ảnh rực rỡ nhất của tình mẹ con, của bậc quân vương của họ trên đỉnh cao đàn hỏa thiêu... Đội quân nhạc cung đình đã sắp sẵn để chờ đợi dịp này dội tiếng trống đồng oai nghiêm...

Chỉ có một người hiểu tất cả mọi điều. Người đó đang ngồi lặng đi trong bóng tối của cung Thượng Dương. Người đó là Hoàng thái hậu họ Dương. Thái hậu nghiêng rằng tuyệt vọng:

– Thế là giờ chết của ta đã điểm, giờ chết của bảy mươi hai cung tần mỹ nữ, nguyên phi, tiệp dư bị giam cùng ta trong cung lầu Thượng Dương này đã điểm...

Một bà tiệp dư hoảng hốt thốt lên rằng:

– Chẳng lẽ lại như thế... Chẳng lẽ sau lễ trọng như thế này họ lại giết chúng ta ư, thừa Hoàng thái hậu...

– Họ không cần phải ra tay giết chúng ta... không cần phải phóng hỏa, không cần phải động tay đao kiếm... không cần phải gửi vuông lỵ để bắt chúng ta thắt cổ, không cần phải gửi bảy mươi hai bát thuốc độc cho các người và một bát thuốc độc cho ta...

– Thế thì làm sao chúng ta chịu chết được?

Thái hậu Thượng Dương cười lạnh:

– Tự ta phải chết...

– Trời ơi sao lại thảm khốc đến như vậy...

– Ừ thì đúng là thảm khốc... Nhưng thảm khốc thì biết mà làm sao biết được cách để tránh cái chết thảm khốc này... Tại ta... tại ta cả thôi mà các người bị vạ lây... Cái chết mà ta định dành cho Ý Lan Nguyên phi trong chùa Siêu Loại mà ta chưa kịp mang ra thi hành thì Ý Lan mang đến cho ta ngay trong cung Thượng Dương này. Ý Lan đã dám bước qua cái chết của dàn hỏa thiêu để tìm cái sống, tìm đến với quyền hành... Còn ta thì tìm đến với cái sống, tìm đến với quyền hành thì cuối cùng ta lại gặp một cái chết ở chính nơi đây... Mọi chuyện đã muộn quá trời không còn phương cứu vãn.

– Nhưng chẳng lẽ ta cứ bó tay chịu chết hay sao?

Thái hậu Thượng Dương nghiêng rằng:

– Bây giờ ta ở vào cái thế không chết không thể được nữa rồi... Tự tìm lấy cái chết thì giữ lại được chút thanh danh. Không tự tìm lấy cái chết thì bị người đời nguyền rủa... Vì kể như cái án tử đã được thi hành cùng dàn hỏa thiêu không bao giờ cháy lên thành ngọn lửa kia... Ta không ngờ ta đã thua chí một con đàn bà hái dâu xuất thân từ đám thôn dã và một tên hoạn quan lập nghiệp từ việc giữ mấy cái váy của các thị nữ cung phi. Than ôi mệnh ta đến đây là hết... Trời đã hại ta rồi...

Ngày hôm sau viên đô tri cấm vệ quân Long Dực lo việc canh giữ cung Thượng Dương đến khẩu đầu trước dinh quan Tể chấp báo cáo việc chẳng lành:

– Kính bẩm tướng quân, ngay sáng hôm nay khi thần dẫn quân vào cung Thượng Dương, thần thấy sắc mùi tử khí... Thần hoảng hốt chạy thẳng vào chính điện thì trời ơi... trước bài vị của đức tiên đế, thái hậu Thượng Dương và tất cả bảy mươi hai cung tần mỹ nữ đều mặc áo đại tang và đã chết cứng từ lúc nào...

Lý Thường Kiệt vẻ vật trầm ngâm, phất tay:

– Khởi cần nói dài dòng... điều này ta đã biết... Bớ ba quân thừa lệnh của Lệnh bà nhiếp chính, cử khinh kỵ truyền tin cho tất cả các đình chùa làm lễ cầu siêu cho đức Thái hậu và các bà phi đã quyền sinh thác theo đức tiên đế như ý nguyện của ngài...

Viên tướng đô tri cấm vệ quân Long Dực ngạc nhiên hơn khi viết là những điều chuẩn bị cho lễ cầu siêu này đã sẵn sàng... Lễ cầu kinh siêu độ cho bà Hoàng thái hậu và bảy mươi hai bà phi được cử hành trọng thể trong các đền chùa khắp trong cõi. Lệnh bà nhiếp chính Ý Lan Thái phi thân đứng ra cùng nhà vua Nhân Tông trẻ tuổi lập đàn tế lễ và rước linh cữu các bà phi và Thái hậu về vùng đất Kinh Bắc nơi có lăng tẩm thái miếu của triều đình nhà Lý...

Khi tiếng chuông lễ cầu siêu ngân nga vang đến đất Hoan Châu thì cựu tể tướng Lý Đạo Thành nay bị giáng xuống cấp thị lang, giữ chức Tả gián nghị đại phu đang xây viện Địa Tạng để tô tượng phật và thờ vị

tiên đế Lý Thánh Tông. Tiếng chuông làm buồn rầu lòng vị đại phu còn mang trong lòng ngọn lửa hưng phục. Từ khi nghe thấy tiếng chuông cầu siêu ấy, vị lão thần gần hai mươi năm giữ ngôi tể tướng cảm thấy như đó là tiếng chuông siêu độ dành cho mình. Ông ta bèn đuổi hết thợ mộc đang xây viện Địa Tạng về, và ngồi nhập thiền giữa đám gạch đá ngổn ngang đang xây dở...

Tiếng chuông ngân nga siêu độ vượt hết chùa này đến chùa khác vang tới tận dải biên thùy phía bắc xa xôi. Nơi đó những đạo quân Tống đang rục rịch sửa vũ khí, lương thảo, sửa sang giáp mã để bất ngờ tràn sang, bỗng dưng được lệnh bãi binh chờ thời... Người ta bảo rằng tiếng chuông ấy đã đến tận Biện Kinh nhà Tống... Và nghe được tiếng chuông ấy tể tướng Vương An Thạch ngao ngán thở dài xuống lệnh bãi chức của viên tướng coi việc phương nam là Thẩm Khởi... Chẳng biết lời đồn đó thực hư thế nào, nhưng việc tiến binh xuống phía nam có bị đình lại thật... Đình lại chứ không phải là bãi bỏ. Cái chí của viên tể tướng trẻ họ Vương vẫn là bành trướng đất đai để lấy cái động bên ngoài giữ cái tĩnh nơi đế đô đầy sóng gió. Lệnh đóng cửa biên thùy cài then cửa ải được vội vã truyền đi khắp miền Hoa Hạ... Việc lớn của cả quốc gia Đại Tống ảnh hưởng đến ngay một đoàn ngựa thồ nhỏ bé. Hình tích của gã lái buôn kẻ Cờ người Giao Chỉ dần dần bị lộ... Lệnh truy nã đuổi theo làn bụi lốc theo vó sắt của đoàn ngựa thồ và đã bay tới viên quan coi việc của động Cổ Vạn... Đến vào lúc đoàn ngựa thồ vừa đi khuất nẻo đèo xa và đám động đinh, thổ đinh đã được lệnh giải tán. Chính lúc viên đô bảo giáp đang căn thử xem những nén vàng của tên lái buôn Lý Chăm là vàng thật hay vàng giả...

Viên đô bảo giáp động Cổ Vạn nhìn đám thuộc tướng của mình mà ngao ngán. Cứ như trước đây, chưa có cái lệnh thực hiện tân pháp của tể tướng Vương An Thạch thì khi có động sự như thế này, y chỉ cần vỗ gươm, hét lên một tiếng là có ngay cả một đạo quân rầm rập lên ngựa. Vì trước đây, triều đình phải cấp lương thảo để các quan cai trị động Cổ Vạn và các động khác nuôi một đội quân khá đông đảo. Đông đến mức các quan tướng có thể điều đi chăn ngựa, chăn dê, cày cấy cho mình vẫn hãy còn thừa. Bây giờ, thực hành tân pháp lính ở trong dân, nên nơi cửa quan này chỉ còn vài mươi tên tuần phiên cắt lượt... Với đám lính còm nhom này làm sao áp đảo được đoàn ngựa thồ đông tới gần một trăm con và đoàn người hành tung bí mật năm sáu mươi người trong đó còn có những tráng sĩ động Giáp khét tiếng dũng mãnh... Bây giờ muốn có quân lại phải phóng lửa lên đài phong hỏa...

Viên đô bảo lại phóng mắt nhìn theo con đường mà đoàn ngựa thồ của thương nhân Lý Chăm vừa đi qua, vừa tự nhủ rằng:

– Mày đã nằm trong đất Trung Nguyên này là mày đã nằm trong một tấm lưới lớn, đó là thiên la địa võng trùng điệp của vùng Hoa Hạ... Ta để mày chui vào cái rọ là bạc dịch trường Giang Đông... Quân đâu, sai quân khinh kỵ đi thu thập các nhà, các hộ thổ đinh nhận nuôi ngựa bảo mã, trung tập ngay cho ta một cơ kỵ binh. Một khắc nữa ta sẽ lên đường bao vây khu vực bạc dịch trường Giang Đông... Còn mi...

Viên đô bảo giáp Cổ Vạn quay về phía tên lính thám mã và truyền lệnh rằng:

– Mi hãy đi đường tắt xuyên rừng, ngay đêm nay phải đến thành Khâm Châu báo cho quan trấn thủ trong thành biết để rải đạo thủy quân khóa kín cửa sông...

Tên lính thám mã chấp tay dạ một tiếng rồi chạy như bay ra tàu ngựa của quán đường; chọn một con ngựa khỏe nhất và nhảy lên phóng. Con ngựa phóng nhanh như một mũi tên bắn xuyên vào con đường tắt che lấp giữa rừng núi hiểm trở của vùng đất Hoa Hạ... Xong xuôi đâu đấy viên đô bảo giáp động Cổ Vạn lại hét gia nhân dưới trướng:

– Bay đâu, ngay bây giờ các người phải đóng cho ta một cái cũi lớn. Chính tay ta sẽ bắt nhốt tên khách thương Giao Chỉ vào đó và điệu lên thành Quế để lĩnh thưởng.

Khu vực động Cổ Vạn lại một lần nữa rung động, những tên kỵ binh bảo mã từ khắp các bản xa gần đã lục tục giáp trụ sẵn sàng phóng như bay đến trước cửa quán xá... Cái bầy nguy hiểm đã bắt đầu giương kên, nhưng người khách thương gốc gác từ đất Kẻ Cờ vẫn chưa hay biết một chút gì về sự nguy hiểm đang rình rập mình từng bước. Anh chàng vẫn ngồi ngất ngưỡng theo cái lối xếp chân bằng tròn cổ hữu trên

lưng con ngựa Chàm cao lớn, và ôm cái bong bóng trâu óc ách những rượu... Cái cần rượu chẳng một lúc nào rời khỏi miệng anh ta... Trước mặt anh ta và đoàn ngựa thồ là bạc dịch trường Giang Đông của thành Khâm Châu, một chốn giao thương lớn nhất Hoa hạ của các lái buôn đủ các vương quốc quanh vùng...

Không phải đợi đến thời Bạch Cư Dị bị biếm làm Tư Mã đất Giang Châu viết nên khúc từ bà hành, người khách thương của đất Trung Nguyên mới bước chân vào văn học. Mà trước đó, vào thời Tư Mã Thiên viết bộ sử ký, thì bóng dáng lái buôn họ Lã tên Bất Vi đã xuất hiện với một vụ buôn lớn hiếm có. Món hàng buôn bán là cả một ông vua và cả một đế quốc phong kiến mệnh mông... Đã từ lâu, trước khi bước vào văn chương và sử sách, những lái buôn người Hán của đất Trung Nguyên đã giông buồm phiêu bạt khắp dọc sông hồ, hết tam Ngô bách Việt lại giông buồm đi đến những đất nước xa xôi... Họ vượt biển đến đảo Phù Tang, vượt biển đến vương quốc Quả Oa, vượt biển để thầy Đường Tăng sang Tây Tạng lấy kinh, họ bám đuôi lạc đà thồ hàng đi xuyên “nóc nhà thế giới” sang tận đất Ba Tư mua thảm nổi tiếng của thành Bát Đa, rồi lại lần ngược dấu ngựa Hung Nô để đi qua sa mạc Gô Bi buôn lông cừu và da ngựa... Những khách thương người Hán vẫn tự cho mình là kẻ dám buôn tận gốc bán tận ngọn... Họ đã đi, nhưng họ không ngờ đã có những lái buôn nước ngoài đã đến tận nước Trung Hoa, mở mang việc giao thương buôn bán... Đó là những lái buôn của các vương quốc mới giành được độc lập, mới lập quốc của phương nam, những lái buôn Giao Chỉ rồi Đại Việt, lái buôn Chiêm Thành, lái buôn Lão Qua, lái buôn Lục Chân Lạp, Thủy Chân Lạp, lái buôn Quả Oa... Triều đình của các vua nhà Hán bao giờ cũng có thói quen lấn lướt mọi người láng giềng, vì họ chia thế giới ra làm hai phần. Phần đất của họ, họ coi là Hoa, là Trung Nguyên. Ngoài phần đất của họ, họ coi là di, là man, là mọi rợ. Cái triết lý Hoa, Di đã trở nên cái triết lý dân tộc của người Hán... Họ không coi bất cứ cái gì không phải là Hoa mà lại có giá trị và đáng tôn trọng cả. Đến ước láng giềng buôn bán thì họ lần mò tới tận kinh đô lên tận miền biên thùy xa nhất, miễn là ở đó họ cất được những món hàng có lãi. Nhưng họ lại không bằng lòng để cho bất cứ nhà buôn nước ngoài nào đến buôn bán tận kinh đô nước mình. Vì lẽ ấy họ lập ra những bạc dịch trường ở vùng gần biên thùy. Bạc dịch trường là những thứ chợ giao thương có tính chất cổ sơ. Tại đó, những thương nhân nước ngoài được phép mang hàng đến để buôn bán với các thương nhân Trung Hoa từ các vùng trong đất Trung Nguyên mệnh mông kéo về.

Khâm Châu là một châu biên ải nên cũng được mở một cái chợ giao thương buôn bán với các lái buôn của các vương quốc lân bang. Chợ không được đặt trong thành mà phải đặt ở một trạm trường đình ven ngoại bên bờ sông Tây Giang, nhà trạm ấy được gọi là trạm Giang Đông nên bạc dịch trường Châu Khâm cũng được gọi là bạc dịch trường Giang Đông. Nơi đây các lái buôn Ngô Việt, Ba Thục, Tứ Xuyên, Tô Châu thường mang các hàng hóa sản vật của vùng quê mình đến và đóng trại để chờ khách thương nước ngoài đến buôn bán. Họ xây những thương điểm trên bờ chứ không tạm bợ trên các con thuyền hay cắm tạm những lán trại. Nhiều lái buôn muốn đón những món hàng quý, còn lập các cơ sở làm ăn trường kỳ tại bạc dịch trường, sai gia nhân buôn bán lật bật để tự túc cái ăn cái ở suốt thời gian đóng lại thương điểm. Bạc dịch trường Giang Đông Khâm Châu chủ yếu mở ra để đón lái buôn người Đại Việt mà các nhà buôn Tống triều quen gọi là lái Giao Chỉ. Các lái buôn Giao Chỉ thường đi thuyền vượt biển sang đây buôn bán. Không kể dân bản địa hai bên biên giới, mang các sản vật địa phương sang đổi chác bình thường còn phàm những chuyến hàng buôn lớn đều phải có xin tín bào hai bên quan trấn ải. Khách thương của ta muốn qua bên ấy phải xin viên quan coi châu Vĩnh An là tướng trấn biên thùy Đại Việt cấp tín bài và gửi thư sang cho quan trấn ải Khâm Châu. Được thư cho phép, khách thương phải được quan tuần cửa biển Khâm Châu kiểm chứng vào tín bài và bản khai hàng hóa rồi mới được vào sâu trong sông Tây Giang để đến bạc dịch trường Giang Đông. Đến buôn bán ở bạc dịch trường này còn có lái buôn các nước khác, các vương quốc lân bang. Cũng có khi không chỉ có khách thương mà triều đình nhà Lý cũng cử cả sứ sang đây lo việc buôn bán đối chác lấu đồ quốc dụng cho nhà nước.

Các lái buôn người Đại Việt đến đây thường chở theo vàng bạc, đồ đồng, trầm hương, thực hương, trân

châu, ngọc trai, ngà voi, sừng tê và các sản phẩm nhiệt đới... Còn các đại thương người Tống ở đất Thục mang gấm Tứ Xuyên, kẻ ở Tô Châu mang lụa rực rỡ các màu, kẻ ở Giang Tây mang đồ sứ, kẻ ở Hồ Nam chở đồ da thuộc, kẻ ở Thiểm Tây mang áo trù, kẻ ở Hồ Bắc mang các loại thuốc quý, lái buôn mạn Hắc Long Giang thì mang sâm Cao Ly...

Vốn của các lái buôn từ ngoài đến đây, nhất là các lái buôn Đại Việt rất lớn, mỗi chuyến hàng trị giá có đến hàng ngàn quan tiền. Nhưng hồi đấy việc buôn bán giữa các quốc gia khác nhau không hề có trao đổi qua tiền tệ. Vàng hay bạc cũng không được coi là một thứ vật ngang giá để có thể mua tất cả mọi thứ. Các lái buôn thường mang hàng của mình ra, gặp các lái buôn có hàng khác mà cả hai bên cùng cần trao đổi. Họ để hàng của mình ở bên tả và bên hữu án thư của quan bạc dịch trường rồi thương lượng trao đổi. Ngay cả lái buôn buôn vàng bạc, tiền tệ cũng phải làm như vậy, ở bạc dịch trường này thì vàng bạc thậm chí cả tiền tệ của các vương triều khác nhau cũng chỉ được coi như một thứ hàng mà thôi. Cả hai bên nhìn vào hàng, không tính giá trị hàng ở tại chợ, mà lượng tính giá trị hàng ở nơi mình mua và nơi mình sẽ mang về bán, tức là ở tận gốc và tận ngọn để mặc cả cùng nhau. Cứ thế cò kè bớt một thêm hai, anh đổi hai tấm lụa Thục lấy một cái sừng hươu, còn tôi thì có một trăm đồ gốm Giang Tây vẽ màu nung kỹ, cần có hai chục cân trầm hương loại hảo hạng... Không có một giá cả nhất định nào cả. Nhưng lời hứa lại trọng hơn cả hàng hóa và tính mạng. Vì nếu mặc cả xong rồi, hai bên đã bằng lòng trao đổi theo một cái lệ nào đó mà hai bên thống nhất với nhau, thì không ai được thương nghị với người khác nữa. Đó là một thông lệ của bạc dịch trường mà ai ai cũng phải theo. Giá của người đầu tiên đã mặc cả, gọi là đã ngã giá thì trời đất quỷ thần cũng không bằng nữa. Người thứ hai đến sau khi ngã giá cao gấp chục lần, trăm lần cũng không được bán. Chữ tín của nhà buôn nặng hơn lòng trung nghĩa của các bậc đại nho, và nặng hơn cả trình tiết của đàn bà. Cái lệ buôn bán tại bạc dịch nó là như thế.

Nhưng lòng trung nghĩa của các bậc đại nho và trình tiết của các cô gái phải có cương thường bảo vệ mới giữ được, thì cái lệ ở bạc dịch trường cũng có sự bảo vệ cái giá đã định bằng miệng với nhau. Khi hai lái buôn đã ngã được giá đối chác, họ phải mang đến một viên thị lang chuyên coi việc đo lường cân lượng. Và hàng đối chác phải để lại ngay ở phủ đường của quan. Lái buôn nào có manh tâm chạy làng đều có nguy cơ bị mất trắng tay. Quan bạc dịch trường sẽ tịch thu chia làm ba phần. Một phần trả cho người đã đặt giá mua được để bù lại sự thiệt hại trong buôn bán. Một phần giữ lại vào kho của bạc dịch trường, còn một phần nộp lên triều đình cùng các thứ thuế rất nặng. Quan thuế ấn định theo giá cả của người Tống không liên quan gì đến vật đối chác, và do các quan định. Các quan có thể định giá một cân trầm hương giá là một trăm quan, thì cứ một quan các quan ra lệnh thu ba mươi đồng tiền.

Khi đoàn ngựa thồ của Lý Chằm dừng lại ở cửa của bạc dịch trường để trình tẩm bài thì các ông chủ của phạn điểm, tửu điểm cao lâu đã ủa ra vây lấy vị khách phương nam giàu có này. Nhiều người còn nhớ mặt Lý Chằm từ các lần viễn thương đến đây những năm trước. Họ tranh nhau gọi Lý Chằm là đại gia, và mới mọc ân cần ráo riết:

– Kính chào đại gia, mời đại gia về nghỉ ở nhà của tôi. Tửu quan của chúng tôi không những có rượu ngon thịt béo mà lại còn có một dãy nhà trọ hết sức lộng lẫy...

– Phạn điểm của chúng tôi giá cả rất phải chăng, lại có vòng tường cao bao bọc, tránh được mất mát suy suyển hàng hóa... Xin đại gia chớ bỏ qua...

– Chắc đại gia chưa biết chúng tôi mới xây nhà lầu mở cao lâu, kén những con hát sắc nước hương trời từ mạn Giang Bắc về, đại gia không để tai thưởng thức ắt hẳn ra về đất Nam bang sẽ ân hận đời đời...

Lý Chằm dừng dừng trước những lời mời mọc, dừng dừng trước sự tôn xưng cao quý của đám người đang vây quanh mình. Chàng cũng thừa biết rằng họ đang thừa gửi những món hàng chất trên lưng đoàn ngựa thồ của mình chứ đâu họ có cần thừa gửi gì mình. Chàng mỉm cười, hất hàm gọi một người quen cũ:

– Này Trương Tam, thương điểm của anh vẫn chưa có khách đến thuê đấy chứ?

Người được gọi mừng quỳnh lên:

– Dạ ... chưa có khách ạ... chúng tôi vẫn đóng cửa chờ đại nhân chiếu cố...

Lý Chằm lại mỉm cười chàng biết thừa câu sau không phải là một lời nói thật. Số là thương điểm của Trương Tam không phải là thương điểm sang trọng, tuy được xây dựng với mục đích cho các lái buôn phương xa đến thuê mở cửa hàng buôn bán, nhưng đất của Trương Tam ở khuất phía sau bạc dịch trường, không tiện việc thương lượng buôn bán lắm. Chỉ được cái ở đây kín đáo, dễ dàng bảo vệ hàng hóa của mình, lại có một tàu ngựa lớn, có sức chứa cả trăm con ngựa. Vì thế những lần trọ trước dù đi thuyền theo vùng vịnh Bái Tử Long ngược lên đây, lái buôn Lý Chằm đã để ý nhằm trước cái thương điểm của gã này rồi. Với con mắt nhìn xa, chàng đã tính trước rằng thế nào rồi cũng có lúc mình đến cái bạc dịch trường này bằng đường bộ và phải đi với một đoàn ngựa thồ rất là đông. Phải thuê cái thương điểm làm sẵn của gã Trương Tam thì mới giữ được bí mật cần thiết của nghề buôn bán.

Lập tức trên nóc nhà thương điểm của Trương Tam phấp phới lá cờ ngũ hành khổ lớn có đề chữ “Lý đại gia thương nhân Đại Việt”. Gần một trăm con ngựa đã được tháo yên cương, dỡ hàng nặng buộc trong tàu ngựa lớn. Chiếc đèn lồng phát lửa đỏ có đề chữ bằng mực nho lớn có ghi rõ “Lý đại gia thương nhân Đại Việt” cũng được treo ở cửa thương điểm. Một đội dũng thủ của bảo tiêu cục Mân Châu đã được Lý Chằm thuê ngay tại chỗ để canh gác vòng ngoài. Các dũng sĩ động Giáp canh gác vòng trong. Người của tiêu cục Mân Châu được cử đi mang danh thiếp báo tin hàng đã đến tất cả các thương gia Trung Nguyên và ngoài quan ngoại, cùng các thương gia các vương quốc đã có mặt trước tại bạc dịch trường này. Trong đó có cả danh thiếp xin yết kiến với quan bạc dịch trường để bàn việc thử lại thước, đóng lại cân thống nhất đo lường giữa hai nước của những vị quan người Việt đi theo đoàn ngựa thồ của Lý Chằm. Chỉ trong một phút chốc cả bạc dịch trường Giang Đông nhộn nhạo lên cả vì sự có mặt của các khách thương Đại Việt cùng đoàn ngựa thồ to lớn.

Danh thiếp vừa gửi đi lập tức có danh thiếp của các lái buôn Tô Châu, Ba Thục, Biện Kinh, Giang Tây, Hồ Nam, Thiểm Bắc, Cao Ly, Quả Oa, Lộ Lạc... gửi đến hẹn ngày giờ mời đến dự tiệc... Cái lệ ở bạc dịch trường này là thế. Mọi việc giao thương là mang ra giữa chợ mà bán. Mà thường ngã giá hẹn những tiếng bạc lớn trong những bữa rượu, ngay trên chiếu rượu...

Lái buôn Ba Thục được chính tay Lý Chằm ghi vào danh thiếp mời đến dự tiệc đầu tiên. Lý Chằm bảo Trương Tam rằng:

– Người đất Tứ Xuyên Ba Thục thích rượu nồng và dê béo... Các người làm thịt dê cho ta nghe.

Trương Tam cúi đầu vâng lệnh.

Khi đại thương gia Ba Thục đến thì gia nhân của Trương Tam đã đi chợ mua dê về ngay trước cửa nhà khách. Cái lệ ăn cỗ dê là phải uống rượu bằng tiết dê còn nóng mới chảy ra từ mạch máu của con dê đang bị cắt tiết. Cái lệ ấy không có gì thay đổi được. Vì thế chủ khách vừa chia ngôi thứ xong thì tiếng dê kêu thét và tiếng gia nhân quát roi vào thân dê huỳnh huých. Dê là loài vật có một tuyến mồ hôi rất lạ. Xưa nay muốn làm thịt dê người ta phải đánh cho con dê toát mồ hôi ra rồi mới cắt tiết lột da. Đánh hàng khắc đồng hồ, người đánh cũng phải toát mồ hôi chứ chưa nó đến con dê. Vì thế làm thịt dê còn ăm ỉ hơn cả làm thịt một con hổ hay một con voi. Thấy tiếng ồn ã như thế, Lý Chằm bức bối lắm. Chàng xin lỗi khách rồi chạy ra sân, gạt đám đồ tế đánh dê ra và cao giọng truyền lệnh:

– Các người bắt cho ta một con châu chấu ma... nhanh lên...

Đám đồ tế người Hán nghe nói đến chuyện châu chấu, mà lại là châu chấu ma thì sửng người hoảng hốt, chẳng hiểu ra sao cả. Lý Chằm quát lớn thúc bách hơn:

– Kìa, ta đã bảo mà... bắt cho ta một con châu chấu ma nhanh lên... nhanh lên...

Thấy sự lạ, những kẻ lái buôn rồi việc tại bạc dịch trường này xúm lại xem. Bạc dịch trường là nơi buôn bán lớn vì thế việc buôn bán không thể ào ạt xô bồ. Mọi việc cứ kéo dài từ ngày này sang tháng khác, có khi kéo dài hàng tháng. Có khi các lái buôn có hàng muốn trao đổi giá cả cùng nhau cứ mời nhau uống

hết vò rượu này đến vò rượu khác mà cũng chưa thể nào ngã giá nổi. Vừa nhấp rượu vừa cò kè nâng giá giảm giá. Người Tống cậy là đất của mình nên thường hay găng giá. Họ sai người nhà của họ, sai cả những phu áp tải, những trạo nhi làm nhà buôn bán lật vật, kiếm cùi đánh cá để tự cấp tự túc trong suốt thời gian chờ đợi cho đến khi ngã giá... Thời gian dài đằng đặc ở bậc dịch trường người ta chẳng có việc gì làm cả, nên hề có chuyện lạ là người ta xúm đông xúm đỏ lại xem.

Đám đồ tể đã mang về con châu chấu ma như lệnh truyền của thương gia Đại Việt Lý Châm. Đám dân ăn không ngồi rồi sẵn lại xem khi chàng thương gia nắm con châu chấu ma trong tay. Họ không bỏ sót một động tác nhỏ nào của người thương gia này và họ chờ đợi anh ta làm phù làm phép gì theo cách man di của nước anh ta. Nhưng anh ta chẳng biến hóa thần thông gì cả. Không biến con châu chấu ma thành con dao để cắt tiết dê, cũng không biến châu chấu ma thành con dê hay con lợn... mà anh ta cẩn thận nhét con châu chấu ma vào một bên tai dê, rồi nhét một hòn sỏi bỏ vào tai bên kia của con dê. Xong đâu đấy, anh chàng gập hai cái tai dê lại đẩy kín cả hai lỗ tai của nó, rồi rút cái khăn đen dài, bó chặt cả đầu dê tai dê lại. Con dê nhảy lung tung vùng vằng cố giật khỏi tay của người thương nhân, nhưng tay anh ta rất khỏe, anh ghì lại và buộc thật chặt. Khi buộc xong chàng lái buôn thả con dê ra.

Con dê cứ thế nhảy lung tung, khi nghiêng cái đầu về phía này khi nghiêng cái đầu về phía khác; nhưng nó nhảy không lâu. Chỉ vài bước thôi là đã đứng lại. Bây giờ thì con dê chỉ có lắc đầu. Lắc đầu như điên. Kêu cũng như điên trong cái khăn buộc kín... Nó lắc đầu và kêu đến toát mồ hôi đầm đìa như mưa. Chỉ trong giây lát mồ hôi đã xuất hiện ướt đầm bộ lông dê rất dày của giống dê rừng đất Bắc. Đến lúc đó Lý Châm mới giảng giải:

– Việc gì phải đánh đập con dê cho nhọc sức mình. Cứ như thế này có phải nhẹ nhàng không nào.

Người khách thương Ba Thục từ nãy đã bỏ chiếu rượu ra xem, bèn hỏi rằng:

– Ngài làm thế nào mà con dê cứ đứng lắc đầu đến toát mồ hôi ra như thế. Có phải con châu chấu ma là một vị thuốc độc linh diệu hay không?

Lý Châm cười sáng khoái:

– Làm gì có thuốc với men... Nguyên là tôi dùng con châu chấu ma còn cả đôi càng nhét vào tai con dê. Vào trong tai, vừa chặt lại vừa nóng, con châu chấu sẽ đập căng vỏ cánh lung tung trong lỗ tai của con dê. Con dê lắc đầu để tìm cách đẩy con châu chấu ra, lắc đầu thì ba hòn sỏi trong lỗ tai kia lại rung lên đập vào màng nhĩ... Cứ thế con dê sẽ lắc đầu cho đến toát mồ hôi, lắc đầu cho đến chết... Việc gì ta phải đánh cho nhọc sức?

Rồi Lý Châm quay lại viên đồ tể dặn rằng:

– Nhà người thắp một nén hương đem làm cử... Khi nào hương cháy hết một nửa thì lấy nước lã dội lên con dê và cắt tiết vào bầu rượu cho ta, để ta mời đại thương đây uống thử trước...nghe...

Tất cả những chuyện náo động đó trong bậc dịch trường Giang Đông không lọt khỏi con mắt soi mói của tên lính thám mã. Hắn yên chí phóng ngựa ngược lại con đường về nhà quán xá Cổ Vạn phi báo rằng, tên lái buôn bị truy nã không hay biết gì và đã nằm yên trong cái bẫy. Quan trấn thủ Khâm Châu cũng đã được phi báo tin và lệnh truy nã rồi. Binh mã cũng đã sắp sẵn cả... Đêm nay sẽ khởi sự một lượt. Quân từ Khâm Châu, quân từ Cổ Vạn sẽ kéo về bắt gọn cả đoàn ngựa thồ và tên lái buôn nguy hiểm. Đó là lệnh của quan trấn thủ Khâm Châu... Lúc ấy chắc bữa tiệc với đại thương Ba Thục cũng vẫn chưa xong đâu...

Quả thật bữa tiệc kéo dài đến quá nửa đêm... Chủ khách uống hết bình rượu tiết dê chuyển sang nhắm rượu với các món dê tái, dê bóp thính... Bữa cỗ thịt dê có rượu quý làm ngã nghiêng những người ngồi trên chiếu rượu...

Đến giờ tí nửa đêm, có một gia nhân trong đoàn ngựa thồ ghé tai nói nhỏ với Lý Châm:

– Dạ thưa đại nhân, mọi việc đại nhân dặn đã khu xử xong đâu đấy rồi ạ...

– Tiền bán ngựa đã thu được đủ chưa...

- Dạ theo ý đại nhân đã thu bằng vàng...
- Còn anh em gia nhân và áp tải...
- Tất cả đã sẵn sàng chỉ còn chờ đại nhân nữa thôi ạ...
- Còn hàng hóa...

– Hàng hóa đã bốc xuống thuyền từ nửa đêm... nhưng tất cả các kiện đều nhét đầy rơm để lại... không ai nghi ngờ gì cả...

Lý Châm vẫy tay:

- Cho người lui... bảo đợi ta...

Đến giờ ấy, đại thương nhân Lý Châm mới đòi Trương Tam sai người đi mời những ca kỹ nổi tiếng của Giang Châu đến hát múa góp vui... Bữa tiệc sang trọng lại thêm bề nào nhiệt... Đàn tì bà và giọng hát ngân nga của các ca kỹ vang đến tận ngoài nhà trạm, nơi đám kỵ mã của viên đô bảo giáp động Cổ Vạn đang điểm lại quân đội và binh khí... Đến lúc náo nhiệt nhất, lúc mà những thực khách say rượu chuếch choáng ngã nghiêng vì tiếng đàn nhịp phách, ngây dại vì sắc đẹp của các kỹ nữ Giang Châu, thì Lý Châm mới đứng lên thưa rằng:

– Đây tuy là thương điểm của đất Trung Nguyên, nhưng tôi lại là lái buôn Đại Việt... Vì thế tôi xin được xử sự như phong tục Đại Việt tại nhà của mình, dù nhà tạm ở nơi thương điểm này... Tục lệ của xứ tôi cứ vào lúc tiệc rượu đến phút tàn canh náo nhiệt nhất, bao giờ chủ cũng xin phép được tắt hết đèn nến trong một phần tư khắc, độ cháy tàn hết một nén nhang đen... Trong bóng tối ấy mọi tội lỗi sẽ được bỏ qua, mọi việc ai muốn làm cứ việc tùy thích... Chẳng hay tại đây tôi có được xử sự theo đúng lệ tục ấy được chăng?

Lái buôn Ba Thục liếc cô gái đang gảy đàn tì bà mặt hoa da phấn mà cười với giọng khô nồng hơi rượu:

- Cái tục lệ Đại Việt thế mà hay... tắt đèn đi... tắt đèn đi...

Tiếng hô tắt đèn nhao nhao... Và lúc đó Lý Châm mới cúi đầu ra ý nghe lệnh rồi nhẹ phất tay một cái. Tất cả đèn nến trong sảnh đường tắt phụt. Tiếng đàn hát cũng tắt luôn. Tiếp đó là tiếng giăng xé quần áo, tiếng cười khúc khích, tiếng thở hỗn hển... Đèn tắt không ai nghĩ đến chuyện thắp lại nữa... Không ai để ý đến nén nhang làm cửu báo giờ giờ thắp lại đèn nữa...

Mãi đến lúc tiếng vó ngựa vang động, hàng trăm ngọn đuốc vây quanh thương điểm thì đám người mê mệt trong sảnh đường mới choàng tỉnh giấc mộng xuân... Viên đô bảo giáp động Cổ Vạn và quan trấn thủ Khâm Châu hét lính thắp lại đèn đuốc và gọi Lý Châm ra hầu thì than ôi không còn một bóng người Đại Việt nào còn ở trong thương điểm này. Hỏi đến tàu ngựa, thì trừ con ngựa Chàm đã bị dắt đi từ lúc nào còn toàn bộ tàu ngựa gần một trăm con đã được bán đứt cho một lái buôn ngựa Hoa Nam. Hiện tên lái buôn ngựa cũng đang say ngất ngư trong sảnh đường. Giá mua ngựa hời, mà cô gái hân ôm khư khư bên mình thì trẻ đẹp. Hỏi đến văn tự bán ngựa thì văn tự cũng đã có đầy đủ và được áp triện từ lúc nào rồi. Hỏi đến hàng hóa chất trong kho thì kiện nào kiện ấy còn chất đầy, nguyên vẹn, nhưng lục lại khám xét thì đó lại toàn là những kiện hàng giả, chỉ có vỏ bọc là sang trọng, còn bên trong nhét toàn rơm...

Cả một rừng đuốc theo tiếng vó ngựa tràn ra bến sông thì quan tuần Giang cho biết có một đoàn khách thương người Lô Lô Châu có đầy đủ tín bài đã kéo neo bốn chiếc thuyền đình lớn, theo nước thủy triều xuống ra khơi. Đoàn thuyền Lô Lô Châu Vạn Hoa đã cắm neo ở bến này buôn bán từ hơn hai tháng nay... Việc họ nhổ neo theo con nước rã, họ đã xin với quan tuần sông và hà khẩu từ cả một tuần trăng nay rồi... Đêm nay họ đi... Hình như họ có mua được một con ngựa Chàm cao lớn và đưa xuống thuyền...

Lái buôn Vạn Hoa Lô Lô Châu có nghĩa là lái buôn Đại Việt, vì tuy Lô Lô Châu trong bản đồ của nhà Tống nhưng gần với quần đảo Vạn Hoa là quần đảo biên ngoài của Đại Việt, phía trong nội giới, tính từ bạc dịch trường Vân Đồn của vương quốc này. Như thế là người Đại Việt đã cho thuyền và cho một lực lượng hộ

tổng rất lớn nằm sẵn ở đây để đợi thương nhân Lý Chằm... Họ đã nằm ngay trong cái bấy giường sẵn để phá bấy...

Giờ khắc này con thuyền của Lý Chằm, và đoàn thuyền đó đã giường buồm vượt ra ngoài cửa khẩu. Họ đã biến thành những con thuyền chiến hùng mạnh, bất kể thuyền cướp biển hay thuyền quan quân cũng khó lòng mà trấn áp được họ...

Đoàn thuyền đó nhắm phía cửa sông Bạch Đằng vào nơi hội lưu của sông Lục Đầu....

Một tuần trăng sau đoàn thuyền đã ngược sông Như Nguyệt đổ lại ở bến Chờ. Tại đây, những thủ lĩnh của động Giáp đã hạ trại ở bờ bắc để đón hàng về. Tù trưởng trẻ tuổi Thân Cảnh Phúc đã chờ ở trại quân bên bến Chờ suốt một tuần trăng này. Các đồ sính lễ quý báu của dân động núi đã sẵn sàng, cả những vật thu được trong chiến công đánh thăm dò sang đất Tống cũng đã đóng thành kiện: những áo giáp, những cờ lệnh của quân Tống mà Cảnh Phúc lấy được; chỉ còn chờ thêm những gấm Ba Thục, những lụa Tô Châu, những đồ sứ Giang Tây, và biết bao sản vật khác mua từ đất Tống để cho đồ sính lễ thêm phần huy hoàng long trọng. Chứng tỏ rằng tù trưởng động Giáp đi làm phò mã triều đình nhà Lý cũng không kém gì những bậc vương giả tận bên Tống triều cưới vợ.

Thuyền vừa thả neo trên bến, lập tức có người đến tìm thương nhân Lý Chằm lên gặp tân phò mã...

Trại của châu mục của tù trưởng động Giáp là trại dựng bằng các tấm da hổ ken lại thành những tấm lớn, bọc khung lều bằng bạc. Điều đó chứng tỏ sự hùng mạnh của động Giáp. Sự thực động Giáp là một động lớn nhất trong các khê động vùng biên thủy phía bắc. Không những lớn mà lại là một trọng trấn ngoại biên. Vì động này vừa gần kinh đô Thăng Long, vừa nằm trên con đường tiến quân thuận lợi nhất từ biên cương nhà Tống vào thẳng kinh thành. Động Giáp phía bắc tới ải Chi Lăng, phía nam bao bọc cả một vùng Lạng Châu, Thương Châu. Ăn thông đến bờ bắc của sông Như Nguyệt. Cầm đầu động này là một dòng họ nhiều đời cha truyền con nối giữ quyền trượng và bảo kiếm của người tù trưởng. Người đó vốn họ Giáp. Dòng họ Giáp vốn là một dòng họ sản sinh những võ tướng rất giỏi đánh rừng núi. Khi Lý Công Uẩn lên ngôi, thì tù trưởng động Giáp là Giáp Thừa Quý. Lúc bấy giờ Giáp động còn nằm trong các khê động còn chưa thuần phục hẳn vào nước ta. Lý Công Uẩn dời đô đến Thăng Long, nhiều người đã có ý can ngăn vì tù trưởng động Giáp Thừa Quý rất mạnh. Lại có sự xúi giục của các biên thần nhà Tống đang nhắm nhe bành trướng xuống phía nam. Từ động Giáp khởi binh thì chỉ trong vòng một ngày ruổi vó ngựa là tràn đến trước sông Cái, ngay chân thành Thăng Long. Chỉ cần một mình quân của động Giáp thôi, kinh thành Thăng Long cũng đã lâm vào thế lao đao nguy hiểm. Nhưng mặc cho nhiều người lo sợ khuyên can, Lý Công Uẩn vẫn quyết dời đô về Thăng Long mở rộng địa bàn cho đất nước. Định đô xong, việc đầu tiên Lý Công Uẩn mang đại binh lên động Giáp. Giáp Thừa Quý thấy binh lực của nhà Lý hùng cường, tấm lòng của Lý Công Uẩn lại nhân hòa, không có ý đe dọa thôn tính mình, nên đã bằng lòng quy phục. Lý Công Uẩn bèn gả con gái mình cho Giáp Thừa Quý, và ban cho Thừa Quý họ mới, là họ thân vương. Từ ấy giòng họ Thân ra đời, cha truyền con nối làm châu mục giữ chức thân vương. Con trai của Thân Thừa Quý là Thiệu Thái nối nghiệp cha là thân vương châu mục động Giáp lại được vua Lý Thái Tông gả công chúa Bình Dương cho. Không những thế Lý Thái Tông còn mở rộng đất đai Lạng Châu cho phò mã Thân Thiệu Thái. Con phò mã Thân Thiệu Thái là Thân Cảnh Phúc, hiệu là Đạo Nguyên lại được kén gả cho công chúa Thiên Thành là con gái đầu lòng của vua Thánh Tông... Nhưng vua Lý Thánh Tông bằng hà đột ngột, nên đám rước vu qui tạm hoãn ít ngày. Theo lệ của các triều đình có khi phải lùi lại ba năm cho mãn hết tang cha.

Khi vua Nhân Tông lên ngôi, bà Thái phi Ý Lan lên nhiếp chính, Tiết chế Lý Thường Kiệt là Tế Chấp; việc cưới hỏi lại được tiến hành gấp ngay. Quan Tế Chấp Lý Thường Kiệt cho rằng:

– Việc cưới hỏi của các bậc vương giả không phải là việc tầm thường mà phải lụy vào đạo nho. Đây là việc quốc gia đại sự. Vì việc giữ giường mối của biên cương đất nước nên ta không nên nệ vào chuyện tang chế mà đình hoãn...

Ý Lan phu nhân bằng lòng với quan Tế Chấp và đã cho gọi Thân Cảnh Phúc về triều, định ngày làm lễ

vu quy cho công chúa Thiên Thành. Nhân gặp Thân Cảnh Phúc, Thái phi dạy rằng:

– Dòng họ Thân nguyên xưa là họ Giáp, đã được giữ đạo thân vương nên Thái Tổ triều ta ban cho họ Thân. Nhưng tại sao động của con lại cứ gọi là động Giáp.

Thân Cảnh Phúc thưa:

– Tên gọi ấy đã có từ lâu đời... Có lẽ vì động của con ở nơi giáp nam giáp bắc. Nam giáp Lý Triều, bắc giáp nước Vạn Xuân Đại Lý cũ. Bộ tộc con ngày xưa không có họ. Là người động Giáp thì gọi là họ Giáp, tức là họ của người đứng chủ tên động mà thôi.

Ỗ Lan phu nhân ngẫm nghĩ rồi truyền rằng:

– Trước thì gọi là động Giáp cũng có lý... Nhưng nay dòng họ của người là dòng họ thân vương, hơn nữa, tất cả đất đai đều nằm trong cõi bờ Đại Việt, nên gọi là Giáp không đúng. Nay ta ban đổi một tên mới, hợp hơn, chẳng hay con thấy thế nào.

– Bẩm xin lệnh bà cứ nói, con xin cúi đầu chịu ơn.

– Được, từ nay, ta thấy nên gọi vùng con đóng giữ nối đời đời truyền cho cháu dòng họ thân vương là động Kép. Kép là ghép đôi tỏ rằng đời đời người động Kép ghép đôi với triều đình.

Thân Cảnh Phúc đã dâng lên bà Thái phi nhiếp chính Ỗ Lan một đôi chim công trắng để tỏ lòng biết ơn triều đình ban tên mới cho động của mình. Từ ấy vùng đất cũ của dân động Giáp được gọi là vùng Kép.

Điều này khi lên hầu tần phò mã Thân Cảnh Phúc, lái buôn Lý Chăm mới được biết. Vừa bước vào lều trại của phò mã Thân Cảnh Phúc, lái buôn Lý Chăm đã nghe thấy tiếng hỏi nồn nóng:

– Thế nào, tất cả thứ sản vật ta dặn, người có mua về đủ không?

Người nói câu đó chính là phò mã Thân Cảnh Phúc. Lý Chăm ngược mắt trông lên thấy một trang nam nhi anh tuấn ngồi trên một chiếc ghế treo bọc da cạp vằn. Lý Chăm vội thưa:

– Bẩm phò mã thân vương, hàng Lý Chăm này sắm suốt dọc các bạc dịch trường lớn khắp miền Hoa Hạ, sang trọng đến mức mà nếu đám cưới của công chúa con vua Tống Thần Tông có mở ra ngay ở đây cũng chẳng thể nào sánh bằng đám cưới của phò mã và công chúa Thiên Thành triều Lý đâu.

Phò mã Thân Cảnh Phúc hể hả:

– Ta vừa nóng ruột vừa lo cho nhà người... Thôi sai bọn gia nhân bốc hàng lên ngay bến Nam Ngạn, ta sẽ làm lễ xuất phát về kinh ngay bây giờ. Tất cả các đồ sính lễ của ta đã chọn sẵn đủ rồi, chỉ chờ có các vật sản phương bắc mà nhà người mang về nữa là đủ...

Lý Chăm vội thưa:

– Bẩm lời phò mã truyền bảo tôi đã sai gia nhân làm ngay trước khi đến đây hầu phò mã... Nhân đây tôi xin tỏ lòng biết ơn sự chu đáo của phò mã, tuy ở trong nước mà lo cho kẻ bên ngoài vạn dặm.

Phò mã Thân Cảnh Phúc xua tay:

– Đừng có cảm ơn ta, ta không có cái công to lớn ấy đâu, công của ta chỉ là thu xếp việc, còn người xử mọi việc như thần là quan Tế chấp Lý Thường Kiệt... Người đã đoán biết người sẽ bị lộ, nên đã sai ta kén trạo nhi và tay chân thân tín giả làm lái buôn Vạn Hoa đến đón trước ở bạc dịch trường Giang Đông...

– Thế thì tôi phải đến trước mặt quan Tế chấp để cúi đầu tạ ơn cái ơn cứu mạng lớn lao này...

– Quan Tế chấp rất mong gặp nhà người... Vừa đây Người sai đưa thư cho ta nhắn ta rằng, nếu nhà người về phải bảo nhà người đến ngay dinh của Người tại Thăng Long... để hỏi chuyện... Người cũng đang muốn hỏi cả chuyện đánh sang nước Tống để lấy đồ sính lễ của ta nữa.

Lý Chăm cười hồ hởi:

– Trên đường thiên lý kẻ thương nhân này cũng được nghe tin và thấy sự rung động của quân tướng biên ải nhà Tống trước cuộc hành binh chinh phạt của phò mã... Cuộc hành binh rung động chẳng khác gì cuộc

hành binh của đức ông phò mã Thân Thiệu Thái năm xưa.

Nhắc đến Thân Thiệu Thái, tức là nhắc đến võ công của cha mình, tân phò mã Thân Cảnh Phúc không khỏi cảm thấy hứng khởi, tự hào.

Kể từ ngày Lý Công Uẩn gặp rồng vàng bay ở cuối phường Bái Ân, quyết định dời đô ra đất này và đặt tên kinh đô mới là Thăng Long, đến nay chỉ mới hơn có một kỷ. Một kỷ tính theo lịch nhà Chu, là sáu mươi năm. Sáu mươi năm để dựng một nền độc lập, lập nghiệp đế, dựng xã tắc, lập kinh đô quả không phải là dài. Nhiều việc thổ mộc tạo tác chưa có thời giờ làm xuế. Vòng thành nội mới xây xong, vòng thành ngoại mới đắp lại trên nền đất cũ của thành Đại La xưa. Các lâu đài cung điện chưa xây được là bao. Các phường phố trong dân gian lác đác mới có vài ngôi nhà xây bằng gạch. Ngày đó gạch nung loại lớn, trát vữa bằng vôi trộn mật mía và mồ hóng. Ngói lợp lá âm lá dương hình xếp vảy cá. Lác đác một vài phủ đệ của các quan đại thần có dựng lầu, lợp ngói ống bằng sành men xanh, khác với các cung điện của vua chúa, lợp ngói ống bằng sành nung tráng men đỏ màu da chu hoặc màu vàng hoàng lạp.

Các ngói ống của kinh thành Thăng Long khác ngói ống của các thành quách bên nhà Tống. Vì những người thợ thổ mộc, thợ lò gốm là những kẻ thất học, chẳng có điều kiện để sang tận đất Hồ Nam Giang Tây xem thợ Trung Nguyên làm ngói ống như thế nào. Họ nhận được đơn đặt hàng của các quan thị lang Bộ Công phải làm ngói ống để lợp đền đài phủ đệ, thế là họ phải tự nghĩ ra mà làm. Ngói là mặt hàng rất nặng nề, những lái buôn như Lý Châm không thể đi tận các bậc dịch trường mua về để bán lại được. Không phải là chỉ có thợ chưa trông thấy ngói ống nhà Hán nhà Đường nhà Tống thế nào, mà ngay các quan chức dịch thị lang Bộ Công cũng chỉ nghe nói chứ chưa trông thấy những viên ngói ống nguyên mẫu ra sao. Các quan cũng mới chỉ đọc qua trong các sách vở chép sơ sài, nghe các quan đi sứ kể lại mà thôi...

Nhưng đã là đền đài phải có ngói ống. Nhất là đền đài miếu mạo phủ đệ của kinh đô nơi nhà vua xưng nghiệp đế. Vua bây giờ đã tự lập thành hoàng đế sánh cùng với các hoàng đế Trung Hoa, dù là về chuyện bang giao bên phía triều nhà Tống vẫn chỉ coi vua là một bậc vương mà thôi. Ta nhún mình xin cầu phong tước vương. Nhưng bên trong ta vẫn dựng nghiệp đế. Dựng nghiệp đế thì kinh đô phải dựng theo đúng kinh đô của bậc hoàng đế. Mà các mẫu không được tận mắt xem mà chỉ nghe nói ở Lạc Dương, ở Biện Kinh, ở Tràng An có những cung điện lợp bằng vàng, có những thứ ngói ống tráng men sành. Như thế thì sống chết các thợ gốm Đại Việt phải làm bằng được. Không biết mẫu thực, họ nghĩ ngay đến những cái mẫu tương tự gần kề với họ. Họ đã nhắm những lâu đài tre nứa của các tù trưởng khê động để làm mẫu.

Các tù trưởng khê động thường sai dân dựng những nhà sàn lớn mái lợp bằng những ống bương chẻ đôi, úp bên sấp bên ngửa móc vào nhau mà lợp thành mái vững chắc. Thế là các bác thợ gốm của ta cứ theo mẫu ống bương làm thành ngói ống. Rồi cung điện của vua thì tráng men vàng hoàng lạp, điện của tể tướng thì phủ men tía, phủ đệ của các đại thần thì tráng men xanh, men trầm, men da lươn...

Trong kinh thành Thăng Long lúc bấy giờ, những mái đền đài cung điện phủ đệ lợp mái ngói ống men xứ cũng chỉ mới lác đác. Còn toàn bộ kinh thành mới chỉ được dựng vôi vàng bằng tre nứa gỗ lạt mà thôi. Nhưng các phường trong thành nội và phố ngoài bến sông đã dựng lên san sát như một tổ ong lớn. Thăng Long đã trở thành nơi đầu mối giao thương của cả vùng châu thổ sông Hồng rộng lớn. Cũng không ít người lưu luyến cố đô Hoa Lư cũ, chê rằng kinh thành mới ở đất đồng sông ngòi, không có núi non dựng thành dựng lũy nên kém vẻ hùng vĩ chắc chắn. Họ nhớ đến cố đô Hoa Lư của thời vua Đinh, vua Lê. Cung điện xây trên sườn non, thành lũy gói đầu vào núi đá uy nghi, thế đất hiểm yếu. Đường vào lối ra chật chội. Dân không tìm ra đất để mở phường dựng phố buôn bán Giao thương khó khăn. Nay kinh đô nằm trên dòng sông Phú Lương rộng lớn, là sông Cái của đất nước. Tiếng của ta quen gọi mẹ là Cái, nên mới có tên gọi là sông Cái, sông Con. Kinh đô đặt giữa đồng bằng phì nhiêu, giao thông vô cùng tiện lợi, nên dân tứ chiếng kéo về buôn bán tấp nập. Chẳng bao lâu, chỉ chưa đầy sáu mươi năm mà dân về Thăng Long lập nghiệp đã đông đến mấy vạn hộ. Đất kinh kỳ trở thành kẻ chợ phồn vinh tụ họp đủ các mặt hàng, đủ các sản vật

thượng vàng hạ cám trong cả nước. Các nghề thủ công dựng lò dựng xưởng ngay trong các phường phố. Trong chiếu dời đô Lý Công Uẩn có khen thế đất Thăng Long là đất có thế rồng cuộn hổ ngồi. Nhưng nói như thế nói theo thuật phong thủy mà thôi, chứ quả là đất Kẻ Chợ này mới có thành trì trong lòng người chứ chưa thể có thành trì xây trên mặt đất vững mạnh như kinh đô Hoa Lư xưa.

Ngay khi chấp chính, Ý Lan phu nhân nhìn thế đất trống trải thông thoáng trước những con đường tiến quân của phương bắc triều Tống, đã có chút phân vân lo ngại. Tiếng chuông siêu độ của đám tang lớn Thái hậu Thượng Dương và bảy mươi hai cung phi chết theo tiên đế làm cho người đàn bà vốn sinh trưởng từ nường dâu khung cửi làng Siêu Loại cảm thấy rùng mình. Bà đã đòi quan Tể chấp Lý Thường Kiệt vào cung thương nghị, và nói ra cái ý định khôi phục lại thành trì hành cung Hoa Lư để tìm lấy một mảnh đất nường thân nếu gặp cơn cùng quẫn trong thế trận khó mà lường trước được.

Nhưng Lý Thường Kiệt lắc đầu:

– Lui về Hoa Lư tức là bỏ nghiệp đến nhận lấy nghiệp vương. Đặt triều Lý ta ngang hàng với các tù trưởng động Giáp, động Đặc Ma... Tức là phản lại ý nguyện của tổ tiên nhà Lý.

Ý Lan phu nhân buồn rầu:

– Người cũng hiểu cho lòng ta, kể lui về là kể cùng. Vì lui về ta phải bỏ lại mồ mả tổ tiên, lăng miếu tiên triều, bỏ lại đất thang mộc... Nhưng Thăng Long này, thành trì chưa xây xong, thế đất lại trơ trọi, lấy gì mà chống lại cường địch đông hành chục vạn quân của nhà Tống.

– Đúng là quân Tống đông đến mấy chục vạn, nhưng đó không phải là cường địch bất khả thắng. Đúng là Thăng Long không có núi dựng thành vách hiểm trở, nhưng hiểm trở ngay ở lòng người. Vua Thái Tổ triều ta nhìn thấy lòng người, mới dám tiến ra đây dựng nghiệp đế. Dùng kế sách để ràng buộc lòng người thành một mối, câu thúc các sứ quân riêng rẽ, các chiếng xứ xa xôi, các khê động rời rã hùng cứ từng phương trời thành một quốc gia... Đó là điều mà vua Đinh, vua Lê chưa làm được, vì cứ thu mình lại nằm ôm giáo trong động Hoa Lư... Chẳng lẽ ta lại đi ngược đường của vua Thái Tổ sáng lập triều ta ư?

Ý Lan Thái Phi im lặng một hồi lâu, chắc lệnh bà cũng suy nghĩ cân nhắc nhiều điều. Cuối cùng bà thở dài:

– Ý nguyện của đức vua Thái Tổ ta đâu dám quên, ta đâu dám đi ngược. Nhưng tình thế bây giờ khó khăn gấp ngàn lần... Con trai ta còn nhỏ tuổi, mới lên ngôi... Phe Thái hậu Thượng Dương và Tể tướng Lý Đạo Thành ta vừa mới trấn áp được... Dân tình trong nước còn xao xuyến... Thế giặc Tống ép mạnh như cơn nước lũ dữ dội vào biên thùy phía bắc... Nếu giặc tung quân thì chỉ cần một ngày một đêm ruổi ngựa là chiến mã địch đã có mặt trước đất Kẻ Chợ không có thành trì kiên cố che chở này, thì ta còn biết chống đỡ làm sao.

Lý Thường Kiệt trầm giọng như trách móc:

– Sao lệnh bà có thể nghĩ là giặc đi Tống có thể đi vào đất Đại Việt ta như đi vào chỗ không người như thế được?

Ý Lan Thái phi buồn bã mở bức Dư địa chí đồ bản, chỉ cho Lý Thường Kiệt một dòng sông mà nói:

– Đây là Như Nguyệt, ở cách quê nội của ta mấy dặm đường. Quân của ta, thực đất của ta chỉ đến sông này là tận cùng. Bên ngạn sông làng mạc của ta thừa thớt, là vùng đất của các khê động, đó là đất động Giáp, rồi động Lôi Hỏa, động Đặc Ma và biết bao khê động lớn nhỏ khác... Từ sông Như Nguyệt tới Thăng Long chỉ phỏng chừng ba mươi dặm đường mà thôi... Đất của ta chỉ có thế... Còn đất ngoài Như Nguyệt thì các tù trưởng khi thì thần phục ta, khi thì lại bị người Tống lôi kéo, không thể dễ dàng mà tin ngay được...

– Lòng tin của người đối với ta và của ta đối với người đâu phải là cái tự nhiên mà có... Vua Thái Tổ triều ta đã tạo ra niềm tin đó. Biết bao nhiêu công chúa sinh ra trong lầu son gác tía, cành ngọc lá vàng đã rời chốn đế đô để ra đi làm dâu con trong các khê động có phải là uổng phí... Họ đã trở thành những mối

dây ràng buộc những người tù trưởng khê động với triều đình ta. Thân gái liễu yếu đào tơ của họ có sức mạnh hơn cả những đạo cấm quân. Vì mọi đạo cấm quân chỉ có thể giữ được một cửa thành trì khi có lũ giặc tràn tới, chứ một mình họ đi xa vào một khê động biên cương làm bà áp trại phu nhân, thì cả một nẻo biên thù bèn vững, triều đình không phải xuất quân đánh dẹp, mà lũ giặc ngoại xâm lại bị ngăn chặn từ nẻo biên cương xa mới rộng mở sau gót son của nàng công chúa mới dời kinh đô ra đi... Và bây giờ các công chúa của triều Lý vẫn sẵn sàng đi để giữ gìn và mở rộng biên cương kia mà.

Ỗ Lan Thái phi nhiếp chính giật mình kinh hãi:

– Đi ngay bây giờ ư... Làm sao được... Làm sao có thể đi ngay vào lúc tang chế của bản triều được?

Lý Thường Kiệt quả quyết:

– Càng lúc này, càng cần phải ra đi... Vì lúc này là lúc nhân tâm các miền khê động đang biến loạn xôn xao bất định... Phải ra đi để giữ lại giường mối... Không thể nào dừng được.

– Nhưng triều đình và trăm họ đang có đại tang... Hoàng đế mới băng hà, lễ cúng kỵ một trăm ngày vừa hết... Làm sao có thể gả các công chúa đi được...

– Xin hỏi lệnh bà, nếu hoàng đế băng hà chưa được ba ngày, chưa kịp quan, chưa kịp phát tang, mà giặc đến ngoài cửa thành, ta nên đóng cửa thành phát tang, hay nên mang quân ra đánh...

– Tất phải mang quân ra đánh...

– Việc các công chúa ra đi, nhất là việc ra đi của công chúa Thiên Thành cũng là một việc xuất binh khi giặc đến ngoài cửa ngõ biên thù, không thể vì vương đại tang mà ngừng được.

Ỗ Lan thái phi buồn bã lắc đầu:

– Khanh là một võ tướng... nên khanh cứ nhăm việc phát binh với việc cưới hỏi hôn lễ... Sách Hán chép rằng, khi ban bố bài chiếu nói về việc hôn thú, Hán tiên đế dạy là: hôn nhân là việc đại sự đại trọng bậc nhất trong đạo luân thường. Phải lo xong việc hiếu mới lo đến việc hỷ. Đạo luân thường có ba điều trọng là đạo vua tôi, đạo thầy trò và đạo cha con... Công chúa đang chịu tang cha, là một lúc chịu hai cái tang lớn, một là với tư cách kẻ làm con chịu tang người sinh thành ra mình, lại nữa với tư cách của kẻ làm tôi chịu tang bậc quân vương... Không thể đội hai cái tang lớn trên đầu để tiến hành một việc hệ trọng bậc nhất trong đạo luân thường là việc hôn thú được.

Lý Thường Kiệt cười:

– Điều thái phi nói đều rất đúng như trong các sách cổ nhân mãi bên Đại Tổng truyền sang ta... Ấy là Thái phi chưa nhắc đến nghi lễ được quy định từ thời tiên cổ nhà Hán. Nào là nghị hôn của hai họ để tìm kẻ môn đăng hộ đối. Nào là lễ nạp thái, theo đúng như sách nghệ văn loại tự, ta là triều đình tước vương mang nghiệp đế thì nhà trai phải nộp đủ vàng, gấm hoa pha vân đen đỏ tượng hình của càn khôn đất trời. Một trăm đôi đế tượng hình của phúc lộc, một trăm đôi nhan tượng hình cho sự đầm ấm thịnh vượng. Một trăm vò rượu tượng hình cho sự vui vẻ... và phải chờ kiểm cho đủ ba mươi vật phẩm mỗi thứ tượng trưng cho một ý nghĩa thông thường, một ước mơ hạnh phúc... Rồi lại lễ vấn danh, lễ nạp cát, lễ nạp trưng, lễ thỉnh kỳ... cuối cùng mới đến lễ thân nghênh nghĩa là nhà trai đón dâu, nhà gái tổ chức vu quy cho con gái của mình về nhà chồng... Tất cả những thứ lễ đó không ai đọc sách nho lại không biết...

Nhiếp chính Thái phi Ỗ Lan bực mình:

– Tại sao khanh lại mang chuyện hôn lễ là việc suốt đời người cùng các lễ tiết ra để dè bừa chế giễu như thế?...

Lý Thường Kiệt lắc đầu:

– Thời tổ tiên ta sống ở đất này, việc cưới xin thật là thuần phác ít có các lễ tiết rắc rối theo mấy quyển sách nho mang từ phương bắc xuống. Vì cần phải đánh Tống, bà Thái hậu Dương Vân Nga trên đầu còn để tang vua Đinh Tiên Hoàng, tay còn ôm ấu chúa, đã làm lễ thành hôn ngay với thập đạo tướng quân Lê

Hoàn. Lễ thành hôn đó làm cho các nhà nho lắc đầu than thở. Nhưng thử hỏi nếu không kết thành một khối giữa kẻ nắm quyền bính cả thập đạo quân với người giữ yên trong nước thì làm sao mà thắng được quân Tống, để đất nước còn đến ngày nay cho các bậc đại nho lắc đầu mỗi khi chép sử đến đoạn đó. Thời buổi ta đang phải khu xử đây hỏi có khác chi thời buổi bà Thái hậu Dương Vân Nga kia đầu đội khăn tang tiên đế mà đi lấy chồng không nào?

– Kể ra thì cũng không giống hẳn, nhưng cũng vô cùng nguy hiểm.

– Cứ cho là không giống đi, nhưng nguy hiểm thì đã đến mức ngàn cân treo sợi tóc rồi... Vì có biến trong cung đình về quyền nhiếp chính, mà sợi dây ràng buộc của các đời vua trước với các khê động biên thùy phía bắc bị rệu rã, đứt mục. Tấm áo giáp chắc chắn che đất châu thổ nay mất sức che chắn đỡ hòn tên mũi kiếm rồi. Trong khi đó, ngọn đại đao của kẻ thù đã mài sắc, và đã giương sẵn chờ chém vào ngang thân ta. Thái phi muốn ta bỏ tấm áo giáp từ lâu hữu hiệu, nhưng bây giờ đứt vài mũi chỉ, để chạy tìm một chỗ ẩn nấp như cái hang của kẻ chạy khỏi người săn đuổi. Như thế phỏng có phải là kể bèn chắc không? Nay Thái phi đừng có nệ theo lễ nghĩa của ngoại tộc đưa vào, dùng hôn lễ và sự ra đi của các công chúa như những sợi chỉ hồng bèn chắc vá lại chiếc áo giáp bèn vững ấy. Theo Thái phi, trong hai cách thì cách nào là cách ta không nên nắm lấy để cứu mình cứu nước. Xin Thái phi Nhiếp chính tùy nghi toàn quyền định đoạt.

Ỗ Lan Thái phi Nhiếp chính im lặng hồi lâu rồi truyền lệnh rằng:

– Truyền cho chuẩn bị gấp để cho công chúa Thiên Thành xuất giá theo lễ vu quy của bản triều...

Lệnh đó đã truyền đi, và mọi việc được gấp rút chuẩn bị. Hôm nay cả kinh thành Thăng Long rực rỡ đuốc hoa đón đoàn rước dâu của phò mã động Kép về xin rước công chúa Thiên Thành.

Đám rước đã qua sông Cái tập trung hạ trại ở đường Hòe bên sông. Đúng giờ hoàng đạo, tiếng trống đồng rền vang cả kinh thành. Hơn một trăm dũng thủ rước nghi vệ của tù trưởng động Kép mang theo một bộ chín chiếc trống đồng. Loại trống to phải ba lực sĩ khiêng trên đòn ba dây, một người cầm dùi lớn đi theo và một người giữ nhịp. Chín chiếc chiêng bằng, mỗi cái chiêng to như một cái nong đúc đồng nguyên khối vừa dày vừa nặng, phải đặt trên kiệu giá hai người khiêng, có người cầm dùi đi theo. Chín chiếc chiêng nùm, có vú bằng đồng đúc dày đồng ở giữa. Tuy không to bằng những chiếc chiêng bằng, nhưng cũng phải hai người khiêng trong kiệu và một người cầm dùi lớn đi theo. Chín chiếc cồng voi loại cồng voi trận, cũng hai người khiêng một người cầm dùi để đánh. Ngoài ra còn có ba mươi chiếc cồng nhỏ, chiêng nùm do ba mươi sáu dũng sĩ cầm trên tay trái, nắm tay phải làm vỗ đánh... Dàn nhạc đồng hùng vĩ hơn một trăm dũng sĩ động Kép nổi giông bão. Tiếng trống đồng gầm lên như sấm dòn, núi lở. Chưa bao giờ kinh thành Thăng Long lại náo động đến như thế, nhất là sau cái tang kéo dài của bậc tiên đế.

Dàn nhạc đồng đi trước mở lối, tiếp sau dàn nhạc là ba mươi sáu dũng sĩ giương ba mươi sáu lá cờ của ba mươi sáu khê động. Mỗi khê là đơn vị của một vùng cư trú tương đương một hương dưới xuôi. Động Kép bao gồm ba mươi sáu khê. Mỗi khê có trên dưới một trăm tay cung tay mác, giữ trên dưới một trăm nóc nhà trải ra khắp vùng đất bao la từ Quỷ môn quan tràn xuống tận phía bắc ngạn sông Thương, sông Cầu. Trong hàng quân danh dự mỗi dịp chinh chiến hoặc mỗi kỳ lễ trọng, hộ tống tù trưởng động mà triều đình phong tước vương làm chức quan tri châu, hay châu mục, bao giờ cũng có dũng sĩ của ba mươi sáu khê giương cờ như một thứ nghi vệ không thể thiếu được. Ba mươi sáu kỵ sĩ cầm cờ ghì ngựa đi nước kiệu theo nhịp trống đồng và chiêng cồng uy nghiêm. Phò mã Thân Cảnh Phúc cưỡi trên lưng con ngựa bạch lông lánh yên cương giắt vàng đi giữa ba mươi sáu dũng sĩ cầm cờ, biểu tượng cho sự hùng mạnh của động Kép. Đi sau hàng võ sĩ là ba mươi sáu chiếc kiệu sơn cước. Đó không phải là kiệu đầu rồng của triều đình, kiệu đầu lân của các đình chùa thường dùng rước thánh thần. Kiệu sơn cước đơn giản hơn, thường làm bằng gỗ vàng tâm để mộc, chỉ quang dầu một lượt. Trên các kiệu không sơn son thiếp vàng đó, chất đầy những báu vật của ba mươi sáu khê thuộc động. Trước mỗi kiệu đều có một bộ lão cưỡi ngựa cầm cờ lệnh, ghi rõ tên của từng khê một. Sau ba mươi sáu kiệu của ba mươi sáu khê rước đồ sính lễ là những

chiếc kiệu kiêu Tống, thứ kiệu chiến lợi phẩm sai trận đánh đột kích vào động Lôi Hỏa mà các tướng dưới quyền Thân Cảnh Phúc cướp được của bên giặc. Trên các kiệu này chất đầy những chiến lợi phẩm, từ những bộ áo giáp, những vũ khí quý giá đến châu báu ngọc vàng. Ý của dân động Kép là muốn biểu dương công trạng của phò mã. Chứng tỏ rằng phò mã mang những chiến tích oai hùng. Vì thế trong hai hàng võ sĩ hộ tống kiệu cưỡi ngựa mang giáp hình trụ cùng mình toàn là những dũng sĩ có nhiều võ công trong chiến trận vừa rồi. Tiếp sau hàng kiệu kiêu Tống là hàng kiệu của triều đình ban tặng, trong đó chiếc kiệu đi đầu bỏ trống. Đó là chiếc kiệu rất huy hoàng. Kiệu này tuy cũ rồi, nhưng được người dân động Kép kết hoa bằng thổ cẩm vô cùng rực rỡ. Kiệu cũ vì đây là kiệu mà vua Thái Tổ nhà Lý ban cho con gái đầu lòng khi về làm dâu động Giáp. Làm dâu tù trưởng Giáp Qui. Cũng từ cái kiệu này, nhà vua ban cho họ Giáp đời đời làm thân vương của triều đình và đổi từ họ Giáp sang họ Thân. Đó là bà nội của Thân Cảnh Phúc tù trưởng của động Kép hôm nay. Cũng chính bằng cái kiệu này, bố Thân Cảnh Phúc cũng mang đi rước công chúa nhà Lý, tức là mẹ đẻ ra tù trưởng Thân Cảnh Phúc hôm nay. Và bây giờ tù trưởng Thân Cảnh Phúc lại rước đúng chiếc kiệu quý này cùng toàn thể các khê động đi rước công chúa Thiên Thành. Sau kiệu quý này là mười chiếc kiệu kiêu Lý rất lớn, đựng toàn những vật phẩm quý giá do lái buôn Lý Chăm cất công đi dọc Hoa Hạ mua về...

Đám rước rực rỡ sắc màu vang động tiếng sấm rền như một con giao long khổng lồ uốn lượn trong kinh thành Thăng Long với bảy mươi hai phường phố lúc bấy giờ... Rời mới tiến đến Kinh Thiên điện. Thái phi Ý Lan sai dọn hết đồ tang ngự trên chính điện để phò mã và công chúa làm lễ tế tơ hồng. Cũng như tất cả các nàng công chúa của triều Lý phải ra đi làm sợi chỉ hồng bền chặt đan kết nên sự thống nhất quốc gia, nàng công chúa Thiên Thành đến giờ phút tế tơ hồng mới được liếc mắt nhìn qua tay áo theo kim tuyến vàng óng ánh để thấy mặt người chồng sắp cưới của mình. Và rồi chỉ trong giây lát mình phải lên kiệu hoa rời kinh thành để đến một cõi biên thùy xa xôi mình chưa hề biết tới. Một lần ra đi chẳng bao giờ trở lại. Công chúa Thiên Thành nhớ đình ninh lời dặn của Thái phi nhiếp chính:

– Đã bao nhiêu con gái triều đình nhà Lý mang danh công chúa ra đi... Ra đi vì mệnh nước. Ra đi vì mệnh vua. Ra đi vì sự tồn vong của triều đình nhà Lý. Từ nay gánh nặng sơn hà đè lên vai của con. Nếu con giữ được chàng phò mã chồng con trung thành với triều đình, trung thành với nền nhất thống của Đại Việt là sự sống của con còn đảm bảo. Nhưng nếu để chồng con bị các sứ nhà Tống mua chuộc, lôi kéo, đi đến li khai khỏi triều đình, chống lại đất nước, thì cái chết sẽ đến với con trước khi nguy cơ đến với giang sơn gấm vóc... Kể từ giờ phút này vận nước nằm vào tay con như đã nằm vào trong bàn tay yếu đuối của biết bao nàng công chúa của triều đình ta... Con không bao giờ nên quên điều đó...

Công chúa Thiên Thành đâu dám quên. Nhưng như bất cứ một cô gái nào khác, công chúa Thiên Thành vẫn hồi hộp ghé mắt nhìn chàng dũng sĩ hùng cứ một phương trời, mà mình sẽ kết nghĩa trăm năm, sẽ ăn đời ở kiếp, sẽ trao xương gửi thịt, trao cả số phận của mình. Công chúa bồi hồi thấy vẻ mặt tuấn tú, vóc dáng quắc thước, khí thế hào kiệt của chàng tù trưởng động Giáp, nay theo lệnh của Ý Lan Thái phi được đổi là động Kép.

Lễ tơ hồng được cử hành xong, Ý Lan Thái phi dẫn phò mã và công chúa vào tận sân rồng ra mắt hoàng đế Nhân Tông. Nhà vua mới lên tám tuổi, đứng ra làm lễ hợp hôn cho người chị cùng cha khác mẹ của mình lấy một người tù trưởng ở nơi phen giậu quốc gia dưới sự hướng dẫn của bà nhiếp chính...

Vì là một viên hoạn quan, dù làm đến chức tể chấp đầu triều, nhưng trong buổi lễ hệ trọng của hôn phối này, Lý Thường Kiệt vẫn ý tứ lánh vào trong phủ đệ riêng của mình. Khi những nghi lễ tương bừng của đám cưới lớn nhất kinh thành làm cho không một người dân Kẻ Chợ nào có thể ngồi yên được thì Lý Thường Kiệt ngồi yên lặng, nghe Lý Chăm kể về những điều tai nghe mắt thấy trong kỳ viễn thương suốt dọc biên thùy Hoa Hạ. Ông chú ý đến từng biến đổi nhỏ nhất diễn ra sau khi tể tướng Vương An Thạch thực hiện tân pháp một cách tàn bạo cho tới vùng biên thùy Hoa Hạ xa xôi.

Tiếng cồng, tiếng chiêng, tiếng trống đồng đánh theo nghi tiết của lễ thân nghinh vang động trong không

trung, rung động đến cả bức tường căng da hổ của phủ tiết chế Tế chấp. Lý Thường Kiệt vẫn ngồi bất động im lặng lắng nghe. Thình thoảng ông mới từ tốn đặt một câu hỏi ngắn gọn vắn tắt:

– Thế còn việc mẹ con Nùng Trí Cao, nhà người có nghe ngóng thấy gì không?...

Lý Chăm lại hồi hải trả lời, cố nói to để át tiếng trống đồng chiêng đồng vang đến tận nơi cơ mật này.

– Dạ, bẩm tướng công Tiết chế, tôi đã tìm cách mang hàng vào đổi vàng bạc của châu Quảng Nguyên để tìm đến tận đất phát tích của họ Nùng. Tận mắt tôi thấy vùng này tuy dân thưa, ruộng ít, nhưng có nhiều sản vật quý, có nhiều phu người Mán đến đây theo những chủ trường khoáng để khai thác mỏ vàng mỏ bạc. Tại các hạt Ngân Sơn, Nguyên Bình, Thạch An vẫn còn có các lò đúc vàng đúc bạc. Ngược lên phía tây bắc còn có mỏ đồng Tự Long rất lớn. Bộ tộc họ Nùng đến bây giờ hãy còn cư trú rải rác từ vùng núi Quảng Uyên này lên tới hữu ngạn tả ngạn của hai con sông Tả Giang, Hữu Giang phát nguyên từ lòng núi vùng Lưỡng Quảng. Họ Nùng này là một họ rất mạnh. Mạnh đến mức các hoàng đế phương bắc phải kiêng nể. Ngay từ thời nhà Nam Hán thôn tính nước ta, bắt nước ta làm quận huyện, thì họ Nùng này đã giữ nguyên một khoảnh trời, và vua Nam Hán phải ban chiếu sắc phong. Lúc bấy giờ động trưởng của họ Nùng là Nùng Dân Phú đã được vua Nam Hán phong làm thủ lĩnh của dân mười châu động Quảng Nguyên. Khi Tống Thái Tông lên ngôi, Nùng Dân Phú lại xin quy phụ nhưng vẫn giữ độc lập trong giang sơn của mình, và nhà Tống cũng chịu, phải phong cho chức kiểm hiệu tư không. Từ đó họ Nùng đời đời truyền giao quyền lực theo lệ cha truyền con nối. Nhưng vì không giữ giường mỗi ngành trưởng, nên thường chia cho các con giữ riêng từng khe động, vì thế càng về sau, thế họ Nùng càng suy, lực họ Nùng càng phân tán...

Lý Thường Kiệt gật gù;

– Ta biết, ta biết... vì thế mà ta can vua Thánh Tông không bao giờ nên cắt đất phân phong cho các hoàng tử vương thân ngành trên ngành dưới... Như thế là đi vào cỏi chết...

Lý Chăm mau miệng hỏi:

– Dạ thế sao, tướng công Tiết chế lại truyền cho các khe động phải chiếu theo lẽ công bằng của các ngành trưởng ngành thứ phải chia đất, chia lộc, chia quan tước?...

Trong đáy mắt của vị Tiết chế đang ngồi im lìm bỗng lóe lên như một tia chớp lạnh. Vị Tế chấp gần như gầm lên:

– Đó là thuật trị nước... không phải việc của nhà người... Vì có gì mà nhà người dám so sánh ngang bằng giữa việc của triều đình với việc của các khe động... Thôi kể tiếp về dòng họ Nùng mà nhà người nghe ngóng được...

Lý Chăm hoảng hốt run sợ, nên rồi rít mau miệng thưa:

– Dạ... bẩm vâng ạ... con xin kể ngay ạ... Dạ, đến đầu đời Lý ta, thì họ Nùng vùng Quảng Nguyên vốn hùng mạnh bị vỡ vụn ra thành mười chi. Mỗi chi giữ và xưng hùng tại một động, không còn phụ thuộc gì vào nhau nữa, ngoài quan hệ huyết thống xuân thu nhị kỳ họp lại với nhau để mở hội tế lễ. Lúc bấy giờ chúa động Tường Cần thuộc châu Thạch An cướp quyền thủ lĩnh động Thảng Do. Đó là một con người dũng mãnh, có hùng tâm tráng chí. Với chí lớn, Nùng Tồn Phúc mở hội võ mời các chi phái của họ Nùng lại bắt mọi người quy phục mình, để lập nghiệp đế, làm cho dân Nùng hùng mạnh. Nhưng các chi phái vì mảnh ruộng bậc thang riêng, vì mảnh vườn riêng, vì cái mỏ thiếc mỏ đồng riêng đang thu lợi lớn, đều nhao nhao phản đối. Thế là con đường dùng lễ phải thuyết phục không xong. Nùng Tồn Phúc là kẻ quyết đoán tàn bạo, nên không chịu bó tay, thuyết phục bằng lời không được sẽ dùng gươm. Lập tức Nùng Tồn Phúc tiến quân đánh động Vạn Nhai, giết chết đứa em trai của mình, đang là tù trưởng, sát nhập động này vào của mình, rồi lại ào ạt tiến quân sang động Vũ Lạc giết chết tươi em vợ là tù trưởng Đường Đạo, hợp quân của ba động lớn, tiến lên đánh phá thu phục tất cả các động nhỏ thuộc mười động của châu Quảng Nguyên cũ. Làm chủ những lò bạc, lò vàng lớn, làm chủ cả một mỏ đồng lớn nhất miền Hoa Hạ. Lúc bấy giờ thanh thế của Nùng Tồn Phúc rất lớn. Vì nước ta cũng vào lúc đó lo việc xưng đế hiệu nên không để ý đến một vương đế

mới ra đời ngay giữa nước ta và nước Tống. Thấy ta lập đế hiệu, dựng nước độc lập mà nhà Tống không dám động binh Nùng Tồn Phúc cũng xưng đế, lập nước Trường Sinh, xây dựng quân đội, rèn luyện sĩ tốt. Quyết chí tự lập tự cường.

– Thật là một con người có tráng chí... nếu Tồn Phúc còn sẽ nguy hiểm cho triều Lý ta...

– Vâng, quả đúng như vậy, nên vào năm Mậu Dần (1038), vua Thái Tông triều ta đẩy đại binh tiến lên chinh phạt. Bắt được Tồn Phúc và con cả là Trí Thông. Nhưng vợ Tồn Phúc là Ả Nùng cùng con thứ là Nùng Trí Cao chạy thoát sang động Lô Hòa... Lý Thái Tông sai chém ngay cha con Nùng Tồn Phúc để răn đe. Nhưng lúc bấy giờ Nùng Trí Cao mới mười bốn tuổi đã tỏ ra một tay anh hùng đảm lược. Trí Cao đứng lên cầm quân với sự giúp đỡ của mẹ, trở về cướp động Thăng Do, thống nhất lại quân các khe động lập nước mới là nước Đại Lịch. Vua Thái Tông triều ta lại cử đại binh thân dẫn quân lên đánh bắt được cả hai mẹ con Trí Cao...

Lý Thường Kiệt trầm ngâm:

– Việc này thì ta biết... chuyện cũ tuy đã ba mươi năm nhưng ta còn nhớ như in trong dạ... Lúc đó ta mới ngoài hai mươi tuổi. Đã được xưng vào ngạch thị vệ, phong đến chức đô tri vệ cấm quân theo hầu vua. Đúng là vua bắt được Trí Cao và Ả Nùng, nhưng đất Quảng Nguyên không thể định được nếu thiếu tay Trí Cao... Giết Trí Cao lúc đó rất dễ. Nhưng giết Trí Cao thì có nghĩa là đẩy cả mười châu động Quảng Nguyên về nước Tống. Các châu động này sẽ thần phục Tống và sẽ chia giáo đánh ta. Vì thế vua buộc phải tha Trí Cao và mẹ, rồi lại sắc phong cho Trí Cao đến chức Thái Bảo... Việc này lúc đó ta tuy mới là một võ tướng cấm binh thị vệ trẻ nhưng ta dám lăm bàn, tí nữa mang họa vào thân, may mà vua thương tình chỉ quả trách... Lúc đó trong triều không phải ai cũng hiểu được đức và trí của bậc tiền đế, nên có ý dèm pha mẹ con Trí Cao. Có nhiều tin tức tâu về là Trí Cao định làm phản: Vua sai tướng cầm quân nên hỏi tội. Trí Cao chạy sang lấy động An Đức lại lập quốc, lấy hiệu mới là Nam Thiên Quốc. Trí Cao sang sứ sang ta cầu phong. Vua ta không cho, Trí lập niên hiệu Cảnh Thụy và sai sứ sang Tống xin thuận phục nhà Tống. Nhưng vua Tống cũng không cho. Lúc bấy giờ có viên tổng trấn Ung Châu là Kỳ Mân muốn lập công, nên đem quân vào sâu sào huyện Nùng Trí Cao. Bị họ Nùng bắt, để gỡ tội, Kỳ Mân nói với Trí Cao sẽ giúp đỡ cho việc xin quy phục nhà Tống. Trí Cao mừng lắm, mang nhiều vàng bạc ngà voi tiến cống, cử sứ đi đến kinh đô nhà Tống xin quy phục và cầu phong. Nhưng Tống sai lầm không nhận, lại muốn thôn tính. Trí Cao bị ép giữa hai phía Việt, Tống, tức giận, bần chồn. Lúc bấy giờ có một lái buôn vàng tên Mật họ Hoàng Sư. Tên này không phải là lái buôn tầm thường. Y đã từng đỗ đến tiến sĩ, làm quan trong triều. Nhưng lại có máu giang hồ nên bỏ đi buôn để lập nghiệp. Hoàng Sư Mật vì đi lại buôn bán khắp các miền trong Hoa Hạ, nên biết nhiều việc, lại có trí xét đoán, nên bỏ buôn vàng tính chuyện buôn lớn, buôn hãn nước để lấy cái lãi là chức Tể Tướng một vương quốc mới. Y bày tỏ với Trí Cao mọi việc quân mật, rồi bày kế ngầm xui Trí Cao đốt hết gia tài điền sản của dân động, rồi tuyên cáo rằng: Cửa cái của dân ta tích trữ bao đời nay một phút thiên tai hóa ra tro bụi cả. Bây giờ biết lấy gì mà sinh sống... Âu đó cũng là điềm trời xui khiến, bảo ta tiến vào Ung Châu chiếm lấy ruộng đất phì nhiêu sinh sống đời đời tự lập... Thế là tất cả già trẻ gái trai đều đi theo. Năm ngàn dũng sĩ rùng rùng kéo thẳng vào đất Ung theo dòng Hữu Giang... Việc này là vết nhục của nhà Tống, nên các sách sử không thấy có ghi... Mà ta rất muốn biết thật rõ con đường tiến quân của Trí Cao, vì thế ta mới sai người đi để tìm lại dấu vết... Chẳng hay người có làm đúng mệnh của ta giao cho hay chẳng?...

Lý Châm đang mãi mê nghe người trong cuộc kể lại chuyện cũ nay bị hỏi thì giật mình rồi rít thưa:

– Bẩm... bẩm... con đâu dám quên... Với đàn ngựa thồ hàng, con đã lần theo dấu vết của con đường tiến công hào hùng của Nùng Trí Cao. Vào tháng tư năm Nhâm Thìn (1052), niên hiệu Hoàng Hữu thứ tư, quân Trí Cao chảy theo dòng Hữu Giang về hướng đông. Đánh lấy trại núi Hoành ở đất Điền, rồi xuôi dòng sông Uất tiến thẳng đến Ung Châu như vũ bão. Lúc bấy giờ thành Ung chưa phải là một thành lớn như ngày nay, lại nữa đã có Hoàng Sư Mật tìm kẻ làm phản nội ứng, nên thành Ung Châu không giữ nổi quá ngày

mồng một tháng năm năm đó. Lấy được Ung Châu, Trí Cao lập một nước mới, đặt quốc hiệu là Đại Nam, tự xưng là Nhuận huệ Hoàng đế, rồi ra hịch xuất binh dọc theo Tầm Giang, xuôi dòng Tây Giang tiến về phía Quảng Châu. Đạo quân Trí Cao càng tiến sâu vào đất Tống càng có thêm dũng sĩ vác giáo theo dưới cờ, tiến như vũ bão. Quân Tống đóng trại tại các châu lỵ dọc đường vì quá hèn nhát lại không có thành cao hào sâu bảo vệ nên tan vỡ rất nhanh. Ngày mồng chín tháng năm, Trí Cao phá tan châu Hoàng. Ngày 12 tháng năm, Trí Cao tràn vào châu Quý. Ngày 16 tháng năm, Trí Cao dẫn quân tràn vào cánh đồng Bình Nam, cướp lấy châu Củng. Ngay ngày hôm sau, tức là 17 tháng năm, Trí Cao chia quân thành hai mũi cướp luôn hai châu là châu Tần và châu Bằng. Còn tự mình thống lĩnh đại quân tiến vào đất Thương Ngô chiếm hai châu: châu Ngô và châu Phong. Sang ngày 8 tháng năm, Trí Cao công kích châu Khang. Ngày 19 tháng năm Trí Cao xua đại binh vào đất Triệu Khánh làm chủ châu Đoan. Thế là chưa đầy một tuần trăng quân Trí Cao đã đến trước châu thành Quảng Châu. Đi đến đâu Trí Cao cho quân đốt phá tàn sát đến đó, bắt hàng vạn tù binh, giết một lúc hơn ba ngàn tướng tá... Nhưng trong thành Quảng Châu lúc đó có một võ tướng trí dũng song toàn, lại có thành cao hào sâu, quân luật nghiêm minh, nên Trí Cao đánh ròng rã năm mươi bảy ngày đêm mà không hạ nổi. Đến ngày 18 tháng bảy, Trí Cao hạ lệnh lui binh...

Lý Thường Kiệt trầm ngâm:

- Nếu ta cầm quân, ta không đánh như thế... ta sẽ đánh từ phía ngược lại... hay là từ hai phía... ắt là...
- Dạ, tướng quân dạy gì ạ...

Lý Thường Kiệt quắc mắt:

- Không phải việc nhà người... Cứ trình việc tiếp đi...
- Dạ đến bây giờ khi tiến đến thành Quảng Châu và từ Quảng Châu đến thành Khâm Châu, tôi còn nghe dân gian kể chuyện về việc thời ấy khắp một vùng Hoa Hạ, giáp biển lo chạy loạn Giao Chỉ, vì nghe quân Đại Việt sẽ tràn sang bằng đường biển... việc đó tôi không rõ thực hư thế nào cả...
- Thực mà hư, hư mà thực... rồi chính ta, ta sẽ tiến quân thực cho mà xem... Chờ đấy...
- Dạ bẩm tướng công, tướng công dạy gì...

Biết là trong lúc cao hứng, mình đã buột miệng nói ra cái điều nghĩ suy tâm niệm. Sợ lộ việc quân cơ, Lý Thường Kiệt lại trầm giọng quắc mắt:

- Nhà người cứ trình việc tiếp đi... nhà người kể đến đâu rồi nhỉ?
- Bẩm tướng công, tôi đang kể đến chuyện có tin đồn là ta xuất quân đánh ngược theo đường biển... làm dân gian Hoa Hạ đến bây giờ hãy còn sợ ạ... chuyện đó không rõ thực hư...

Lý Thường Kiệt gật gù:

- Việc này thì ta biết... nhà người đi đến tận nơi, có biết gì thêm không...
- Dạ bẩm tướng công, tôi đến tận đền Côn Lôn...

Lý Thường Kiệt trầm ngâm lắng nghe Lý Châm kể rồi nói:

– Việc cũ nơi ngoài biên tái mà nhắc lại ta cứ nghe như mới xảy ra ngày hôm qua... Tiếc thay... tiếc thay... cho kẻ anh hùng... Ta là kẻ hậu sinh... ta không có quyền xét việc làm và hành trạng của các bậc đế vương và khanh tướng triều trước... Nhưng nếu lúc đó ta nắm giữ binh quyền thì người anh hùng tráng kiệt như Trí Cao sẽ không bao giờ phải chết nhục ở miền núi rừng âm u Vân Quý... Mà vua nhà Tống chẳng thể nào ngồi yên ở Biện Kinh...

Lý Châm là một khách thương tuy vốn trí thông minh hơn người lại được huấn luyện việc thám sát qua lần đánh Chiêm, nhưng không dễ gì có cái nhìn bao quát. Điều này vị Tể chấp Tiết chế cũng hiểu, nên không đòi hỏi gì hơn ngoài việc yêu cầu người khách thương này kể tất cả những điều tai nghe mắt thấy, rồi đối chiếu với những tin tức do thám khác nhau của các người do ông bí mật phái đi, để thấy chính sách Nam thù của triều Tống...

Chiến thắng Chiêm Thành của vua Thánh Tông làm cho triều Tống bắt đầu giảm sức mạnh của triều Lý nước Đại Việt. Vì thế mà một mặt Tống Thần Tông và tể tướng Vương An Thạch ráo riết tăng quân lực của các châu phía nam, tăng các kho vũ khí lương thảo, tăng để phòng thủ chứ không dám đánh. Vương An Thạch còn mật lệnh cho các tướng là nếu thấy ai có tư tưởng muốn đánh ngay Đại Việt thì phải bẩm ngay, để tránh gây rắc rối ở phía Nam thù. Có lẽ vì thế mà tháng mười năm ấy, viên quan coi Quế Châu là Phan Bội đã tâu về triều rằng: “Viên quan coi việc các khe động phía Nam họ tướng tên Thánh Du, vừa tới nhậm chức đã nói muốn đánh lấy đất Giao Chỉ... Thần sợ y quá hăng hái, làm càn gây việc biên tái, xin chuyển y đi chỗ khác ngay...” Và tên quan này đã bị biếm. Nhưng chí lớn của tể tướng và nhà vua không hề thay đổi, chỉ muốn giữ kín, vì thế lấy cớ là để phòng Giao Chỉ phản trắc, vua Tống muốn dời ty kinh lược từ Quế Châu xuống Ung Châu. Để làm việc này, thành Ung Châu đã biến thành một trung tâm quân sự lớn nhất ở phía Hoa Hạ... Và viên tướng có công đánh dẹp Nùng Trí Cao họ Tô tên Giàm, đã được cất nhắc lên coi việc Ung Châu, Vào tháng mười năm Canh Tuất, sứ ta là Kế Nguyên mang quốc tính họ Lý, xin được mở đường sang Biện Kinh, bị Tô Giàm giữ lại, đòi phải trả lại các tù binh Tống mà quân các khe động Đại Việt đã bắt...

Cuối năm Canh Tuất (1070), viên quan coi việc chuyển vận sứ Quảng Tây họ Đỗ tên Kỷ dân số về Biện Kinh, tâu rõ bản đồ núi sông đường sá, thành quách, binh dân và nội tình nước Đại Việt. Vua tâm đắc lắm truyền gọi tể tướng Vương An Thạch vào nội cung cho xem và định giao cho viên khu mật trù liệu. Tể tướng Vương An Thạch biết là Tống Thần Tông muốn đánh Giao Chỉ lắm rồi, bèn can:

– Muôn tâu bệ hạ, từ khi đăng quang bệ hạ đã nghĩ từ trước là phải lo cho nước mạnh. Đó là phúc cho dân Tống. Còn việc ngoài vạn dặm, trước đã bàn là không thể không xét tới. Đến như sai biên thần đi đồ Giao Chỉ, thì chưa nên... Làm như vậy, ắt Giao Chỉ sinh nghi... sinh nghi sẽ động tâm mà động tâm tất sinh biến. Sinh biến vào lúc ta chưa trù liệu xong mọi việc thì thất lợi...

Vương An Thạch nhấn mạnh mấy chữ đồ Giao Chỉ. Đồ theo cách trù liệu của tể tướng họ Vương là mang quân đi gây sức ép, buộc nước nào đó phải hàng phục. Vương An Thạch muốn Thần Tông giữ kín việc bành trướng phía Nam để tránh sự bài xích của các đại nho thần và cự thần. Tể tướng nói thêm:

– Việc ngoài vạn dặm mới định, mà kẻ trí giả đã biết trước thì khó mà thành tựu nổi... Xin bệ hạ ráng chờ đợi ít lâu... Hiện nay sự đáng lo trong nước không phải ở ngoài biên thù mà ở triều đình. Cũng không phải ở triều đình mà ở chính lòng vua.

Nhà vua Tống vừa nguôi nguôi, lại có kẻ biên thần tâu về rằng, Đại Việt thua trận ở Chiêm Thành, quân không còn một vạn, cất quân là lấy được. Đọc sứ này, Vương An Thạch cười lớn, và giấu đi không cho Tống Thần Tông. Lúc đó viên quan cũ của đất Ung Châu và Tiêu Chú, xin yết kiến Vương An Thạch và bày tỏ rằng:

– Nghe Tể tướng để nhiều tâm huyết đến việc Nam thù, trước tôi đã ở Ung Châu lâu, tôi biết rằng lúc này, ta có thể lấy được đất Giao Chỉ để mở rộng biên thù về phía nam... Tôi là kẻ thư sinh, xuất thân từ trường ốc, mới đây vua sai đi coi việc quân mã ở tận Hà Đông, nơi đang giao tranh với nước Hạ. Tôi vốn là thư sinh chỉ quen nghề phủ dụ lại thạo việc các khe động Nam thù. Không quen nghề chinh chiến ở Bắc thù, sợ không làm trọn mệnh vua. Cậy xin tể tướng cho tôi trở lại vùng đất Ung Châu. Tôi xin vì ngài mà cất bớt một nỗi lo canh cánh ở miền Hoa Hạ.

Vương An Thạch nghe nói hợp bụng mình nên tâu vua Thần Tông. Vua bổ Tiêu Chú ra coi Quế Châu. Vương An Thạch sai khu mật viện làm sứ tâu lên, xin triều đình hậu đãi những quan chức tuần du lo việc ở Hoa Hạ, nại cớ ở đó biên sự khó khăn, lại thời tiết nóng nực, nước độc, khí hậu khắc nghiệt...

Hăm hở đến Quế Châu với giấc mộng mở cõi Nam thù, nhưng vừa đến nhậm chức, Tiêu Chú đã thấy tình hình Nam thù biến động. Y sai tay chân mời mọc các tù trưởng khe động về Quế Châu tiếp đãi trọng hậu, dò xét hư thực. Càng dò hỏi Chú càng giật mình kinh sợ. Chỉ trong vòng mười năm, kể từ ngày bị biếm khỏi chức ở đây, tình hình bên kia cửa ải đã đổi khác. Triều Lý sau chiến thắng Chiêm Thành đã thúc ước

dân các khê động thành một khối bền vững. Không biết làm sao mà các vua nhà Lý lại có nhiều con gái đến như thế. Hình như năm nào cũng có một vài nàng, dăm bảy nàng công chúa nhà Lý xuất giá ra biên thùy kết duyên cùng các tù trưởng lớn nhỏ đứng đầu các khê động suốt dọc vùng biên tái. Trong nước Đại Việt, quân đội cứng mạnh, triều chính uy nghiêm. Sức mạnh tự cường thật đáng sợ. Các man động nằm ở nơi tranh chấp đều có phò mã của vua nhà Lý đứng đầu. Tiêu Chú là một kẻ thức thời, nên biết rằng, với cảnh này khó mà tính chuyện Giao Chỉ được. Vì lẽ ấy mà có những kẻ dưới trướng vẫn ngu muội dâng kế sách phát binh phương Nam, Tiêu Chú đều nhận và bí mật đem đốt đi, không tâu về triều đình.

Hai năm đã trôi qua, nhưng Tiêu Chú không làm được gì cả vì bản thân Tiêu Chú đã cảm thấy có gậy chuyện biên tái ở đây thì nhà Tống cũng chỉ gánh lấy sự thất lợi mà thôi.

Kịp đến sự biến trong cung đình nhà Lý khi vua Thánh Tông đột ngột băng hà. Tin tức ấy truyền nhanh về Biện Kinh. Việc phát binh đánh Giao Chỉ chấn động trong triều đình nhà Tống. Tể tướng Vương An Thạch nóng ruột thúc bách. Viên quan ở Lưỡng Quảng và Hoa Hạ là Hứa Ngạn Tiên đã tâu về triều rằng: Kể từ tháng giêng năm Quý Sửu, đã thay thế các thứ lính già yếu từ trước...

Càng nôn nóng hơn, Tống Thần Tông triệu Tiêu Chú về triều để căn vặn tình hình Giao Chỉ, chuẩn bị lệnh phát binh, Tiêu Chú dập đầu trước sân rồng mà tâu rằng:

– Việc lấy Giao Chỉ rất khó... rất khó...

Tống Thần Tông vỗ ngai quát:

– Có sao người lại coi là khó?

– Bẩm khó vì binh lực Giao Chỉ đã hùng cường, cương giới Giao Chỉ đã mở rộng từ nam đến bắc.

– Nói láo... Ta mới nghe mật tâu rằng Giao Chỉ vừa mới thua Chiêm Thành quân không còn một vạn

– Muôn tâu bệ hạ, quân đội Lý đóng ở triều đình không đến một vạn thì đúng, nhưng kẻ nào tâu rằng quân Lý thua Chiêm Thành thì kẻ đó can tội lừa vua dối chúa đáng chém đầu. Sự thật quân Lý đã đại thắng Chiêm Thành, bắt vua Chiêm về tận Thăng Long, vua Chiêm xin dâng đất ba châu để được tha về và xin thần phục... Chẳng lẽ quân Giao Chỉ thua mà lại được như thế ư?

– Ta nghe tâu quân của ta hùng mạnh, một cái quạt roi ngựa cũng có thể vào tận kinh đô Giao Chỉ, việc gì mà người kêu khó?

Tiêu Chú lại dập đầu tâu bày:

– Muôn tâu bệ hạ, trước đây kẻ hạ thần cũng có ý đó. Cũng cho là chỉ cần cử đại binh lấy thanh thế, cho quân khê động tính ngày lấy là được. Nhưng bây giờ không thể nghĩ như thế được. Trước đây quân khê động của ta cứng mạnh, sức một thắng mười, binh khí sắc bén mà người thân tín thì tay chỉ miệng quát, ta điều khiển được. Nay, hai điều ấy không còn nữa. Binh giáp không sẵn sàng, mà người tin cậy thì đã chết quá nửa. Hơn nữa những kẻ sống sót lại bị quân Giao Chỉ làm kẻ sinh tù giao hối ước thúc đã hơn mười năm... Quân ở Giáp động, Khê Man bây giờ không còn là quân của ta nữa rồi, mà là kẻ nối giáo cho quân Giao Chỉ.

Cả vua Thần Tông lẫn Tể tướng Vương An Thạch lúc này đang muốn phát binh Nam chinh, nên không bằng lòng với lời tâu bày của Tiêu Chú. Nhìn sắc mặt của vua, quần thần đều hiểu điều đó. Nên ngay lúc ấy, từ trong hàng quần thần có người tiến ra và quát lớn:

– Giao Chỉ là xứ nhỏ bé hèn mọn, không lý gì mà không lấy được... Kẻ hạ thần ra biên ải, sẽ bắt cổ tên chúa Giao Chỉ về trước sân rồng cho bệ hạ hỏi tội...

Hỏi ra thì người nói câu nói hùng hổ đó họ Thẩm tên Khởi. Lời nói hung hăng hợp ý vua và đẹp lòng tể tướng họ Vương. Vì thế ngay tức khắc, Tiêu Chú bị huyền chức và Thẩm Khởi được bổ làm quan an phủ sứ coi Châu Quế, gia thêm chức kiêm nhiệm Quảng Tây kinh lược sứ.

Thẩm Khởi hào hùng xin rằng:

– Từ nay đất Nam thù cũng chinh chiến như đất Bắc thù. Nếu ở Quảng Tây có biên sự thì cũng xin được theo lệ Thiêm Tây, để ty kinh lược được xử trí rồi tâu về trên sau.

Nhà vua bằng lòng. Không những thế lại giao thêm cho Thẩm Khởi tự lo toàn quyền về việc biện lương thảo cho cuộc hành binh lớn xuống Giao Châu. Tập trung quyền lực trong tay Thẩm Khởi phát quân đánh dẹp các khê động, xây thành đắp lũy, tập trung binh lương. Dân khê động nổi lên chống Thẩm Khởi, nhưng Thẩm Khởi mặc lòng chém giết để đe dọa. Tháng tư năm Quý Sửu (1073) Thẩm Khởi xin điều động đình, thể đình của các bảo giáp thuộc năm mươi một động thuộc Ung Châu kết thành quân đô bảo giáp, sai quân rèn tập và kiểm tra phép đánh trận. Vua không những bằng lòng mà còn cấp nhiều tiền để Thẩm Khởi có thể tiến hành gấp rút việc này. Khởi lại sai binh tướng vào tận các khê động, kiểm điểm động đình, lập thành các bảo ngũ, cử tướng phát cờ lệnh, cấp trận đồ sai rèn luyện tập binh mã. Tiếp đó Thẩm Khởi tung quân bắt các thuyền buôn, thuyền đánh cá, thuyền chở gạo, chở muối trên sông, dọc bờ biển tập thủy chiến. Cả một miền Hoa Hạ biến thành một trại lính khổng lồ, không đâu không nghe tiếng loa thét rèn quân, tiếng đao kiếm. Các kho vũ khí lương thảo đầy ắp.

Ấy cũng là lúc Thẩm Khởi cấm ra lệnh buôn bán giao thương giữa dân chúng Tống Việt. Vì thế đoàn ngựa thồ của lái buôn Lý Chăm phải vất vả gian nan lắm mới đi suốt dọc được miền Hoa Hạ để thu nhặt các tin tức, và cuối cùng bị lộ ở trạm dịch Cổ Vạn. May nhờ có trí xét đoán chuẩn bị trước của Lý Thường Kiệt cho người đóng giả lái buôn Vạn Hoa Lô Châu đi đón mới thoát về được.

Cũng trong lúc đó, Thẩm Khởi hợp cùng Ôn Cảo dâng sớ xin vua Tống Thần Tông hậu đãi bọn tù trưởng bị dụ dỗ bỏ Lý theo Tống, để dễ bề lôi kéo. Vì thế Nùng Tôn Đán được thăng chức đô giám Quế Châu, Nùng Trí Hội được giao coi châu Quy Hóa.

Thẩm Khởi lại sai người thân tín đến tận châu Quảng Nguyên để dụ phò mã Lưu Kỷ. Lại sang người mang vàng lụa đến Châu An tính mua chuộc Nùng Thiện Mỹ. Viên đô tuần kiểm Tiết Cử đã có công đưa Nùng Thiện Mỹ và hơn sáu trăm gia thuộc chạy sang Tống. Thẩm Khởi hào hứng cáo về triều: “Thiện Mỹ vốn là người của ta, coi động Nạ thuộc châu Thất Nguyên. Trước bị Giao Chỉ ước thúc đổi là châu An. Nay bỏ về theo ta, xin bệ hạ trọng thưởng để các tù trưởng khác nhìn gương đó mà bỏ Lý hàng Tống...”

Trong khi Thẩm Khởi làm náo động cả một vùng Hoa Hạ thì Tống Thần Tông và tể tướng Vương An Thạch do dự chờ đợi thời cơ. Khi vua Lý Thánh Tông mất, vua Tống Thần Tông sai chuyển vận sứ Quảng Tây sang điều vừa tỏ sự hòa hiếu vừa để dò xét xem có thể xuất binh được không. Nhưng trong nước Đại Việt không có biến dù vua còn nhỏ tuổi. Vì thế Tống Thần Tông còn án binh bất động. Sau đó sứ nhà Lý là Lý Hòa Tổ, sang Biện Kinh xin cầu phong, Tống Thần Tông phong Nhân Tông nhà Lý là Giao Chỉ quận vương.

Vương An Thạch từ mấy tháng nay cũng khó chịu về việc Thẩm Khởi tự quyền làm sai của mình. Vương An Thạch thấy cũng đã bắt đầu không thích Thẩm Khởi bèn tâu rằng:

– Thẩm Khởi cậy mình cứng mạnh, không biết lẽ mềm dẻo, ắt là dễ gây. Người như thế không thể giao việc hệ trọng, sợ vì quá hăng mà làm hỏng việc lớn.

Tống Thần Tông thở dài:

– Thẩm Khởi tự cho rằng việc Giao Chỉ dễ làm xong... Nhưng trăm cũng e việc lớn quá, Khởi khó làm nổi được...

– Bệ hạ nói đúng... Khởi quá tin ở mình, nên nhiều phen coi nhẹ lệnh vua, coi thường phép nước... có nguy cơ gây nên hậu họa...

Thẩm Khởi mãi lo việc thực hiện những chính sách riêng của mình trong vùng man động nên đã bỏ qua một giây khắc vô cùng lợi hại, một cơ hội có một không hai trong việc xuất quân đánh vào đất Giao Châu. Đó là lúc cuộc tranh chấp giữa phe Ý Lan và phe Thái hậu Thượng Dương, giữa phe Thái sư Lý Đạo Thành vào Tiết chế Lý Thường Kiệt. Cuộc chính biến nổ ra nhất nhanh, khi tin về triều đình nhà Tống thì

mọi việc đã xong.. Việc này làm tể tướng Vương An Thạch vô cùng bức bối, vì thế Vương An Thạch đã dâng thư hạch tội Thẩm Khởi về việc nhận động chủ Nùng Thiện Mỹ. Vua Tống bèn phê ngay vào chiếu thư rằng: “Ở phương nam Thẩm Khởi làm xằng. Dám giấu việc gây sự với man dân nếu ta không xử trí cho êm khó tránh khỏi tai họa cho Trung Nguyên. Thậm không được Phải lập tức bãi Khởi và trị tội...”

Ngày mồng một tháng ba năm Giáp Dần (1074), vua Tống Thần Tông bổ Lưu Di thay Khởi...

Lái buôn Lý Châm hết sức ngạc nhiên:

– Đêm tôi chạy khỏi bạc dịch trường Giang Đông thì Thẩm Khởi hãy còn đang chức, thế lực ngang trời. Không việc gì của gã họ Thẩm này không được triều đình ủng hộ, chấp nhận... Phải nói là Thẩm Khởi đã có công biến cả miền Hoa Hạ thành một trại binh lớn, thành một kho lương thực vũ khí thừa sức tiếp tế cho một đạo quân ba mươi vạn người đánh vào Đại Việt.

Lý Thường Kiệt giật mình:

– Sao người nói sao, kho lương của Thẩm Khởi đặt ở Hoa Hạ có thể cung cấp cho đạo quân ba chục vạn người ư?

Lý Châm gật đầu:

– Bẩm tướng công chuyện gì chứ chuyện lo ăn, thì tướng công cứ tin vào cách tính toán của tôi. Đi dọc các châu động từ Đặc Ma suốt đến Cổ Vạn tôi đã đếm được hơn năm chục kho đụn lớn. Loại kho xây bằng đá ong cũng có, loại dựng bằng phen tre phen liễu rồi đắp bùn trộn phân trâu cũng có. Mỗi kho đụn đều đầy ắp lúa thóc, và có sức chứa ước chừng vài vạn thạch.

– Người ước tính các kho đó có thể nuôi ba mươi vạn quân trong bao nhiêu lâu?

– Bẩm tướng công những kho đụn mà tôi mắt nhìn thấy thôi đã có thể nuôi quân hết một mùa lúa... Nhưng Thẩm Khởi còn dựng một loại kho xưa nay chưa từng có.

– Hẳn dựng kho vũ khí ư?

– Vũ khí thì đã đành... không động nào hẳn không dựng lò rèn đao kiếm, không châu nào không có kho chứa khí giới quân nhung. Nhưng loại kho này ở Hoa Hạ chưa từng có.

– Thế là kho gì?

– Kho cỏ... loại cỏ tốt phơi khô... giữ kĩ

– Trời... Thẩm Khởi đúng là một tên chuyên vận sứ lương thảo quý quyết...

– Theo tôi biết thì hẳn dựng các kho của dọc theo đường từ Biện Kinh đến biên thùy nước ta... Tất cả các ngã đường hành quân đều có kho cỏ, kho lương, kho vũ khí... Nguyên kho cỏ họ Thẩm sai đánh đồng nhưng ta đánh đồng rơm, cao như quả núi lô nhô, có đặt quân canh. Cứ ba mươi dặm, Thẩm Khởi lại dựng một kho cỏ... Mỗi kho có đến một trăm đồng cỏ... Bên những đồng cỏ còn có kho cao lương lúa mạch cho ngựa ăn... Như vậy mỗi đường tiến quân họ Thẩm dự định có thể đón một đạo kỵ binh đông hàng vạn ngựa mà không lo phải tự biện lấy cỏ và lúa mạch cho ngựa ăn...

Lý Thường Kiệt im lặng hồi lâu rồi tự hỏi. Tự hỏi mình chứ không phải hỏi người đang ngồi trước mặt mình...

– Thế sao Tống Thần Tông lại cách chức một viên quan kinh lược được việc đến như vậy?

Vừa lúc ấy, một tên lính hầu cận đi từ cửa ngách vào và trình lên một phong thư có gắn sáp cánh kiến:

– Bẩm tướng công, có một nhà sư vừa đi xuyên biên tái mang lá mật thư này về đây, bảo đưa ngay cho tướng quân...

Lý Thường Kiệt bẻ sáp gắn, mở phong thư và xem, bỗng kêu lên sững sờ:

– Trời thế là không những Khởi bị cách chức... mà cả đến tể tướng họ Vương cũng bị các triều thần công kích dữ dội sau trận thua giặc Phổ Thôn phải cắt đất... Phen này cũng có nguy cơ mất quyền tể

tướng... Thế là trời cho ta thêm một thời gian rèn lưỡi giáo tích thêm lương nữa... Văng Vương An Thạch, chưa kẻ nào dám cất quân đánh ta đâu...

Vừa lúc ấy, người bên phủ nhiếp chính sang và báo rằng:

– Lệnh bà truyền rằng lễ tiết cung đình đã xong... Phiền tướng công Tể chấp đích thân đưa công chúa lên đường vu quy...

Khúc sông Như Nguyệt đoạn này, phía bờ Nam có một chiếc cầu lớn. Cầu dựng từ hồi Mai Hắc Đế giành được quyền độc lập. Đến nay không ai nhớ người xưa đặt tên như thế nào cho cầu này nữa... Chỉ biết nơi nam ngạn dòng sông có Cầu. Người đời sau nghe nói khúc sông này có Cầu thì ắt nhằm tưởng đây là cầu bắc qua sông... Dòng sông Như Nguyệt khúc này rất rộng, vì thế chiếc cầu bắc qua sông phải lớn lắm. Nhưng thực ra đâu có phải như vậy? Cầu ở đây có nghĩa là cầu Quán. Đó là một ngôi nhà dài nhiều nhịp vì kèo. Số nhịp vì kèo dài ngắn không định số. Có khi là bảy nhịp, có khi là chín nhịp. Mà có khi dài hơn. Trên cầu có lợp mái. Mái ngói ống, mái ngói âm dương, cũng có khi lợp tạm mái gianh mái lá... Cầu có khi làm bên đường quan lộ, nhưng cũng có khi làm ngay trên đường quan lộ. Một khúc đường quan vì lẽ ấy mà được lợp mái. Cầu chỉ có mái chứ không có tường. Hai bên cầu nơi hàng cột tiếp nối nhau thường có xây bệ để người qua đường dừng chân ngồi nghỉ... Vào thừa ngàn năm Bắc thuộc, vùng đất châu thổ xứ Giao Chỉ này là nơi hợp lưu của nhiều dòng tôn giáo xa lạ. Trước đây dân bản địa ở đây có một thứ tín ngưỡng riêng biệt sơ khai. Họ thờ các vật tổ các thần sông thần núi, họ thờ tổ tiên và người đã khuất. Niềm tin của họ tự nhiên. Họ nhìn núi nghĩ rằng núi có hồn. Họ thấy sông, nghĩ rằng sông linh thiêng. Đối với họ gió cũng là thần, mưa cũng là thần. Họ chọn một con chim bay trên trời làm vật tổ linh thiêng của mình: Con chim Mơ Linh. Họ chọn một con vật khỏe nhất giúp họ xuống đồng bằng cấy lúa nước thờ làm vật tổ của mình và làm tên của bộ lạc mình Bộ lạc Trâu, tức : Chu Diên... Nhưng rồi những người cạo tóc đầu khỏa áo cà sa trăm mảnh cười voi từ núi phía tây sang, họ xếp bằng tròn dưới gốc cây bồ đề mà họ tìm thấy trên đường mòn. Họ không ăn không ngủ. Chỉ ngồi xếp bằng tròn lim dim mắt cầu khẩn lần tràng bằng hạt bồ đề. Ai cho họ gì họ ăn nấy. Từ củ khoai sống, nắm cơm mốc đến miếng thịt gà sống... Khi mọi người xúm lại xem thì họ thuyết pháp về lòng từ bi của Đức Phật về cõi niết bàn... Chính họ là người mang đạo phật đến xứ này... Họ không còn phải ngồi dầm mưa dãi nắng xếp bằng tròn dưới gốc cây. Họ không còn phải ngồi dầm mưa dãi nắng xếp bằng tròn dưới gốc cây nữa. Mà họ đã làm cho dân tin giúp họ, cùng họ dựng chùa chiền, tụng kinh niệm Phật. Tín đồ đạo Phật ngày càng đông. Chùa chiền mọc lên như nấm sau những trận mưa nước mắt của những năm đói khát, những trận mưa máu sau những năm đầy gươm đao tàn sát của bọn ngoại xâm... Kinh phật còn theo dấu chân của những đoàn quân phương Bắc tràn xuống. Cũng từ phương Bắc tràn xuống có những vị tiết độ sứ, những quan huyện lệnh cai trị. Họ mang đạo thánh hiền của ông Khổng Tử, bắt dân phải theo tam cương ngũ thường. Họ mở trường dạy trẻ con học đạo nghĩa. Dựng đình để truyền trong dân gian lễ giáo thánh hiền. Khắc bia để ghi muôn thừa những lời răn bảo. Lập văn miếu để thờ Khổng Tử và bay mười hai vị tiên hiền... Cái đình của họ ngày xưa chỉ là một cái nhà vuông vức một gian làm trên nền đất cao. Trong dựng bia đá. Mỗi khi có việc, họ gọi dân làng ra đứng quanh nghe họ rao giảng... Người bản xứ ở đây có một nơi tụ họp việc làng, việc chợ. Đó là một cái nhà lớn cả làng góp sức cùng làm nên để tụ họp, thờ cúng theo tục lệ ngàn đời... Vì là đạo của những người nắm quyền nên các vị quan cai trị đã tìm cách biến cái đình nhỏ bé của mình nhập vào cái đình to của dân các làng các chợ. Từ ấy nhà làng nhà chợ cũng biến thành đình... Đạo nho bắt rễ dần vào trong dân dã... Nhưng cùng với bước đi của hai mạch đạo này, có những kẻ khát sĩ phiêu diêu cười trên lưng lừa, khật khưỡng nói toàn chuyện sông núi, trời mây, tiên cảnh... Đó là những pháp sư đạo Lão... Những người tu tiên đi hái thuốc mãi tận trong rừng sâu, trong núi xa, giảng thuyết vô vi trong các mái nhà dựng dọc theo đường quan. Nhà dài gọi là cầu, nhà nhỏ gọi là quán. Cầu quán ra đời chen nhau với đình, với chùa chiền... Cho đến thời gian của câu chuyện rước lễ vu quy nàng công chúa Thiên Thành về động Kép của phò mã Thân Cảnh Phúc là đến độ thịnh hành cả ba giáo phái trong dân dã Việt Nam... Chỉ có một điều khác bất cứ một nơi nào trong bầu trời bao la của nhân loại, đã từng nổ ra những cuộc chiến tranh của các giáo phái ở đâu cả ba giáo phái đã đến và làm tổ trong lòng đất, trong lòng người dân xứ này. Dân xứ này

tiếp nhận tất cả các thức tôn giáo lạ lùng, như con gà mái sẵn sàng mang hơi ấm của mình ấp tất cả những quả trứng gà, trứng vịt, trứng ngan, trứng ngỗng... Các quả trứng chưa thể đánh nhau dưới sức ấm nóng của sự ấp ủ của mái gà...

Cái quán trên bờ nam sông Như Nguyệt ở khúc bến đò này có lai lịch như vậy. Nhà nho theo đạo thánh hiền, nhà sư thờ Phật, và những người dân giáp động chưa kịp tin thờ điều gì ngoài tín ngưỡng cổ sơ của tổ tiên cũng dừng chân tại quán này... trên con đường thiên lý nam bắc... Họ ngồi nghỉ ngơi bên nhau và chẳng hề có chút gì hiềm khích. Chỉ có những người cầm đầu các giáo phái, những nhà sư, những nhà ngo, những bậc tu tiên là có thì giờ bài bác nhau, chống đối nhau mà thôi... Còn vua nhà Lý kể từ thời vua Thái Tổ đều tìm mọi cách hòa hợp mọi giáo phái như dân gian đã hòa hợp, đã dựng đền bên chùa, dựng quán bên đình, dựng cầu ngay trước Văn Miếu, để đưa thần cũ của mình vào thờ cả trong đền, trong chùa. Vì thế đến thời Thánh Tông nhà vua đã mở khoa thi tam giáo đồng nguyên, bắt tất cả các sư dưới mọi hình thức của cả ba giáo phái đến triều đình thì, và kén những người tài ra giúp nước. Nhưng nói gì thì nói, vào thời các vua nhà Lý đạo Phật vẫn là đạo đã bắt rễ rất sâu vào lòng đất và lòng người xứ này...

Vì có cái cầu như thế trên bờ nam khúc sông Như Nguyệt này nên nhiều người dừng lại nghỉ ngơi buôn bán khi qua sông đợi đò rồi dần dần họp thành chợ. Chợ này có lợi thế ở ngay trên bến sông, lại là nơi hội tụ hàng hóa ngược xuôi từ nam lên bắc, từ các khe động thượng đạo xuống, các làng mạc trù phú nhiều nghề thủ công vùng chiếng bắc kéo lên. Lại là nơi bến sông ngang dọc chuyển hàng từ phía tây về, từ chiếng đông ngược lên... Sản vật đầy ắp, người đi mua bán như trẩy hội. Vì chợ họp ngay trên mảnh đất có cầu quán nên người ta gọi tên chợ này là chợ Cầu cho tiện ghi tiện nhớ. Và bến đò nổi hai bờ nam ngạn bắc ngạn, nổi đất của vua Lý với đất của dân động bắc, cũng được gọi là bến chợ Cầu. Rồi cũng vì thói quen người dân khắp nơi gọi cả khúc sông chảy qua đây là khúc sông Cầu... Rồi từ tên gọi của một khúc sông, người gọi chung cho cả một dòng sông... Nhưng có lẽ khi xảy ra câu chuyện này, tên đó mới được gọi cho một cái chợ, một bến sông mà thôi.

Và ngày hôm nay không phải là ngày phiên chợ của vùng này, nhưng hàng ngàn hàng vạn người đã trẩy về đây như trẩy hội. Kể từ các khe trong ba mươi sáu khe thuộc Giáp động xưa, ngày nay là động Kép. Người ta khắp vùng chiếng Bắc, từ rừng Báng, cầu Lim, cầu Vòng, Siêu Loại kéo lên... Người đã kháo nhau về đám rước dâu chưa từng thấy của phò mã Thân Cảnh Phúc đón công chúa Thiên Thành về khe động, làm bà chúa khế động. Người đi xem rước dâu, người đi đón chúa động chen lấn nhau. Quán hàng mở ra san sát. Trai gái gặp nhau hát giao duyên theo lệ tục cổ...

Cũng vì lúc bấy giờ, ba giáo phái cùng vào làm tổ trong đời sông của vương quốc này và được thần dân ở đây chấp nhận vì lẽ đó mà đám rước dâu và đám cưới này mang đủ màu sắc của đạo nho, đạo lão, đạo phật, và tuân theo cả tập tục người dân khe động lẫn tập tục của người dân Kẻ chợ lâu đời... Trước nhà vua, lễ thân nghinh làm đúng nghi tiết mà đạo nho quy định thành sách vở. Nhưng ra cung Thái phi nhiếp chính bên chùa Diên Hữu, thì lại có sự tụng kinh niệm phật. Thánh chuông cầu nguyện. Bước qua cửa Đại Hưng, các thuật sĩ ở đền Khổng Lột đóng khánh làm lễ tràng sinh bất tử... Nhưng lệ đón dâu lại là lệ của dân khe động ngày xưa cùng với tục cưới hỏi của dân bản địa... Lệ không đi đón dâu và rước dâu về một đường. Thừa còn sống trong thời bộ lạc, người ta thường đi một đường về một đường để phòng bị thú dữ rình mò, kẻ thù theo dấu phục kích... Vì thế chuyện cưới xin hệ trọng, người ta cũng giữ nguyên cái lệ cũ đi một đường về một đường. Từ động Kép về Thăng Long có hai con đường lớn. Một đường qua bến Như Nguyệt một đường qua bến chợ Cầu. Nguyên đường qua bến Như Nguyệt cũng có hai ngã rẽ khác nhau. Ngã rẽ thứ nhất là con đường tắt qua các khe Đông, khe Yên, khe Thụy, khe Lô, khe Vĩ, khe Dục rồi qua sông Cái vào Thăng Long. Đường này chỉ dài hơn hai mươi dặm. Nhưng là một con đường phải đi qua nhiều chỗ lầy lội. Trong đó có ba nơi lầy lội nổi tiếng đã thành câu ca: Thứ nhất là cửa đền Xà, thứ nhì cầu Giao, thứ ba khe Điềm... Còn đường thứ hai là đường qua Nguyệt Cầu, xuyên Trác Bút, Nắm Sơn về rừng Báng, nhập vào con đường chính đạo về Thăng Long. Vì muốn giữ cho iệc đi đón dâu một đường, đưa dâu về một đường, nên phò mã Thân Cảnh Phúc đã đi theo con đường tắt ngắn nhất, sai quân chở tre nứa từ

trên động về rải ba chỗ lợi để đoàn rước dâu đi. Nay rước dâu về , phò mã họ Thân chọn con đường chính đạo, từ Thăng Long nhằm thẳng đến rừng Báng. Tại đây, phò mã dưới sự hướng dẫn của quan Tiết Chế vào tế lăng miếu của các bậc tiền đế. Nhưng lại theo các ý của các nhà sư chấp chính, hai vợ chồng dắt nhau vào lễ ở ngôi chùa Long Giác. Truyền rằng ngày xưa thừa hần vi vua Thái Tổ đã từng đi tu ở chùa này. Rồi từ rừng Báng, hai vợ chồng phò mã cùng đám rước vĩ đại của mình đến tận chùa Siêu Loại, dâng hương hoa để bái vọng bà nhiếp chính Thái phi. Rồi lại theo lời khuyên của bà Thái phi Ý Lan hai vợ chồng phò mã lên dự lễ đặt gạch, đào móng xây ngôi chùa lớn để thờ bà Thái hậu Thượng Dương, bà nhiếp chính thái phi Ý Lan cảm thấy vô cùng hối hận. Bà truyền lệnh cho dựng bảy mươi hai ngôi chùa nhỏ, và một ngôi chùa to để thờ bảy mươi hai bà phi cùng cung tần của vua Thánh Tông đã phải chết cùng bà Thái hậu Thượng Dương. Việc này sẽ vô cùng tốn kém, nhọc sức dân vô kể vì thế quan Tể chấp Lý Thường Kiệt tìm mọi cách khuyên can. Thái phi nhiếp chính Ý Lan lắng nghe một cách chăm chú, nhưng cứ ra lệnh cho Bộ Công lo việc tạo tác. Ngay trong đám cưới linh đình này thì ngôi chùa thứ nhất của bảy mươi ba ngôi chùa đã được xây nền đặt móng. Việc này làm quan Tể chấp bầm bụng thua gan người đàn bà sắc sảo. Nhưng đến nơi đặt móng xây chùa nghe dân gian bàn bạc, quan Tể chấp mới hiểu rằng, cái việc làm tưởng chừng chỉ vì lòng mê tín rất đàn bà xui khiến kia lại là một việc làm được lòng dân. Lòng dân hướng về nhà vua và bà nhiếp chính.

Sau khi dự lễ đặt gạch, hai vợ chồng phò mã cùng đám rước dâu thẳng đường quan lộ nhằm thẳng bến chợ Cầu mà đi tới. Tại đây như đã được phi báo trước, vị Tể chấp tiết chế của triều đình sẽ chính thức làm lễ tiễn công chúa về làm dâu động Kép. Vì thế mà dân chúng trăm họ kéo nhau về đông như nước chảy...

Cả cái khối người rục rờ náo nức chờ đợi ấy bỗng rung động hẳn lên như bầy ong vỡ tổ, khi nghe thấy dàn trống đồng và chiêng đồng gầm lên như sấm động của đám rước dâu sắp tới. Họ lập tức chen lấn nhau, đổ xô về phía con đường từ kinh đô lên... Nhưng họ lại bang hoàng đứng sững cả lại, vì ở phía sông, cả dòng sông như nổi giông bão vang lên tiếng trống đồng và chiêng đồng đáp lại. Hàng vạn con mắt ngược nhìn ra phía bến sông, và cả vạn con mắt đều đứng nguyên tròn vì kinh ngạc. Vì trên con sông, từ phía thượng nguồn đổ xuống, từ phía hạ lưu ngược lên bỗng nhiên xuất hiện ba mươi sáu chiếc mảng lớn. Loại mảng ken bằng những cây luồng, dài hàng trượng. Cứ nhìn vào tầm nổi của mảng, những người dân quen sông nước biết ngay rằng loại mảng này chõng mười. Nghĩa là mảng đóng bằng cách chõng một lớp dày bằng mười thân cây luồng lớn, kể từ đáy lên mặt luồng dài ken dày, sần rộng, nên mỗi tấm mảng rộng như một cái sân. Trên mỗi mảng đều giương một sắc cờ riêng của từng khê động, ba mươi sáu khê động thuộc quyền tù trưởng động Kép là phò mã Thân Cảnh Phúc có ba mươi sáu mảng lớn, dựng ba mươi sáu lá cờ. Trên mỗi mảng có một bộ trống chiêng và nhiều giáp sĩ... Các giáp sĩ mặc võ phục rục rờ, khoác trên mình những tấm da hổ, da báo, da hươu, da nai mà họ săn bắn được; cầm trên vành khăn những bộ lông công, lông chim trả màu sắc lộng lẫy... Theo nhịp trống chiêng, những chiếc mảng lạ lùng và hùng tráng ấy tiến lại gần nhau cùng với nhịp mái chèo khua nước... Và chỉ trong một chớp mắt, ba mươi sáu chiếc mảng đã áp sát vào nhau, nổi từ bờ nam sang bờ bắc. Các võ sĩ nhau thoăn thoắt, giằng buộc những sợi dây mây đan kết và những sợi song dài, làm cho chiếc bè này kết chặt với chiếc mảng kia. Tất cả trở thành một chiếc tàu dài vững chắc. Những võ sĩ khác, cầm những chiếc cọc tre cật sâu xuống dòng sông... Thuyền con chạy ngang chạy dọc như mắc cửi để kéo dây song giằng cả chiếc cầu phao nổi với hai bên bờ... Tất cả mọi việc đều diễn ra một cách nhịp nhàng đẹp mắt khác nào một điệu múa nghi lễ trên mặt sông... Khi chiếc cầu phao lớn đã dựng xong thì đoàn rước dâu cũng vừa mới tới mí nước của bờ nam... Các võ sĩ làm xong công việc, lập tức theo nhịp vỗ của công, đứng dạt sang hai bên mép bè, giương giáo sáng lóa, nâng khiên ngang ngược tạo thành hai hàng binh danh dự Lý Thường Kiệt mãi mê ngắm những chiến sĩ khê động thao diễn đến mức quên cả nhiệm vụ chính của mình lúc này. Ông buộc miệng than rằng: Đại hồng phúc cho nhà Lý ta kết liên được những dũng sĩ khê động trong đại gia đình của mình... Đúng là những tráng sĩ thiện chiến hiếm có trên cõi đời này...

Mãi mê quá đến mức Lý Châm phải đến bên và trình rằng:

– Thừa tướng quân Tiết Chế tể chấp đã đến lúc làm lễ tiễn phò mã và đưa công chúa...lễ này theo lệnh bà nhiếp chính giao thì tướng quân là người chủ lễ đấy ạ...

Đến lúc ấy Lý Thường Kiệt mới giật mình, nhớ ra trách nhiệm vô cùng hệ trọng của mình. Lễ này do nhà Lý đặt ra. Không dựa vào lệ hôn phối và tất cả nghi tiết của bất cứ đạo nào, dù đạo nho đạo phật hay đạo lão. Theo lệ này, hễ một công chúa triều Lý nào xuất giá ra biên thùy thì vị tướng cầm quân đầu triều phải thay mặt nhà vua đưa dâu đến tận biên thùy giáp động. Vị tướng đó phải thay mặt vua làm lễ uống máu ăn thề, cùng phò mã. Bởi vì kể từ giờ phút này, phò mã đã là rể của triều đình, nhưng lại là tướng của Tiết Chế nguyên súy. Một loại tướng đặc biệt: Vừa là kẻ dưới quyền, vừa là khác đáng trọng, vừa là bạn đồng minh. Việc chỉ huy những thuộc tướng như thế này rất khó, vì thế mà từ thời Lý Công Uẩn, đã định ra cái lệ cắt máu ăn thề giữa vị tướng thống suất quân đội cả nước với các phò mã.

Nhớ ra trách nhiệm hệ trọng của mình, Lý Thường Kiệt phát tay áo. Ngay lập tức từ hai phí có hai võ sĩ tiến lên đi hai bên vị tướng. Đi bên tả theo lệ cũ bao giờ cũng là một võ sĩ của giáp động, có thể là em ruột hay người nội tộc thân cận nhất của phò mã. Đi bên hữu bao giờ cũng là viên tướng trấn đạo giáp ranh với đất khê động của phò mã. Người bên hữu, hai tay cầm một chiếc sừng trâu rừng nam vàng đựng đầy rượu. Người bên tả hai tay nâng một thanh trủy thủ.

Lý Thường Kiệt oai phong bước lên đài cao bằng gỗ trái da hổ. Hai võ sĩ tùy tùng đứng hai bên. Phò mã Thân Cảnh Phúc nhảy xuống ngựa, sụp lạy, rồi tiến lên đài. Người võ sĩ bên tả quỳ xuống trước mặt Tiết chế Lý Thường Kiệt và phò mã Thân Cảnh Phúc, hai tay dâng cao chiếc sừng đựng đầy rượu quý. Người võ sĩ bên hữu cũng khụy chân dâng thanh trủy thủ, Lý Thường Kiệt đón lấy thanh trủy thủ, còn phò mã Thân Cảnh Phúc đón lấy chiếc sừng rượu. Lý Thường Kiệt cầm lưỡi trủy thủ, đưa ngón tay trỏ của bàn tay phải ra trước miệng sừng rượu, và cắt mạnh một nhát. Máu tươi ra, giọt thành giọt xuống rượu. Thân Cảnh Phúc nghiêm trang trao sừng rượu vào tay Lý Thường Kiệt và đón lấy thanh trủy thủ. Phò mã cũng cắt máu ngón tay trỏ của mình vào chiếc sừng rượu. Hai dòng máu hòa vào nhau. Lý Thường Kiệt lắc mạnh rượu trong sừng. Các tia máu đan kết lấy nhau, rồi hòa vào nhau trong thứ rượu mạnh. Tiếng trống đồng đồ hồi trầm hùng khi người chủ lễ cắt máu ăn thề giờ cao chiếc sừng rượu hòa trộn máu của người chịu lời thề khi sừng rượu giờ lên đến đỉnh đầu nơi chiếc mũ soái lấp lánh ánh vàng, thì tất cả các thứ trống chiêng đồng đều nhất loạt im phăng phắc. Lý Thường Kiệt mới cất tiếng nói rằng:

– Máu cắt từ cánh tay cầm gươm... Máu hòa trong rượu... dâng trước thần linh sông núi.

Tiếng nói của vị Tiết chế vừa dứt thì lập tức chín dưng sĩ giương chín chiết loa miệng rộng ống dài, người trong quân gọi là dưng sĩ truyền đả lộ, cất giọng nuốt sóng át gió truyền đi lời thề của Lý Thường Kiệt, lặp lại từng lời từng chữ cho hàng vạn dân chúng cùng nghe... Cứ thế lời thề được được cất lên và được nhắc lại vang rền như sấm động...

– ... Trước để thần linh sông núi chứng giám... sau là hai bên tuyên đọc lời thề cùng uống máu của nhau... Uống vào để kết tình giao hiếu như người cùng máu mủ ruột rà... Thề rằng... Giữ tình máu thịt giữa khê động và triều đình... Dù đến chết cũng không dời đổi... Kẻ nào trái lời thề, kẻ ấy bị thần linh vật chết...bị người người oán hận...

Thề xong, Tiết chế nguyên súy tể chấp Lý Thường Kiệt ngửa cổ uống một ngụm rồi đưa cho phò mã Thân Cảnh Phúc... Phò mã nghiêm trang nhắc lại lời thề của Lý Thường Kiệt vừa tuyên đọc. Lính võ động truyền đại lộ lại truyền đi lời thề đó cho hàng vạn người đang đứng chặt bên sông lắng nghe. Dứt lời thề trong tiếng chiêng trống vang động. Thân Cảnh Phúc ngửa cổ uống một ngụm rượu trong cái sừng trâu nam bạc. Tiết gào thét hưởng ứng vang động của quân sĩ và động đình rung động cả dòng sông... Chợt phò mã xòe bàn tay phải còn tướt máu lên cao. Lập tức tiếng chiêng trống tiếng la hét nín bật. Thân Cảnh Phúc hướng về Lý Thường Kiệt mà thưa rằng:

– Thừa tướng công Tiết chế tể chấp, lời thề của chúng ta đâu phải chỉ chúng ta thực hành, mà tất cả thần

dân có mặt ở đây và không có mặt ở đây phải lấy máu mình mà giữ... Bởi nhẽ đó, tôi xin được đổ rượu có hòa máu của tướng công và của tôi xuống dòng sông này, để mọi người cùng uống...

Việc này không thấy ghi trong tiết lễ nhưng là một vị tướng có tài quyền biến, nên đã nhận thấy ngay cái nghĩa lớn của hành động này, ông bèn gật đầu ưng thuận. Phò mã bèn nâng cao cái sừng rượu hòa máu người thề đi thẳng xuống bến sông men theo bờ đi ngược về phía đầu nguồn; tiếng trống gầm lên theo mỗi bước chân đi của người tù trưởng động Kép, phò mã của triều đình. Đến đúng chỗ ghềnh đá, Thân Cảnh Phúc mới nói lớn:

– Ta hòa rượu, hòa máu ta và tướng công Tiết Chế vào nước dòng sông này... Hỡi những người anh em tin cần của ta, hỡi những người anh em làm chỗ dựa cho ta... hãy hòa chung giọt máu thề cùng sinh tử trên dòng sông này...

Dứt lời phò mã Thân Cảnh Phúc dốc chiếc sừng rượu thề đổ những giọt rượu hòa với máu xuống dòng sông. Lập tức từ trên sông và trên hai bên bờ menh mông, hàng vạn tiếng hô đồng thanh gầm lên cùng tiếng trống đồng đổ hồi như sấm rền... Xin thề ... Xin thề... Xin thề... Tiếng vang vọng tới tận vách núi xa tưởng chừng vang tới tận Quỷ môn quan, tận ải Chi Lăng... và dội về tận đất kinh đô Thăng Long qua tiếng ngân gióng giả hòa theo của hàng ngàn quả chuông trong các chùa lớn nhỏ, hàng ngàn cái khánh trong các cầu quán bên đường... Tiếng xin thề... xin thề cứ thế vang vọng mãi... Vang vọng trong lúc hàng vạn những dũng sĩ giáp động những hào kiệt bốn phương, những người lính cấm binh, những tráng đinh đang được triều đình gửi binh trong đồng ruộng làng chạ, theo chính sách ngụ binh ư nông....tất cả... tất cả ra bên sông, rút gươm, rút mác, rút trủy thủ cắt máu tay mình hòa với nước dòng sông... và cùng vục nước sông pha máu của cả vạn con người thề sống chết có nhau để uống...

Nhìn cảnh tượng này vị Tiết Chế tế chấp Lý Thường Kiệt ứa nước mắt như muốn khóc. Một vị tướng cầm quân giữa nước nào mà lại không cảm động trước cảnh tượng tướng sĩ tốt một lòng cắt máu ăn thề, lấy máu mình hòa với nước sông làm rượu như thế này... Lý Thường Kiệt run run bước xuống mép nước, cúi mình vục hai bàn tay xuống làn sóng hình như đã nhuộm màu đỏ máu của hàng vạn dũng sĩ và uống ừng ực như một người khát giữa sa mạc...

Trong lúc đó Thân Cảnh Phúc đã múc đầy nước sông hòa máu của hàng vạn người cắt ra ăn thề dâng lên vị Tiết Chế tế chấp mà thưa rằng:

– Dân Kép động chúng tôi, là phận tôi con của triều đình, xin cậy tướng quân mang sừng rượu thề này về Thăng long dân đức vua và tâu với người rằng, dân động Kép chúng tôi sống chết giữ vững phen giầu của đất nước, làm chiếc áo giáp vững chắc của kinh đô... đó là lời thề của động Kép chúng tôi...

Lý Thường Kiệt nhận chiếc sừng rượu thề và sai những viên cận tướng rước lên chiếc kiệu danh dự... Sau đó lễ tiết đưa dâu bắt đầu. Vị tướng công Tiết Chế tế chấp khẽ vẫy tay, lập tức từ phía sau xuất hiện những cái kiệu sơn son thếp vàng đặc biệt. Đó là những chiếc kiệu kỳ lạ chưa ai thấy. Trên kiệu không có bài vị như kiệu thờ thần, không có đặt tượng như kiệu thờ phật, không có chỗ ngồi như kiệu rước các vị tế phụ trong triều... mà trên kiệu có đan những sợi tre ngà vót tròn như tăm vàng óng. Đó là một loại nhà đặc biệt kết bằng tre ngà đan khéo như hình những lâu đài... Trong đó có hàng hà sa số những loại chim đặc biệt. Thì ra đó là những chiếc kiệu chim. Những chiếc kiệu chim được mang đến trước mặt vị Tiết Chế... Lập tức như đã sắp đặt trước, công chúa Thiên Thành vén màn gấm từ kiệu của mình bước ra. Vẻ đẹp của nàng công chúa làm chấn động cả khối người đông đảo đứng tràn ra hai bên đường và trên các ngọn đồi cao hữu ngạn. Những võ sĩ cầm giáo giữ nghiêm quân lệnh không dám nhúc nhích khi công chúa xuất hiện, ai nấy tuy đứng nghiêm như những pho tượng đồng nhưng mắt vẫn hướng về nơi mỗi bước chân công chúa bước tới...

Công chúa bước tới bên phò mã. Hai người dắt tay nhau đến trước vị Tiết chế thay mặt triều đình và quỳ xuống.

Một dũng sĩ từ phía sau tiến lên hai bước, dâng một chiếc mâm vàng, trên phủ một tấm vóc Đại Hồng.

Lý Thường Kiệt mở tấm vóc. Trên mâm sáng chói một thanh kiếm báu đã rút khỏi bao. Bao kiếm gắn kim cương và hồng ngọc. Lý Thường Kiệt nâng thanh kiếm trao cho phò mã Thân Cảnh Phúc và truyền rằng:

– Từ nay, triều đình trao kiếm báu cho phò mã... Đây là kiếm lệnh giữ vẹn kỷ cương trong nước... Phò mã thay mặt triều đình trấn thủ ở miền biên cương. Khi phò mã giơ cao thanh kiếm này, bất cứ ai không tuân lệnh giữ nước, phò mã có toàn quyền xử trí theo luật lệ của bản triều...

Thân Cảnh Phúc giơ hai tay đỡ thanh gươm, nâng lên ngang mày. Lý Thường Kiệt lại cầm chiếc bao gươm lấp lánh kim cương và hồng ngọc trao cho công chúa Thiên Thành và truyền rằng:

– Kể từ nay, công chúa được nhà vua trao cho giữ chiếc bao gươm cho phò mã... giữ việc nội tướng của một bậc vương thân ở ngoài biên ải... Công chúa không được quên đạo làm vợ, đạo làm tôi của mình...

Công chúa Thiên Thành cũng giơ tay đón chiếc bao kiếm và như chồng, nàng đưa lên ngang mày. Lễ trao kiếm vừa dứt thì tiếng trống dồn dồn nhịp trống chiến trận vang lừng. Phò mã Thân Cảnh Phúc đứng trước đàn, đón tấm khiên vàng do một túc thủ dâng lên và tay khiên tay kiếm, phò mã múa bài khiên của dòng dõi thân vương triều Lý. Chính bài múa khiên mà mỗi lần về tế thái miếu, các vua nhà Lý thân chinh tay khiên tay kiếm múa thờ trước bài vị của tổ tiên... Và cũng chính tại kinh đô Chiêm Thành nhân ngày chiến thắng Lý Thánh Tông đã múa bài khiên hùng tráng này trước ba quân trong lễ cáo tại cung điện Đồ Bàn...

Hàng trăm trống đồng, hàng trăm chiêng nùm, hàng trăm chiêng bằng, hàng trăm cồng trận đều gióng lên theo nhịp uyển chuyển vũ bão của mỗi đường gươm thế phò mã...

Dứt bài khiên thờ bí truyền, công chúa Thiên Thành mang bao gươm dâng cho phò mã. Trước khi tra gươm vào bao, phò mã quay đầu về phương Nam nơi kinh thành Thăng Long, vái vụng ba vái, rồi cất gươm trong bao và trao cả bao lẫn gươm cho công chúa giữ...

Một võ sĩ khác từ phía sau xuất hiện dâng lên trước mặt Lý Thường Kiệt một chiếc khay vóc vàng kim tuyến. Lý Thường Kiệt mở tấm vóc thì trên khay để một hình con hổ đang vươn mình trong một thế đứng rất oai phong凛冽... Lý Thường Kiệt cầm giơ lên và truyền rằng:

– Đây là hổ phù ban cho tướng thân vương ngoài biên ải... Tự tay phò mã phải chặt đôi hổ phù bằng thanh gươm báu vua ban.

Công chúa dâng gươm cho chồng. Tiếng trống gầm lên nhạc điệu hùng tráng, Lý Thường Kiệt tung hổ phù lên trời. “Con hổ” như mọc cánh bay, Phò mã Thân Cảnh Phúc bằng một thế võ khê nhảy lùi nửa bước, tung gươm báu ra. Một tia chớp loá trước mắt mọi người. Một tiếng choang như tiếng khánh ngân lên. “Con hổ” lập tức bị gươm sắc ngọt cắt làm đôi chia ra làm hai nửa, bay bổng lên thành hai cái cầu vồng, hai ánh sao băng lấp lánh ánh kim. Hai võ sĩ đã chờ sẵn đón bắt hai nửa “con hổ”, Phò mã lùi lại một bước và trao gươm cho công chúa rồi quỳ xuống trước mặt Lý Thường Kiệt. Hai võ sĩ dâng lại hai nửa “con hổ”, Lý Thường Kiệt đón lấy và chắp lại thành “con hổ” còn nguyên vẹn. Giọng vị tiết chế cất cao:

– Kể từ giờ phút này, ta trao hổ phù cho tướng quân... Tướng tuân toàn quyền định đoạt việc biên ải... Trên chỉ nghe lệnh triều đình, dưới tự quyền tiết phát... Kể từ nay, chỉ có viên tướng nào mang một nửa mảnh hổ phù này, khớp đúng với hổ phù của tướng quân mới có quyền truyền lệnh triều đình cho tướng quân... Trao hổ phù là trao quân mạng...

Lý Thường Kiệt trao cả hổ phù cho phò mã Thân Cảnh Phúc. Phò mã đón lấy tự tách làm đôi, rồi dâng trả lại một nửa cho tướng công Tiết chế Lý Thường Kiệt. Cầm một nửa hổ phù, phò mã lại quay đầu về hướng kinh đô và làm lễ nhận quân mạng bái vọng nhà vua. Tiếng trống đồng lại gầm lên theo nhịp lễ tiết. Xong đâu đấy Lý Thường Kiệt mới gọi công chúa Thiên Thành lại và nhủ rằng:

– Từ nay công chúa là con của vua Lý nhưng là vợ của người đứng đầu biên ải, làm bà chúa của động Kép... Đường xá xa xôi cách trở, lúc bình lúc biến khôn lường... Vì nhớ thương công chúa, nhà vua bắt đàn

chim con của đàn chim nuôi trong vườn thượng uyển gửi làm quà cho công chúa, để công chúa nhớ rằng chim bao giờ cũng bay về tổ cũ... Có tin tức gì hệ trọng công chúa cứ gửi theo cánh chim này. Đàn chim sẽ bay về triều đình, nối mối dây thân tình giữa nội cung và người con ở ngoài biên ải... mong công chúa chớ bao giờ quên lòng của nhà vua và của Thái phi nhiếp chính gửi theo cánh đàn chim này...

Công chúa và phò mã lạy tạ và nhận đàn chim... Phần lễ tiết đã hết, nhưng do hảo ý của phò mã và do ý muốn của dân động Kép muốn tỏ rõ sức mạnh hùng cường của mình trước vị Tiết Chế, phò mã Thân Cảnh Phúc đã ngấm sai các thuộc tướng của mình lấy áo giáp và binh khí bắt được của quân nhà Tống trái kín nhịp cầu đón công chúa sang sông về động biên ải... Công chúa hiểu ý chồng mình, đã xin phép được đi chân trên cái cầu dài giữa hai hàng giáp sĩ, chân bước lên nào cờ suý, nào khiêng, nào gươm giáo của quân Tống để đến nơi làm lễ lạy mẹ chồng... Nửa cầu bên này công chúa đi giật lùi, vừa đi vừa ngoái đầu hướng về chốn kinh đô từ nay nằm vĩnh viễn ở phía trời nam, nửa cầu phía sau, công chúa hướng về phía mẹ chồng. Thực ra mẹ chồng của công chúa cũng chẳng phải ai xa lạ, đó chính là công chúa Bình Dương con gái thứ chín của vua Lý Thái Tông, vốn là em gái của vua cha Lý Thánh Tông. Hơn hai mươi năm trước đây công chúa Bình Dương đã bước qua bến sông này... Bước qua để kết duyên cùng con trai một bà công chúa cô mình đã được phong làm tù trưởng ấp trại phu nhân. Nay bà lại ra đón đưa cháu gái về làm con dâu của mình... Bỗng nhiên bà ứa nước mắt nghĩ đến thân phận những người con gái cành vàng lá ngọc ra đi vì mệnh nước, mang tấm thân yếu đuối của mình đan kết tình nghĩa của vương quốc mới khai sinh...

Nhưng hôm nay là ngày vui chưa từng có trên vùng sông nước giáp gianh này, giữa không khí hội hè và niềm vui của hàng vạn con người từ khê động kéo về từ làng chạ kéo lên, thì ai có thì giờ đâu mà chú ý rằng trên khoé mắt của bà chúa động Kép, mẹ của phò mã Thân Cảnh Phúc có một giọt nước mắt ngưng đọng, khóc vì một lẽ nào đó thâm kín không thể nói cùng ai, ngay cả với người con dâu mà số phận dun dui đi đúng bước đường của mình...

Không một ai có thì giờ để nhận thấy một thoáng buồn cố ghìm lại trong ánh mắt của vị tướng giữ quyền Tiết Chế mọi binh lực và kiêm giữ chức tể chấp trong triều... Một con người quyền hành nghiêng nước nghiêng thành như thế có ai dám nghĩ rằng đang cố giấu trong lòng một nỗi buồn sâu thẳm giữa cảnh đất trời như cũng đang hoà cùng niềm vui sum họp...

Đêm đã về khuya. Dòng sông đêm như rộng hẳn ra vì có biết bao nhiêu vì sao trời vờ trên đầu những ngọn sóng hình như còn loang vết máu thề. Sương xuống nặng trên vai. Cuộc vui, vui mấy rồi cũng có lúc tàn. Cả khúc sông vừa mới náo nhiệt vang động tiếng trống chiêng, ồn ã tiếng hàng vạn người, bây giờ trở lên vắng lặng. Vì nhẽ ấy cái vắng lặng đầu tiên sau ngày hội bất ngờ lại thêm sâu thẳm. Ở hút chân trời xa chỉ còn thấy thoáng những bóng đuốc chập chờn lấm tấm từ trên sườn những dải núi xa mờ, như lẫn vào với trời cao. Ở đó bây giờ mới thực vào hội đó chính là bản doanh động Giáp ngày xưa, và là doanh trại của đạo quân Kép động hôm nay. Ở đó lúc này chắc hẳn rượu chảy ra tràn ngập như những dòng suối mùa nước lũ. Hình như trong hơi gió ướm đầm sương đêm lướt nhẹ trên sông, như có mang theo một chút hơi men từ phía núi ấy, và âm vang tiếng nhạc cồng nhạc chiêng đệm theo bước chân nhảy múa vừa hùng tráng vừa tình tứ của vũ điệu khê động...

Theo lời mời của những tù trưởng khê động dưới quyền của phò mã Thân Cảnh Phúc thì hàng ngàn hàng vạn người dưới xuôi lũ lượt kéo nhau lên trên đó dự đám cưới tương bưng nhất tự cổ chí kim chưa bao giờ có. Đã ba lần chúa động Giáp thống suốt ba mươi sáu khê động trong vùng được kén làm phò mã... Cứ suốt soát hai mươi năm một lần. Lần đầu chúa động Giáp là Giáp Thừa Quý chưa chịu quy phụ triều đình, khi Thái Tổ mới dời đô ra đất Thăng Long, thấy chúa Hoa Lư ra Thăng Long, rời hang hùm ra giữa cánh đồng bằng trống trải, Giáp Thừa Quý ngồi trước vò rượu cần đã bảo với thủ hạ rằng:

– Lâu nay là ta sợ con hổ nằm trong rừng thẳm, chứ đâu có sợ con hổ tham mồi chạy ra giữa nương lúa... Nay chúa động Hoa Lư đã về giữa vùng đất Đại La cũ của tướng Hán Cao Biền... Chẳng hoá ra là con cọp chạy về ăn dưa trong ruộng... Ta phải làm cho chúa động Hoa Lư khiếp sợ một phen...

Các tù trưởng các khê động ha hả cười tán thưởng lời phát lệnh của người thủ lĩnh tù trưởng thiện chiến, người đã đưa những khê động rải rác ở vùng bán sơn địa này từ những bộ lạc yếu đuối rời rã lên địa vị một bộ lạc lớn có thanh thế khét tiếng khắp mọi miền. Lúc đó, lời nói của vị thủ lĩnh Giáp Thừa Quý đâu phải có ý khinh trọng gì, khi gọi vua đầu tiên của triều Lý là chúa động Hoa Lư. Trở lại thời gian của hơn một kỷ trước, lúc bấy giờ, Lý Công Uẩn đã nối nghiệp vua Lê Đại Hành dựng nước tuyên bố độc lập. Trước vua Lê là vua Đinh Tiên Hoàng cũng đã xưng đế hiệu... nhưng trên thực chất thì việc xưng đế hiệu là việc làm có tính chất riêng của bộ lạc phương nam này mà thôi. Một sứ quân mạnh nhất trong mười hai sứ quân cắt cứ khắp các vùng trong dải đất này, nay đánh thắng tất cả, bắt tất cả thần phục. Rồi tự mình xưng đế, tự mình coi mình là vua. Nhưng phạm vi toả lệnh của ông hoàng đế lúc bấy giờ cũng chỉ bò quanh những vùng đất trong tầm tiếng chiêng của động Hoa Lư. Còn các vùng khác vẫn là những bộ lạc độc lập riêng rẽ và thần phục. Mỗi khi có việc binh đao thì gióng trống tập hợp quân quyền rồi kéo nhau đi đánh dẹp. Đánh dẹp xong thì quân động nào lại về động ấy. Tướng động nào lại về làm chúa động mình. Nể chúa động mạnh nhất thì xuân thu nhị kỳ kéo nhau mang trâu bò vàng bạc đến triều cống theo lệ các nước chư hầu thần phục hoàng đế vậy... Ở ta có khác hơn ít nhiều, là kỷ cương chưa định rõ, nên thần phục chỉ vì chúa động Hoa Lư mạnh nhất, và thần phục theo sức mạnh đoàn kết mà thôi. Đoàn kết để đánh lại kẻ thù chung.

Nhưng khi Lý Công Uẩn quyết rời đô ra Thăng Long thì mọi việc khác hẳn. Những bộ tộc ở vùng đồng bằng nhận thấy ngay sức mạnh của nhà Lý nên thần phục nhanh chóng. Còn các bộ lạc miền thượng đạo thì vẫn coi nhà Lý chẳng khác gì chúa động Hoa Lư xưa. Nay chúa động mò xuống đồng ở đồng bằng thì còn gì là sức mạnh nữa. Vốn có tính thần thượng võ lại quen chinh chiến, chúa động Giáp lúc ấy là một chàng trai trẻ dũng mãnh, có tên là Giáp Thừa Quý, đã vì muốn thử sức chúa động Hoa Lư nên cất quân vượt qua mấy dòng sông về thành Thăng Long. Lúc bấy giờ thành Thăng Long chưa kịp xây dựng.

Đền đài miếu mạo mới lợp tạt bằng gianh, mới dựng vôi vàng bằng nửa. Nhưng khí thế của một quốc gia đang cần thống nhất đã rõ. Vì vậy mà quân động Giáp hùng mạnh vẫn không thể nào vượt qua được dòng sông Cái. Núng thế chúa động Giáp thúc trống thu quân rút về động. Không ngờ Lý Thái Tổ thân chinh dẫn đại quân đuổi theo đến tận sào huyệt, đánh thẳng vào Giáp động và bắt sống Giáp Thừa Quý. Tất cả dân trong ba sáu khê động đều lo lắng.

Một tuần trăng sau, Lý Công Uẩn lại đưa quân lên động Giáp. Lần này, dân khê động sợ xanh mắt; họ cho rằng phen này chúa động Hoa Lư sẽ làm cỏ cả vùng khê động này, vì thế nhiều tù trưởng đã có ý định đưa động mình chạy dạt đến một vùng nào khác. Nhưng Lý Công Uẩn không trả thù, không đưa Giáp Thừa Quý về bằng xe tù đóng cũi mà cùng đi ngựa với nhau như hai thủ lĩnh. Không những thế, sau hai người còn có chiếc kiệu sơn son thiếp vàng. Vừa về động Giáp, thủ lĩnh Giáp Thừa Quý đã truyền cho tất cả các thủ lĩnh tù trưởng và ba mươi sáu khê động về hội, rồi xin cắt máy ăn thề thần phục Lý Công Uẩn... Không phải thần phục như thần phục một tù trưởng hùng mạnh, mà là thần phục một ông vua. Lý Công Uẩn không bắt tội Giáp Thừa Quý mà còn gả con gái cho, lại truyền cho phép đổi họ, từ họ Giáp thành họ Thân, vì từ nay, Thừa Quý là một vị thân vương của triều đình. Cái đám cưới của công chúa đầu tiên của xứ này tiền dâu bằng gươm giáo, sắc mùi khói lửa.

Hơn hai mươi năm sau đám cưới thứ hai đã mang một sắc thái khác. Con trai Thân Thừa Quý lên nối nghiệp cha làm chủ động Giáp kiêm chức châu mục Lạng Châu, thì nhà vua lại gọi gả công chúa Bình Dương. Đám cưới đó cô dâu công chúa ra đi tuy không phải mạo hiểm như lần theo vua cha phủ dụ buổi mới lập quốc, nhưng chưa đủ các thứ lễ nghi cần thiết cho một đám cưới của con vua. Lễ vu quy vẫn có cái gì xót xa mạo hiểm thân gái dặm trường. Hai lần ra đi cách nhau hai giáp của hai nàng công chúa bậc bà, bậc cô mở đường cho đám lễ vu quy rục rờ ngày hôm nay... Lễ vu quy hôm nay không những là ngày hội của triều đình mà còn là ngày hội của vùng giáp động mệnh mông và suốt cả vùng Lạng Châu trực thuộc. Đám cưới này có máu ăn thề trên dòng sông Như Nguyệt. Đám cưới này có gươm đao diễu vô giương oai như lễ ra quân của khắp vùng biên ải. Đám cưới này có lửa của ngàn vạn ngọn đuốc soi đường, lửa của những đám thui bò, nướng trâu, quay dê lợn...

Ở nơi đây núi chập chờn lập loè muôn ngàn ánh đuốc lửa như sao sa kia đang vào lúc hội vui nhất của ngàn vạn con người. Còn ở nơi cầu quán của đạo lão tu tiên phái nam ngạn sông này trong bóng tối âm thầm chỉ có một mình vị Tiết chế tướng quân, giữ quyền tể chấp vương triều. Lệ tục của bản triều và nỗi lòng riêng ngăn ông tới nơi hội vui. Ông chưa thể về ngay kinh đô vì lên đây, ông còn mang một trách vụ nặng nề của triều đình. Đoàn chiến thuyền đón ông dưới bến sông để đưa ông đi kinh lý việc quân cơ đã cắm sào đỗ sẵn trên bến sông này. Nhưng ông không vội xuống thuyền, dù đây là con thuyền Dực Long rộng lớn dành riêng cho tướng công Tiết chế. Ông muốn ngồi lại một mình trong ngôi nhà cầu quán của các pháp sư và tín đồ đạo Lão dựng lên cho khác bộ hành trên con đường qua bến sông này. Gió từ dưới sông thổi thốc qua những nhịp vì kèo nối tiếp của cầu quán trống trải. Sương đêm tràn vào lạnh buốt...

Vị tướng quân Tiết chế ngồi im lặng với nỗi lòng riêng của mình không thể chia sẻ cho bất cứ một ai. Người mà ông có thể chia sẻ nỗi lòng mình đã vĩnh viễn không còn nữa. Vì thế mà ông cảm lạnh hơn cả cái bóng. Ông biết rằng không phải tất cả trai gái đều kéo nhau lên tận vùng động Giáp lấp lánh đuốc hoa như sao sa kia để vui ngày hội đâu. Cái lệ đất này vào những dịp vui hiếm có này từ lâu ông đã biết được tường tận. Trai gái đất này vốn vẫn giữ phong lệ rất thuần phác từ ngàn xưa. Từ ngày các thứ đạo lý các thứ giáo phái tràn vào trong làng trong chạ có thêm bao nhiêu điều cấm kỵ. Nhưng cấm kỵ chỉ giữ được trong những chuyện thường ngày, nhưng trong dịp hội hè như hôm nay, tất cả những điều cấm kỵ đó trở nên vô nghĩa hết. Con người lại sống thuần phác hồn nhiên như buổi mới sơ khai. Trai gái gặp nhau họ hát giao duyên những câu hát mộc mạc, nếu họ ưa nhau, thì họ rủ nhau về nương dâu, luồn đồng mía, lẩn giữa rừng lim tự tình thoả thích... Trong đêm này, biết bao cặp trai gái đang tự tình trong bóng đêm huyền ảo bao phủ quanh đây... Đối với họ không cần phải vượt bao nhiêu độ đường đến cái nơi có rượu nồng dê béo mới mua nổi niềm vui. Họ chỉ cần có đôi có lứa bên nhau đã là ngày hội của tuổi xuân phơi phới rồi... Vì thế

không khí và sương đêm bao quanh vai của vị Tiết chế ướt đầm hương vị mùa xuân ân ái...

Vị tướng quân thở dài, và cay đắng nhớ lại những ngày mình còn ở tuổi hoa niên phơi phới sức sống say mê... Đã ba mươi năm qua trong bóng đêm sóng sánh ánh sao này, Lý Thường Kiệt như vẫn còn nhìn thấy cái dáng đi dũng mãnh uyển chuyển của chàng trai phường Thái Hoà, họ Ngô tên Tuấn, vừa được phong chức kỵ mã vệ úy sủng ái trong bộ áo giáp mới lĩnh trong kho. Lĩnh xong bộ giáp trụ mới tinh lấp lánh ánh thép, anh chàng kỵ mã hiệu úy, diện ngay lên người, và dắt con ngựa mới được phát ra khỏi tàu ngựa của trại quan. Cái chức kỵ mã hiệu úy là cái chức quan võ nhỏ nhất trong đội quân cưỡi ngựa của nhà vua. Một chức võ quan cuối cùng trong sổ ngạch võ, người giữ chức hiệu úy chỉ huy có một hiệu quân. Như thế anh chàng Ngô Tuấn được phong chức hiệu úy chỉ huy đúng có năm người lĩnh cưỡi ngựa. Nói cho đúng hơn, anh ta chỉ có quyền chỉ huy có bốn tên kỵ binh. Vì hiệu quân tính cả anh mới đủ năm người. Anh là hiệu úy, thì anh chỉ huy bốn người kia. Cái chức quan võ nhỏ nhoi ấy đối với người nào khác có lẽ là một điều tủi thân, nhưng với người con trai cô út sinh ở phường Thái Hoà lại là điều vinh hạnh nhất. Dù sao anh cũng đã là võ quan, dù là chức võ quan nhỏ bé.

Anh dắt ngựa đi vòng cấm thành, rồi nhảy lên ngựa thả nước kiệu đi qua các phường phố Thăng Long ngày ấy chỉ mới có mấy ngôi chùa và cung điện nhà vua được xây bằng gạch, lợp bằng ngói, còn tất cả nhà cửa phường phố mới dựng tạm bằng tranh tre nửa lá như một vườn làng, chạ lớn, chạ nhỏ tiếp chạ kia... Anh chàng kỵ mã hiệu úy vênh vang thả cương đi nước kiệu nhằm thẳng phường Thái Hoà. Anh nhằm về phía nhà người cậu của mình, người cậu lấy cô ruột mình là trung phường một phường thợ gốm. Phường thợ gốm của cậu Tạ Đức ở sát ngay phường Thái Hoà. Ở đó khói lò nung gốm bốc lên nghi ngút. Kinh đô đang cần dựng đền đài, xây cung điện, lập chùa chiền, nên thợ gốm được trọng vọng. Anh chàng hiệu úy kỵ mã trẻ tuổi vừa lỏng cương ngựa vừa tưởng tượng ra cái cảnh sừng sốt của người cậu của mình khi thấy ngựa quan đi thẳng vào lò nung gốm. Chắc hẳn khi nhận ra chính đứa cháu mà cậu có công nuôi dạy, bù trừ, bây giờ đã trở thành một võ quan của quân cấm vệ chắc hẳn người cậu tốt bụng này nước mắt phải giàn giụa vì bồi hồi xúc động. Nhưng cái tính của cậu thì Ngô Tuấn biết lắm. Cậu sẽ chẳng bao giờ nhận mình đã cảm động phát khóc lên đâu. Nếu có ai nói lên điều đó thế nào cậu cũng vừa lau nước mắt vừa chửi theo kiểu tẩn đồ đạo phật:

— Bá ngộ nhà mày, tao mà khóc à... Tại khói lò nung mù mịt cay cả mắt... thẳng phỏ nhỏ đâu... thông lò hơi đi... khói thế này ai mà chịu nổi...

Nghĩ đến cảnh tượng ấy, chàng trẻ tuổi cảm thấy lòng mình lâng lâng thanh thản. Chàng đúng là một chàng trai như mọi chàng trai của đất Thăng Long mới dựng nghiệp đế đô. Gốc gác quê chàng ở đâu chính chàng không biết. Chàng chỉ biết cha chàng đã theo Lý Công Uẩn về đây cắm đất dựng đô. Cha chàng là một võ quan giữ chức lang tướng. Họ Ngô, tên An Ngữ. Chức lang tướng trong quân không phải là chức võ tướng đáng kể gì nhưng trong buổi mới dựng nước, mới lập đô, một vị lang tướng cũng có chút ít vinh hoa. Vì thế vị lang tướng họ Ngô sau khi đã theo vua ra Thăng Long thì cưới một cô gái người phường Thái Hào. Vào năm Thuận Thiên thứ mười, tức là vào năm thứ mười xây dựng mảnh đất thành Tống Bình và thành Đại La cũ thành kinh đô Thăng Long, thì hai vợ chồng vị lang tướng có đứa con trai đầu lòng. Vì lẽ ấy Ngô Tuấn là một chàng trai Thăng Long gốc. Sinh ở phường Thái Hoà. Phường Thái Hoà thừa ấy là một phường dệt gấm. Cậu bé Tuấn lớn lên bên gối mẹ, dưới cái dàn khung cửi ngày đêm lách tách tiếng thoi. Còn cha cậu thì cặp giáo theo vua đi hết cuộc chinh phạt này đến cuộc chinh phạt khác. Đời người lính thừa ấy mới gây nghiệp vất vả gian truân không thể kể sao cho xiết. Năm Tuấn vừa mới mười ba tuổi thì cha Tuấn cặp giáo đi tuần biên tại miền Thượng Châu. Việc đánh dẹp dân khê động gian truân, việc vỗ yên các tù trưởng ương ngạnh vất vả, nước độc sơn lam chướng khí không dứt vì thế mà vị lang tướng cha của Tuấn mắc bệnh thời khó nặng, không thuốc men chạy chữa đã qua đời. Gửi năm xương tàn nơi biên ải.

Từ thừa nhỏ cậu bé Ngô Tuấn chỉ mơ ước được lớn lên theo vó ngựa của người cha tung hoành khắp giang sơn đất nước. Cậu vô cùng yêu quý cha. Vì thế mà khi nghe tin cha chết cậu khóc tưởng chừng cạn khô nước mắt. Khóc tưởng chừng tròng mắt không còn có đủ nước mắt mà khóc nữa, chỉ có máu ứa ra mà

thôi. Thấy đứa cháu trai hiếu thảo, người dưỡng lấy cô ruột em cha Tuấn từ phường gốm gần sông Tô Lịch lên nhà tìm cách an ủi khuyên nhủ. Ông nói với cậu bé Tuấn rằng:

– Dưỡng thương cháu, mới tí tuổi đầu đã mồ côi bố, lấy ai dạy dỗ chăm sóc nên người, lấy ai gây dựng cho thành sự nghiệp... Nay cháu về ở với dưỡng... dưỡng là trùm phường. Phường làm gốm vào buổi dựng kinh đô, công việc nhiều, dân tứ chiếng đổ về đây mua đồ ăn thức dùng như trảy hội, thì khói lò không bao giờ dứt cả. Cháu là đứa trẻ khôi ngô tuấn tú, lanh trí khéo tay, dưỡng sẽ chọn dạy nghề cho. Sau này giỏi nghề, hoặc chờ thay dưỡng lên làm trùm phường. Hoặc nổi cần lập nghiệp riêng dưỡng giúp vốn sê phường, để cháu tự lập một phường thợ mới. Ở đời này, nhất nghệ tinh, nhất thân vinh, cháu ạ.

Cậu bé Ngô Tuấn lắng nghe, rồi lắc đầu thưa rằng:

– Xin trăm lần đội ơn cậu... nhưng cái chí của cháu không đặt trong ngọn lửa lò nung đất.

– Nhưng mắt cháu tinh cơ mà?

– Mắt cháu tinh không phải để nhìn vào bàn xoay mà là để nhìn ra bốn cõi, nhìn khắp càn khôn.

– Tay cháu khéo cơ mà?

– Tay cháu khéo là để luyện thể võ, cầm chuôi bảo kiếm nhắc ngọn trường thương, che cánh khiên rộng.

– Chân cháu khoẻ có thể đạp bàn xoay suốt ngày không mỏi.

– Chân cháu khoẻ là để đi khắp núi sông ra miền biên ải như cha cháu, xông pha chiến trận mở mang bờ cõi. Lập nghiệp phò vua, tạo dựng sự nghiệp...

Ông cậu thở dài, biết là không lay chuyển được ý định sắt đá của đứa cháu mồ côi của mình. Ông lại lựa lời khuyên nhủ thêm.

– Bây giờ cha cháu đã chết. Sảy cha có chú, sảy mẹ bú dì... Nhưng nếp nhà ta vẫn theo tục xưa, giữ quyền ông cậu trong nhà và quyền người mẹ đối với con cái... Dưỡng vẫn giữ quyền bảo trợ của dưỡng đối với cháu. Cháu nghĩ thế nào?

Cậu bé Ngô Tuấn cúi đầu:

– Dạ thưa cậu, trăm lệ mới, không bằng một tục ngàn xưa.

– Được, cháu đã hiểu như thế, để cậu lo cho cháu. Cháu đã mồ côi, thì mọi việc của cháu do cậu định đoạt. Bây giờ cháu không để cái chí vào học nghề thợ khéo để nối nghiệp cậu, thì cháu muốn học cái gì. Cậu làm ăn phát đạt dư dật có thể giúp cháu, chu cấp cho cháu học đến lúc thành tài. Cháu học chữ nhá. Các nhà nho đã bắt đầu mở trường dạy chữ thánh hiền trong kinh đô. Nghe nói học lâu thông kinh sử sau này có thể làm quan văn đứng đầu lục bộ.

Ngô Tuấn cúi đầu:

– Vâng cháu xin cậu cho cháu đi học.

– Thế cháu định học mười năm hay học lâu hơn nữa...

– Không cháu chỉ học một năm thôi.

– Sao, cậu nghe nói bề học của đạo thánh hiền mệnh mông không cùng. Học một năm sao cho đến đâu đến đấy?

– Cậu ạ, với cái trí của cháu, về văn chương từ phú thì chỉ cần học để nhận đủ mặt chữ. Viết được quân lệnh. Ký được tên dưới ấn phong hầu. Thế là đủ.

Ông cậu Tạ Đức ngạc nhiên:

– Cháu chỉ học một năm thì sau cháu làm gì... Sau một năm học chữ cháu mới lên mười bốn tuổi, hãy còn bé lắm.

— Sau học chữ cháu sẽ xin đi học võ. Cháu muốn đi xa vạn dặm để lập công, để làm vẻ vang cho gia tộc, cho cha mẹ. Đó là sở nguyện.

Tạ Đức khen đứa cháu mình có chí lớn. Từ đó chu cấp cho Ngô Tuấn ăn học. Học chữ đúng một năm, Tuấn tìm thầy học võ. Đêm đọc sách binh thư, ngày cưỡi ngựa, bắn cung, múa gươm, đánh thương, lăn khiên, lập doanh bày trận... Ngô Tuấn lớn lên nổi tiếng là chàng trai hào kiệt vũ dũng ở phường Thái Hoà. Ông Tạ Đức mướn cháu hứa gả cô con gái rượu của mình cho cháu. Con gái Tạ Đức là nàng Thuần Khanh, xinh đẹp nhất trong các cô gái ở phía tây kinh thành ven bờ sông Tô Lịch. Cứ đến ngày phiên chợ sứ gồm, người kẻ chợ dân tứ chiếng kéo nhau lên chợ gồm bên sông Tô mua bán, không ai không khao nhau vào xem cô con gái có hoa tay, lạ kỳ xinh đẹp. Cô ngồi nghiêm trang trên một cái sập gỗ, quanh cô là những chồng bát, chồng đĩa mộc, những bát hương, những bình hoa, những thạp, những âu mộc mới vật từ đất phôi khô chứ chưa nung, chưa tráng men. Trước mặt cô là ống bút và những nghiên màu. Cô thoăn thoắt vẽ con cá vào đĩa, con gà vào thành bát, vẽ rồng trên bát hương, vẽ trúc tùng mai cúc trên những thành lạp... bàn tay của cô thon thả cứ như múa bông, và có phép bắt tất cả chim muông cầm thú cây cỏ hiện về trên những đồ sức đồ gồm quý mà cha cô sẽ nung trong lửa đỏ của lò gốm lò sứ.

Trước khi có lời hứa hai trẻ đã bén hơi bén tiếng nhau rồi, nên khi được lời hứa gả Thuần Khanh, anh chàng Ngô Tuấn cảm thấy lòng mình phơi phới. Bây giờ đối với anh chỉ còn lập nghiệp nữa là anh quyết bảo mẹ sang xin cưới thôi. Cả Thuần Khanh cũng hết lòng mong mỗi ngày anh được coi là võ quan, như thế thì coi như cái chí lập thân đã thành tựu. Bây giờ, triều đình đã nhận anh vào quân ngũ, đã phong anh chức kỵ mã hiệu úy. Tuy cái chức quan này quả là quá nhỏ mọn, chỉ chỉ huy có bốn người kỵ mã khác mà thôi, nhưng không sao. Với chức quan này anh đã có thể xin cậu cho cưới Thuần Khanh về làm vợ, để Thuần Khanh phụng dưỡng mẹ già. Như lời hứa của Tạ Đức, không những gả Thuần Khanh, ông còn cho hai vợ chồng viên võ quan trẻ tuổi cả một cái lò gốm, dựng cho ngay tại chân ngọn đồi đất thấp ở cuối phường Thái Hoà, để cô con gái có hoa tay tiếp tục vẽ trên đồ sứ gồm làm giàu cho họ nhà chồng, nuôi chồng nuôi mẹ chồng, để chồng yên tâm trên con đường công danh trong chiến trận hào hùng như đã sở nguyện.

Vì những lễ ấy, có thể là chưa có một ai khi được phong một chức võ tướng nhỏ mọn mà lại vui như Ngô Tuấn. Ngô Tuấn thả nước kiệu nhằm thẳng phường Thái Hoà. Anh sẽ về qua nhà, khoe với mẹ và để cho cậu em là Ngô Hiến phải lác mắt một phen. Vì chuyện mẹ thấy con thành võ quan chắc mẹ vừa vui lại vừa buồn. Vui vì con đã khôn lớn, đã thành đạt, lại sắp được đến cử cưới về một nàng dâu giỏi giang nét na, xinh đẹp. Nhưng buồn vì đứa con này lại giống bố từ đây sẽ lại phiêu bạt nơi biên thùy gian truân trận mạc, đi giữa hòn tên mũi đạn, rừng gươm bể giáo, cái chết trong đường tơ kẽ tóc. Không một người mẹ nào, ngay cả người mẹ anh hùng lại muốn con mình vào nơi nguy hiểm, gian lao. Nếu mẹ đừng buồn thì hay biết bao nhiêu không? Mẹ phải hiểu cái chí của kẻ làm trai chứ. Ngô Tuấn nghĩ vậy và đã tính trước rằng, anh chỉ báo tin để mẹ mừng thôi, rồi anh phóng ngay ngựa xuống lò gốm bên sông Tô Lịch của cậu. Anh cứ tưởng như mình đã có mặt trước nàng Thuần Khanh duyên dáng đang ngồi trước núi chén bát, đĩa hình, âu lư với trăm ngàn thứ chim muông cây cỏ rực rỡ. Anh đứng trước nàng, trên lưng chiến mã, trong bộ giáp trụ võ quan rực rỡ với vũ khí oai phong. Rồi anh giật cương cho con ngựa chiến nhảy qua những đồng bát đĩa, bình men, bình gốm, bình sứ chồng đồng dễ vỡ. Vó ngựa anh sẽ rất tài tình, nhưng tạo nên những giây khắc nguy hiểm làm cho nàng Thuần Khanh phải sợ xanh mặt và sau cái sợ phải phục tài cưỡi ngựa khét tiếng của anh. Nói giấu mọi người chứ, để làm được cái trò cưỡi ngựa nhảy giữa đồng bát đĩa gốm này, anh chàng kỵ mã hiệu úy trẻ tuổi đã phải đốt lót cho bác hoả đầu quân người xứ Đông Xá một quan tiền để bác cho mượn bát đĩa bếp, và đốt lót cho viên giám năm quan (bằng cả một tuần trăng lương ăn võ quan) để hăn cho mượn ngựa ngoài giờ mà tập suốt. Nhưng chuyện tập tành ấy nào có ai biết đâu, chỉ biết bây giờ biểu diễn cái môn cưỡi ngựa nhảy nước kiệu qua những đồng đồ dễ vỡ, anh sẽ làm cho cả cái phường gốm bên sông Tô Lịch phải phục anh sát đất. Mà người phục anh nhất có lẽ lại chính là người tình của anh, nàng Thuần Khanh xinh đẹp...

Và sau đó, chắc chắn ông Tạ Đức sẽ cho hai trẻ tự tình với nhau để bàn bạc đến một ngày cưới vui vẻ

hạnh phúc.

Ngô Tuấn mơ màng đến những phút tình tự êm đềm... Chiếc khên mây đan có kết bằng đồng thau vẫn đập bên mình ngựa ngay dưới chân anh. Như lời hứa của nàng Thuần Khanh, khi anh được phong chức, dù là cấp gì, thì nàng sẽ tự tay vẽ cho anh những hình ảnh đẹp nhất vào cái khiên trận, để anh tin là anh dù có xông pha nơi hòn đạn mũi tên, rừng gươm bể giáo thì vẫn có bàn tay nàng theo anh che chở và cầu mong anh chiến thắng trở về. Còn gì thơ mộng hơn cảnh những kẻ mê say nhau, chụm đầu nhau trong ngôi nhà lộng gió, nồng hơi đất nung từ các lò phả vò, và cùng vẽ bức tranh hào hùng trên mặt chiếc khiên trận... Chỉ nghĩ như thế thôi, chàng kỵ mã hiệu úy Ngô Tuấn chỉ muốn con ngựa của mình mọc cánh bay thẳng đến nhà người tình...

Nhưng chàng trai võ tướng vừa đến đầu phường Thái Hoà thì giật bản mình vì tiếng kêu khóc và tiếng la hét inh ỏi. Người trong phường, người các nơi kéo ra đông như kiến cỏ. Anh lại thấy những xe những kiệu có khảm vẽ hình rồng. Như thế là kiệu xe mang biểu tượng của nhà vua. Là một võ quan có kỷ luật, trọng lễ quân, nên chàng kỵ mã hiệu úy vội nhảy xuống ngựa đứng dạt ra bên đường. Anh nghe tiếng bàn tán xôn xao của đám dân gian, quanh quán nước chè xanh, quanh tửu điểm...

Ai đó nói bằng một giọng lỗ mãng:

– Được kén vào hầu vua sướng bỏ mẹ, ăn trắng mặc trơn, còn tiếc cái nỗi gì mà khóc...

Một người nào đó áng chừng là một nhà nho dẫn nậm rượu cười ha hả:

– Chuyện, đến cô dâu về nhà chồng còn khóc nữa là... Vì nhẽ ấy mới có câu rằng: cười như thầy khóa hồng thi... khóc như thiếu nữ ngày đi lấy chồng...

Dứt lời chàng ta tự cười một mình. Bởi vì lúc đó ở cái đất Thăng Long này chưa ai hiểu thế nào là thi cử, là hồng thi. Việc học tuy đã vào đất Giao Chỉ này từ lâu, cách đây hơn mấy chục năm người ta đã dựng văn miếu, nhà vua mời thầy dạy hoàng tử trong quốc tử giám nhưng nào đã ai biết đến chuyện thi cử là gì. Còn cái việc nhà vua mở khoa tam giáo đồng nguyên cũng chỉ là việc tập hợp các nhà tu hành, các bậc chân tu, các bậc túc nho lại để khảo kinh khảo sách mà thôi. Còn con gái thời ấy có nơi còn giữ nguyên cả lệ tục nhà gái đi cưới chồng cho con, như thời trước cả ngàn năm Bắc thuộc, có nơi còn giữ nguyên phong tục cướp vợ, lại có nơi giữ tục bắt chồng, theo lệ nổi dậy... Vì thế con gái về nhà chồng mà khóc thì cũng là chuyện người dân Thăng Long hồi bấy giờ chưa thật quen lắm. Nhưng cái chuyện bắt cung nữ mới xảy ra một vài lần trong mấy chục năm thì dân gian đã từng biết. Và người ta khóc là phải. Từ ngày lập nghiệp nhà Lý đến nay, lần này là lần thứ ba các vua nhà Lý học các bậc hoàng đế Trung Hoa tuyển cung tần mỹ nữ nhập cung. Lần thứ nhất sau khi vua Lý Thái Tổ định đô. Đó là lần đầu tiên ở cái đất Giao Châu này có lệ tuyển cung tần mỹ nữ nhập cung. Trước đây tuy cũng đã có các triều như Bồ Cái Đại Vương, Lý Nam Đế, Ngô Vương Quyền, Đinh Tiên Hoàng, Lê Đại Hành... nhưng các triều này quy mô tổ chức triều đình còn rất đơn giản, chưa khác gì nhiều bộ máy gia đình của người thủ lĩnh những bộ lạc lớn, có nhiều bộ lạc chư hầu. Các chuyện về nội cung chưa đặt ra. Lúc ấy vua có thể lấy nhiều vợ, có vua lập đến bốn năm sáu hoàng hậu một lúc, và có nhiều vị nữ hầu, nhưng chưa nghĩ đến việc lập nội cung. Ngày ấy các chiều vua chưa dựa hẳn vào lý thuyết của đạo nho để lập thành quốc gia có vương triều vững mạnh. Vì lẽ ấy mà ngay cả hoàng hậu cũng có quyền tái giá ngang nhiên, được tất cả mọi người đương thời chấp nhận. Vì thế mà Thái hậu họ Dương, tên là Vân Nga, sau khi vua Đinh băng hà, có thể vì việc quân cơ mà kết duyên ngay với thập đạo tướng quân Lê Hoàn, truyền áo bào và ngôi báu để cùng nhau chống Tống. Thời ấy, cái đám cưới khi chưa hết hạn tang chế này, chẳng có gì là trái đạo lý cả. Không những thế mà còn có tác dụng đoàn kết phe của Thái hậu và phe võ tướng của Lê Hoàn thành một lực lượng thống nhất đủ sức phá quân xâm lược nhà Tống. Rõ ràng là cái đám cưới này không thể yên với các nhà nho. Vì thế về các đời sau, các nhà nho viết sử, đã không tiếc lời chê trách bà Thái hậu Dương Vân Nga thậm chí họ còn vứt tượng bà khỏi đền thờ và lăng miếu họ Đinh nữa. Nhưng chuyện đó là chuyện của đời sau, khi các thứ thuyết lý đạo nho đã ăn sâu vào đời sống tinh thần nước ta. Chứ thời ấy, mọi việc mới bắt đầu... Lý Công Uẩn bắt đầu lấy

mẫu của các hoàng đế Trung Hoa để dựng đô lập triều, định quan chức và lập nội cung, kén cung tần mỹ nữ.

Các bậc túc nho thì coi tất cả mọi việc như thế này là điềm hưng thịnh của đất nước. Vua phải có triều đình, có văn võ bá quan, có mở khoa thi kén người tài, có nội cung, có cấm thành mới đúng là vua của một vương quốc sánh ngang cùng các vua Đường, vua Tống. Chứ cứ ru rú sống trong động đá, với mấy bà vợ như mấy bà áp trại phu nhân, với đám tướng tá tùy tùng như các tay chân thì dù có mạnh mấy cũng vẫn chỉ là nước man di mọi rợ mà thôi.

Những bậc đại nho chờ thời, ngồi trong tửu quán đàm luận việc này, nhưng anh chàng kỵ mã hiệu úy bỏ ngoài tai. Đối với anh lúc này, là chỉ mong sao cho cái đám rước mang nghị vệ của nhà vua đầy tiếng khóc và tiếng la hét kia mau mau đi hết đi, để anh tể ngựa về với mẹ rồi đến với người yêu. Anh là người lính chiến, việc của anh là cây thương ngọn kiếm, nơi của anh là chiến trường, anh quan tâm làm gì đến cái việc trong nội cung. Cái việc mấy chục năm mới lại diễn ra có một lần... Nhà vua có thể lấy mười vợ, hai mươi vợ, ba mươi vợ đó là quyền của nhà vua... Chẳng đáng gì đến anh cả, anh đã có nàng Thuần Khanh của anh rồi. Cậu anh và mẹ anh sẽ lo đám cưới cho hai đứa. Anh vẫn cứ lo việc binh nhưng, vợ anh mang của hồi môn về cho anh một cái lò gốm. Với tài vẽ hoa khéo léo của vợ anh, gia đình anh sẽ trở thành một gia đình khá giả ở chốn kinh thành đô hội này. Ước mơ của đời làm trai của anh như thế còn gì đáng phỉ trách nữa...

Và những điều mơ ước đó đang sờ nắm thấy tận tay, nhưng anh đang sờ thanh gươm, đang nắm chiếc dây cương con chiến mã vậy. Đứng trước đám người hỗn độn đang xô đẩy nhau, anh tiếp tục mơ ước cái cuộc sống êm đềm nhưng hào hùng của một võ quan nhà nghề. Anh không thấy những chiếc kiệu buồng rèm khì ở trong nước nổ tiếng khóc gọi tên cha mẹ, gọi tên người tình. Anh cũng không thấy hàng ngàn thân nhân và người trong phường chen chúc nhau cố nhìn mặt những người con gái đẹp nhất nhà mình, cha mình, phường mình, họ mình lần cuối cùng... Vì đã vào chốn lãnh cung thì có mấy ai trở về mà gặp mặt được người thân. Vì thế đám tiễn đưa này có khác chi một đám ma đưa trước cho người sẽ chết mòn mỏi trong cung cấm... Vì mãi nghĩ đến giấc mộng hạnh phúc của mình, chàng hiệu úy kỵ mã trẻ kia chẳng để ý gì đến mọi chuyện xung quanh, chẳng để ý đến hàng ngàn hàng trăm người gào khóc... Cuộc đời đang cười với chàng, chàng đâu có thì giờ để chia buồn cùng những giọt nước mắt...

Nhưng chàng giật bắn mình vì có người giằng tay dây cương ngựa của chàng. Chàng lùi lại định bạt kiếm bằng một thế võ nhanh nhất, thần tốc nhất. Nhưng khi mắt chàng trừng lên nhìn kẻ giật cương ngựa của chàng, chàng giật bắn mình, vì không tin ở mắt mình nữa. Sao trước mắt mình lại chính là bà mẹ kính yêu đã từng ở vậy nuôi mình đang khóc vật vã. Việc gì mẹ phải khóc trong lúc này nhỉ? Mẹ goá chỉ có hai người con trai, anh và Hiến. Có đứa con gái nào để bị bắt vào lãnh cung đâu mà khóc. Nhưng nhìn bên cạnh anh thấy cậu Tạ Đức cũng nước mắt lưng tròng thì anh hiểu tất cả. Và chết lặng đi. Giọng cậu buồn da diết đầy nước mắt:

— Tôi đã giục anh làm lễ cưới hỏi từ năm trước mà anh nào có nghe tôi, anh cứ xin được lập nghiệp đã rồi mới xin cưới... Thế là bây giờ thì anh mất vợ, tôi mất con... Con tôi vào lãnh cung sẽ chẳng bao giờ trở lại nữa... Khổ thân tôi... Con ơ là con ơ...

Người thanh niên vũ dũng ấy đã chết lặng và ngất đi trên tay mẹ giữa cái đám ma kỳ lạ đưa tiễn người sống...

Từ đó chàng Ngô Tuấn như kẻ chán đời suốt ngày đắm mình trong rượu để quên sầu. Mấy lần bà mẹ thương con nói chuyện cưới một người vợ khác cho con, nhưng Ngô Tuấn gạt đi. Người cậu Tạ Đức cũng thương xót, đã có ý gả đứa con thứ, tên là Thuần Khiết cho nhưng chàng lắc đầu không thuận. Thuần Khiết em Thuần Khanh tuy không đẹp bằng chị, không duyên bằng chị, nhưng cũng hao hao vóc dáng, lại thùy mị nết na. Tạ Đức nghĩ, hay là cứ gán ghép vào thành gia thất, may ra cháu mình có nguôi nguôi được phần nào không. Vì lẽ ấy ông đã nhiều lần đưa nàng Thuần Khiết đến gặp Ngô Tuấn. Nhưng vừa thấy Thuần

Khiết là chàng nổi điên lên. Một chứng điên lành thôi. Chỉ ôm mặt mà khóc không dứt. Không nói không rằng. Chỉ khi nào Thuần Khiết đi khỏi thì chàng mới dần dần tỉnh lại mà thôi không khóc nữa. Cả một năm dài chàng thương nhớ Thuần Khanh bao phen muốn cắt tóc đi tu, nhưng còn mẹ già nên đành thôi. Bao phen lại muốn theo những thuật sĩ đạo lão vào thâm sơn cùng cốc luyện thuốc tiên lánh hẳn việc đời, nhưng lại nghĩ đến đứa em chưa gây dựng lại phải gác lại cuộc viễn du. Chàng cứ thế uống rượu như hũ chìm. Trong cơn say chỉ biết gọi tên Thuần Khanh rồi ngất đi. Trong cơn mơ chàng chỉ mơ thấy hình bóng chập chờn của Thuần Khanh giữa rừng cây cỏ chim muông huyền ảo chính do bàn tay nàng vẽ ra... Thăng Long vào thời đang gây dựng ấy đã bắt đầu có phường ca kỹ và có những sòng bạc đánh bài chẵn lẻ gọi theo tiếng Triều Châu là bài tái sửu. Chán đời chàng bỏ bê công danh vùi đầu vào cờ bạc thâu đêm suốt sáng, đi hát dưới xóm liền và tuần trăng không về... Cửa nhà vì thế khánh kiệt. Bà mẹ thương con, buồn cho con, sinh bệnh mà chết. Năm ấy anh chàng hiệu úy kỵ mã phóng đảng mới có mười tám tuổi. Cái chết của bà mẹ làm chàng hoàn toàn tỉnh ngộ. Chàng tự tay lo liệu tang ma cho mẹ chu tất. Lo đủ mọi lễ tống táng. Trong lễ tiết tang ma, hẳn việc gì anh cũng tự tay làm lấy để tỏ lòng ăn năn hiếu thảo, chuộc lại cái lỗi mình phóng đảng bê tha, làm mẹ đau buồn mà mất.

Mẹ mất đoạn tang đầu chẵn một trăm ngày như tục cũ của đất này, chàng Ngô Tuấn tìm mọi cách xin cho em mình là Ngô Hiến, được hưởng tập ấm của cha nguyên là Sùng bang lang trung đã tử trận. Ngô Thường Hiến được bổ chức hiệu úy kinh binh. Sau đó, Ngô Tuấn lại sang nói với cậu Tạ Đức xin gả Thuần Khiết cho Thường Hiến. Cậu Tạ Đức vì thương cháu mà bằng lòng. Tuy đứng ra dựng vợ gả chồng cho em nhưng hôm cưới, Ngô Tuấn lánh mặt.

Lo xong việc hiếu cho mẹ, thu xếp chuyện sự nghiệp gia thất cho em xong, Ngô Tuấn gọi Thường Hiến đến bên mà nói rằng:

– Từ nay em phải thay anh giữ hương khói, sinh con đẻ cái nối dõi tông đường... Nghiệp của cả dòng họ ta anh đành trao lại cậy em lo giúp... Bây giờ em là ngạch trưởng trong họ... Em để anh lay em ba lay...

Nói rồi Ngô Tuấn quỳ xuống lay em là Thường Hiến ba lay. Thường Hiến hoảng hốt tưởng là phen này vì quá thương nhớ người tình mà Ngô Tuấn, anh mình sẽ quyên sinh. Nhưng điều lo lắng của Ngô Thường Hiến hoàn toàn không có căn cứ. Vì sau khi lo xong tang mẹ lo xong sự nghiệp cho em, lo xong chuyện hỷ gây dựng gia đình cho em xong, Ngô Tuấn trở lên nghiêm nghị đứng đắn vô cùng. Anh không hề nhấp môi uống rượu. Không hề lai vãng xuống các làng ca kỹ, cũng không hề động đến con bài lá bạc. Anh trở nên trầm lặng. Thường Hiến tưởng phen này anh thay đổi tính tình chắc anh sẽ lên chùa đi tu. Thường Hiến hỏi:

– Anh đi tu chùa nào, hả anh... Anh phải cho em biết để khi có cháu, vợ chồng em còn phải bế cháu đến thăm anh.

Ngô Tuấn lơ đãng hỏi ngược lại:

– Ở chùa nào có phật thần thông nhất giúp anh gặp lại được người đã khuất...

Thường Hiến tưởng anh nói thật bèn trả lời rằng:

– Chùa thờ phật chỉ giúp mình lên cõi niết bàn mà thôi. Còn muốn gặp người đã khuất thì phải theo các thầy đạo lão có tài đánh đồng thiếp... Em nghe nói, người ta có tài dẫn hồn mình đi gặp người từ kiếp trước... Chẳng lẽ anh không nghe người ta đồn việc ấy ư?

Ngô Tuấn vẫn trầm lặng, từ tốn thờ dài:

– Anh cũng đã nghe đồn... đã tìm đến những thầy đồng thiếp giỏi nhất kinh đô... Nhưng không ai giúp nổi anh... đưa hồn anh đi gặp một người đã khuất... đã khuất nhưng hãy còn sống giữa dương gian... sống cách ta chỉ một vài bức tường cao... mà ta không thể nào gặp mặt... không có cách nào gặp mặt, không có phép tiên nào giúp được ta gặp mặt... mà anh... anh chỉ còn có một lẽ sống duy nhất của anh, là làm sao được nhìn mặt nàng một lần, dù chỉ một lần mà thôi, nhìn một lần rồi đổi bằng cái chết anh cũng

cam lòng... Người ta nói rằng cố gắng đợi, kiếp này đã lỡ thì kiếp khác sẽ gặp được nhau, nhưng anh làm sao mà chờ đợi được cho đến cái kiếp sau xa xôi ấy hả em... Anh quyết rồi...

Thường Hiến khắc khoải hỏi anh:

- Anh quyết thế nào... định liều chết phá cấm cung ư?

Chàng trai Ngô Tuấn cười cay đắng:

– Nếu phá được cấm cung mà được nhìn thấy mặt nàng, anh cũng phá... phá rồi chết để một lần được nhìn mặt nhau anh cũng xin cam lòng... Nhưng cấm thành nghiêm ngặt lắm, có chết cũng không thể nào phá nổi... Vì thế em đừng lo, anh không phá cấm thành để liên lụy đến gia đình ta đâu... Anh đã quyết liều làm một việc đại bất hiếu, còn khùng khiếp hơn cả sự liều mình vào chỗ chết... Bây giờ em thay quyền anh giữ ngách trưởng trong gia tộc, em phải tha tội cho anh...

Thường Hiến không hiểu anh mình làm gì. Về sau nghe anh sung vào ngách quân cấm vệ thì Thường Hiến mới vỡ lẽ rằng, để mong một lần gặp người thương phải giam trong chốn lãnh cung, người anh mình đã can đảm tự yếm, để sung vào ngách thị vệ hoạn quan, là thứ quan hầu cận trong nội đình, trong cấm cung...

Một lần chàng trai Ngô Tuấn ra đi mất hút trong vòng cung cấm kinh thành uy nghiêm vắng lặng, không liên lạc với họ hàng thân thích. Bước vào trong hậu cung, chàng trai Ngô Tuấn mới biết rằng đây không chỉ là một nơi giam giữ các cung tần mỹ nữ đơn giản mà nội cung chính là một thứ triều đình bí mật đầy quyền lực có sức áp chế cả triều đình bên ngoài, cai trị vương quốc, và không phải cứ vào được nội cung là có điều kiện gặp mặt người mình muốn gặp. Cái triều đình bí mật này cũng có ngách bậc quan lại và có những cung viện hết sức phức tạp chặt chẽ. Có khi còn chặt chẽ hơn cả triều đình thật nữa. Vì thế tuy sung chức hoạn quan mà chàng trai Ngô Tuấn vẫn chưa được vào hầu chốn hậu cung của các cung nữ và các bà phi. Ở nơi mà Ngô Tuấn hy vọng được gặp nàng Thuần Khanh người tình xưa của mình. Vào ngách hoạn quan, lại là kẻ vốn là ngách võ quan xuất thân, có tài thao lược có võ nghệ cao hơn những hoạn quan yếu đuối trong nội cung nên chàng trai Ngô Tuấn nhanh chóng được phong chức Hoàng môn chí hậu. Một chức hoạn quan vào ngách võ canh cửa cho nhà vua. Được vua gần gũi để mắt, lại là kẻ thông minh, có cái người đời không thể nào đoán được. Đó là cái trí làm quan thật to trong ngành hoạn quan để có thể có quyền vào được chốn lãnh cung sâu nhất, để một lần gặp mặt nàng Thuần Khanh. Điều này suốt mười hai năm không một ai có thể cậy rằng bắt chàng hoạn quan vừa trẻ tuổi vừa có khuôn mặt đẹp như hoa lại vừa vũ dũng hơn đời, nói lấy một nửa lời. Chàng chỉ làm việc cần mẫn và tỏ hết lòng trung thành, vì lẽ ấy được nhà vua tin cậy và cất nhắc. Chỉ trong vòng đúng mười hai năm mà chàng đã nổi tiếng nội đình, từ một chức hoạn quan canh cửa, đã lên đến chức võ quan cao cấp vào bậc nhất trong cấm đình, chức Đô trí vệ cấm binh.

Nhưng dù sao đối với vua Lý Thái Tông là nhà vua đã ra lệnh bắt nàng Thuần Khanh cùng hàng trăm cô gái đẹp khác trong dân dù giam vào cấm đình, anh chàng cấm vệ quân đô úy vẫn có một cảm giác thù hận xa cách. Vì thế mà anh không thật gần gũi nhà vua. Kịp khi vua Thái Tông băng hà, các cung nhân của tiên đế được giải phóng. Người đi coi thái miếu, lăng tẩm, giữ phần hương khói, người cắt tóc đi tu, người trở lại dân dã sống lại kiếp làm người khi tuổi xuân đã phai tàn. Mãi đến lúc chàng cấm vệ đô trí Ngô Tuấn mới nhận công vụ lọt được vào tận lãnh cung của nàng trinh nữ nguyên vẹn Thuần Khanh. Mười mấy năm trời bị giam trong cung nàng chưa một lần được nhà vua vờ tới. Nàng mòn mỏi trong chốn cấm cung nhớ thương cuộc sống dân dã bình lặng, nhớ thương người tình đầu tiên và giấc mộng lứa đôi cái thừa xuân xanh... Và khi thấy chàng trai năm xưa đẩy cánh cửa cung cấm bước vào nàng đã suýt ngã ngất lịm đi, mặc dù nàng vẫn không quên đang có đại tang trong triều và dù sao mình cũng là vợ của vị vua quá cố. Nàng hốt hoảng hỏi Ngô Tuấn:

– Trời ơi, thiếp đang tỉnh hay đang mơ đây... Đã bao nhiêu năm trường đằng đằng thiếp mơ thấy chàng... chàng đến trong giấc mơ của thiếp... cười trong giấc mơ của thiếp... nắm tay trong giấc mơ của thiếp... rồi bỗng dưng mà biến mất khỏi giấc mơ của thiếp để thiếp hàng ngàn lần ngời đối mặt với ngọn đèn

mà tiếc ngẩn tiếc ngơ, chẳng làm sao ngủ được... Lần này chàng lại hiện lên để bờn cột hành hạ thiếp nữa ư...

Chàng Ngô Tuấn lắc đầu mà khóc rằng:

— Ta đã tìm nàng suốt hơn mười năm nay, mười năm chịu nhằn nhục để một lần nhìn thấy mặt nàng... và giờ đây ta đã thấy nàng... đã thấy nàng.

Và một điều may mắn, cũng là một câu chuyện trở trêu, viên hoạn quan đô tri cấm vệ được phái đi đưa các cung nữ được tuyển chọn làm người gác lăng vua trọn kiếp. Trong số đó có cả nàng cung nữ Thuần Khanh. Hai người có điều kiện gặp nhau trọn vẹn, vì lúc đó chàng là chức quan cao nhất trong đoàn tổng tiển, còn nàng cũng đã được thả lỏng ít nhiều... Nhưng cái vui gặp gỡ ngẩn ngủi qua mau. Khi chưa được mắt nhìn tận mắt, tay nắm tận tay, người ta cứ ao ước rằng chỉ cần được gặp nhau như thế là đủ lắm rồi, chẳng cần gì hơn nữa. Ngô Tuấn còn sẵn sàng đổi cái chết để có một lần mặt nhìn mặt tay cầm tay như thế mà thôi. Nàng Thuần Khanh hơn ba ngàn đêm trong nửa mơ nửa thức ao ước cũng chỉ thiết tha có vậy mà thôi, dù vì thế mà dao kề cổ nàng cũng cam chịu, thậm chí còn có thể mỉm cười nhìn dao phủ nữa, và nàng cho rằng mình đã được tại nguyện rồi... Nhưng bây giờ tay đã cầm trong tay, mặt đã nhìn tận mắt. Trong bóng đêm bí ẩn của lăng tẩm âm u nơi phần mộ của bậc đế vương, hai người tình cũ đã má kề má môi kề môi, tóc tơ sợi vấn sợi dài, giọt nước mắt rơi theo giọt nển hồng lạp như giọt máu thời gian phôi pha... Bây giờ họ đã có nhau, nhưng họ đã mất tất cả... mất cả những gì bình thường trong khát vọng cháy bỏng đôi lứa. Họ đạt được điều họ ao ước suốt mười năm, nhưng họ không thể nào bằng lòng với những điều mơ ước đó... Nhưng họ chẳng thể làm gì hơn... chẳng còn gì nữa... Ngọn lửa dục tình trong lòng giá lạnh của người cung nữ, và khát vọng đã mất của chàng võ sĩ năm xưa nay lại bùng lên thành bão... Chàng đô tri cấm quân hộ tống đoàn cung nữ đến coi lăng tự nhiên phát điên, một cơn điên khủng khiếp chưa từng thấy, chỉ những hoạn quan lão luyện mới lờ mờ đoán ra đôi chút căn nguyên...

Cũng như việc thành lập cung cấm mới hình thành từ thời Lý với một quy mô như các triều đình phong kiến của Đường của Tống ở bên Trung Hoa, thì cũng từ đó ngách hoạn quan cũng bắt đầu có vị trí ghê ghớm ở trong việc triều chính việc quốc sự... Và cái nghiệp hoạn quan mới nhập vào nước ta nên các chứng bệnh đặc biệt của các hoạn quan, người ta chưa có kinh nghiệm nhận biết căn nguyên. Nếu như vào những đời sau, khi hoạn quan thành một thứ nghề có một căn cứ lâu đời như ở các nước Trung Nguyên chắc chứng bệnh khủng khiếp của viên đô tri cấm quân kia chắc hẳn phải chữa bằng lưỡi gươm khắc nghiệt nhất và lệnh tru di tam tộc. Vì đó là một nguyên cớ phạm tội bất kính với tiền đế.

Ở chốn lãnh cung lâu năm, cung nữ Thuần Khanh hiểu được cái lẽ chết của chốn cấm đình, nên tìm mọi cách cứu chữa căn bệnh điên kịch phát của chàng đô tri ở chốn lăng miếu âm u cô quạnh này. Nàng biết rằng câu chuyện bại lộ thì chắc chắn là không chỉ hai người đổi cái chết của riêng mình đã đủ, họ dám chết như thế lắm, nhưng luật lệ triều đình có thể dẫn đến tru di ba họ của cả hai nhà... Không thể làm cách nào khác nữa, nàng Thuần Khanh xin được hoả thiêu theo nhà vua... Đó là lệ hoả táng sống theo vua, mà thời ấy hãy còn giữ như một luật lệ tuy không bắt buộc tất cả mọi người. Trước khi lên dàn hoả thiêu, đêm trước cung nữ Thuần Khanh lẻn đến gặp viên đô tri cấm vệ quân vừa khóc vừa nói rằng:

— Đôi ta đã có vương duyên, vương nợ với nhau, đã lụy tình cùng nhau... cái tình đáng trọng... Thanh khí tương cầu... Những tưởng chỉ cần nhìn thấy mặt nhau là đủ thỏa lòng mong nguyện từ mấy ngàn ngày khắc khoải ngóng trông... Nhưng chuyện đôi lứa đâu phải chỉ có ngồi mà nhìn nhau... Thiếp cảm thấy lòng chàng dám đập qua cái điều khủng khiếp hơn cái chết để được gặp thiếp... Nhưng gặp nhau như thế này thì thà rằng đừng bao giờ gặp nhau thì còn hơn. Thà rằng cứ mộng tưởng chấp chờn trong giấc mộng còn hơn... Thôi đành chàng đã mang cái lớn hơn cả cái chết, tự giết tất cả lạc thú ở đời để được nhìn mặt thiếp. Thiếp cảm cái tình lớn của chàng, thiếp cũng xin mang cái chết để tỏ lòng đền đáp. Chứ cứ sống trong cảnh này thì cả thiếp lẫn chàng đều phát điên lên rồi gây họa cho cả gia đình hai bên, cái họa tru di tam tộc mất... Trước khi chết, thiếp chỉ khuyên chàng một điều... một điều này thôi... chàng đừng nghĩ

rằng chàng không còn gì, đành rằng chàng không còn lạc thú ở đời, đành rằng chàng không còn là một người con có hiếu, đành rằng chàng chẳng bao giờ có thể nối dõi tông đường, đành rằng chàng đã coi như tuyệt tự... Nhưng đời của kẻ làm trai không phải tất cả chỉ có chừng ấy... Mong chàng nghĩ lại đừng có liều mình cùng thiếp mà uống chí lớn tài cao...

Rồi ngọn lửa oan nghiệt thiêu cháy người con gái tài hoa trên dàn hoả thiêu dựng nơi lăng tẩm nhà Lý dành cho vua Thái Tông. Ngọn lửa khủng khiếp có cả mùi trầm hương lẫn mùi da thịt của nàng trinh nữ về già cháy khét đã làm cho chàng võ quan nơi cấm đình Ngô Tuấn tỉnh ngộ. Chàng trở về kinh đô... Vua Thánh Tông nhận ra ngay con người có chí lớn trong chàng võ quan nơi cung cấm. Nhà vua phong cho chàng chức hành quân hiệu úy chuyên cho theo đi đánh giặc. Trong chiến trận khác với trong việc hầu hạ trong cung cấm, tài năng và cái khí nghiêng trời nghiêng đất của chàng càng nổi bật, được vua hết sức tin yêu. Năm thứ ba, thuộc niên hiệu thứ hai của vua, Thánh Tông tin cậy và ban cho viên hoạn quan này một đặc ân, một đặc ân hiếm có cho những hoạn quan, là giao cho hoạn quan này trong nội cung ra làm chức Kinh phòng sứ khí vùng ngũ huyện Giang Ái Châu có loạn và dân các sách động Man Lào phản. Ngô Tuấn được tuyền hành sự. Chàng đã khéo phủ dụ, lại là người liêm khiết, ngoài khát vọng lập công chẳng còn một khát vọng nào khác, nên chuyên cần mưu trí gia ân gia uy, vì thế mà dân năm châu, sáu huyện, ba nguồn, hai mươi bốn sách động đều quy phục cả. Dân được yên, lại mang nhiều châu báu tôn cúng của dân về triều, nên chàng hoạn quan võ tướng nhà vua được đặc ân ban quốc tính, cải làm họ Lý. Từ ấy chàng Ngô Tuấn đầy bi kịch trong đời đã trở thành vị tướng quân Lý Thường Kiệt. Nhưng đến lúc ấy chàng vẫn chỉ là viên tướng được vua tin dùng và nổi tiếng trong nội cung mà thôi. Phải đợi đến trận chiến binh phục thành Đỗ Bàn bắt vua Chiêm, lấy cống ba châu Ma Linh, Địa Lý, Bồ Chánh để mở rộng biên thủy về phía Nam chàng mới thành vị tướng thực sự của triều đình... Một mối và căng thẳng sau cuộc chinh biến cung đình do chính mình bày mưu sắp đặt, lại bước vào một kế hoạch thúc ước kết gấn các vùng sách động biên thủy, vị Tiết Chế tể chấp cảm thấy toàn thân rã rời bải hoải... Đâu đây trong gió đêm những cặp trai gái vùng thôn ỗ hồn nhiên chơi hội kéo nhau tự tình trong ruộng dưa, bãi mía vườn dâu không biết sự có mặt của vị quan trong nhà cầu quán, cứ rúc rích cười hoài... Tiếng cười như làm rung rinh buốt lạnh thêm làn sương đêm vây bọc quanh đôi vai của con người ngày hôm nay phải gánh cả gánh nặng quốc gia, mà trong lòng mất hết mọi niềm say mê khao khát bình thường của con người trần tục...

Vị Tiết Chế tướng quân tể chấp thở dài cay đắng... Hình bóng anh chàng kỵ mã hiệu úy cứ chập chờn trước mặt trong bóng đêm dày đặc bao phủ giữa trời đầy sao và cả hàng vạn đốm lửa ngày hội khác nào sao sa. Trời, cái anh võ quan cấp thấp nhất, trẻ tuổi và ngây thơ kia sao mà đẹp vậy... Vị tể tướng đầu triều kiêm giữ tất cả binh lực, của nhà nước lúc này ủ rũ ngồi trong bóng đêm này, sẵn sàng đánh đổi tất cả, để được trẻ lại, để được trở lại làm cái anh võ quan nhỏ bé kia... Đối cả chức đứng đầu triều đình, đối cả chức đứng đầu toàn bộ cấm binh, quân đồng bằng, quân khô động... Nhưng thời gian đã trôi đi... Cái gì đã mất đi vĩnh viễn không bao giờ trở lại nữa... cái anh chàng hiệu úy kia đã vĩnh viễn mất đi... cả cô gái vẽ chim muông hoa thú trên nền men gốm cũng đã chết mòn chết mãi trong lãnh cung rồi cháy bùng lên trên dàn hoả thiêu trước lăng Thái Tông cạnh rừng Báng... Tất cả đã mòn mỏi... bây giờ đối với con người đang còng lưng trước màn sương lạnh của đêm chỉ còn gánh nặng của cả sự mất còn của non sông đè trên đôi vai mệt mỏi.

Vị Tiết Chế tể chấp Lý Thường Kiệt khẽ rung mình buông một tiếng thở dài... Lúc đó, anh chàng lái buôn miệng nồng hơi rượu giọng khô đặc của một kẻ say, lão đảo bước tới gần vị Tể tướng đầu triều đang ngồi âm thầm trong căn nhà cầu quán đạo Lão trống trải. Giọng Lý Châm vẫn giữ cách nói thân mật cợt nhả của lái buôn:

— Bẩm Tể tướng, Tể tướng đã biết tin gì chưa? Một lái buôn thân tín của tôi từ bạc dịch trường Vĩnh Bình về đây cho hay rằng chính viên Tể tướng Vương An Thạch phải rút khỏi chính sự... Quyền Tể tướng đã rơi vào tay kẻ khác... Các bạc dịch trường được viên kinh lược sứ mới tên là Lưu Di cho nói mở bớt các lệnh cấm đoán khe khắt... Việc động binh về phía Nam thủy tạm hoãn...

Tiết Chế tể chấp Lý Thường Kiệt gật đầu như tự nói với chính bản thân:

– Việc này ta cũng đoán là tất sẽ đến... đến là may cho ta... cho ta thêm thời giờ mà phòng bị... Rồi Vương An Thạch sẽ trở lại tham chính... và ngọn lửa chiến tranh chẳng thể nào tránh khỏi... Ta biết chắc rằng, chẳng có cách nào tránh khỏi...

Biên thủy Hoa Hạ một lần nữa lại xáo động vì tin sứ thần Giao Chỉ sang báo tin buồn về việc vua Lý Thánh Tông băng hà và xin cầu phong kết hiếu của vua Nhân Tông, có mang theo làm cống vật những hai con kỳ lân trắng. Kỳ lân đã là con vật huyền thoại thần thánh chỉ thấy có ghi trong kinh truyện cổ từ đời Tam hoàng ngũ đế, Xuân thu chiến quốc. Mà đó là loại kỳ lân thường mà thôi. Nói thế chứ những kẻ hậu học sau này, học sách thánh hiền thấy có nói là kỳ lân da dày như áo giáp, sừng giữa trán, đứng oai nghiêm, chân to như cột cung điện, cứng như đúc bằng thép nguyên khối.... Đó là sách nói, chứ thật ra chẳng ai được tận mắt nhìn thấy hình thù con kỳ lân như thế nào cả. Mà ngay cả người chép sách cũng chưa chắc được tận mắt nhìn thấy con kỳ lân để mà tả đâu. Họ chỉ mới nghe lời đồn đại của những bậc lão thành, những kẻ viễn thương, và đọc trên các chữ ghi ở mai rùa xương thú, hay trên những chữ khắc tre khắc trúc gọi là thanh sử, thanh kinh.

Kỳ Lân quý như thế, hiếm đến thế lạ lùng kỳ ảo đến thế, thì hỏi tại sao khi nghe tin đoàn sứ giả Giao Châu có mang cống kỳ lân cho triều đình mà dân dã và các nhà nho khắp nơi không kéo nhau lũ lượt về trẩy kinh để rình đón xem cho bằng được. Các nhà trạm trên dọc con đường thiên lý từ châu Vĩnh Bình hướng về Biện Kinh, không nhà trạm nào không tụ tập có đến hàng ngàn người đón đường đoàn sứ giả Giao Chỉ...

Chánh sứ lần này là quan thị lang Lý Hoài Tố... Tòng chánh sứ là một vị hoà thượng có pháp hiệu là Cần Giác thiền tông. Đoàn sứ giả đông đến hơn một trăm người ngựa. Đoàn sứ giả kỳ này là đoàn sứ giả đông nhất, hùng hậu nhất kể từ khi vua Lý Công Uẩn lập nước và đặt mối quan hệ bang giao đối với nhà Tống. Trước đoàn sứ giả này tính tất cả các nhà vua Lý đã cử đến hai mươi ba đoàn sứ giả khi thì kết hiếu, xin cầu phong khi thì báo thắng trận, khi thì báo tin buồn, khi lại tạ ơn... Chừng ấy đoàn sứ giả đoàn nào nhà Lý cũng soạn đồ cống chu áo, nào ngọc vãi vàng lụa, nào châu báu kim cương, khi thì ngựa quý, khi lại voi trắng... Đã mấy lần vua Lý định cống kỳ lân, nhưng khi đưa tìn thư ra qua biên ải để xin vào nội địa, thì nhà vua Tống nghe lời các quần thần tâu bày đều hạ chỉ không cho mang kỳ lân vào nội địa Trung Nguyên.

Mặc dù vua Tống các đời cứ nghe thấy kỳ lân trong danh mục các vật cống là lại thêm khát tò mò, muốn tận mắt xem hình thù cái con vật mà sách vở thánh hiền coi như vật thiêng cứ sáu trăm năm may ra mới xuất hiện một lần. Quái sao, cái xứ Giao Châu nhỏ bé làm vật thiêng đến thế. Nghe nói ta dùng con rồng làm biểu tượng thiên tử thì bên kia cứ mỗi lúc có việc gì là lại tin báo sang triều Tống rằng nhà vua Lý gặp rồng vàng xuất hiện. Rồi đô, gặp rồng vàng, cày ruộng tịch điền cũng gặp rồng vàng, đi tuần, đi đánh giặc cũng gặp rồng vàng... Rồng ở bên ấy có nhẽ nhiều như cá chép, cá anh vũ hay sao mà gặp dễ đến như thế... Hay là bọn tôi con nhà Lý có chân mạng thiên tử cũng nên, có như thế thì trời mới báo điềm lành liên tiếp như thế chứ... Nghĩ vậy, cả vua đến quan nhà Tống đều bán tín bán nghi, nửa lo nửa tức... Hết rồng vàng lại kỳ lân... Trong sáu mươi năm qua, ít nhất cũng đã ba lần đoàn sứ bộ Giao Chỉ xin cống kỳ lân. Nhưng không lần nào vua Tống nhận cả. Lần này, bàn về các vật cần mang sang cống, Tiết chế tể chấp Lý Thường Kiệt cho gọi lái buôn Lý Chăm vào phủ đệ và dạy rằng:

- Người là dân buôn, lắm mưu nhiều mẹo, người thử nghĩ xem có kế gì đưa được cặp kỳ lân trắng vào đất Trung Nguyên như một vật cống hay không?
- Dạ thưa, kỳ lân trắng nào ạ?
- Đôi kỳ lân trắng mà dân đình ba châu Ma, Bố, Đại mới nhập vào biên thủy nước ta cống hiến triều đình ấy mà...
- Theo tôi biết, thì kỳ lân là loại tê ngưu, dân trong vùng miệt nam thủy nước ta còn gọi là con tê

giác, hay con tây ngưu. Gọi là tê giác, vì nó có sừng ở giữa trán. Còn gọi là tây ngưu vì người ta cho nó là trâu rừng phía tây. Mà gọi là tê ngưu vì là ý gọi theo lối gọi tượng hình, chỉ một con có hình dáng hơi giống con trâu, nhưng ở trên mình lại có vẩy như vẩy tê tê... Nếu đúng là loại này, thì đó là loại thú cô độc, không bao giờ đi kiếm ăn đôi hay kiếm ăn đàn. Vì lẽ đó không thể bắt được một đôi tê ngưu... Vậy khi cống hiến ta cũng không nên cống hiến thành cặp, không gọi là một đôi mà phải gọi là hai con tê ngưu, hiện ra ở hai nơi khác nhau như thế mới đúng.

Lý Thường Kiệt gật gù thầm khen sự hiểu biết quảng bác của gã lái buôn phiêu lãng này, ông chậm rãi trả lời:

– Ừ thì ta sẽ dặn dò các quan lo việc tu cống tham bác ý của nhà ngươi... Nhưng đó không phải là điều ta cần hỏi nhà ngươi, Điều ta muốn nhà ngươi trả lời ta là làm thế nào để đưa cống vật vào đất Trung Nguyên được. Có thể thôi...

Lái buôn Lý Chăm tươi ngay nét mặt:

– Thế là kẻ hèn này hiểu rồi... Chắc hẳn triều Lý ta đã ít nhiều lần gửi kỳ lân sang cống, nhưng không được nhận.

– Đã ba lần... ba lần triều ta xin cống kỳ lân...

– Vâng kẻ hèn này cũng đoán ra rằng, ba lần triều cống kỳ lân cũng với ý ngầm bảo cho nhà Tống biết rằng phương Nam sinh ra thánh nhân nên mới có kỳ lân xuất hiện có phải không ạ...

Lý Thường Kiệt im lặng nhìn sâu vào đáy mắt ranh mãnh của gã lái buôn rồi lắc đầu:

– Đoán già đoán non là việc của nhà ngươi... đâu phải việc đại sự của triều đình.

Lý Chăm lắc đầu cười tinh quái:

– Tướng quân không muốn trả lời là có hay là không, đó là quyền của bậc làm tướng... Còn kẻ hèn này đâu dám nài được phép biết... Nhưng việc này chắc ... tướng quân không dè xén lời để cho kẻ này biết rằng có lần nào nhà Tống nhận kỳ lân hay không ạ?

– Không một lần nào...

– Bên triều Tống không nhận có nói ra nguyên do hay không...

– Cũng có nài ra⁽¹⁾ nguyên do... như là...

– Xin tướng quân cho kẻ hèn này được đoán chẳng... (rồi không chờ được cho phép, Lý Chăm nói luôn) : Chắc hẳn lần nào sứ nhà Tống cũng trả lời là chưa chắc đã phải kỳ lân thật hiện lên, nên bản triều không nhận... Có đúng thế không, thưa tướng quân.

– Nhà ngươi đoán đúng... đoán đúng... Họ không cho là kỳ lân có thật hiện ở phương nam, vì nếu họ cho là có thật thì các bậc thâm nho đã từng tin ở sách thánh hiền sẽ tin là ở phương Nam đang có điềm lành sinh thánh...

Lúc này Lý Chăm mới chậm rãi khẳng định theo ý riêng của mình ngay trước mặt vị quan đứng đầu triều, không chút kiêng nể:

– Như thế là lần này, ý tướng công muốn bằng cách nào mang con kỳ lân trắng của ta, đặt vào giữa Trung Nguyên để chứng tỏ cho người Trung Nguyên và các văn thần triều Tống biết rằng ở phương Nam ta đây đang có điềm hưng thịnh... Nếu đúng là kỳ lân hiện báo điềm sinh thánh thì đừng có chê Càn Đức tám tuổi làm vua... Biết đâu vua Càn Đức ra đời là do điềm báo của kỳ lân trắng hiện... Có phải thâm ý của tướng công muốn làm cho tâm trí đám hủ nho bên triều Tống vốn quen điều nguy tín phải bối rối trước con tê giác trắng xuất hiện ở phương Nam mà nhụt một phần nào cái mộng bành trướng.

– Nhà ngươi nói đúng... như vậy nhà ngươi có cách nào mang con kỳ lân vượt qua quan ải đi vào nội địa Trung Nguyên hay không?

Lý Chăm trầm ngâm:

– Kỳ lân là một con vật quá to, không thể giấu như giấu một thanh gươm... kể cũng khó thật... khó thật. Nhưng nếu con kỳ lân của chúng ta mà vào được đất Trung Nguyên làm xôn xao trong dân chúng thì vui biết mấy... vui biết mấy... khoái biết mấy...

Lý Thường Kiệt trầm giọng:

– Nhà người đừng nên vui vội... vì nhà người sắp phải gánh một gánh nặng trách vụ mà bao người chưa hề một lần làm nổi... Đó là nhà người phải bằng cách nào mặc nhà người phải đưa bằng được con kỳ lân vào đất Trung Nguyên, làm náo động Trung Hoa vì tin có kỳ lân trắng xuất hiện ở phương Nam, đó là việc của nhà người... Để làm việc này, ta có thể thăng cho nhà người chức phó sứ, tòng chánh sứ... Đó là điều duy nhất ta có thể giúp nhà người trong cái phận sự vô cùng khó khăn này...

Và bây giờ, thì đúng như điều mong muốn của Tể chấp tiết chế Lý Thường Kiệt, cả miền Hoa Hạ đất Trung Nguyên bị rung động vì cái tin ở phương Nam xuất hiện kỳ lân trắng. Và con kỳ lân trắng xuất hiện cả đôi đang được sứ thần Giao Chỉ dẫn sang cống vua nhà Tống... Người ta lũ lượt đi đón đường đoàn sứ giả Giao Chỉ để được tận mắt xem hình thù con kỳ lân huyền thoại ra sao. Nó có giống thật cái con kỳ lân mà các sử sách thi thư mô tả hay không? Tin này truyền về triều đình làm cả bá quan văn võ vô cùng bối rối. Phe cựu học rất mê tín, nghe thấy đúng là sứ giả Giao Chỉ mang cống kỳ lân cộng thêm với sự xuất hiện của ngôi sao chổi lớn: Xuất hiện ở chòm sao Chẩn, đuôi sao lại trở về chòm sao Thái Bạch; Tất cả những triệu chứng này các nhà nho tin ở điều dị đoan đều đoán là phương Nam có điềm sinh thánh và sẽ gây ra những biến động dữ dội và sẽ thăng...

Vua Tống Thần Tông hốt hoảng sai bắt tên quan coi việc sứ quán hạch tội, bắt phải trình mọi việc. Viên này thưa rằng:

– Việc sứ đoàn của Giao Chỉ đến, kẻ hạ thần này vẫn giữ đúng lệ của bộ hạ truyền, nghĩa là bắt đợi ở ngoài quan ải, rồi bắt đệ trình danh tính sứ giả và tùy tòng cùng danh mục các thứ vật cống để xét duyệt...

– Thế người xét duyệt thế nào để cho chúng nó mang lọt con tê giác kỳ lân vào đất Trung Nguyên gây nên bao điều dị đoan rối loạn.

– Bẩm muôn tâu bộ hạ, kẻ hạ thần có thấy tên tê giác kỳ lân trong danh mục các vật cống đâu ạ... Trong danh mục chỉ có để là cống hai con tây ngưu... là một loài trâu lạ, da dày, có sừng, lông trắng... Sống trong rừng phía tây của xứ Đại Việt... mới xuất hiện, nay bắt được dâng lên thiên tử để tỏ lòng hiếu thuận... Chính chúng con đã để vào sổ tâu lên, và bộ hạ phê chuẩn cho mang vào nội địa cùng sứ đoàn.

Vua Tống Thần Tông sửng người... Thế ra chính mình đã y chuẩn để cho bọn sứ giả Man Giao kia mang con vật lạ vào trong nước. Tư Mã Quang thì cứ lẩm bẩm:

– Nó tả hình dạng thì có vẻ tả một con trâu rừng... da dày, có sừng... Nhưng da dày như thế nào chứ... Sao chúng mày không hỏi... Da dày mọc thành vảy như vảy tê tê như áo giáp sắt, có sừng nhưng sừng mọc ở giữa trán và cứng mạnh thì đúng là kỳ lân đứt đuôi rồi còn gì nữa... Việc này thật thậm tai thậm hại... Bọn man dân lừa ta rồi...

Tống Thần Tông lo lắng:

– Thế bây giờ phải làm ra sao đây để dẹp cơn xôn xao như sóng biển tràn... vì cái sự việc kỳ lân xuất hiện ở phương Nam... Rối loạn nhân tâm... rối loạn nhân tâm lắm.

Tư Mã Quang vã mồ hôi than thở rằng:

– Việc này thật sự nguy hiểm... nguy hiểm... Chỉ có Vương tể tướng mới có thể khu sử một cách êm thấm kín nhem mà thôi, chứ đám chúng tôi, sở kiến hẹp hòi làm sao mà xử đối với việc lớn thế này. Từ lâu chúng ta tin vào kinh sách nói rằng kỳ lân hiện thì có điềm lành, tất điềm sinh thánh nhân... Kỳ lân ở xứ ta ít khi hiện lên lắm. Bảy trăm hai mươi năm mới may ra có một lần hiện kỳ lân... một lần hiện rồng vàng... Lần trước đây hơn ngàn năm một lần kỳ lân đã xuất hiện trên cánh đồng cỏ chi nước Lỗ... Nhưng đó là một

con kỳ lân què... Ứng với điềm này Khổng phu tử⁽²⁾ ra đời... sinh thánh... Đấy mới chỉ là kỳ lân què thôi... Đấng này kỳ lân chúng mang sang ta, có đủ cả bốn chân... Không những không què mà lại là kỳ lân trắng... Không những một con mà lại là hai con... Cứ đà này, chúng dám bắt cả rồng vàng nhốt vào cũi mang sang đây cống ta để cho dân Tống phải hoảng hồn khiếp sợ mất... Kẻ hạ thần mong bệ hạ xuống chỉ đòi Vương An Thạch về triều phục chức đó đặc trách khu xử việc này cho êm... Dù họ Vương đã giữ tay khỏi việc triều chính...

Thế là anh chàng nhà buôn Lý Châm cạo trọc đầu giả trang làm nhà sư Cần Giác thiền tông đã thắng một mẹo nhỏ chỉ có những lái buôn chuyên lo việc khai man lậu thuế, trốn thuế mới láu lỉnh nghĩ ra mà thôi. Trước đây khi xin cống kỳ lân, triều đình nhà Tống biết nên ngăn cấm bằng cách không nhận và không cho là thật. Lần này, dựa trên cơ sở những người dân Trung Hoa chưa một lần trông thấy con kỳ lân thật ra sao, chỉ nghe phong thanh trong huyền thoại và trong sách vở thánh hiền. Vì thế muốn đưa kỳ lân thật vào đất Trung Nguyên, Lý Châm nghĩ ra kế đổi tên của con kỳ lân đi. Không gọi là kỳ lân nữa, mà gọi là con tây ngưu. Những tên một sách nho thần và những viên lại thuộc yên trí là Giao Chỉ bắt được một loại trâu rừng lạ ở rừng tây mà thôi. Đến các quan đầu triều và cả Thần Tông cũng bị anh chàng lái buôn người kẻ Cờ lừa. Khi con trâu rừng tây vào đến trạm Uất Giang cạnh thành Ung Châu thì nhà sư Cần Giác thiền tông mới mở cỗ chay mời các nhà sư và các vị hòa thượng trong vùng thết đãi sang trọng... Trong tiệc rượu, nhà sư Cần Giác thiền tông mới hé lộ ra là trong các cống vật của mình có một con thú lạ. Dân miền sơn cước quen gọi là con tây ngưu, tức trâu rừng tây. Nhưng càng ngắm nó càng đọc sách của đạo nho càng thấy nó có hình dáng đúng in như con kỳ lân hiện ở cánh đồng nước Lỗ báo điềm sinh thánh Khổng Tử... Các nhà sư không uống rượu mấy, nay dự cỗ chay theo phái tiểu thừa, cũng nhấp một vài giọt cho nên quá say sưa. Và vì thế mà khi kéo nhau ra xem con tê giác thì tròn mắt dẹt hoảng hốt. Nhà sư vốn là gã lái buôn ranh mãnh cải trang, lại bày trò đốt trầm quanh cũi, xát gỗ mục lên vảy da phản chiếu ánh lân tinh huyền ảo... Thế là một đồn mười, mười đồn trăm cứ loang ra mãi... cái tin người Giao Châu thấy kỳ lân hiện ở phương Nam bắt về nộp cống triều nhà Tống mà không biết đó là kỳ lân thật... Các nhà sư nước Đại Tống cứ tranh nhau vỗ ngực đôm đốp mà cãi rằng, nếu mà không có mỡ đây am hiểu, mách bảo cho mà biết thì đám sứ giả Man Giao làm sao biết được chính chúng đã bắt được kỳ lân...

Kỳ lân hiện cùng bao nhiêu huyền thoại về thánh sinh ở phương Nam cũng được tung ra làm náo động đám dân Hoa Hạ tràn lên khắp Trung Nguyên làm nao núng lòng người...

Phải triệu nguyên Tể tướng Vương An Thạch ra mới dẹp được cơn sóng nguy hiểm về chuyện kỳ lân xuất hiện ở phương Nam, phương Nam hưng thịnh, phương Nam sinh thánh... Vương An Thạch đã xin vua Tống coi như không phải cái con vật mà dân gian gọi là kỳ lân đúng là kỳ lân thật. Đó chỉ là một thứ thú lạ, một thứ dị thú... không được phép đưa đến kinh đô... Sai quan kinh lược Hồ Nam phải nhận con thú lạ ấy nhốt lại để tránh hậu họa cho dân Trung Nguyên...

Tin này được truyền đến Thăng Long. Tiết chế Lý Thường Kiệt xoa cái đầu trọc của nhà sư giả họ Lý tên Châm mà cười ha hả:

– Thế là con thú một sừng đã mở cuộc tấn công đầu tiên vào triều đình nhà Tống...

Lý Châm cau có:

– Xin tướng công chớ cười... khi tôi phải khóc... tôi khóc vì biết bao giờ tóc tôi mới mọc dài như cũ để tiếp tục bôn ba hồ hải buôn bán đây đó... Bây giờ như anh chàng nhà sư phá giới buôn bán với cái bộ dạng này thì ai tin cơ chứ... Mà buôn bán có luật lệ riêng của nó, bao giờ cũng lấy chữ tín làm trọng...

Lý Thường Kiệt vẫn cười ha hả:

– Ta cũng cần chữ tín của nhà người... và cần cả cái đầu trọc của nhà người nữa... Vì nhà người còn phải sang Tống lần này dưới lớp áo cà sa... Ta cần nhà người... cần nhà người... Nếu nhà người nuôi tóc dài thì đầu nhà người sẽ mất chứ không phải chỉ có mấy sợi tóc mà thôi đâu, bởi là người Tống sẽ nhận ngay ra nhà người là gã lái buôn Lý Châm đã bị truy nã từ mấy năm nay...

Có một bức mật thư, bọc trong sáp ong, thời đó gọi là lạp thư, được một thủ hạ của phò mã Thân Cảnh Phúc là Nùng Tông Đản cưỡi ngựa suốt đêm ngày từ biên thùý đất động Thất về kinh đô Thăng Long. Thư gửi thẳng cho nhà vua triều Lý. Nhưng vua cho đòi Lý Thường Kiệt và nhiếp chính Ý Lan vào thương nghị. Lá được bóc khỏi vỏ sáp vàng. Thư được viết trên một vuông lụa bạch. Trong thư viết rằng: “Tiên đế của đại vương là người Man Bách Việt. Tôi nghe nói các công hầu khanh tướng người Giao chỉ nhiều người cũng có gốc tích từ đất Bách Việt. Bá Tường này tài lược không kém người, nhưng không được vua Tống trọng dụng. Vậy xin quay đầu giúp đại vương. Bá Tường nay ở trong lòng đất Tống, nghe biết vua quan nhà Tống đang ráo riết tụ quân tích lương thảo để phát binh đánh diệt Giao Chỉ. Chẳng lẽ Giao Chỉ nằm yên như con mồi chờ thợ săn đến đánh bắt giết chết ư?”

Lúc ấy, vua Nhân Tông đã xấp xỉ mười tuổi và đã tỏ ra là một cậu bé có khí chất thiên tử. Nghe đọc thư, cậu vỗ tay reo lên:

– Thế thì ta xuất quân đánh ngay thôi... còn chờ gì nữa nào.

Ý Lan phu nhân đưa mắt nhìn Lý Thường Kiệt, như để dò hỏi xem điều con mình nói có thể thực hiện được hay không. Tiết chế lắc đầu tâu rằng:

– Muôn tâu hoàng thượng, tâu lệnh bà nhiếp chính, lá mật thư này nói đến cái điều mà ta biết từ trước rồi. Vì từ lâu người Tống vẫn có ý định tràn quân sang cướp nước ta... biến cả vùng Hoa Hạ thành kho lương thảo rộng lớn, đủ sức chu cấp cho đạo quân vài chục vạn người vài vạn ngựa... Chúng còn tìm cách chia rẽ các thủ lĩnh sách động ở vùng núi rừng biên thùý hai nước... Ta đã phá được một phần nào mũi dao thứ hai chém ngang lưng ta. Vùng sách động nào từ lâu có quan hệ mật thiết với ta đã trở thành phen giậu của triều đình ta... Còn quân giặc tụ lương trong vùng Hoa Hạ ta biết nhưng chưa đến lúc tính... Lá thư nói đến một điều các thám tử của ta đã cho ta biết khá đầy đủ, thật không có giá trị gì... Còn chuyện mà y xui giục thì... ta cũng đã đôi lần nghĩ đến, nhưng còn phải cân đi nhắc lại xem có nên hay không... Lại nữa, việc ý tự xưng mình có tài trí hơn người và hứa hẹn nội ứng thì càng phải xét kỹ xem sao đã... Xin bệ hạ cứ giao việc này cho khu mật viện trù tính tùy cơ mà định liệu...

Nhà vua còn ít tuổi, tuy có chí, nhưng thấy vị tể tướng trình bày rắc rối vòng vo thì cũng đành ừ theo. Lý Thường Kiệt bèn sai cơ mật viện cử thám tử dò xét thêm về tình hình Hoa Hạ và bản thân cái con người có tên là Từ Bá Tường...

Thế là kể từ ngày tiến quân lên Siêu Loại chủ trương việc giành quyền phụ chính vương triều đến nay đã hơn hai năm. Hai năm Lý Thường Kiệt canh cánh nỗi lo hàn gấn tấm áo giáp ngoại biên tái phương bắc và sức hung hăng của Vương An Thạch cùng Tống Thần Tông trong giấc mộng nam chinh. Tay chân viên tể tướng bị buộc phải từ chức còn đầy trong triều và tỏa khắp nơi nhất là vùng biên thùý Hoa Hạ. Ở đây ngày ngày chúng đưa những tin kích động về triều để nuôi cho Tống Thần Tông không thể nguôi được khát vọng xuất binh về phương nam. Vào tháng ba năm Giáp Dần (1074), sau cái vụ con kỳ lân một sừng đi cặp đôi tấn công vào triều đình nhà Tống, thì tay chân của Vương An Thạch đưa tin về triều báo rằng: Theo tin của thám tử và khách thương người Trung Hoa ra vào nơi Thăng Long thì năm nay, Giao Chỉ tụ binh muốn phạm đất ta...

Tống Thần Tông lo lắng bảo các thượng thư lục bộ rằng:

– Trẫm sợ các biên thần không biết lượng sức mình, không liệt định được sức giặc mà đưa quân ra xa thành trại, ham đánh bắt có khi mang vạ... Vậy các người phải cấp báo cho viên quan coi thành Ung Châu là Tô Giàm biết rõ. Và phải dặn rằng nếu quân man dám phạm đến ngoại vi thành Ung, thì phải kiềm quân

mà cố thủ. Chớ có tham lập công mà khinh địch.

Tay chân Vương An Thạch là Lưu Di, tuy chủ của mình buộc phải rời ngôi tể tướng, nhưng ra biên ải vẫn trung thành với các chính sách của chủ. Y xin nhà vua mở kho lúa gạo, không những thế, vào năm Giáp Dần vùng biên thùi hạn hán lớn, Lưu Di đã xin với triều đình hoãn thuế cho khắp các miền khô động thuộc Hoa Hạ. Vua đã y theo. Được cái thế với dân, Lưu Di lấy tiền mộ quân và dân lưu tán mở nhiều đồn điền. Tung tước lộc và lúa gạo để phủ dụ, vỗ an lòng dân man động, tìm cách chia rẽ các khô động nằm trong phạm vi ảnh hưởng của triều Lý...

Tình hình biên thùi phương nam biến động, vua Tống Thần Tông bối rối vì tể tướng Vương An Thạch đã vắng mặt gần mười tháng trời. Phe cự thủ không có phương cách gì gỡ đám rối do tể tướng họ Vương đã tung ra, và các tay chân còn lưu lại trong triều ngoài ải càng ráo riết làm cho rối thêm. Đó là áp lực giúp Tống Thần Tông có điều kiện triệu Vương An Thạch ra giữ chức cũ, vào tháng hai năm Ất Mão. Vừa nắm lại chính quyền, Vương An Thạch đã quyết đoán việc phương Nam. Họ Vương chủ trương nhường đất cho Liêu Hạ, để tránh phải dồn quân giao tranh phía bắc, rồi tập trung sức lực đánh lấy vùng đất rộng lớn phía nam. Đánh nước yếu để dọa nước mạnh vẫn là phương sách cố hữu của Vương An Thạch. Tống Thần Tông có một chút chần chừ, thì Vương An Thạch tâu ngay:

– Muốn lấy thì trước phải nhường cho... Muốn bắt cá phải mất mồi câu... Câu cá to thì mồi phải là con cá nhỏ... Lưỡi câu có sắc mảy, nhưng không thể bắt được cá nếu không mắc mồi vào lưỡi câu.

Cái mồi mà Tống Thần Tông phải chấp nhận theo ý của Vương An Thạch là bảy trăm dặm đất Hà Đông phải cắt ra để biếu nước Liêu. Thật là cực chẳng đã. Nhưng đổi lại là biên thùi phía bắc tạm yên. Rảnh tay bắc thùi, Vương An Thạch lệnh cho Lưu Di tụt binh tụt lương gấp rút. Vương An Thạch thác mệnh vua viết chiếu bắt miền Hoa Hạ thay thế quân thường thủ già yếu bằng thổ binh bảo giáp. Cứ ba đình bắt một. Nhưng Lưu Di ở miền biên tái sợ rằng quân chưa đông nên không những bắt thêm quân lại còn giữ lại đám quân thường thủ không cho về như lệnh của tể tướng vì y nại cớ rằng: “Bản chức tiếp tin mật từ xứ Man cấp báo, vì sợ có nguy cơ chúng tràn lên cướp phá”. Tình hình biên thùi trở nên cháy bỏng vì những hành động ráo riết của Lưu Di. Tô Giàm từ thành Ung Châu thấy thế nguy của một cuộc động binh nên đã vội viết thư khuyên can Lưu Di rằng: “Ta tụt quân ở bên này, ắt người Giao Chỉ tụt quân ở bên kia. Nạn binh đao khó tránh. Nay, xin đại nhân xem xét lợi hại, và phải bỏ ngay ba việc đang làm là rèn tập binh sĩ, đóng chiến thuyền thủy trấn, cấm chợ quan ải đóng cửa bạc dịch trường, để cho người Giao Châu nếu có muốn cất quân cũng không tìm được danh nghĩa nữa”.

Ý thế nâng đỡ của Tể tướng Vương An Thạch, Lưu Di viết lệnh hặc Tô Giàm, trách viên coi thành Ung Châu này can tội bàn ngang nói nhảm. Và đe rằng nếu Tô Giàm còn bàn việc biên sự nữa thì sẽ bắt về đến tận triều đình để tể tướng tâu vua trị tội. Tống đang dụ binh tuyển ngựa, và chia ngựa cho các thổ đình và động đình nhận bảo giáp nuôi. Lý Thường Kiệt nghĩ ra một phương kế hữu hiệu nhất là sai lái buôn Lý Chăm xuất quỹ tung tiền mua ngựa. Công khổ sở sàng mở rộng, nhưng Lý Chăm lắc đầu:

– Bẩm tướng công tiền của ta không sánh được với tiền của vua quan nhà Tống tung xuống miền Hoa Hạ này... và tướng quan hân chưa quên rằng miền biên tái hai nước có nhiều mỏ kim sản, nhiều bạc vàng và đồng để đúc tiền hay sao... Ta mở công khổ làm sao mua xuể ngựa để phá được chính sách bảo mã của tể tướng họ Vương.

Lý Thường Kiệt quắc mắt:

– Thế ta đành bó tay hay sao?

– Bẩm tướng công... Lý Chăm này đã cất hàng thì phải lãi chứ đời nào chịu bó tay ạ...

– Thế nhà ngươi có phương kế gì?

– Dạ, tôi chợt nghĩ đến chuyện mang muối đổi ngựa...

– Mang muối... sao ta lại cấp muối cho chúng nó... Người nên nhớ rằng muối ở miền sơn cước còn

quý hơn cả máu...

Lý Châm cười lớn:

– Châm này nhớ lắm chứ... nhớ lắm chứ... nhưng xin tướng quân cứ bình tâm để Châm này phân giải tường tận... Trước đây mười phần muối dùng cho khắp miền Hoa Hạ thì bảy tám phần là muối do lái buôn Giao Chỉ mang lên chu cấp trao đổi... Nhưng nay vì chính Lưu Di nghe lệnh Vương An Thạch cấm chợ nên ải đóng bạc dịch trường, thì cái bảy tám phần muối ấy mất đi... Hơn nữa việc tụ lương tích cốc của các quan tướng của Tống ở Hoa Hạ cũng tích cả muối làm sự khan hiếm muối lại càng tăng... Đã thế, Lưu Di theo cách của Thẩm Khởi bắt thuyền chở muối thuyền buôn tập thủy trận, vì lẽ ấy việc chở muối ngược lên các sách động lại càng cản trở... Nghe nói muối bên kia đã nặng bằng sức nặng của đồng khối, nghĩa là một cân muối nặng bằng một cân đồng... sắp sửa nặng bằng bạc khối... Dân ở các sách động đang đói muối... nay ta chở muối lên đổi, dân các sách động phía bắc thùy bên kia sẽ đều hướng vào ta và với muối ta có thể làm tán loạn đàn ngựa bảo giáp của chúng... Xin tướng quân cứ cho Lý Châm này lo liệu việc lớn này...

– Được, ta sẽ mở quốc khố cấp vốn cho nhà người, cho nhà người tùy nghi sử dụng...

Thế là hàng trăm thuyền đình chở muối được chở ngược từ miệt đồng chiêm ngược lên miền giáp ranh biên ải, trữ sẵn ở Thất. Phò mã Thân Cảnh Phúc thân đem quân từ động Kép lên đóng ở đó để bảo vệ, và cho các dũng sĩ dũng cảm thân tín đi xuyên vào châu Quảng Nguyên để tìm tù trưởng Lưu Kỷ. Tù trưởng Lưu Kỷ vốn là một chúa động ở vùng Quảng Nguyên và trước đây đã từng là một thủ túc của Nùng Trí Cao. Khi Trí Cao bại, Lưu Kỷ nổi lên thúc ước một số sách động tiếp tục chí của người chủ tướng cũ, nhưng việc làm có ý biệt lập này làm cho cả hai bên nam bắc thùy không ưa. Vì thế mà Lưu Kỷ lúc ngả bên này lúc ngả bên kia, có khi chạy sang hãn phía Tống nhưng bên Tống cũng không thu nạp... Lúc này mà không thu nạp thì nhất định bị đói muối to... Biết lẽ ấy, và lại biết Lưu Kỷ vốn người động Thất lưu tán đi, mà dân động Thất là dân nuôi ngựa và buôn ngựa nổi tiếng khắp mọi vùng, nên Lý Châm bàn với Thân Cảnh Phúc lôi kéo Lưu Kỷ đến kho muối lớn. Táo gan đến như Lý Châm cũng không dám ở lại kho muối với đám lính tráng và mã phu của mình, ông ta phải yêu cầu phò mã Thân Cảnh Phúc cử đại binh canh giữ. Vì cái bọn đói muối bên kia có thể liều chết mà đánh cướp rất táo tợn.

Khi Lưu Kỷ được biếu muối và mời sang, cũng là lúc Kỷ đang ở cái thế tuyệt vọng nhất. Vì thế, Kỷ sang ngay. Lý Châm mang muối gạ đổi ngựa. Kỷ đổi ngay. Lý Châm dẫn Kỷ đi xem kho muối lớn và gạ Kỷ mang muối đổi ngựa hộ cho mình... Muối là vàng mà ngựa cũng là món hàng một vốn bốn lời, rất sở trường của Lưu Kỷ và những tay chân thuộc hạ của mình, vì thế Lưu Kỷ nhận lời ngay... Thế là những thủ hạ thân tín của Lưu Kỷ chia nhỏ từng mười mười lăm người thồ muối đi xuyên vào nội địa các động giáp Hoa Hạ đổi muối lấy ngựa. Đàn ngựa bảo giáp suy suyển, rung động... Đám tay chân thủ hạ vốn là những tù trưởng cũ như Hoàng Trọng Khanh, Lư Báo táo tợn hơn, tiến sâu hãn vào các động giáp thành Ung, thành Khâm để phá đàn ngựa bảo mã dựng trong quân. Vì ở đó tình cảnh đói muối vô cùng khủng khiếp... Việc này làm Lưu Di bối rối. Để kiềm chế Lưu Kỷ và đám bộ hạ, Lưu Di chưa dám động binh mà chỉ sai mấy tên tù trưởng khê động giữ chức đô bảo giáp ngăn cản việc buôn bán phá đàn ngựa bảo mã theo tân pháp của Vương An Thạch. Con đường buôn muối đổi ngựa của Lưu Kỷ phải tất yếu xuyên qua động Quý Hóa. Nùng Trí Hội vốn là con Trí Cao, nhưng đã đầu hàng quân Tống và chịu qui phục. Được lệnh Trí Hội cản con đường Lưu Kỷ buôn ngựa. Từ phía sau động Thất, phò mã Thân Cảnh Phúc giúp Lưu Kỷ vũ khí lương thực và giáp mã kén đủ ba ngàn quân tiến lên đánh vào động Quý. Trí Hội cùng con là Tiền An cũng được Lưu Di cử quân các động giáp khác nằm trong sổ quân đội bảo giáp hỗ trợ cự lại...

Từ kinh đô, Lý Thường Kiệt lên tận sông Như Nguyệt để điều hành mọi việc. Thấy việc tiến quân chưa lợi, Lý Thường Kiệt bảo công chúa Thiên thành viết thư thả theo cánh chim nhạn phò mã Thân Cảnh Phúc hối thúc việc lui binh của Lưu Kỷ. Ngâm ý của Lý Thường Kiệt không muốn việc này động đến tận cung đình nhà Tống. Vì lẽ đó ông cố giữ quy mô của việc xô xát gươm đao như một vụ xô xát gươm đao bình

thường giữa các giáp động biên thù.

Nhưng Lưu Di đã tâu ngay việc này với triều, coi như một triệu chứng bắt đầu có biến động giữa hai phía Tống Lý ở biên thù. Riêng về việc Nùng Trí Hội thì Lưu Di lại tâu thêm rằng: Thật ra Trí Hội chưa theo hẳn ta, nên để hai bên cứ đánh nhau như thế, thua được đều có lợi cho triều đình.

Lúc này tại Biện kinh, Tống Thần Tông nôn nóng phát binh nam tiến lắm rồi, nên nhà vua không thể chịu được cách cư xử có vẻ dửng dưng đối với những tướng tiên phong như cách cư xử của quan kinh lược Hoa Hạ Lưu Di. Nhà vua hạ chiếu khiển trách rằng: “Sao nhà ngươi lại nói thế. Nếu ta không dung kẻ theo ta, thì kẻ không theo ta được đặc chí. Bày phương kế như thế là bậy”.

Tể tướng Vương An Thạch phụ họa theo:

– Quả thực hoàng thượng chí phải. Chí phải. Nếu quả thật Nùng Trí Hội chưa thật bụng theo ta như lời Lưu Di nói, thì cũng nên nhân cơ hội này mà mua chuộc dỗ dành nó... Và nay Càn Đức còn nhỏ. Nếu Lưu Kỷ đánh được Trí Hội, rồi thừa thắng quay lại đánh lấy Giao Chỉ, thì đó lại là cái họa cho ta. Nay ta nên giúp Trí Hội để khắc chế Lưu Kỷ...

Thế là Lưu Di được lệnh mở kho Hoa Hạ cấp lương bổng và tiền bạc cho Trí Hội rất hậu, và chuyển cho con trai Trí Hội là Tiến An giữ chức Tây đầu cung phụng tướng quân. Đồng thời chiếu chỉ của vua Tống Thần Tông được truyền đi khắp các khê động biên thù phải gấp rút mộ đinh tráng, sẵn sàng gươm giáo cung tên để làm thanh viện cho Nùng Trí Hội. Vua lại hẹn rằng sẽ trọng thưởng cho các tù trưởng khê động nào có công giúp Trí Hội đánh giặc. Mặt khác vua Tống Thần Tông sai Lưu Di sửa sang đường sá trên các trục đường từ Trung Nguyên nhằm xuống Giao Chỉ gấp rút, kiểm điểm các kho lương thảo vũ khí dọc đường... Cả biên thù phía bắc rung động vì những cuộc diễu võ giương oai ráo riết của các động giáp thuộc sự khống chế của triều Tống. Các động đình, thổ đình trong các khê động bị điểm thành lính tráng tràn sang cướp phá biên thù. Trong khi ấy thì các kho đụn dọc các tuyến đường tấn công từ trung châu xuống biên thù phía nam đầy ắp quân lương. Thành Ung, thành Khâm, thành Liêm trở thành những cứ điểm quân sự đông đặc lính tráng.

Lúc đó trong cung điện Thăng Long, Thái phi nhiếp chính ngày đêm vất vả của trong quốc khố và dân gian để dựng đủ bảy mươi hai ngôi chùa lớn nhỏ và một ngôi chùa vô cùng nguy nga để thờ những người bị chết trong cung Thượng Dương. Tiền bạc đổ vào như nước lũ làm hao tán ngân sách triều chính không ít. Nhưng không ai có thể can được việc này, kể cả vua và Tiết chế Lý Thường Kiệt. Thấy bà Thái phi nhiếp chính chìm đắm trong việc cầu nguyện, Lý Thường Kiệt hết sức lo ngại. Ông càng tìm hết cách để tập trung quyền hành cho mình. Vua bằng lòng và phong thêm cho ông là Đôn quốc thái úy, đại tướng quân, đại Tư đồ thu tóm cả việc triều chính việc quân sự, kiêm việc văn việc võ. Người đời sau nói rằng, ông trong thì nắm đại chính, ngoài thì coi sư lễ, dốc một lòng lấy sự yên xã tắc làm vui... Nhưng lúc ấy xã tắc như đang nấu nung trên ngọn lửa của chiến tranh. Phía nam thì Chiêm Thành đang quật khởi nhằm nhe đánh vào biên thù, phía bắc thì quân Tống đang tụ khắp cả miền Hoa Hạ chuẩn bị tràn xuống...

Lý Thường Kiệt xin vua trao chức Thái phó bình chương quân quốc trọng sự cho viên tể tướng bị biếm chức trong châu Hoan là bậc đại nho Lý Đạo Thành. Việc này làm bà Thái phi nhiếp chính Ý Lan giật mình kinh hãi. Bà Thái phi vội can ngăn:

– Khanh không nhớ Lý Đạo Thành là kẻ thù của ta, kẻ thù của con ta ư?

Lý Thường Kiệt lắc đầu:

– Tâu lệnh bà, tôi rất nhớ... nhưng càng nhớ càng phải cố mà quên, tìm mọi cách để không những mình quên mà mọi người đều quên. Quên cái mối thù riêng để lo đến thù chung của nước.

– Nhưng liệu Lý Đạo Thành có chịu quên không?

Lý Thường Kiệt trừng mắt:

– Không quên cũng không được... không được...

Bà Thái phi lo lắng:

– Nhưng ngộ nhờ người ta cố tình không chịu quên... Trong khi khanh bận việc chinh chiến ở ngoài cõi, người ta có manh tâm làm phản thì làm sao bây giờ...

Lý Thường Kiệt nghiêng rằng:

– Đã đến nước ấy, thì việc không thể dùng lưỡi mà nói điều phải trái với nhau, thì cũng đành phải dùng đến lưỡi gươm... Lệnh bà cứ yên tâm, vì sự an nguy của xã tắc, vì ngai vàng của chúa, tôi không bao giờ dám rời tay kiếm... Nhưng lệnh bà cũng chớ nên quá lo xa... Tôi vẫn tin ở đức ông Lý Đạo Thành. Đức ông là một bảo thần, đã trọn đời giúp giập ba đời vua triều Lý ta. Tấm lòng trung quân ái quốc của người vằng vặc sáng như vầng nhật nguyệt... Tuy đức ông vì câu nệ chuyện danh nghĩa mà chống lại ta, nhưng cũng là vì giường mối xã tắc mà phải làm như thế chứ đâu phải vì một chuyện yêu ghét riêng tư... Việc đức ông bị biếm ở châu Hoan cho đến nay vẫn âm ỉ gây mầm chia rẽ trong triều ngoài nội. Các bậc nho giả vốn trọng đạo thánh hiền vẫn ngoảnh đầu về phương ấy chưa thực bụng theo ta. Lúc này xã tắc ở thế ngàn cân treo sợi tóc... ta phải tìm mọi cách mà kết thành một mối. Tự tôi, tôi sẽ thân hành mang đại quân vào kinh lý nam thù rồi đón rước bậc đại nho được tất cả sĩ phu ngưỡng vọng về triều để ngưỡng vọng của trăm họ đều hướng cả về ta...

Trước khi cử đại binh để gây thanh thế vỗ yên biên thù ở phía Nam, Lý Thường Kiệt xin nhà vua Nhân Tông hạ chiếu cầu hiền, tuyển những người tài giỏi còn ở trong dân gian ra giúp nước và đặt định lệ mở khoa thi đầu tiên về nho học trong nước ta. Lý Thường Kiệt mang kiệu cánh phượng vào tận đất châu Hoan để rước vị đại nho nguyên tổ tướng ra đứng tên chủ khảo cho kỳ thi quan trọng này.

Sau hơn hai năm ẩn thân suy ngẫm về lẽ hưng vong của triều vua và đất nước, vị đại nho đã ngoài tám mươi tuổi nhìn viên quan hoạn đặc thời hiện nắm trọn quyền triều chính lại chịu bỏ thân đến trước mình với con mắt khác... Tuy cái oán, cái thù riêng vẫn khó có thể xóa mờ được, nhưng ngọn lửa chiến tranh ngùn ngụt trên bắc thù đã làm cho bậc đại nho giàu lòng yêu nước kia nén lại nỗi niềm riêng.

Vị đại lão thần bị biếm run run hỏi:

– Quan đại tư đồ nghĩ gì mà giữa lúc nạn binh lửa đang lan tràn phương bắc lại đứng ra lo việc thi cử ở giữa kinh đô?

Lý Thường Kiệt cúi đầu thưa rằng:

– Nước càng trong nguy cơ đại loạn, nhân tài càng phải liên kết, tất cả những người tài trí trong nước phải được mời ra để giúp vua cùng ghé vai gánh vác gánh nặng giang sơn...

Vị đại nho gật gù:

– Quan tư đồ nghĩ thế cũng chí phải... nhưng liệu binh lửa ngút trời có còn thời gian mà làm được việc hệ trọng đến là nhường ấy hay không...

– Chỉ cần lão trượng vén tay bước lên kiệu về kinh thành Thăng Long... mọi việc cứ để kẻ hậu sinh này lo toan chu tất.

Khoa thi đầu tiên của đất nước Đại Việt được tổ chức giữa những ngày nước sôi lửa bỏng ấy. Nhà vua mới vừa mười tuổi. Hàng vạn thạch lương thảo của nhà Tống đang tụ tập lại ở thành Ung Châu, Khâm Châu, Liêm Châu chuẩn bị cho hàng chục vạn quân tràn xuống cướp phá Thăng Long, và biên thù phương bắc đang ngút lửa của các cuộc dấy loạn giao tranh vùng giáp ranh hai nước... Vốn đức thận trọng, vị đại nho Lý Đạo thành vẫn bình tĩnh chấm từng quyển văn bài của các thí sinh, lấy đồ bọn nhà nho trẻ tuổi là Lê Văn Thịnh... Và chọn Thịnh vào cung dạy vua học hành... Các người đỗ khoa ấy là những người được tuyển chọn đều được cử gấp rút đi trị nhậm các cung viện và các phủ huyện châu động trong nước...

Khi Thăng Long từng bừng mở khoa thi dưới quyền chủ tọa của vị Thái phó bình chương quân quốc trọng sự Lý Đạo Thành thì viên Tể chấp đại tư đồ Lý Thường Kiệt dẫn quân lên sông Như Nguyệt...

Dòng sông Như Nguyệt mấy hôm nay mất vẻ êm đềm thơ mộng vốn có của nó từ ngàn đời, với dòng nước thanh bình êm ả, với bãi mía nương dâu xanh biếc, với bóng núi uy nghiêm in trên mặt sông mờ mờ sương khói huyền ảo... Mấy hôm nay dòng sông sáng lấp lóa ánh thép lạnh của gươm đao. Các đạo quân từ mọi miền kéo về đây hội sư. Dưới sông san sát thuyền chiến. Trên bờ tiếng ngựa hí vang động, các lều trại đóng quân dựng lên san sát.

Nhà cầu quán bên sông lại một lần nữa được dùng làm nơi đóng hành doanh của Tiết chế Lý Thường Kiệt. Phò mã Thân Cảnh Phúc luôn cặp gươm đứng hầu ngay bên tả tướng hồ. Cả công chúa Thiên Thành cũng theo chồng về đây cùng chín kiệu lồng chim mà vua ban từ buổi cất bước đi lấy chồng. Công chúa đã sinh hạ được đứa con trai đầu lòng. Đứa bé mới đầy tuổi thôi mà đã được nhà vua phong tước hầu. Bây giờ cậu hầu tước vẫn còn nằm ngủ thiêu thiêu trên lưng mẹ. Thật khó mà còn có thể nhận ra nàng công chúa năm xưa trong cái chức vụ khó khăn truân chuyên của bà chúa trại khê động hôm nay. Nhập gia tùy tục. Tục lệ của người động Giáp là quý con cái hơn quý tính mạng mình. Vì thế người mẹ ở vùng động này dù là mẹ thứ dân hay mẹ bậc vương giả đều có thói quen địu con lên lưng bằng cái địu tự mình dệt vải từ sợi gai, tự mình nhuộm hoa, tự mình nhuộm màu hình hoa rừng chim thú. Không tự tay làm là không thương con. Không tự nuôi con cũng là không thương con. Bởi lẽ ấy mà nàng công chúa Thiên Thành năm xưa đã thành bà áp trại, làm dâu họ Thân, đi theo chồng đến hội quân tuy có quân quyền phục dịch, nàng hầu đầy tớ đầy đủ nhưng vẫn địu đứa con trai yêu dấu trên lưng...

Cũng như tất cả các vợ con tù trưởng và dân khê động, nàng công chúa tập sống quen với nếp sống luôn luôn theo chồng mỗi khi cất quân đánh dẹp ở bất cứ nơi đâu. Dân các khê động vốn còn giữ thói quen của những bộ lạc du mục mặc dù đã bắt đầu định cư một phần nào. Vì lẽ đó mà khi cần cất quân đi chiến đấu là họ đưa cả gia đình vợ con đi theo. Ngay cả người mới chết chưa làm xong lễ an táng, họ cũng quàn lại và đưa theo trong quân. Vì thế khi hội sư ở dòng Như Nguyệt này nàng công chúa Thiên Thành năm xưa đã đi sát bên phò mã. Nàng ở ngay chiếc lều áp trại dựng đằng sau cái cầu quán dùng làm hành doanh của quan Tiết Chế.

Lý Thường Kiệt gọi công chúa đến và dạy rằng:

– Đàn chim của công chúa đã thuộc hết núi rừng biên tái rộng lớn này chưa?

– Thừa tướng công, không nơi nào cánh chim này không đã từng bay đến... Mỗi con thuộc đường đến một khê động...

Lý Thường Kiệt gật đầu bằng lòng, rồi sai gọi tất cả đám nho sĩ trẻ tuổi mà ông mới gọi theo quân. Tiết chế tướng quân đại tư đồ sung những người viết chữ đẹp vào trong quân giữ chức nho lại hiệu úy. Ông sai tất cả viết hàng trăm bức thư truyền lệnh hội các thủ lĩnh của tất cả các khê, các động dọc biên thù về bản doanh Như Nguyệt. Hàng trăm cánh chim đưa thư bay xuyên qua mây núi. Những thủ lĩnh các nơi cùng với đoàn vệ sĩ tùy tùng lục tục nối tiếp nhau về mỗi lúc một đông.

Từ Thăng Long, Thái phi nhiếp chính Ý Lan đã xin vua xuống chiếu huy động sương quân ở khắp các làng chạ tứ chiếng và châu Hoan – Diễn. Quân ùn ùn kéo lên vùng lăng miếu của vua các triều Lý phía nam ngạn sông Nguyệt Đức và sông Như Nguyệt. Chỉ của vua sai các quan lộ, châu huy động thuyền chiến và thuyền buồm của dân vẫn thường dùng để đánh cá, để chở gạo muối dùng tạm vào việc chở quân. Vì thế quân trẩy lên đông đặc khắp các con sông quanh vùng đất thang mộc... Khi các chư tướng đã hội đủ, Tiết chế tướng quân Lý Thường Kiệt dẫn tất cả các tướng vào lễ lăng miếu của các tiên đế nhà Lý, rồi tuyên đọc hội thề, ra lệnh phát binh. Các tù trưởng lớn và hùng mạnh được trao ấn tiên phong. Phía sau các đạo quân tập trung là đạo quân lớn của phò mã Thân Cảnh Phúc thống lĩnh toàn lực lượng quân kinh và quân

động đóng suốt dọc Lạng Châu...

Tiết chế Lý Thường Kiệt sai điểm binh và cử tướng cùng cắt những thốt voi trận của triều đình đến làm chủ lực cho đạo binh của các động đặt dưới quyền chỉ huy của các tù trưởng. Cùng với voi trận và quân tinh nhuệ Lý Thường Kiệt còn cử các viên nho lại hiệu úy theo từng cánh quân để tiện việc thông tin bằng cách gửi chiến thư theo chim về động Kép. Và từ động Kép tâu trình về bản doanh Như Nguyệt và Thăng Long.

Hội thề trước cửa Thái miếu dứt. Lý Thường Kiệt đứng trước hàng chục các thủ lĩnh biên thùý và các tướng triều được cử cầm quân có voi chiến, máy bắn đá đi kèm phối hợp với quan thổ định khê động mà truyền rằng:

– Nhà Lý chúng ta từ khi dựng nghiệp, bao giờ nhà vua cũng thân chinh cầm quân chinh phạt giữ yên bờ cõi... Nay vua ta còn nhỏ tuổi, việc chinh phạt giao quyền cho các tướng. Ta giao cờ tiết cho các tướng quân. Hẹn trong một tuần trăng nữa, tất cả các thủ lĩnh đều một lượt dẫn quân tràn sang đất Tống. Phá các trại dọc biên thùý, đốt cháy các kho cò, cướp các kho lương thực, tước các vũ khí... Người Tống đang tụ binh, tụ lương thảo định đánh ta, nay ta phát binh, phải đánh vào tất cả các kho lương thảo từ đây đến thành Ung Châu, kho lương thảo lớn nhất, nơi tụ binh đông nhất của quân nhà Tống. Có quân triều đình đi cùng, các người phải gương cao cờ Đại Việt mà tiến, làm sao cho quân Tống tưởng rằng đại quân của ta sẽ đánh bằng đường bộ tới Ung Châu... Quyền điều động ở đây ta giao hồ phù cho phó tướng thân vương phò mã Thân Cảnh Phúc... Trước lăng miếu tôn nghiêm của tổ tiên nhà Lý ta, các người có thể chết phá giặc hay không?

Tất cả các tướng lĩnh tù trưởng đều gầm lên hai tiếng: “Xin thề... xin thề...” vang động.

Hội thề vừa dứt, Lý Thường Kiệt mở tiệc khao các tù trưởng và quân sĩ ngay trong rừng Báng, rồi tiễn từng thủ lĩnh một lên đường ra ngoài biên ải. Chỉ lưu lại vợ chồng phò mã Thân Cảnh Phúc để bàn tiếp việc điều binh sau này.

Mũi nhọn tiến công đầu tiên do thủ lĩnh Vi Thủ An dẫn sáu trăm thổ binh động Tô Mậu cùng với một đội voi chiến Châu Hoan gồm một trăm lính đánh câu liêm và mười voi, vượt biên thùý đánh thẳng vào trại Cổ Vạn. Có voi chiến mở đường các thổ binh của thủ lĩnh Vi Thủ An đánh như vũ bão. Đô bảo giáp Cổ Vạn không thể nào chống cự nổi đã bỏ thành chạy trốn để lại hàng chục kho chứa hàng ngàn thạch thóc. Vi Thủ An cho người già và đàn bà theo quân dùng ngựa cướp được thóc chở về động mình. Hàng trăm đồng cỏ trong các kho cỏ thì theo như lệnh, thủ lĩnh Vi Thủ An nổi lửa đốt; ngọn lửa châm ngòi từ những kho cỏ lớn ở động trại Cổ Vạn bốc ngút trời cao... Biết chắc bên cánh tả của mình đã có quân yểm trợ để mình vào sâu trong đất địch là không bị bọc hậu cô lập, thủ lĩnh Vi Thủ An gương cờ Đại Việt thừa thắng đánh thẳng về hướng thành Ung Châu... Từ biên thùý đến thành Ung Châu xa chừng gần hai trăm dặm. Mũi gươm nhọn của đạo quân Vi Thủ An có voi chiến mở đường tiến như vũ bão. Đi đến đâu các kho đụn tích tụ từ lâu của giặc đều bị đốt phá cháy rừng rực...

Ngọn lửa bùng lên ở trại Cổ Vạn như một hiệu lệnh phát binh.

Chỉ trong vòng hạ tuần tháng chín (1075), toàn bộ biên thùý Hoa Hạ rung động, và ngùn ngụt lửa chiến tranh... Các tướng của Tống vốn là các tù trưởng các động vùng biên tái không thể nào chống cự được những cuộc tấn công vũ bão có tổ chức của quân đội triều đình nhà Lý có lực lượng thổ binh các khê động làm nòng cốt. Chúa trại Hoàn Sơn là Lâm Mậu Thăng, viên quản phạt Vĩnh Bình là Tô Tá, viên quản phạt Thái Bình là Ngũ Cử, viên giám áp trại Thái Bình là Quách Vĩnh đều bị giết tại trận...

Lúc này viên kinh lược Lưu Di còn chưa tin là quân nhà Lý dám đánh vào Trung Nguyên, hẳn còn điên cuồng lo tích tụ lương thảo vũ khí. Hẳn viết tấu về triều xin mở quốc khố xuất bốn vạn quan tiền để mua thêm lương thảo tích trữ ở Ung Châu và các động dọc đường nam chinh...

Những cánh chim đưa thư bay tới tập về báo tin thắng trận. Nhưng đạo quân thủy rất lớn của Tiết chế

Lý Thường Kiệt, vẫn đóng dài suốt từ sông Như Nguyệt ra đến bến Lục Đầu chưa nhổ neo. Phò mã Thân Cảnh Phúc nóng ruột từ động Kép phi ngựa về Như Nguyệt xin yết kiến Tiết chế. Lý Thường Kiệt chỉ cười:

– Phò mã cầm quân, nhất là cầm đại quân, sao lại cứ nôn nóng vậy... Bây giờ phò mã hãy trở về ngay động Kép điểm lại binh mã, và ta cử thêm cho phò mã một ngàn bộ binh đánh khiên, một ngàn bộ binh đánh câu liêm đi kèm với năm mươi thớt voi trần. Phò mã chỉ được điều binh tiến lên vùng biên thù chứ không được tham chiến.

– Thừa Tiết chế, sao đạo quân lớn của tôi lại không được tung ngay vào trận chiến đánh thẳng đến Ung Châu?

Lý Thường Kiệt cười:

– Thường ngày phò mã có đi săn lợn lòi không?

Phò mã Thân Cảnh Phúc ngạc nhiên:

– Sao Tiết chế lại hỏi tôi điều đó... Săn bắn là nghề của dân tộc chúng tôi mà..

– Thế lợn lòi khi bị thương thì điều nguy hiểm nhất cho người đi săn là gì nào...

– Điều này thì tôi biết rất rõ. Khi bị thương, lợn lòi thường quay đầu về phía người đi săn và phóng như một tia chớp khủng khiếp... Nếu người đi săn thiếu đề phòng là thiệt mạng như bõn.

– Thế người động Kép đề phòng lợn lòi húc bằng cách nào.

– Thường chúng tôi nấp sau một gốc cây cổ thụ lớn để khi lợn lòi lao đầu phóng như điên thì húc đúng vào cây lớn mà vỡ óc chết. Sức lợn lòi bị thương sắc tiết có thể húc đổ cả cây lim một vòng tay người ôm...

Lúc ấy Lý Thường Kiệt mới cười mà giảng giải rằng:

– Khi ta phát binh đánh vào biên thù, thì quân Tống đóng ở Hoa Hạ là gần mười vạn binh, kể cả chính binh và binh bảo giáp. Đó là một con lợn lòi điên cuồng nhất. Ta đánh vào các trại dọc biên thù chính là làm cho nó bị thương... Nếu cả mười vạn quân nó đúng là lợn lòi, và nếu nó tin chắc là ta đánh thẳng vào Ung Châu bằng đường bộ vượt qua biên giới, thì nó sẽ tụ binh mà đánh thốc xuống đối mặt với ta... Ta phải có một cây lim cổ thụ để con lợn lòi điên cuồng kia húc vào mà vỡ tan sọ... Đạo quân của phò mã phải làm cái cây cổ thụ ấy... Còn nếu, quân Tống bị tê liệt thì phò mã có thể tùy nghi tiến dần cử binh đánh sâu vào đất Tống... Điều cốt yếu là phải làm sao cho quân Tống chỉ nhìn về phía đại quân của phò mã mà thôi...

Phò mã Thân Cảnh Phúc lúc đó mới vỡ lẽ và hiểu được mưu cao của viên Tiết chế thống lĩnh ba quân vóc người uy nghi kỳ vĩ nhưng ăn nói lại nhỏ nhẹ như đàn bà này. Chàng trai động Kép vòng tay chào vị Tiết chế của mình:

– Tôi xin mang đại binh lên biên thù hư trương thanh thế để quân Tống tưởng như chính Tiết chế dẫn toàn bộ quân vượt biên tái. Xin chúc Tiết chế xuôi buồm từ sông Như Nguyệt này qua sông Lục Đầu đến biển. Men dọc Đồng Kênh... Chúng tôi chờ tin hạ thành Khâm Châu và Liêm Châu của tướng quân Tiết chế...

Vợ chồng Thân Cảnh Phúc tiến quân lên biên thù và gương cờ Đại Việt. Toàn miền Hoa Hạ rung động thực sự vì tin đại quân đã lên đường. Trước đây việc các khê động hai bên biên giới giao tranh nhau như vụ Nùng Tông Đản, Lưu Kỷ đánh nhau với Nùng Trí Hội về chuyện mở đường buôn ngựa vẫn thường xảy ra, như độ tháng tư vừa rồi. Vì thế việc thủ lĩnh Vi Thủ An tiến vào Cổ vạn chưa gây cho Lưu Di một sự hoảng hốt thực sự... Hơn nữa đường giao thông bấy giờ chưa thuận tiện, các dịch trạm từ Biện Kinh xuống phía nam chưa được hoàn bị. Trại Cổ vạn mất vào rằm tháng chín âm lịch (tức 27 tháng 10 năm 1075), nhưng mãi sáu ngày sau tin đó mới đến tại Lưu Di ở thủ phủ Quế Châu. Và phải đến ngày 28 tháng 10 thì tin dữ mới phi báo về đến kinh đô. Tin này làm cho quần thần không tin nên Vương An Thạch hạ lệnh kiểm

chứng lại, khi mọi chuyện đã rõ ràng thì đến mãi ngày 11 tháng 11 năm ấy (tức vào ngày 21 tháng 12 năm 1075) mới tâu lên vua Tống để xin chiếu chỉ khu xử công việc nam thù, cùng với tin thêm là vùng Quảng Nguyên có nhiều thổ binh được vua Lý xúi giục chuẩn bị vào cướp phá. Như thế là tin từ biên thù đến Biện Kinh nhà Tống nhanh nhất cũng phải mất một tháng rưỡi nên các biển cổ đồn dập và lửa khói ngút trời suốt dọc miền Hoa hạ mà chính Vương An Thạch và vua Tống Thần Tông vẫn tưởng như chỉ là những cuộc xô xát tranh cướp nhỏ giữa các thủ lĩnh khê động ở hai bên biên thù. Chiếu chỉ đầu tiên cho Lưu Di sai các tuần kiểm đề phòng cho nghiêm, không được khinh chiến. Lệnh chưa xuống đến nơi thì hầu hết các quan tuần kiểm các động dọc biên thù Hoa Hạ hoặc đã bị quân Lý chém chết, hoặc đã cầm đầu chạy dài về đến tận Biện Kinh. Chẳng còn ai thực hiện cái việc mà Vương An Thạch căn dặn phải kê tên những người có quân công đánh dẹp và những người có công giúp đỡ những người có nhà cửa bị giặc ngoại biên cướp phá, đốt cháy, để triều đình định lệ ban thưởng.

Đến lúc tin tức đồn dập vì hàng chục khê động man trại bị đánh phá dồn đến kinh đô thì quan Khâm Thiên giám hốt hoảng báo tin xuất hiện một chòm sao chổi vào đêm mồng bảy rằm ngày mồng tám tháng mười năm Ất Mão. Ngày mồng chín vua Tống Thần Tông hoảng sợ lên đài theo dõi trời, đất. Quan Khâm Thiên giám, cầm thước vàng nheo mắt giương thẳng tay lên trời để đo, và run run tâu rằng:

– Muôn tâu hoàng thượng, điềm này là điềm dữ rồi. Đêm qua sao chổi mới xuất hiện, đuôi dài chưa được một thước. Hôm nay đuôi đã dài đến ba thước... Mà rõ ràng là đuôi sao trở về phương chòm sao Thái Bạch. Ứng chiếu điềm trời với động dưới đất theo các sách từ xưa để lại thì sao chổi hiện là điềm báo trước có nạn binh đao. Chòm sao Thái Bạch là ứng với đất Giao Chỉ ở phương Nam. Vì lẽ đó, chắc rằng có việc dữ xảy ra từ đất Giao Chỉ này... Xin bệ hạ đề phòng...

Và cứ thế mỗi đêm tin dữ trên trời lại thêm khủng khiếp. Tòà Khâm Thiên giám liên tiếp tâu lên nhà vua Tống Thần Tông biết là đêm mồng chín đuôi sao chổi đã dài năm thước. Sang đêm mồng mười sao chổi đã dài bảy thước... Vua Tống Thần Tông vốn có óc mê tín nghe tin phương nam biến động biên thù bèn gán với điềm sao chổi hiện, nên hoang mang vô cùng... Vương An Thạch là một nho sĩ trẻ thuộc phái mới, giàu óc thực tế, bài xích dị đoan. Nghiêm giọng đe nẹt các quan trong triều:

– Ta đang tụ binh để tiến xuống trừng phạt Giao Chỉ... Biến động nam thù là như thế... nếu điềm sao chổi hiện là đúng, cũng là ứng với ý muốn của hoàng đế của ta mà thôi... Ta sẽ mang việc đao binh đến tận hang ổ của quận vương Giao Chỉ, để tỏ uy đức của triều Đại Tống chúng ta. Các quan không một ai được làm rối lòng vua.

Vương An Thạch còn lệnh cho quan Khâm thiên giám không được làm náo động dân tình và nhà vua bằng cách giơ thước lên trời mà đo đuôi sao chổi nữa. Sao chổi dài hay ngắn thì ghi vào sổ sách mà thôi, không được cứ ngày ngày tâu lên hoàng thượng. Ngài còn bận trù liệu việc đánh phương nam.

Vì triều đình quá mê việc tụ lương tụ quân cho cuộc nam tiến hùng hổ nên không tin rằng triều Lý cả gan đánh vào đất mình. Đánh vào lúc miền nam thù đầy chật quân sĩ và chất đồng binh lương.

Lúc đó, Tiết chế Lý Thường Kiệt đã hội đạo thuyền chiến chờ hai vạn binh tinh nhuệ ở bờ biển châu Vĩnh An. Giữ bí mật đến cùng, đêm ngày mậu dần 20 tháng 11 năm Ất Mão, lúc trăng hạ huyền chưa lên cùng nước thủy triều, Lý Thường Kiệt hạ lệnh cho hạm đội ào ạt đổ bộ lên bờ biển Khâm Châu, ngay lập tức công kích như vũ bão vào thành này. Thành Khâm Châu bị đánh bất ngờ, nên mấy ngàn quân đóng trong thành không kịp trở giáo chống cự. Quan Thừa chỉ coi Khâm Châu Trần Vĩnh thái là một viên quan lại bản tính kiêu ngạo, khinh miệt các dân tộc nào không phải là dân tộc Hán. Vĩnh Thái coi dân Đại Việt như đám dân man động mọi rợ ngu dốt. Vì nhẽ ấy, khi quân Đại Việt tràn qua biên giới, thì Trần Vĩnh Thái vô cùng bức tức. Y lập tức đòi gọi bớt quân của thành Khâm Châu tiến ra tiêu trừ cái đám giặc có man động láo xược. Vĩnh Thái không thể nào tin được rằng đám dân Đại Việt mọi rợ kia dám bén mảng đến thành lũy kiên cố của mình. Đám thám tử mấy hôm trước đã nói hớ cho nhau nghe cái tin quân Đại Việt có thể từ đường biển tràn sang đánh phá thành Khâm Châu. Lập tức quan Thừa chỉ mắng rằng:

– Bọn chúng bay là bọn nhát gan, chỉ thấy hơi gió thổi là đã tưởng gặp cơn bão lớn, thần hồn nát thần tính. Quân Đại Việt nào dám bén mảng đến đây. Chẳng qua cái đám dân man động quen cái thói ăn cướp tràn vào cướp phá mấy trại biên. Lại may, gặp toàn những tên tuần kiểm bất tài nên thắng mấy trận nhỏ. Chẳng phải tay ta cầm quân... Nếu ta cầm quân thì chỉ một trận thôi đám giặc cỏ ấy phải tan như đàn kiến vỡ tổ.

Mãng rồi, Thừa chỉ Trần Vĩnh Thái ra lệnh cấm đám thám tử không được bép xép chuyện quân Đại Việt đánh thành Khâm Châu bằng đường biển kéo làm rối loạn lòng dân chúng.

Đêm mười chín tháng mười một, dân đánh cá râu rằng có nhiều chiến thuyền đánh cá ra khơi không về. Họ ngờ rằng thuyền bị một đám quân lớn đang tụ ngoài biển giữ lại. Rất có thể hạm đội Đại Việt đã đổ đầy cửa biển ngoài khơi. Nhưng quan họ Trần vẫn không thể nào tin được. Hắn mắng át đi:

– Thuyền đánh cá đi cách đêm là chuyện thường... Khi gặp mẻ lưới nặng tay, khi đuổi theo đàn cá lớn, đi hai ba ngày ngoài khơi đâu có là chuyện lạ... Sao các người lại nghĩ ra cái chuyện có hạm đội Đại Việt được... Bọn Đại Việt lấy đâu ra nhiều thuyền bè vượt biển mà kéo nhau đến đây...

Nói rồi quan Thừa chỉ truyền mở tiệc rượu. Nhưng rượu chưa kịp nhấp mới bày ra trên bàn thì có tin cấp báo là trên cửa bể xuất hiện hàng ngàn cánh buồm lạ cắm cờ tiết ghi rõ hai chữ Đại Việt. Trần Vĩnh Thái lật đật chạy lên mặt thành thì thuyền chiến Đại Việt đã theo thủy triều ào ạt đổ bộ vào bến cát. Thuyền chiến Đại Việt rất lớn, lớn hơn cả những thuyền mũi bằng mà dân vùng Hoa Hạ quen gọi là tàu ô. Sạp thuyền chiến Đại Việt rộng như cái sàn lớn, chở được cả voi chiến. Voi chiến Đại Việt lừng lững như những trái núi, vừa đạp nát tất cả những đồn trại tuần phòng ngoài ngoại vi bờ biển vừa kéo máy bắn đá và vân kê (thang mây) đánh thành tiến đến chân lũy.

Máy bắn đá tạo nên một trận giông bão khủng khiếp. Những khối đá lớn bay bổng lên không trung và dội xuống thành làm vỡ tất cả các mái thành, đè chết những viên tướng đang thúc quân ra cản sự tấn công của quân Đại Việt. Các thang mây bằng gỗ đã được bắc lên thành. Và những dũng sĩ Đại Việt lưng đeo khiên mây leo lên thang thoăn thoắt dưới sự yểm hộ của những trận mưa tên rào rào. Chỉ trong khoảnh khắc, quân Đại Việt đã làm chủ mặt thành, cướp cửa chính, hạ thang treo cầu nối giữa cổng thành và bờ lũy ngoài, ngăn cách bởi hào sâu... để đón đại quân tiến vào cướp thành.

Chưa kịp chống đỡ thì Trần Thừa chỉ đã bị bắt cùng toàn bộ đám thủ hạ, và bị dẫn đến trước mặt một vị tướng Đại Việt không có râu. Vị tướng Đại Việt bảo lũ tướng Tống bại trận rằng:

– Lũ chúng mày tích binh, tích lương thảo để chuẩn bị kéo sang nước ta. Ta tiến binh không thèm chiếm đất, không thèm giết người. Chỉ phá tan thành quách, đốt hết lương thảo, phá tan các đạo quân đang tụ lại... Nếu các người không chống cự ta, ta không cần mạng sống của các người làm bản grooms ta...

Nhưng cà cuống chết đến đít vẫn cay, Thừa chỉ Trần Vĩnh Thái vẫn lên mặt ta đây là quan nước Đại Tống, coi đám dân di bằng nửa con mắt, nên cao giọng mắng rằng:

– Lũ man chúng mày dám phạm đến bờ cõi Đại Tống, chúng mày mắc vào trọng tội... Muốn sống thì phải tự bỏ giáo mà hàng, may ra ta tâu về triều đình xin tha tội chết cho. Bằng không ta dẫn đại quân sang tận sào huyệt Thăng Long, đào mả tổ tiên chúng mày lên để trừng phạt...

Cái giọng lão xược của tên tù binh làm cho vị tướng không thể nào chịu được, vì thế ông không muốn giết cũng không được. Ông phát tay cho quân lính điệu cả bọn ra ngoài mặt thành, chém đầu bêu trên bãi chợ để làm gương cho những tên quan tướng Tống ngu xuẩn và cứng đầu.

Từ Khâm Châu ngay ngày hôm sau Lý Thường Kiệt phát binh ra lệnh cho các tù trưởng các man động phía bắc của ta tiến quân ào ạt sang đánh phá.

Một đám những tên tướng Tống ương ngạnh kéo nhau chạy ra các thành lẻ tẻ tìm kế chống lại, bị các tướng của Lý Thường Kiệt sai đi đánh giết. Đầu của bọn chúng bị bêu ngay vào buổi sáng hôm sau.

Tiết chế Lý Thường Kiệt thừa thắng, chia quân làm hai đạo thủy bộ tiến thẳng xuống Liêm Châu.

Tin mất Khâm Châu làm quân tướng giặc ở Liêm Châu rung động hoảng hốt. Tướng Tổng coi Liêm Châu vội sai đóng kín cửa thành và cho quân kỵ mã tóa về các nơi xin viện binh cùng phối hợp chống cự. Nhưng chúng không kịp bày trận đồ thì đại quân đã đến trước thành. Súng bắn đá lại dội những trận mưa đá trên mặt thành và các cỗ thang mây được voi kéo đến sát chân thành để mở lối cho những đô dũng thủ lẫn khiên đánh đại lao, mã tấu và lính đánh câu liêm ào ạt leo lên chiếm các đài cao. Quân ở Liêm Châu có chuẩn bị nên chống cự mãnh liệt hơn. Vì thế cuộc chiến ở đây khá khốc liệt. Suốt một ngày giao tranh dữ dội, đại quân Lý đã chém chết tám ngàn đầu giặc, và làm chủ thành này vào đúng ngày thứ ba của cuộc đổ bộ từ biển vào... Đến lúc đó những đạo quân các nơi được phỉ báo nghe lệnh của tướng coi Liêm Châu là Lỗ Khánh Tôn mới lũ lượt kéo binh về định kế trong đánh ra ngoài đánh vào, ép đại quân Lý ở giữa để tiêu diệt. Nhưng quân cứu viện đông như kiến vừa tới nơi đã thấy đầu của Lỗ Khánh Tôn treo lủng lẳng trên cột cờ chính của thành Liêm Châu. Bọn chúng hồn vía rụng rời, tranh cướp đường, đạp lên nhau bỏ chạy.

Lý Thường Kiệt tung đội voi chiến truy kích. Hàng ngàn giặc bị chân voi xéo nát.

Bằng cách hành quân thần tốc đúng lúc bất ngờ nhất, nên chỉ trong ba ngày đại quân của Lý Thường Kiệt đã làm chủ hai thành lớn của vùng biển Hoa Hạ và hai hải cảng lớn ở đây. Tại đây, các đời vua Tống nhất là Tống Thần Tông đã sai nhiều tướng vận chuyển lương thảo tích tụ những kho lương vô cùng lớn. Để khi cần điều quân đánh Giao Chi thì có thể chở lương thảo từ đây đi theo đường biển tiếp tế cho đại quân. Vì một thuyền chở quân lương có thể thay cho hàng ngàn người khuân vác, hàng trăm ngựa thồ đi ròng rã vượt đèo vượt suối hàng tháng trời vất vả. Kho lương thực mà vua tôi nhà Tống trữ ở hai hải cảng lớn nhất Hoa Hạ này đủ chu cấp cho cả đạo quân mười vạn người đánh ròng rã trong một cuộc chiến kéo dài hàng năm trời... Thế mà chỉ trong ba ngày kho quân lương tích tụ hơn chục năm trời đó đã rơi vào tay quân Đại Việt.

Lý Thường Kiệt cướp hàng trăm thuyền vận tải của quân Tống, cắt quân lo việc chở lương thảo về nước, đồng thời để cứu đói cho đám dân quanh vùng đang mất mùa, ông cũng sai trích kho lương ra phát chẩn... hàng vạn dân quanh vùng đến lĩnh chẩn của quân Đại Việt không ngớt lời ca tụng công đức của đức ông Tướng quân Tiết chế họ Lý của nước Đại Việt. Cùng với cấp gạo phát chẩn cứu đói, Lý Thường Kiệt giao vào tay từng người bản hịch có tên là *Lộ bố văn*. Dân đói lĩnh chẩn mang bài hịch *Lộ* về khắp các hang cùng ngõ hẻm và truyền nhau đọc. Trong lời *Lộ bố* (tức là lời tuyên bố trên đường tiến quân) Tiết chế Lý Thường Kiệt viết rằng: *“Ta đến đây thấy dân đói khổ, phải phá những kho quân lương tàng trữ để gây chiến tranh, cấp phát cứu đói cho dân. Dân Trung Nguyên từ lâu nay khổ vì chuẩn bị chiến tranh lại càng khổ hơn vì những chính sách gây cảnh đói kém kéo dài... Vì lẽ ấy ta phải đem đại quân đến cứu...”*

Lời *Lộ bố* vừa phát đi đã làm rung động cả miền Hoa Hạ truyền nhanh đến tận triều đình vua Tống Thần Tông. Những cách quân của các tù trưởng giáp động tiến ở hướng chính nam lên chính bắc đã chụm lại, để mở một mũi nhọn đột kích vượt qua gần hai trăm dặm đường thiên lý tới thành Ung Châu. Đạo quân của tù trưởng Nùng Tông Đản đi tiên phong đã tiến tới chân thành sớm nhất. Đạo quân đó không đông, và mệt mỏi vì chặng đường dài vừa hành quân vừa đánh hết trận lớn đến trận nhỏ. Nếu Lưu Di còn đủ trí sáng suốt y sẽ nhận ra ngay đạo quân kia chỉ có vài trăm tay giáo, năm thớt voi, một trăm chiến mã. Quân số ấy không bằng một phần hai mươi đám quân đang đóng giữ thành Ung Châu và các đồn lẻ ngoại vi thành. Viên tướng già lão luyện Tô Giàm nai nịt gọn gàng xin điểm một vạn binh từ thành Ung Châu xông ra đánh cánh quân của tù trưởng Nùng Tông Đản. Tô Giàm bàn với Lưu Di rằng:

– Xin đại nhân ở lại giữ thành. Tôi chỉ lấy nửa số quân là một vạn tay thương tay kiếm xông ra, quyết đánh một trận bắt tên tướng tiên phong của giặc, rồi kéo lên chiếm lại ngọn đèo Quý ở đường thương đạo ngăn giặc từ xa. Còn đại nhân truyền lệnh tập hợp quân binh tất cả các nơi khắp vùng Hoa Hạ, chắc chắn cũng thu được mười vạn người ngựa, như thế lo gì ta không chặn được giặc từ xa, để đợi quân triều đình tới cùng ta phản công giặc đuổi chúng về tận hang ổ để trừng trị.

Nếu Lưu Di bình tĩnh thì đã nghe theo lời của viên lão tướng Tô Giàm. Nhưng lúc này Lưu Di thần hồn

nát thần tính, nên đã kiên quyết không cho viên lão tướng xuất quân. Không những thế hắn còn mang theo một số quân hộ tống rút về Quế Châu, và dặn Tô Giàm rằng:

– Tướng quân chớ mắc mưu giặc... Giặc đến ít là để nhử ta ra khỏi thành, khinh địch ham đánh đuổi theo chúng, rồi chúng kéo đại binh vào đánh úp thì tính lành sao? Hay tốt nhất tướng quân cứ đóng cố thủ trong thành, còn tôi về gấp Quế Châu kén binh mã, xin quân cứu viện của triều đình... Đến lúc đó ta đánh quật lại nắm lấy cái thắng chắc như nhật quan tiền ở sẵn trong túi áo.

Nói rồi không cho Tô Giàm bàm thêm một câu nào nữa, Lưu Di mang một ngàn quân kỵ mã hộ tống chạy bán sống bán chết về thành Quế Châu.

Thế là thành Ung Châu đông đặc quân sĩ, trữ lương có thể cố thủ đến ba năm không cạn; thành cao hào sâu bỗng nhiên đóng cửa thành cố thủ trước đạo quân có vài trăm người.

Cùng lúc đó, đại quân của Tiết chế Lý Thường Kiệt chính thức phát binh tiến về phía nội địa. Lý Thường Kiệt chia đại quân của mình làm hai đạo. Đạo quân chính là quân vẫn đóng tại Khâm Châu do chính Lý Thường Kiệt chỉ huy, thì hành quân ào ạt tiến về Ung Châu. Còn đạo quân chiếm thành Liêm Châu lại đánh quật lên hướng đông bắc. Nhằm đánh vào thành Châu Bạch. Viên đô tuần kiểm quân Tổng là Thẩm Tông Cổ cố thủ trong thành, nhưng thành không giữ nổi trước sức công phá mãnh liệt. Thẩm Tông Cổ bị chém giữa trận. Thừa thắng đạo quân đó lại được lệnh tiến lên châu Dung. Viên đô thống tuần kiểm suốt các châu Bạch, châu Dung là Phan Nhượng Cốc đã đốc thúc hai viên chỉ sứ là Vương Đạt và Tào Quang vét tất cả quân lính trong hai châu đưa vào thành châu Dung cố thủ. Nhưng đạo quân gương cờ Đại Việt đã san phẳng thành này giết chết tươi tất cả ba viên tướng cầm đầu là Phan Nhượng Cốc, Vương Đạt và Tào Quang... Cả một vùng Hoa Trung phía đông đều rung động. Quân các thành các châu đóng cửa thành cố thủ nơm nớp chờ đợi quân Đại Việt đến đánh nhưng đạo quân Đại Việt này đóng lại ở thành châu Dung hờ hững thanh thản thế chứ không ham thắng mà tiến lên nữa. Ngầm ý của Tiết chế Lý Thường Kiệt dùng đạo quân này để cắt đứt con đường cứu viện từ phía đông của quân Tổng đến cứu thành Ung Châu

Những tin tức của của hành binh quy mô của Đại Việt tràn vào vùng Hoa Hạ và tiến sâu hai trăm dặm trong lòng nội địa đến tận thành Ung Châu liên tiếp dồn về gây rối loạn tinh thần của vua tôi nhà Tống. Ngay từ khi tin mất thành Khâm Châu, viên chỉ sứ kinh lược Quảng Nam đã tâu về triều bằng con đường hỏa tốc xin cứu viện thêm hai vạn bộ binh, ba ngàn kỵ binh và xin biện trước một tháng lương theo quân vì tất cả các kho dự trữ trữ lại mười năm nay ở vùng Hoa Hạ đều có nguy cơ rơi hết vào tay quân Đại Việt. Lại xin viên chỉ sứ đặc mệnh của hoàng đế theo với đại quân... Nhưng lời tấu xin vừa gửi đi thì tin thành Liêm Châu mất cũng vừa đến... Viên kinh lược Quảng Nam Tây lộ lại lại hốt hoảng viết biểu tâu về triều xin thêm khí giới quân dụng và xin được có những đạo chỉ của vua để tùy nghi điều động quân các khu động. Rồi tấu biểu vừa gửi đi, chưa kịp có hồi âm thì lại nghe tin thành lũy châu Bạch rồi châu Dung lần lượt thất thủ... Viên kinh lược Quảng Nam tây lộ lại lật đật viết biểu xin rời ty kinh lược của mình vào thành Tượng Châu kiên cố để tiện điều binh khiến tướng vùng khu động...

Những tin tức chậm chạp từ kinh về đến vùng Hoa Hạ làm cho Tống Thần Tông vô cùng bức tức. Nhà vua xuống lệnh cho lập gấp các trạm dịch mã, các đài loa hỏa để thông tin chiến sự thật mau chóng. Vua và hai viên chỉ sứ Trương Thuật và Tạ Quý Thành phải đến ngay ty kinh lược Quảng Tây để chuẩn bị sẵn sàng các tướng lệnh. Thế quân của Đại Việt tiến như vũ bão làm cho Tống Thần Tông vô cùng bối rối. Vua Tống chỉ sợ thừa thắng quân Đại Việt sẽ tiến vào chiếm các vùng thuộc ty Quảng Châu kinh lược và Quảng Nam tây lộ rồi đánh thẳng vào Hoa Trung. Nhà vua vội hạ chiếu cho tất cả các thành trì, các ty kinh lược, từ Hoa Trung trở xuống phải củng cố thành lũy, phòng bị cẩn mật. Lại dặn các viên quan coi châu coi huyện coi thành trì phải lấy cố thủ làm chính... Quân lính tướng tá cứ thế là tụ cả vào trong thành lo xây thành đắp lũy tích lương, không thể nào trích đâu ra quân để ứng cứu cho những nơi bị quân Đại Việt công phá ào ạt. Nguy cơ ấy làm cho các võ tướng lo ngại, đã mấy lần rập đầu xuống bệ rồng để can gián, xin tập trung kéo xuống đánh dẹp. Nhưng Tống Thần Tông chỉ lo phòng thủ thật dày đặc, không để cho quân Đại

Việt có cơ hội đánh sâu vào nội địa, nhất là đánh vào kinh đô nơi mình đang trú ngụ. Vì thế từ kinh đô, chiếu chỉ vẫn truyền cho các quan tướng biết rằng: “Quân Giao Chỉ chỉ đánh chiếm phạm vào đất Khâm Châu chưa lui. Sợ nó theo bờ bể dòm ngó Quảng Châu. Nên các người phải lo mà giữ. Nay xét, thấy quân các thành trại các đồn binh ở Quảng Nam tây lộ yếu và ít ỏi, lại tản mát phân tán. Nếu không cố thủ tại các thành trì, giặc kéo đến tất tan vỡ. Mà quân ta vỡ thì tiếng tăm của giặc, uy danh của giặc càng tăng nhanh, thanh thế của giặc càng làm cho sĩ tốt của ta chỉ nghe hơi giặc đã mất hết chí khí cầm gươm hoành giáo chống cự với giặc. Vậy chiếu cho các tướng giữ Quảng Nam tây lộ phải bảo các thuộc cấp giữ thành không được khinh thường sức mạnh của giặc Giao Chỉ. Phải cố thủ trong những thành trì. Không được ham công mà đánh liều ra ngoài thành dễ bị vào thế trận bày sẵn của giặc...”

Nhưng rồi tin tức các thành trì lớn nhỏ mất dần mất mòn cứ dồn dập bay đến kinh đô, Tống Thần Tông đổi lại chủ trương cố thủ toàn bộ thành trì. Tiết chế Tể chấp hạ chiếu bắt cá tướng sĩ vùng Hoa Hạ: “Nếu xem quân Giao Chỉ đánh tới đâu mà không đủ quân giữ, thì chỉ giữ những chỗ hiểm yếu nhất mà thôi. Nơi nào có kho tiền vải lương thực tích lũy từ trước để chuẩn bị cho việc tiến binh, thì phải lo mà chở tháo đi cất giấu, đừng để lọt vào tay giặc...”

Lệnh này của nhà vua làm cho tất cả thành trì vùng Hoa Hạ rối loạn, tất cả các tướng run sợ trước sức mạnh tấn công của quân Đại Việt đều thấy thành mình giữ không được vững chắc lắm, thành không cao hào không sâu, thế là cứ vịn vào việc chỉ cần giữ những chỗ hiểm yếu và chở tháo lương thực quân dụng, kéo nhau bỏ thành mà thồ hàng hóa đi không cần chờ giặc đến đánh chác gì nữa. Việc này làm cho cả vùng Hoa Hạ rối loạn, các quan trong triều rất là Vương An Thạch rập đầu can ngăn, vua Tống Thần Tông lạ hạ một chiếu chỉ ngược lại hẳn hai chiếu chỉ vừa ban mấy ngày trước. Chiếu chỉ này nói rằng: “Quân mà bỏ thành chạy đi chỗ khác tất làm lòng dân biến động. Làm dân sợ mà đầu hàng giặc trước khi giặc tới. Vậy ta lệnh cho các quan phải trở lại thành của mình...”

Vua Tống Thần Tông đã lúng túng như vậy, mà hàng ngày lại bị những biểu tấu của kinh lược sứ Lưu Di gửi về hối thúc xin viện binh, mỗi lúc một ráo riết, tin tức của viên quan này đưa về cùng những kế sách dâng lên thì cứ thay đổi từng ngày như cái chong chóng. Nhà vua lại càng bối rối... Bối rối mà chẳng biết trị tội ai, Tống Thần Tông bèn hạ lệnh cách chức Lưu Di, sai viên quan thân tín của mình là Thạch Giám cấp tốc xuống thành Quế Châu, tể tước quyền của Lưu Di và kiêm luôn cả chức kinh lược sứ Quảng Nam tây lộ. Để viên quan bị đẩy vào đất chết có thêm sức gắng gượng, vua thương tình sai mở ngân khố cấp cho Thạch Giám năm vạn quan tiền. Lại sai các vùng quanh Hoa Hạ mộ quân gấp rút và gấp rút trừ lương thảo. Bắt các đất còn lại của Quảng Nam tây lộ tích bằng đủ 57 vạn thạch ngũ cốc, lại phải tích thêm 10 vạn thạch đậu. Kinh Nam phải biện đủ 3 vạn thạch gạo. Phúc Kiến phải biện đủ 3 vạn thạch cao lương... Lệnh mộ binh gấp rút bắt cho đủ số ba ngàn hai trăm quân tại các châu Phú, châu Ung, châu Tân. Bắt cả các thổ dân các châu khác để bổ thêm vào. Không hạn định số lượng, hễ cứ thấy trai tráng có sức khỏe là lừa vào quân, không đợi điểm hộ tịch ghi tên, cứ đủ số 500 binh tráng là dẫn ngay đến Quế Châu, trên đường thì đặt gấp ngay quan chỉ huy. Tới Quế Châu thì tập trung lại, có bao nhiêu là cử ngay tướng rèn luyện võ nghệ, cấp quân khí, áo giáp rồi đưa tới các thành trì để trấn giữ, gọi là quân Tân Đăng Hải...

Vua Tống Thần Tông đã điều động quân tràn cỏi Trung Nguyên rối loạn đến mức khắp nơi thấy quân thấy ngang dọc, khắp nơi sấm sanh vũ khí, khắp nơi tích tụ lương thực... Cả cỏi Trung Hoa như chìm trong cơn biến loạn khủng khiếp.

Tể tướng Vương An Thạch thì bình tĩnh hơn, thâm trầm hơn. Y im lặng theo dõi từng biến động ở mạn nam thù. Y chỉ nổi điên lên khi các viên cự thần lấy lời của lộ bố văn làm bằng chứng để đổ tội cho các chính sách gây nên loạn lạc trong nước. Vương An Thạch cảm viên tướng Đại Việt dám đả kích vào chính sách của mình, và làm cho mình gặp thêm khó khăn ở ngay giữa triều vào lúc khó khăn nhất của việc nội chính này. Vương An Thạch bèn ngấm ngấm đốc thúc nhà vua tổ chức một đạo quân thật lớn đánh thẳng vào đất Đại Việt để trả hận. Nhưng việc thực hiện mưu đồ của y bây giờ không còn dễ dàng như trước nữa, vì các cự thần nhân cơ hội này đổ tất cả mọi khó khăn của triều đình là tại Vương An Thạch, không ngừng

công kích bài xích viên tể tướng ngông cuồng. Nhưng Vương An Thạch là con người có chí lại đa mưu. Y vẫn kiên trì tiến cử với vua Thần Tông một võ quan Thiểm Tây tên là Triệu Tiết. Cuối cùng vua Tống Thần Tông đã nghe lời phong cho Triệu Tiết làm An Nam đạo hành doanh kinh lược sứ, nghiêm giữ ấn Quảng Nam tây lộ an phủ sứ... Bằng thế lực của mình, tể tướng Vương An Thạch đổ hết nhân tài vật lực để Triệu Tiết có thể có trong tay hai mươi vạn quân tiến đánh thẳng sang đất Giao Chỉ cho đúng với tướng hiệu là An Nam đạo hành doanh. Vương An Thạch đề cử những viên tướng tin cẩn nhất của mình như Yên Đạt làm phó đô tổng quản, tướng Ôn Cảo đặc trách trong coi việc kê cứu thư từ, lại xin vua cử viên nội quan thuộc ngạch quan hoạn làm phó an phủ sứ.

Vua sai Tư Mã Quang thảo chiếu xuất binh nam phạt, nhưng tể tướng Vương An Thạch bưng bưng lửa giận giằng lấy và tự tay thảo chiếu để trả lời Lộ Bố Văn của Lý Thường Kiệt. Trả thù cái việc viên tướng ở một nước nhỏ dám dă kích hăm vào chính sách tâm đắc nhất của mình, gây khó khăn cho mình ở ngay chính cái sân triều đình nơi mình làm quan đầu triều với chức tể tướng...

Thảo “Giao Chỉ chiếu” viết rằng:

“Chúa An Nam đời đời được phong tước vương, cho nên con cháu được ta thừa nhận võ về. Thiên triều đã từng tha lỗi cướp ngôi họ Lê. Nay lại phạm vào nội địa, giết hại thần dân. Can tội với nước thiên tử, như thế không thể tha thứ được.

Quân trời tới đánh thật có danh nghĩa.

Nay trẫm sai Triệu Tiết làm An Nam đạo hành doanh, kinh lược sứ. Lê Hiến làm phó an phủ sứ, Yên Đạt làm phó đô tổng quản.

Các người hãy cất quân thủy lục chóng đi!

Trời tỏ muốn giúp nên có điềm sao chổi tốt, người rõ lòng gian nên căm giận quân địch ác.

Chiếu cho quân Giao Chỉ hay, khi thấy quan quân đến thì đừng chạy. Dân chúng đã chịu khổ sở lâu ngày, nếu dễ được chúa mày vào nội phủ, Trẫm sẽ ban tước lộc cho. Càn Đức còn trẻ, việc làm loạn không phải tự mày gây ra. Ngày nào tới châu, Trẫm sẽ tha thứ cho...”

Vương An Thạch vốn là người cứng mạnh, khi vua do dự chưa dám động binh, nghĩ rằng chưa phải lúc cất quân đi xa, mà là lúc giữ nhà. Vương An Thạch tâu rằng:

– Có binh trong tay, như có tiền trong túi, không có lúc nào là không dùng được.

Tống Thần Tông hãy có bản khoản:

– Dụng binh bây giờ thì lấy danh nghĩa gì?

Vương An Thạch trả lời rằng:

– Khi có binh trong tay, lại muốn dùng binh thì danh nghĩa tất có. Nếu bệ hạ muốn dùng binh sao lại không có danh nghĩa...

Vương An Thạch bèn dâng thảo “Giao Chỉ chiếu” lên mà dương dương tự đắc nói rằng:

– Danh nghĩa đây, bệ hạ cần là tất có...

Khi vua tôi nhà Tống điều binh như đèn cù và bàn về danh nghĩa thì phò mã Thân Cảnh Phúc đã tung quân nhổ hết các thành lũy đồn trại mở đường dẫn đại đạo binh mã bao vây Ung Châu và đại quân của Lý Thường Kiệt đã tiến qua núi Thập Vạn Đại Sơn đổ xuống hợp với quân khê động, tiến công thành Ung Châu, một thành trì cứng mạnh kiên cố nhất khắp vùng Hoa Hạ.

Danh tiếng có khối kiến trúc thành trì đồ sộ lũy cao hào sâu này làm cho tể tướng Vương An Thạch đinh ninh tin chắc rằng:

– Các người cứ yên tâm, quân man di Giao Chỉ chẳng bao giờ lấy được thành Ung Châu của Đại Tống cả đâu. Khắp trong đất nước Trung Nguyên nà, thử hỏi xem có thành nào chắc hơn, vững hơn và mạnh hơn

thành Ung không? Tượng binh của địch vững mạnh, làm cho bộ binh và lính thiết kỵ của ta hoảng sợ, nhưng đứng trước tường thành Ung Châu khác nào con chuột đứng trước vách đá nghiêng răng chịu chết. Máy bắn đá của Giao Chỉ cũng rất lợi hại đối với thành thấp. Nhưng phỏng nó có thể câu những viên đá tảng lên tới lưng thành Ung Châu không nào? Ta nghe sức bắn cao nhất của máy bắn đá Giao Chỉ bắn cao không quá chín trượng. Mà thành Ung cao hơn mười trượng... Đá bắn không với tới sẽ rơi xuống nghiêng nát chính lũy quân vây thành... Hơn nữa ở đó ta lại có lão anh hùng Tô Giàm, một vị tướng giữ thành lão luyện, kỳ cựu trong ngạch quan văn rồi võ quan, thông minh có thừa, mưu trí tuyệt vời lại có đức cứng mạnh cương quyết. Ta tin rằng lão tướng Tô Giàm sẽ không phụ lòng ta. Sẽ giúp ta giương cái bẫy lớn, làm cho quân tướng Đại Việt bu quanh Ung Châu như lũ kiến bu quanh một miếng mồi, chờ ta đến phóng hỏa thiêu chết hết... Các người cứ tin vào lời ta.

Vương An Thạch là một nhà nho tự tin. Điều mà Vương An Thạch tin là có căn cứ. Đúng là thành Ung Châu mới xây là một thành vô cùng lớn ở vùng Hoa Hạ. Đó là trung tâm rắn chắc nhất của toàn tuyến phòng thủ phía nam thùy. Thành xây bằng đá, chu vi toàn bộ là hơn một ngàn trượng. Thành xây cao hơn mười trượng. Mặt thành rộng có thể xe chở và người ngựa tiến thoái hành quân ứng cứu dễ dàng. Trên mặt thành lúc nào cũng có hai ngàn cung thủ túc trực. Tức là cứ một trượng có đến ba cung thủ túc trực. Quanh thành lại có hào sâu rắc đầy chông gai. Trong thành nhà ngói san sát, kế hỏa công không thể dễ dàng dùng được. Hơn nữa thành lại có nguồn nước riêng, bao vây bao nhiêu ngày tháng cũng không thể tuyệt đường nước uống được. Vả lại hơn mười năm tích cốc tự lương vùng Hoa Hạ, thì Ung Châu đã trở thành một kho quân lương khổng lồ. Số lương hiện giữ trong thành Ung này tính theo sổ sách của ty vận chuyển thì đủ chu cấp nuôi sống cho một đạo quân mười vạn người đánh nhau kéo dài cả một năm... Theo sổ quân tịch, dưới tay Tô Giàm, quân trong thành chỉ có hai nghìn tám trăm lính thường thủ trấn giữ Nhưng từ ngày có biến động ở Hoa Hạ, nhất là khi cánh quân của các thủ lĩnh biên thùy Đại Việt ép phía đông nam thì các thành trì khác hoặc tan vỡ, hoặc nghe lệnh bỏ thành mà chạy của Tống Thần Tông nên cứ kìn kìn chở thêm quân lương vũ khí về nấp trong cái mai cứng như mai rùa của thành này để rút đầu nghe sấm động khắp miền Hoa Hạ. Số quân trong thành từ khi tướng quân Tô Giàm muốn xuất kích đánh mũi quân của tù trưởng Nùng Tôn Đản, đã có gần hai vạn. Cho đến khi các cánh quân kéo đến vây thành thì trong thành đã có đến gần ba vạn quân. Ấy là chưa kể có đến hơn một vạn quân ở các thành trì khác chạy về đây để mong chui vào lớp thành cứng trốn cái chết của cuộc tấn công thần tốc, đã chạy đến trước cửa thành. Nhưng Tô Giàm là một viên tướng quý quyết quyết đoán, biết lo xa, đã ra lệnh cho quân mình không mở cửa thành tiếp nhận vì sợ nhiều lẽ. Lẽ thứ nhất sợ quân địch mặc giả, quần áo trà trộn vào các cánh quân Tống lọt vào thành làm nội phản. Lẽ thứ hai cánh lính tráng võ trận ô hợp này tinh thần bất định, chí khí chiến đấu đã hết, thần hồn nát thần tính, cho chạy vào gây thêm hoang mang cho lính tráng giữ trong thành. Nhưng còn một lẽ nữa, vốn là người có nhiều mưu ma chước quỷ lại quyết đoán lạnh lùng, nên Tô Giàm muốn lợi dụng đám quân này một bức thành thịt bảo vệ vòng ngoài thành đá vững chắc của mình...

Bởi những lẽ ấy, Tô Giàm không cho quân chạy đến trốn vào thành mà chúng đóng lại trong các vọng lâu, những thành nhỏ ở ngoài thành. Tô Giàm sai quân cung cấp lương thực vũ khí cho đám quân này và bắt bọn họ phải dựa vào hào sâu mà chống giữ đến cùng nếu họ manh tâm muốn hàng thì cung thủ của Tô Giàm đã sắp sẵn ở trên mặt thành bất cứ lúc nào cũng nhắm thẳng lưng họ sả xuống như mưa...

Mưu kế của Tô Giàm hiểm độc đã kéo dài tuổi thọ của thành Ung Châu không ít. Các cánh quân bị buộc vào thế phải tử chiến để giữ lấy mạng sống của mình đã cụm thành những đồn trại độc lập, dựa lưng vào thành vững chắc, quay mũi giáo đâm dần vòng vây của quân các tù trưởng Giao Chỉ.

Các tù trưởng muốn tiêu diệt các đồn binh này, vừa phải tiến đánh vừa phải đội trên đầu những trận mưa tên những trận mưa đá từ các máy bắn đá và các lỗ châu mai trên mặt thành bắn yểm hộ.

Khi đại quân của Lý Thường Kiệt kéo đến nơi thì các tù trưởng đang bối rối trước những hàng ỗ kháng cự bất ngờ này. Lý Thường Kiệt bèn hội các tù trưởng và các chư tướng lại mà truyền rằng:

– Từ giờ phút này, ta không phải chỉ đánh bằng lưỡi gươm mà phải đấu bằng trí não với con cáo già Tô Giàm đang ẩn núp trong cái hang bằng đá kiên cố được gọi là thành Ung Châu trước mặt các người đó. Để các người hiểu các người đang phải cầm gươm mà đấu trí với ai, ta mời một nhà sư tên là Cần Giác Thiền Tông kể về tên cáo già này cho các người nghe... Xin mời hòa thượng...

Vị hòa thượng vén áo cà sa vàng tiến lên trước trưởng hổ và bằng cái giọng rù rì rù rì như giọng đọc kinh địa tạng, nhà sư Cần Giác Thiền Tông kể rằng:

– Tôi ẩn tu ở ngôi chùa trên núi Thập Vạn Đại Sơn đã nhiều năm nay nên tôi biết rất rõ vị lão tướng Tô Giàm này. Tô Giàm không là tướng từ ngạch võ xuất thân, mà vốn là quan văn, xuất thân từ cửa Khổng sân Trình. Đã từng đỗ tiến sĩ cập đệ, được bổ đi coi một viên châu phương bắc. Rồi do chinh chiến kéo dài mà buộc phải cầm quân và nổi tiếng về tài giữ thành cố thủ. Vì vốn là thư sinh trói gà không chặt, nên Tô Giàm không đánh nhau bằng cưỡi ngựa cầm thương dẫn đầu ba quân xung trận mà đánh nhau bằng cách buông màn ngồi trong trưởng hổ đấu trí với tướng địch ở ngoài tầm tên đạn. Tô Giàm vừa nhiều quỷ kế vừa là kẻ thực tiễn, Vì thế lão là một trong những cự đại thần đại nho của phái cũ đứng ra ủng hộ tế tướng trẻ tuổi ngông cuồng Vương An Thạch. Và được tế tướng họ Vương hết sức tin cậy. Vì thế Vương An Thạch mới bổ Tô Giàm về coi thành Ung Châu này đã năm năm nay. Năm năm viên võ tướng xuất thân từ ngạch mưu sĩ này đã đủ thời giờ để thuộc từng viên đá trong thành đến ngọn cỏ trước thành... Có mắt nhìn xa trông rộng, Tô Giàm đã đoán biết chuyện binh đao không tránh khỏi, mà trước thành Ung tất sẽ thành bãi chiến trường. Vì thế đã từ năm năm nay Tô Giàm suy nghĩ mưu kế để đánh nhau giữ thành...

Lý Thường Kiệt gật đầu khen:

– Hòa thượng đã giúp ta hiểu được tướng giặc, đó là cái lẽ biết người biết mình trăm trận đánh trăm trận thắng trong binh thư. Nhưng theo hòa thượng thì Tô Giàm sở cậy vào điều gì mà cố thủ trong thành chờ vợ này?

– Thừa tướng công, tôi nghe nói, khi nghe tin có đạo quân đầu tiên của ta do tù trưởng Nùng Tôn Đản thống lĩnh, Tô Giàm đã tỏ ý muốn đánh đòn và bắt quân ta bằng một số quân đông gấp mười lần mà lúc đó Tô Giàm dễ dàng huy động được. Nhưng Lưu Di đã can ngăn, vì thần hồn nát thần tính. Vì thế tuy chịu cố thủ trong thành, nhưng Tô Giàm vẫn có chí chống trả quyết liệt. Đến khi các tù trưởng kéo quân man động mỗi lúc một đông đến vây thành thì lính tráng quan quân khắp nơi chạy tràn vào thành rất là đông. Tình trạng quân hồi vô phèng hỗn độn đã xảy ra. Để nghiêm quân phép, Tô Giàm bắt hù dọa vài mươi người dân vu cho tội gây nhiễu loạn có ý hàng giặc lôi ra giữa chợ chính trong thành không xét xử chỉ kể tội rồi sai quân chém đầu. Ngay ở giữa pháp trường, Tô Giàm hô hào quân lính, thân hào nhân sĩ, các tướng trong quân, ai có tài dũng thì bày tỏ phương lược để chia nhau phòng thủ. Khi quân ta vây đông đặc ngoài thành thì Tô Giàm bèn họp cả dân chúng lại chém đầu thêm những kẻ hèn nhát, lập lại quân lệnh rồi bày tất cả các thứ của công của tư trước mặt mọi người mà truyền rằng: “Khí giới ta dự bị đầy đủ, lương thảo ta trữ cũng không thiếu. Bây giờ giặc đến dưới thành. Chỉ còn có cách cố thủ lấy thành để đợi triều đình quân ngoại viện. Lúc ấy trong ta mở cửa thành đánh ra, ngoài vạn vạn binh mã triều đình vây chặt, đánh một trận sống mái tất ta sẽ nắm lấy phần thắng trong tay. Nếu có ai dưới trướng ta đây mà hoảng sợ bỏ chạy, gây nên việc lòng dân náo động, lòng dân không yên thì đại sự sẽ hỏng. Nếu các người nghe ta sống chết cố thủ thì sẽ được hậu thưởng. Bằng không nghe ta, sợ giặc mà bỏ chạy, ta sẽ sai chém đầu lấy lại quân luật cho ba quân”. Tô Giàm nói là giữ lấy lời như đinh đóng cột, như dao chém đá. Viên quan đại hiệu chỉ mới có ý định trốn, có người phát giác, Tô Giàm cũng sai quân bắt về đưa chém đầu. Vì thế mà trong thành ai cũng sợ, không ai dám bàn tán đến việc rút chạy. Đến ngay con trai Tô Giàm vốn làm quan ở Quế Châu, mấy tuần trước về đây thăm bố nhân ngày giỗ kỵ, nay muốn đưa cả vợ con trở lại nơi nhậm chức, Giàm cũng không cho. Và nêu việc đó làm gương trong quân ngũ. Làm cho các tướng không ai dám cho vợ con trốn ra ngoài thành. Ngay cả đám quân Tô Giàm đẩy vào cũi chết cũng không dám cưỡng lệnh... Phải liệu chết chống cự. Tô Giàm lại sai quân dựng rất nhiều dàn cung, loại cung bắn một lần bay ra cả một trận mưa tên để bảo vệ cho đám quân đóng ở chân thành giữ không cho quân Lý đến gần chân thành... Vì thế mà ta đánh

nó đến nay vẫn chưa vượt được vòng lũy đầu của thành trì này...

Nghe vị hòa thượng vạch hết mưu kế của viên tướng giữ thành cố thủ, các tù trưởng đều lắc đầu giậm chân bức tức. Vị hòa thượng lại nói thêm:

– Đường này từ đây đến thành phố Quế Châu là đường quan lộ, lại thuận tiện cho việc điều quân tiếp viện. Giữa thành Ung và thành Quế chỉ cách nhau có mười bốn ngày đường đi bộ. Cách năm ngày hành quân của quân kỵ, và bảy ngày hành quân đi bằng thuyền chiến... Tô Giàm đặc sở cậy vào con đường hành quân thuận tiện của quân cứu viện này mà cố sống cố chết chống đỡ. Hơn nữa tại thành Quế Châu theo lệnh của vua Tống Thần Tông đang gấp rút tuyển binh và huấn luyện binh để chi viện... Quân tập trung rất đông...

Lý Thường Kiệt gật đầu ra dáng bằng lòng, nhưng ông lại hỏi tiếp một câu:

– Chẳng hay hòa thượng đã lần nào đi từ đây theo đường quan lộ đến thành Quế chưa?

Vị hòa thượng lần tràng hạt vẫn giữ nét mặt nghiêm trang:

– A di đà phật... bần tăng ăn mày cửa phật đã lâu... lại có dịp đi thỉnh kinh mãi tận chùa Thái Hàng... nên cũng có lần qua lại con đường này.

– Ta đã đọc sách dư địa chí Trung Nguyên có thấy nói về ngọn đèo dựng ải Côn Lôn ở ngay phía bắc thành Ung trên con đường nối giữa Ung Quế là vô cùng hiểm yếu, hòa thượng đã qua có thấy sách viết đúng như thế không?

– A di đà phật... bần tăng không biết gì đến chuyện binh đao nhưng nếu phải vào sái thế đã đứng trên đỉnh đèo thì một trăm tên cướp cũng không thể cướp hồ lô rượu của bần tăng được...

Lý Thường Kiệt cười:

– À ra thế... ra thế... xin đội ơn hòa thượng...

Rồi Lý Thường Kiệt quay lại vẫy tay ra hiệu cho phò mã Thân Cảnh Phúc và tù trưởng Lưu Kỳ, nói nhỏ mấy câu. Hai viên tướng hớn hờ bái tạ đi ra ngay... Lập tức trong doanh trại viên tù trưởng chuyên môn buôn ngựa dọc biên giới, tiếng ngựa hí vang lừng và bản doanh của phò mã Thân Cảnh Phúc tiếng trống đồng vang động trời đất... Hai cánh quân lặng lẽ cuối cờ tiến lên phía bắc...

Xong rồi Lý Thường Kiệt quay lại hỏi tù trưởng Vi Thủ An:

– Làm sao quân của thủ lĩnh không tiến được vào đến chân thành để nhổ cái đồn tiền tiêu phía nam.

– Bẩm tướng công, trên mặt thành giặc đặt nhiều cung bắn xuống như mưa. Quân ta đi vào bị tên cản lại... không thể giáp vào đồn tiền tiêu của giặc được... Mà bọn ở đồn tiền tiêu này đã bị Tô Giàm đẩy vào cái thế chỉ có đánh ra thì sống, không đánh ra tất chết... Tất cả mười hai đồn tiền tiêu dựa lưng vào tường thành đều ở cái thế như vậy cả... Ta nhổ được đủ mười hai đồn trại này thì sinh mạng binh tướng phải đổ ra không biết bao nhiêu mà kể...

Lý Thường Kiệt lắc đầu:

– Ta chỉ cần nhổ một đồn trại dựa vào chính cửa nam thành đúng hướng tấn công của thủ lĩnh mà thôi... Thủ lĩnh có dám liều chết hay chẳng?

Vi Thủ An đứng phắt dậy:

– Bẩm tướng công, thân làm tướng, da ngựa bọc thây là lẽ thường tình, cái chết nhẹ tựa lông hồng, lệnh quân nặng như núi Thái... Xin tướng quân cứ ra tướng lệnh.

Lý Thường Kiệt cười nhẹ:

– Ta hỏi thủ lĩnh có dám liều chết không là để đưa thủ lĩnh đến chỗ sống oanh liệt chứ không phải đưa đến chỗ chết thôi đâu... Bởi vì người đã cầm ngọn thương thì chỉ có đi vào cái chết mới tìm được cái sống... Nhưng đi vào phải đi bằng cách nào mới được... Nay không thể tới sát được đồn trại giặc ở chân

thành... Thủ lĩnh và bộ hạ của mình bị tên đạn giặc ngăn lại... Vậy đêm nay thủ lĩnh kén cho ta hai trăm võ sĩ cầm đoản đao, đầu đội khiên mây...

– Bẩm tướng công sao lại thế...

– Cần phải thế, làm tướng đừng hỏi tại sao... Ta bảo phải đội khiên mây lên đầu như đội nói, là các người cứ đội... Nửa đêm về sáng hôm nay ta sẽ ra lệnh cho đại quân rung trống hù trương thanh thế làm như đánh tất cả các mặt thành, nhổ tất cả các đồn trại dựa lưng vào tường thành, để các dũng sĩ của nhà người cưỡi ngựa mạnh lao thẳng vào đồn giặc, lao thật nhanh rồi vút ngựa mà nhảy xuống đánh cận chiến, giáp vào giáp vai sát vai, ngực sát ngực theo cách đánh giáp lá cà... Lúc ấy các người chỉ cần chém lấy một tên giặc thì cung tên trên mặt thành sẽ giết hộ các người mười tên giặc... Cứ bảo với các dũng sĩ nghe lời ta mà liều chết xông vào...

Không hiểu hết lời Lý Thường Kiệt nhưng Vi Thủ An cứ cúi đầu nhận lệnh. Đúng đến giờ sừu đêm đó, cả vùng thành Ung Châu vang rền tiếng trống đồng dữ dội... Quân triển khai tất cả bốn mặt âm thầm tiến đánh... Máy bắn đá không bắn lên mặt thành như trước nữa mà tập trung bắn vào các đồn trại ở dưới chân thành... Tô Giàm vội đốc thúc quân từ trên mặt thành, dội mưa tên xuống bảo vệ cho các đồn trại quanh thành... Tên cầm đầu xuống đất như lông nhím mọc, như mạ mùa xuân dậy... Nhưng quân đội Đại Việt vẫn giữ ngoài tâm bay của tên, tầm rơi của đá... Suốt giờ sừu đến giờ dần quân đội trên thành mỗi một, đám quân bị bỏ chết dưới các đồn trại quanh thành thì cực nhọc. Đến lúc ấy, một tiếng tù và vang lên, hai trăm con ngựa mạnh của tù trưởng Vi Thủ An bỗng xuất hiện và phóng như một cơn gió lốc qua màn tên. Và chỉ trong một chớp mắt, trận cận chiến giáp lá cà đã nổ ra ngay dưới chân thành... Cửa thành phía nam có nguy cơ bị chiếm... Những dàn cung ở trên mặt thành dừng lại một chút. Tô Giàm cưỡi ngựa như bay trên mặt thành ra lệnh cho tất cả các cung thủ bắn cung chúi mũi tên bắn ngay xuống chân thành, chỗ quân của mình đang vật lộn giáp lá cà với quân Đại Việt...

Mưa tên dội ngay trên đầu lính Tống. Tiếng kêu thét vang động khắp cả mặt thành. Đến lúc ấy Vi Thủ An mới hiểu mệnh lệnh đội khiên trên đầu của Tiết chế Lý Thường Kiệt. Tù trưởng hô quân lao lên chém giết dữ dội... Đúng lúc ấy hàng vạn chiếc loa lớn đã nổi lên từ phía đồng thanh gọi rằng:

– Hỡi đám binh tướng bị Tô Giàm đóng cửa thành đẩy vào nơi chết hãy nhìn Tô Giàm đang dội mưa tên giết hại anh em mình ở trại đồn nam... Các người còn đứng dưới chân thành thì số phận các người cũng chẳng thoát được đâu... Nay Tiết chế tướng công ta mở sẵn đường sống cho các người... các người cứ vút bỏ đất chết chạy ngay ra khỏi chân thành thì các người sẽ tìm thấy đường sống...

Mấy đồn trại đóng gần đồn trại ở cửa chính nam đã trông thấy mưa tên bắn xuống đầu quân mình thì hoảng sợ vì biết rằng số phận của mình rồi cũng chẳng khác gì số phận các tên trong đồn trại đóng ngoài cửa nam đó... Vì thế vừa nghe loa gọi đã bỏ đồn trại cầm đầu chạy ra chẳng khác nào đàn vịt vỡ chuồng... Và cứ như thế các đồn trại khác lâu nay binh lính vẫn phần uất với cách bỏ liều của Tô Giàm, đều bỏ thành mà chạy dưới làn mưa tên trên mặt thành dội xuống... Chúng cũng học cách đội khiên trên đầu mà chạy ra hàng...

Nhìn cảnh ấy, Tô Giàm đứng trên mặt thành thổ ra máu và thét lên rằng:

– Ta thua mưu tên tướng Tiết chế Đại Việt rồi...

Cả hệ thống đồn trại của Tô Giàm tạo nên để giữ chân thành chỉ một trận nhỏ hoàn toàn tan vỡ... Vài ngàn tên bị chết dưới chính mưa tên của quân mình làm cho cả những tên sống sót sau cuộc chạy trốn và những tên còn đứng giữ trên mặt thành đều căm oán tên tướng Tô Giàm tàn bạo...

Mấy ngàn quân Tống vừa ra hàng và hàng vạn hàng binh còn bị nhốt ở khắp nơi được đưa về trước. Tù trưởng Hoàng Kim Mãn vâng lệnh đến phủ dụ rằng:

– Từ nay các người không phải cầm võ khí vào chỗ chết nữa. Các người sẽ được ăn uống no đủ. Nhưng các người muốn sống thì phải làm việc quân... Ta vâng lệnh quan Tiết chế cấp cho các người quang

gánh... Các người phải đắp những núi đất ở các cửa thành... Các người làm được thì các người sẽ được sống... Các người không làm được thì tướng công Tiết chế sẽ đẩy các người ra cho mưa tên của chính tướng của các người là Tô Giàm giết chết các người... Các người có làm hay không?

Tất cả bọn chúng đều dạ ran. Kể từ hôm ấy từ bốn phía thành hơn một vạn tù binh Tống cùng mấy vạn dân phu của các nơi được điều đến gánh đất đắp bốn quả núi... Núi cứ thế cao lên dần... cao lên dần như muốn đè bẹp cả tòa thành Ung Châu hùng vĩ kiên cố. Tô Giàm hoảng hốt tuyệt vọng mấy sai tay chân liều chết nuốt lap thư trốn qua vòng vây để cầu xin cứu viện. Lap thư là thư mật, được viết trên giấy mỏng, viên lại thành một viên nhỏ rồi bọc lại bằng sáp. Người được cử mang lap thư nuốt viên sáp đó vào bụng hoặc ngậm sẵn trong miệng rồi trốn qua đất địch, hoặc để địch bắt làm tù binh, rồi tìm cách trốn ra ngoài...

Ngay từ khi chạy về Quế Châu, Lưu Di đã vét quân có sẵn tại đây giao cho tướng Trương Thủ Tiết mang xuống đánh giải vây chi Tô Giàm đang cố thủ trong thành. Trương Thủ Tiết vốn là một viên đô giám lần đầu tiên được thống lĩnh một đạo quân lớn. Vừa tiến quân vừa nghe những tin hoang truyền về đạo quân Đại Việt. Vì thế mà Tiết không đi theo đường chính đạo mà đưa đạo quân rất lớn của mình đi vòng qua Quý Châu để tới Tân Châu rồi trú binh ở trại Khang Hòa. Cho thám mã đi nghe ngóng binh tình chứ không dám vội phát binh đánh giải vây ngay. Lúc đó có một tên lính cảm tử ngậm lap thư thoát ra ngoài lần mò đến được trại Khang Hòa ra mắt viên đề ngục Tống Cầu. Đọc lá thư tuyệt mệnh cầu cứu, Tống Cầu phải đến tận trưởng hổ của Thủ Tiết khóc lóc xin cắt binh, tiến lên giải vây Ung Châu. Không thể dùng dằng được nữa, Trương Thủ Tiết bèn lệnh phát binh tiến qua núi Hòa Giáp, rồi từ núi Hòa Giáp tiến lên ải Côn Lôn để đóng binh lại. Quân lên ải vừa được lệnh hạ trại thối nẫu thì bỗng rụng rời vì nghe tiếng trống đồng gầm vang rừng núi. Quân của tù trưởng Lưu Kỷ đổ từ trên các vách núi đánh xuống. Quân của phò mã Thân Cảnh Phúc từ những nơi giấu quân bí mật tràn lên cắt đứt đạo quân của đô giám Trương Thủ Tiết ra từng mảnh nhỏ. Trương Thủ Tiết không thể nào điều khiển nổi binh sĩ chống cự nữa. Các viên tướng dưới quyền lần lượt chết trận trên đèo Côn Lôn. Cuối cùng Trương Thủ Tiết cũng phải khếp giáo để chịu chém đầu. Quân mất tướng nên vứt giáo xin hàng và xin theo quân Đại Việt...

Tuy mất vỏ ngoài là các đồn trại quanh thành, nhưng Tô Giàm vẫn kiên cường đặt ra các mưu chước giữ thành không chịu ra hàng. Tô Giàm vẫn dựa vào thành cao để cố thủ. Binh của đạo viện cứu Trương Thủ Tiết bị vỡ, quân tướng dưới quyền nao núng nhưng Tô Giàm sai chém những kẻ nào chỉ hé một lời bàn về việc hàng giặc Giao Chỉ. Tô Giàm vẫn chờ đại quân của triều đình đến cứu.

Núi đất còn đang đắp cao dần, nhưng Lý Thường Kiệt đã sai quân tướng nổi các thang mây thêm cao để bắc lên các tường thành mở đường cho quân công phá. Tô Giàm nghĩ kế tẩm dầu cháy vào tên, tạo thành hỏa tiễn đốt cháy các thang mây. Tướng Hoàng Kim Mãn biết kế đào hầm xuyên sâu xuống đấtm xuyên qua chân thành độn thổ lên cướp thành. Nhưng đường hầm đào đến nơi, Tô Giàm sai quân dùng kế hỏa công đánh lại, đổ vạc dầu sôi sùng sục xuống các đường hầm. Đồ chì nóng bỏng để lấp các đường hầm.

Bức thành vẫn trơ trơ trước sự tấn công của ta. Núi đất đã cao nhưng những thang mây bắc từ núi đất vào thành không thể dùng được nữa vì cơ bắc là Tô Giàm sai quân bắn hỏa tiễn đốt cháy. Một tướng Tống là Triệu Tú bị bắt làm tù binh xin hiến kế hỏa công. Hắn nói trong thành ít nước, nếu ta dùng kế bắn lửa vào thành thì trong thành sẽ không đủ nước cứu lửa. Lý Thường Kiệt cho là phải, bèn sai mang các máy bắn đá lên các núi đất cao, rồi lấy các chất dẫn cháy, những nhựa thông bọc quanh những hòn đá lớn, đốt lửa rồi bắn vào thành... Hàng ngày những khối lửa khổng lồ cứ thế tới tấp bay vào thành... Hàng vạn người trong thành theo lệnh của Tô Giàm phải lấy áo bông bọc cát để dập lửa... Kế đó vẫn không làm quân trong thành ngừng chiến đấu.

Bốn mươi hai ngày vây hãm thành trì nhưng vẫn không hạ được thành, Lý Thường Kiệt bàn với quân sĩ rằng:

– Ta mà cứ ở mãi nơi đây, không chừng Vương An Thạch tập trung đủ quân kéo xuống không khéo chính ta lại bị bao vây mất. Bây giờ chư tướng hãy cùng ta đánh một trận cuối cùng, dùng kế thổ công liên

kết với kế hỏa công. Một mặt ta bắn lửa từ các núi đất để giặc tối mắt tối mũi dập lửa, một mặt sau quân mỗi người mang một bao đất chạy vào xếp thành bậc dưới chân thành. Cứ thế xếp hết bao này đến bao khác, tạo thành những bậc thang tiến thẳng lên mặt thành. Tô Giàn không có cách gì đốt được những bậc thang của ta như ý đã dùng hỏa tiễn đốt thang mây ngăn đường tiến của ta.

Kế sách của Lý Thường Kiệt được hai vạn quân ta và hơn một vạn tù binh Tống cùng hai vạn dân phu bắt tay thực hiện ngay. Sau hai ngày hai đêm hàng chục vạn bao đất đã tạo thành được một bậc thang rộng lên đến mặt thành. Các máy bắn đã bắn khối lửa xối xả ngày đêm yểm trợ cho quân cảm tử đông như kiến báo vào bậc thang đất mà leo lên mặt thành. Quân Tô Giàn không còn cách gì ngăn cản nổi. Biết thế đã cùng Tô Giàn yết bảng giữa chợ đồ hết tội cho Lưu Di rồi quay về tuốt gươm giết chết hết tất cả những người máu mủ thân thuộc, kể cả hai đứa con trai vào hai đứa cháu. Rồi tên cáo già điên cuồng chất tất cả các thi thể người thân thành đống, chất củi xung quanh rùng rục hăn gào lên rằng: “Tao chết không chịu chết về tay giặc...” Tô Giàn kéo theo năm mươi tám người chết theo hăn trong cuộc cố thủ tuyệt vọng này... Chưa trận nào quân Tống chết nhiều đến thế...

Đêm ấy thành Ung Châu bị phá. Ấy là vào lúc rạng ngày hai mươi ba tháng giêng (tức ngày 1 tháng 3 năm 1076).

Dòng sông Như Nguyệt như một dải lụa mềm đã hiện ra ở cuối tầm nhìn con mắt. Một vài mái nhà chùa cong cong thấp thoáng sau những lũy tre ở phía bờ nam ngạn... Từ đó đến kinh đô Thăng Long chẳng còn bao xa nữa... Lý Thường Kiệt ghim cương ngựa quay lại bảo phò mã Thân Cảnh Phúc:

– Thế là ta đã về đến nơi rồi, phò mã và Công Chúa hãy quay lại động, kiểm lại tất cả các loại vũ khí lương thảo thu được vào nhốt cất giấu thật sâu trong rừng, trong hang núi...

Công chúa lo lắng hỏi:

– Thừa tướng công Tiết chế, liệu quân Tống có tràn sang đất ta ngay không?

Tiết chế Lý Thường Kiệt neho mắt nhìn công chúa Thiên Thành. Không còn một chút bóng dáng nào của một nàng công chúa ẻo lả đài các chốn cung cấm kinh thành nữa rồi. Trước mặt ông là một bà áp trại phu nhân, cười trên con ngựa bạch có bộ yên cương bạc, lục lạc vàng, ngang lưng mang kiếm lệnh cho chồng. Trên lưng vẫn dịu đưa con trai đầu lòng. Làm dâu động Kép thì dù bá chúa trại, chúa động vẫn phải dịu con trên lưng và đi theo chồn chinh chiến... Nàng công chúa đã trải qua cả một cuộc viễn chinh khùng khiếp... Nàng lo lắng cuộc chiến tranh sẽ đổ ập xuống quê hương chồng mình, đổ ập vào Thăng Long yêu dấu. Một cuộc chiến tranh không thể nào tránh khỏi... Nhưng không thể nào tránh khỏi đâu có nghĩa là sẽ xảy ra ngay ngày một ngày hai. Lý Thường Kiệt lắc đầu:

– Triều Tống có thể gõ một tiếng trống tụ được mười vạn, hai mươi vạn, ba mươi vạn binh... Nhưng gõ một tiếng trống thì cây lúa trên đồng cũng không thể sợ vì oai vua mà chín sớm hơn một ngày được... Toàn bộ binh lương Hoa Hạ tích tụ gần mười năm, thì phần ta lấy chia hết cho dân, phần ta chở bằng thuyền thồ bằng ngựa về đây, còn lại bao nhiêu ta đốt thành tro khói bay lên trời. Giờ nó muốn xuống đánh ta, nó phải chở gạo từ Hoa Trung, Hoa Bắc, đi cả ngàn dặm xuống Hoa Nam... Một phu thồ gánh năm yến gạo, đi một ngàn dặm đường xuống đến miền biên ải ăn hết bốn yến chín, còn lại một cân là may lắm... Bây giờ, Tống Thần Tông và Vương An Thạch muốn đánh ta ngay, thì cứ một lính chiến cầm giáo bước sang qua biên thùy vua Tống phải bắt năm mươi phu gánh gạo vận lương... Muốn có một vạn tên quân đánh ta, chúng phải kéo năm mươi vạn người chuyên chở... Tống Thần Tông muốn cắt quân ngay, còn Vương An Thạch càng muốn đánh ta càng sớm càng tốt... Nhưng chúng nó còn phải chờ...

– Thừa tướng công Tiết chế, chúng phải chờ cái gì ạ?

– Phải chờ hai hay ít ra ba mùa lúa nữa để biện được lương thảo ngay ở Hoa Hạ, nơi chỉ cần ba bốn phu vận lương là có thể nuôi được một tên lính chiến vác giáo sang đánh ta...

Công chúa Thiên Thành bật cười:

– Chờ thế quả cũng khi hơi lâu...

– Tất nhiên là không chóng được... Nhưng cuộc chiến đấu khốc liệt vì thế mà càng không tránh khỏi... Phải biết lo từ bây giờ... Thôi phò mã và công chúa quay lại động đi... Có nhiều việc bề bộn đang chờ phò mã và công chúa đó...

Trước mặt họ là dòng sông Như Nguyệt thơ mộng mở lối vào vùng đồng bằng màu mỡ và kinh thành Thăng Long mới tạo dựng. Sau lưng họ là lửa cháy ngút trời cả một vùng Hoa Hạ mênh mông. Trận san phẳng thành Ung Châu làm cả triều đình Tống kinh hoàng. Các thành Tân Châu, Quế Châu, Quảng Châu, Quảng Nam tây lộ các quan tướng hồn siêu phách lạc kéo nhau bỏ chạy... Thế thắng không ngờ làm say máu các chiến sĩ Đại Việt... Lý Thường Kiệt phát đi các mệnh lệnh như thể sắp tiến thẳng đến Biện Kinh, nhưng rồi đột ngột rút quân trở về đất Đại Việt. Khi ấy hòa thượng Cần Giác thiền tông nặng nề đòi theo quân trở về đất nước nhưng Lý Thường Kiệt lắc đầu:

– Hòa thượng hãy cố mà quên là trên đời này có một tên lái buôn họ Lý tên Chăm đi. Như thế có lợi cho hòa thượng hơn... có lợi cho triều đình hơn... Người phải ở lại đây... ta cấp cho người tín phù để người có thể liên lạc với các hòa thượng mà ta để lại trong vùng Hoa Hạ làm một công việc như nhà người... An nguy của cơ đồ Đại Việt đều trông cậy vào tai mắt của các người đó...

Lý Chăm lại thành hòa thượng Cần Giác thiền tông và biến trong mảnh đất Hoa Hạ đầy khói lửa và hỗn loạn...

Lý Thường Kiệt sai dùng tất cả ngựa chiến làm ngựa thồ để chở hết lương thảo và vũ khí cướp được. Sai quân lên bộ hành quân để lấy bốn trăm thuyền lớn của ta và hàng trăm thuyền Tống mà ta cướp được để chở mấy trăm vạn thạch thóc. Thóc gạo còn, Lý Thường Kiệt sai phát chẩn cho dân. Phát chẩn không hết thì đốt. Lửa khói không ngớt vùn vù trên bầu trời Hoa Hạ... Đến bây giờ sau lưng ông ở phía bên kia biên tái ngọn lửa vẫn còn bốc cao. Còn trước mặt ông là bầu trời trong xanh vào đầu mùa hạ của năm Bính Thìn (1076), trên nóc các cung điện của kinh thành Thăng Long chưa kịp lợp hết bằng ngói mà hãy còn lốm đốm những mái gianh mái rạ vàng ươm...

Trên cái bầu trời xanh trong ấy, vị tướng vừa làm chấn động cả triều đình Đại Tống bằng một cuộc tấn công táo bạo bỗng thấy lòng mình lắng lại và đau tê tái... Mắt ông mờ đi vì hình như ông thấy trong bầu trời xanh màu ngọc bích kia có một vết khói hư không khi ẩn khi hiện... Vết khói của trận hỏa thiêu bi thảm mang đi mỗi tình oan khuất của nàng Thuần Khanh chuyên nghề vẽ hoa trên men bát với hoa tay huyền diệu...

Không một sử gia nào nhìn thấy giọt nước mắt ứa ra trên đôi mắt vốn oai nghiêm của vị dũng tướng Tiết chế oanh liệt dám mang một đạo quân nhỏ đánh thọc vào một đất nước mệnh mông để phá tan từ trong trứng nước một mưu mô bành trướng... Nhưng lập xong một chiến tích oai hùng, ai cấm được người anh hùng chạnh nhớ để nỗi niềm riêng, đến thân phận riêng của mình... Không ai cấm, nhưng không ai nhìn thấy giọt nước mắt ấy. Hoặc cố tình không nhìn thấy giọt nước mắt ấy. Vì thế mà nước mắt ứa trên mi vì những chuyện đắng cay riêng cho số phận mình của người anh hùng này không hoen trên những trang lịch sử...

Vị Tiết chế tế chấp buông cương lỏng cho con ngựa cúi đầu xuống uống nước mát trên dòng sông Như Nguyệt...

Và đâu đây ngân nga một tiếng chuông chùa lan trên mặt sóng và tắt lặng nơi bãi mía xa xanh...

Hết.

(1) Nại ra: tiếng cổ, có nghĩa như đưa ra.

(2) Khổng Tử: nhà tư tưởng cổ Trung Quốc.